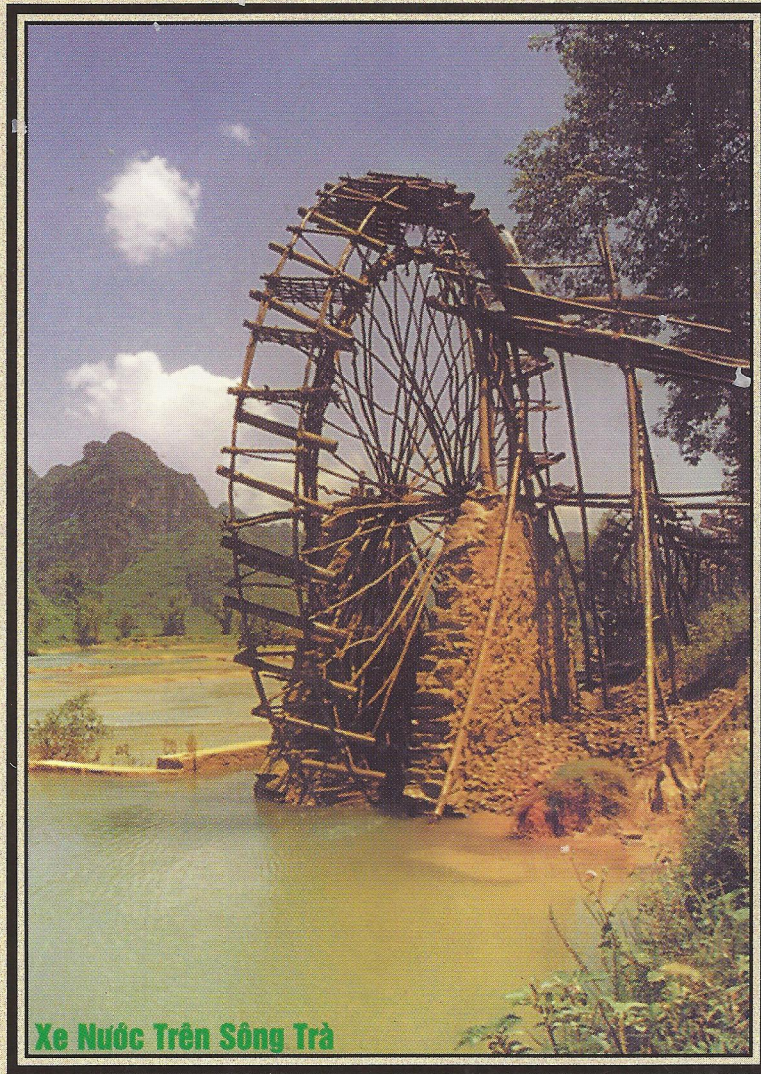


Năm Thứ 26

Số 77
August 2001

Lá Thu

Ái Hữu CÔNG CHÁNH



Xe Nước Trên Sông Trà

Ban Phụ Trách Niên Khóa 2000 - 2001

ÁI HỮU THỦY NÔNG

Nam California - USA

Nguyễn Quang Cách - Lý Đãi

Nguyễn Quang Chuyên - Nguyễn Minh Quang

Lá Thư ÁI HỮU CÔNG CHÁNH

SỐ 77 - NĂM THỨ 26 - THÁNG 8 - 2001

BAN PHỤ TRÁCH Lá Thư AHCC

Ái Hữu Công Chánh Thủy Nông

Nam California - USA

NGUYỄN QUANG CÁCH - LÝ ĐÀI

NGUYỄN QUANG CHUYỀN - NGUYỄN MINH QUANG

ĐẠI DIỆN ÁI HỮU CÔNG CHÁNH ĐỊA PHƯƠNG

HOA KỲ

- BẮC CALIFORNIA:

Tạ Huyền
Bửu Hiệp
Trần Sĩ Huân
Tôn Thất Ngọ
Nguyễn Đăng Thịnh

- NAM CALIFORNIA:

Nguyễn Quang Chuyền
Nguyễn Quang Cách
Lý Đài
Nguyễn Văn Phổ

- LOUISIANA:

Phan Đình Tăng

- WASHINGTON D.C:

Bùi Thành Dương
Nguyễn Đức chí
Nguyễn Thạc Việt Toàn
Bùi Văn Ấn

- TEXAS:

Phi Ngọc Huyền

- WASHINGTON STATE:

Hà Quốc Bảo

- MASSACHUSETTES:

Nguyễn Hữu Tuấn

- FLORIDA:

Lê thanh Tòng

- INDIANA:

Nguyễn Khoa Long

- OKLAHOMA:

Ngô Anh Tề
Nguyễn Đình Viễn

- COLORADO:

Nguyễn Tâm Trí

- MISSOURI:

Nguyễn Thành Thiết

- NEW MEXICO:

Nguyễn Văn Tấn

- GEORGIA:

Lâm Đốc Thượng

CANADA

- MONTRÉAL:

Phạm Hữu Vĩnh
Trần Đình Thăng
Phạm Ngọc Xuyên
Nguyễn Văn Khoa

- TORONTO:

Lê Sáu

FRANCE

Đỗ Hữu Hứa
Hoa Trường Xuân
Trương Như Bích

AUSTRALIA

- SYDNEY/NSW:

Ngô Hòa Bình
Đỗ Quốc Dũng
Tôn Thất Phát

- MELBOURNE/VIC

Trần Văn Anh
Nguyễn Cư
Lê Nguyên Thông

NORWAY

Nguyễn hương Hữu
Lê Văn Kỳ

PHI CHÂU

Bùi Hữu Tuấn

PHI LUẬT TÂN

Chu Thái Hoàn



Năm Thứ 26

Lá Thư **ÁI HỮU CÔNG CHÁNH**



Xe nước trên sông Trà



Bên dòng Hương Giang

NHÓM THỦY NÔNG CALIFORNIA biên tập & phát hành
Kỹ Thuật - Trình Bày : Vân Khanh - Vương Trùng Dương
Email: vtrduong@yahoo.com

Lá Thư
Ái Hữu Công Chánh
Năm Thứ 26 - Số 77 - 2001

Ban Phụ Trách Niên Khóa 2000-2001
Nhóm Ái Hữu Thủy Nông biên tập & phát hành
Trình Bày - Ấn loát: Văn Khanh - Vương Trung Dương

LÁ THƯ ẢI HỮU CÔNG CHÁNH

NĂM THỨ 26 - SỐ 77 - 2001

MỤC LỤC

* Thư Của Ban Phụ Trách	BPT	05
* Thư Tín	BPT	06
* Phương Trình Phồn Thịnh Hóa Việt Nam	Vân Phố Hoàng Đồng	13
* Thơ: Tiễn Biệt Tình Ta	Tôn Thất Tùng	18
* Tìm Về Cửa Phật	Tôn Thất Tùng	19
* Thơ: Nghèo . . . Tú Mỡ - Mai Tôi Về	B.H.T	21
* Nhân Vật	Mặc Nhiên	22
* Phan Bội Châu Toàn Tập	Lê Khắc Thí	24
* Chuyện bà Phan Bội Châu	T.G.P - LT <i>sưu tầm</i>	27
* Thơ: Cầm Sát . . . Lý Thương Ẩn - Kiều	Nguyễn Du - <i>bản dịch</i>	30
* Bí Quyết Sống Lâu	Giáo Sư Nguyễn Vỹ	31
* Thơ: Chân Quê - Đêm Sao Sáng	Nguyễn Bính	33
* Nợ Tình	Lê Mộng Hùng	34
* Thơ: Nhớ Quê Nhà	Nguyễn Đắc Khoa	38
* Phá Rừng & Lũ Lụt	Nguyễn Minh Quang	39
* Khao Vọng ở Làng Xá Việt Nam	Nguyễn Sỹ Tín	46
* Thơ: Tương Tư	Nguyễn Bính	48
* Hầm Đường Bộ Xuyên Qua Đèo Hải Vân	Trần Sỹ Huân	49
* Thơ: Thú Yêu Đường	Tôn Thất Tùng	50
* Mùa Xuân Hoa Nam	Từ Minh Tâm	51
* Thơ: Đạt Đạo	Huyền Không	59
* Giác Ngủ	Nam Cát	60
* Thơ: Giác Mơ Của Mẹ	Thanh Trí Cao	65
* Hà Nội Vào Đông	Trịnh Hảo Tâm	66
* Biên Giới Việt Nam Với Tàu & Thái Lan	Trần Văn Thu	74
* Sức Mạnh Của Gió	Nguyễn Hữu Định	79
* Viết Về Cà Phê	Clara Maersk	80
* Đường 40th/I-15, Khúc Xương Khó Nuốt	Trần Đức Hợp	88
* Một nông dân Đồng Tháp	Nguyễn Tấn Thọ <i>sưu tầm</i>	91
* Thơ: Hành Phương Tây	Hồ Thành Đức	93
* Những Giác Mộng	Phan Đình Tăng	94
* Thơ: Như Biển Cả . . . T.T.C - Tế Chiêu Quân	Nguyễn Thiện Kế	96
* Hình Ảnh Cố Đô Huế: Cửa Quảng Đức	Trần Sỹ Huân	97
* Những Ngày Trên Quê Hương	Hoài Ngọc	99
* Thơ: Nhớ Mẹ	Lê công Khanh	104
* Thơ: Nhớ Cố Hương	Huyền Không	108
* Nói Chuyện Về Hôn	Nguyễn Văn Ưu <i>chuyển dịch</i>	109

MỤC LỤC

* Cây Cầu Trong Điều Hòa Nam Bộ	Thanh Toàn <i>sưu tầm</i>	114
* Chết Có Sống Không	Nguyễn Sỹ Tín	116
* Thơ: Hẹn Xuân	Thy Lan Thảo	117
* Quả Báo Hay Ngẫu Nhiên? Chuyện Có Thật . . .	Trần Đình Thắng	119
* Ghi Lại Những Chuyến Đi	Phổ & Kiều Hoa Nguyễn	120
* Thư Ngỏ	BBT/NS/Phật Học	135
* Chung Vui		137
* Chia Buồn		138
* Cảm Tạ - Cách Tính Tuổi Âm Lịch	Trần Đình Thắng	139

Tin Tức Sinh Hoạt Ái Hữu Công Chánh Các Đại Phương

* Nam California	Nguyễn Quang Cách	140
* Bắc California	Lê Sáu	144
* AHCH Xứ Cao Bồi Hợp Tất Niên	Vũ Quý Hảo	146
* Miền Tây Bắc Hoa Kỳ		148
* Vùng Hoa Thịnh Đốn	Bùi Thành Dương	149
* Miền Đông Bắc Hoa Kỳ		151
* Hợp Mặt AHCC Tại Pháp Xuân 2001	Trương Như Bích	152
* Montréal, Canada	Trần Đình Thắng	154
* Sydney	Lê Cảnh Túc - N.D.Từ - Tôn Thất Phát - N.H. Bình	155
* Melbourne, Australia	Nhóm AHCH Melbourne	157
* Tin Từ Quê Nhà	Nguyễn Quang Cách	159
* Vài Hình Ảnh Cũ	Nguyễn Trọng Kha	161
* Tổ Chức Đại Hội Công Chánh Năm 2002	Lê Mộng Hùng	162
* Bảng Mừng Đại Thương Thọ	Lê Khắc Thí	164
* Danh sách AHCC Yểm Trợ Bảng Đại Thương Thọ		166
* Phụ Lục Của Lá Thư AHCC		167
* Danh Sách Yểm Trợ Lá Thư AHCC		168
* Danh Sách Ái Hữu Thay Đổi Địa Chỉ	Tính Đến 8/8/2001	172



THƯ CỦA BAN PHỤ TRÁCH

Một lần nữa Lá Thư Ái Hữu Công Chánh lại đến tay các Ái Hữu. Ban Phụ Trách Lá Thư AHCC niên khóa 2000 - 2001 nhóm Thủy Nông miền Nam California xin thành thật cảm ơn tất cả các Ái Hữu khắp nơi đã gửi bài, ủng hộ tài chánh, thư thăm hỏi và khích lệ chúng tôi hoàn thành được nhiệm vụ mà các Ái Hữu đã giao.

Như tôn chỉ của Lá Thư đã có từ lâu, *LTAHCC chỉ là một mối tình cảm bằng hữu, những tình thân còn lại giữa những đồng nghiệp tha hương, là một mối dây mong manh cố giữ cho khỏi đứt liên lạc nhau, cho nên các Ái Hữu sẽ đọc được trong số này từ vấn đề ưu tư của đất nước, khoa học kỹ thuật, trào phúng, ký sự, thơ văn của tất cả các Ái Hữu viết ra. Ban biên tập cố gắng giữ đúng những gì nguyên văn các bài gửi tới, cho nên có khi không được vừa ý tất cả mọi người, nhưng đó là tình cảm mà các Ái Hữu khác cố gắng chia sẻ. Như vậy tình thân Lá Thư sẽ được giữ gìn mãi mãi...*

Sau số báo này, đáng lẽ Lá thư AHCC sẽ chuyển xuống San Diego cho anh Nguyễn Tấn Thọ phụ trách, nhưng các Ái Hữu miền Bắc California có dự định tổ chức Đại Hội Công Chánh vào giữa năm 2002, cho nên anh Thọ đã đồng ý Lá Thư được chuyển lên miền Bắc California, khu vực San Jose do anh Lê Mộng Hùng phụ trách để có phương tiện thông tin, liên lạc với các Ái Hữu tổ chức **DHCC 2002**, cho nên mọi thư từ bài vở đóng góp ý kiến, tài chánh xin liên lạc với anh Lê Mộng Hùng theo địa chỉ dưới đây:

Lê Mộng Hùng

3125 Ledoux Ct.

San Jose, CA 95135. USA

Điện thoại: (408) 531-9692

Ban Phụ Trách Lá Thư cũng xin thông báo là có thêm một đại diện địa phương mới tại Phi Luật Tân là AH Chu Thái Hoàn, hiện làm chuyên viên thủy học cho Viện Lúa Gạo Quốc Tế tại Phi Luật Tân.

Ái Hữu Chu Thái Hoàn tốt nghiệp kỹ sư công chánh năm 1972, trước đây phục vụ tại Ủy Ban Quốc Gia Thủy Lợi - Bộ Công Chánh, dưới quyền AH Nguyễn Văn Thông, sau đó được học bổng đi học tiến sĩ tại Hòa Lan. Trong dịp đi công tác tại Mỹ, Ban Phụ Trách có tiếp xúc, nêu ý kiến và AH Hoàn đã nhận lời. Hiện tại Phi Luật Tân cũng có vài AHCC đang làm việc. AH Chu Thái Hoàn thường xuyên đi về Việt Nam để công tác nên rất thuận tiện cho việc thông tin liên lạc.

Các Ái Hữu Công Chánh / Tổng Nha Thủy Nông miền Nam California thành thật chúc các Ái Hữu vùng San Jose thành công tốt đẹp trong việc chuẩn bị cho Đại Hội Công Chánh 2002.

Hẹn gặp lại tại Đại Hội Công Chánh tại San José vào Hè 2002.

Thân kính,

Nhóm ÁI HỮU THỦY NÔNG

Nam California

Nguyễn Quang Chuyên, Nguyễn Quang Cách,

Lý Đãi, Nguyễn Minh Quang



THƯ TÍN



* AH TỪ MINH TÂM TORRANCE, CALIFORNIA

Tôi có nhận được LTAHCC số 67 và đã đọc một mạch từ đầu đến cuối. Phải công nhận Ban Phụ Trách kỳ này làm rất hay. Bản tin được trình bày đẹp như do một người làm báo chuyên môn, còn đẹp hơn mấy tạp chí thương mại như Văn Nghệ Tiền Phong hay Phụ Nữ Diễn Đàn. Về nội dung thì cũng rất xúc tích về các chuyên đề công chánh và ái hữu. Tôi cũng có đọc bài "Trung Quốc mùa thu" (bài của mình thì mình phải đọc trước phải không!) và xin bổ sung mấy ý kiến sau đây về vấn đề địa danh bên Tàu.

Khi đi du lịch, nếu ta không có hướng dẫn viên biết nói tiếng Việt mà chỉ nói tiếng Anh (như trường hợp của chúng tôi) thì vấn đề về địa danh rất khó biết, còn chữ Hán thì tôi mù tịt. Nhiều trường hợp tôi chỉ viết theo cách đọc.

Như trong bài nói trên chữ Temple of Heaven nếu ta dịch là Thiên Đàng thì chưa ổn lắm mà dịch là Thiên Đàn thì đúng hơn. Chữ Đàn ở đây có nghĩa là nơi cầu xin (giống như Đàn Nam Giao ở Huế).

Chữ Mandarin Garden, sau này tôi có thấy người dịch là Xuất Chính Viên vì chủ nhân là một ông quan yê hưu. Lingyin Temple được dịch là Linh Ấn Tự. Yu Yuan Garden được dịch đúng ra là Dự Viên hay Dự Viên là vườn hoa của ông Dự (hay Dự).

Ngoài ra trong câu số 2 của bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc, tôi có đánh máy sai chữ *tỏa* thay vì là chữ *hỏa*. Đúng ra phải là: *Giang phong như hỏa đối sầu miên...*

BPT: Bài anh viết đăng trong Lá Thư AHCC số 76 được rất nhiều người khen hay. Rất cảm ơn anh, nhờ anh mà BPT được khen lây. Hy vọng bài gửi của anh kỳ này lại được khen nữa. Thân ái.

* AH TÔN THẤT TỤNG WASHINGTON D.C.

Trước đây tôi đã gửi hai bài viết về Phật Giáo, không biết họ có chuyển cho anh em trong Ban Phụ Trách AH Nam Cali không? Vì mỗi bài đều dài trên 20 trang nên không có chỗ để đăng, kỳ này thì xin gửi 2 bài thơ ngắn vậy.

Vấn tất. Chúc anh em trong Ban Biên Tập dồi dào sức khỏe.

BPT: Chúng tôi đã dò lại, không tìm gặp được bài anh viết về Phật Giáo, nhưng không sao, các bài viết về nghiên cứu tôn giáo không bị thời gian chi phối. Chúng tôi sẽ làm việc thêm để có thể đăng trong số tới chăng?

Thân kính.

* AH ĐỖ HỮU HỨA - PHÁP

Tôi có nhận được thùng LTAHCC số 76 và lá thư của quý anh viết ngày 16/12/2000.

Lá thư tuyệt đẹp cả hình thức lẫn nội dung. Xin bái phục các anh!

Tôi đã phân phối LTAHCC đến tất cả các AH trong nước Pháp và một AH ở Norway. Việc làm xong ngày hôm nay (3 lần đi xe bus đến Bưu điện để gửi). Hai hôm sau các anh chị sẽ nhận được và chắc là sẽ hoan hỷ lắm.

Hứa biết anh Chuyên từ năm 1952 (cùng

học một lớp) và biết anh Đãi từ 1953. Năm 1997 may mắn được gặp lại anh Đãi, nhưng rất tiếc không gặp được anh Chuyên. Nửa thế kỷ đã qua!

Rất mong ngày gần đây được đi Nam Cali để viếng thăm hai anh, cả anh Quang Cách và anh Minh Quang nữa...

BPT: *Xin cảm ơn anh đã giúp BPT phân phối báo cho vùng Âu Châu, nếu các nơi khác cũng nhiệt tình như anh, thì BPT nhẹ gánh lắm. Hy vọng gặp anh tại Nam Cali một ngày rất gần.*

*** CÔ VÂN LÊ (CON GÁI CỐ AH LÊ TIÊM) FONTANA, CALIFORNIA**

Con là Lê Vân, con gái của cố AH Lê Tiêm. Con rất cảm ơn các chú đã gửi cho con LTAHCC số 75 & 76.

BPT: *Mong có nhiều người khác thế hệ nối tiếp như cô. BPT sẽ tiếp tục liên lạc và gửi những LTAHCC sắp tới để gia đình biết được các tin tức của các chú, các bác trước đây là đồng môn, đồng nghiệp với ba cô.*

*** AH BÙI THANH LIÊM
GOUVERNES, PHÁP.**

Nhờ các anh đăng báo tìm giùm tôi hai người bạn Công Chánh mà tôi đã mất liên lạc trên 20 năm:

1- Nguyễn Ngọc Thiệt có vợ dạy trường Gia Long, người Cần Thơ, thuộc cục Kiều Lộ trước 75 ở Sài Gòn.

2- Trần Tấn Phước, người Bạc Liêu, em của đại tá Trần Đắc, thuộc CCHK làm ở Sài Gòn trước 1975. Đã sang Úc khoảng Năm 1980. Ái hữu Phước đã có tên trong danh sách AHCC trước 1995 nhưng đến nay không thấy nữa. Nhờ các AH ở Úc tìm giùm. Xin cảm ơn và chúc các AH mạnh tiến trên mọi lãnh vực.

3- Ngoài ra chắc các bạn cũng không quên Bùi Thanh Liêm. Vì có sự hiểu lầm với AH Khúc Đản nên đã mất liên lạc. Nếu các AH muốn nối lại tình bạn xưa, xin gửi về:

BÙI THANH LIÊM
10 Imp. des Haut Villiers
77.400 GOUVERNES - FRANCE

BPT: *AH nào biết tin tức có thể giúp AH Liêm. Xin liên lạc ở địa chỉ trên.*

*** AH NGUYỄN SỸ TÍN - VIRGINIA**

Nhờ quý AH giới thiệu trên LTAHCC số 76 nên tác phẩm “Tình Quê Hương” của tôi được tán thưởng và khen ngợi vì đã đem lại tình quê hương thấm thiết cho lớp tuổi già sống xa nơi chôn nhau cắt rốn. Nhưng một số AH quên giúp ấn phí. Vậy kính nhờ BPT đăng nhấn tin dùm tôi trong số LTAHCC số 77 như sau:

AH Nguyễn Sỹ Tín rất cảm ơn Quý AH đã chiếu cố tác phẩm “Tình Quê Hương” của tôi. Nếu AH nào chưa giúp tiền in sách thì xin gửi về:

NGUYỄN THÀNH MỸ
5206 Queensberry Avenue.
Springfield, VA. 22151 - 1818

BPT: *Xin đăng lời nhấn tin trong số báo này đến các AH có sách mà quên thanh toán. Xin gửi check về địa chỉ trên. Đa tạ.*

*** AH TRẦN SĨ HUÂN
BẮC CALIFORNIA.**

Tôi đã nhận được LTAHCC số 76. Xin cảm ơn các AH. Ban phụ trách kỳ này đã phát hành một Lá Thư đẹp về trình bày, hay về nội dung. Hy vọng số 77 tới sẽ ra sớm hơn để anh em kịp theo dõi tin tức.

Ngoài ra có tài liệu đính kèm do Cộng Đồng Việt nam ở New Orleans tuyên dương AH Bùi Đức Hợp rất đáng được phổ biến trên LTAHCC để các AH xa gần thưởng lãm và hãnh diện.

BPT: *Chúng tôi đã cố gắng để ra số 77 sớm hơn, nhưng cũng gặp vài trở ngại về bài vở và tài chánh, thành thử các AH phải chờ đợi hơi lâu. Xin cáo lỗi. Thành thật cảm ơn sự đóng góp ý kiến và bài vở của AH.*

Bài Vinh Danh AH Bùi Đức Hợp có đăng trong số này.

*** AH TÔN THẤT NGỌ
SAN FRANCISCO, CALIFORNIA.**

Để trả lời anh về việc gửi LTAHCC sắp

đến lúc miền Bắc đảm nhiệm Lá Thư, tôi chỉ giúp BPT lập bản danh sách và giúp làm Label để gửi Lá Thư. Nghe AH phụ trách việc gửi LT vừa rồi ở Sacramento kể lại thì tôi thấy: Việc tập trung đóng thùng để gửi cho người đại diện địa phương, tiết kiệm được phần nào cước phí, nhưng sẽ gây phiền phức cho người nhận và phân phối nếu không được họ ưng thuận trước. Phương tiện di chuyển ở Pháp cũng như ở các nơi khác không như ở Mỹ nên việc nhận hàng ở Bưu Điện rồi đem về nhà và phân phối là một vấn đề, nên ít ai nhận lãnh. Vừa rồi AH Hoa Trường Xuân cũng đã từ chối nên BPT phải gửi LT riêng từng cá nhân một. Hình như ở Úc, anh Lê Cảnh Túc có nhận thì phải. Các anh phải liên lạc trước các anh em bên đó xem họ có chịu nhận không.

BPT: Cảm ơn anh đã cho ý kiến về việc phân phối Lá Thư. Chúng tôi cũng đã thực hiện như anh nói là trước khi gửi đi, tôi liên lạc với các đại diện địa phương, đặc biệt là ngoài nước Mỹ, vì hiện nay gửi đi ra ngoài nước Mỹ, cứ mỗi số phải làm một tờ báo cho quan thuế, rất tốn thì giờ nếu gửi đi cho từng người. Rất may là các nơi ngoài nước Mỹ, các AH đều đã nhận và phân phối giùm. Khi nhận được nguyên thùng, đã có Label từng người. Đại diện địa phương chỉ dán tem và gửi đi thôi.

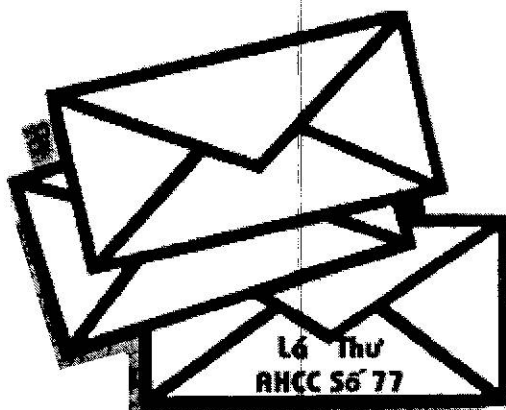
*** AH NGUYỄN XUÂN MỘNG SACRAMENTO, CALIFORNIA**

Vào ngày 2/8/ 2000 tôi có gửi thư nhờ Ban phụ trách LTAHCC phổ biến trên Lá Thư số 76 về việc nhượng lại các tập Kỷ Yếu CĐCC hiện còn để gây quỹ cho Lá Thư, nhưng không thấy đăng trong LT số 76, có lẽ vì công việc bề bộn nên Ban Phụ Trách đã quên đăng. Nếu để đến Lá Thư số 77 mới phổ biến tin này thì e quá thời gian tính, vậy đề nghị BPT:

- Hoặc gửi tiếp thư này đến từng AH và

thân hữu.

- Hoặc gửi đến AH Đại diện Vùng để nhờ các AH ấy phổ biến đến các AH và thân hữu trong vùng.



Như đã trình bày trong thư gửi BPT Lá Thư ngày 2/8/2000, số tiền nhượng lại các tập KYCĐCC sẽ được sử dụng cho các LTAHCC nên khi nhận được thư, quý AH/TH muốn có thêm tập KYCĐCC, Ban Phụ Trách thông báo (nếu có e-mail rất tiện) cho AH Nguyễn Xuân Mộng, AH Mộng sẽ

gửi Kỷ Yếu đến AH đó, chi phí gửi do Ban PTKYCĐCC đài thọ. Tôi hy vọng sẽ có thêm ngân quỹ cho LTAHCC.

BPT: Ban Phụ Trách LTAHCC số 76 đã có sơ ý không đăng kịp lá thư bác yêu cầu, nay lá thư số 77 phát hành xong, thì Lá Thư lại quay về miền Bắc California. Thành thử đề nghị Bác liên lạc với Ban phụ trách mới để phân phối KYCC cho các AH có yêu cầu. Hay là bác giúp hộ việc này, liên lạc với bác để mua có tiện hơn chăng. Kính bác.

*** AH ĐỒNG SĨ KHIÊM**

Tôi đã nhận được 2 cuốn Kỷ Yếu Trường CĐCC 1902-2002. Tôi xin bái phục công các anh cùng các tác giả đã bỏ công hoàn thành một tài liệu phong phú như rứa. Phục nhất là các anh đã bỏ trốn chạy Cộng Sản mà còn bọc theo được các tấm hình kỷ niệm thời xa xưa xưa xưa nữa.

Sau hơn hai năm trời làm việc ngoài USA, tôi mới có dịp về USA để thưởng thức hamburger và đọc các tờ LTCC 72, 73, 75 (số 74 bị thất lạc, nếu còn, xin cho tôi 1 cuốn). Hôm Giao Thừa 1999/2000, tôi có mặt tại Melbourne và Sydney và chỉ nhờ có hai chữ Công Chánh mà tôi có được hai buổi họp mặt tại hai nơi này. Đặc biệt là AH Lê C. Túc đã không vì chân yếu, đến gặp, đưa tôi đi thăm khu Việt Nam ở gần Sydney. Tôi nhớ có gửi một bài viết về hai cuộc họp mặt này, nhưng chắc bị

Thư Tín Lá Thư AHCC

thất lạc nên không thấy anh Cách nói tới. Xin gửi theo một chi phiếu 100 đôla (trong thư cho anh Cách gồm 40 đô cho LT và 60 đô cho KY). Các anh công chánh bên Việt Nam cũng có ra một Kỷ Yếu Công Chánh nhưng chú trọng nhiều về các khóa CC sau 1975. Tôi nghĩ nếu các anh phụ trách KY muốn, có thể liên lạc với AH Sang để biết rõ thêm.

Tôi thấy một số lớn AH đều có e - mail, vậy nếu danh sách CC sau này có thêm một cột e-mail address thì hay biết mấy.

BPT: *Không biết bây giờ anh ở đâu? Bến Hải hay Cà Mau? Nhưng không sao! Cứ gửi tiền yểm trợ cho nhiều thì báo sẽ tới anh dài dài. Bài anh gửi đã đăng trên LTAHCC số 76*

* AH LÊ VĂN KÝ - NORWAY

Tôi đã nhận được LTAHCC số 76, lòng thấy một niềm vui mới nhân dịp Xuân Tân Tỵ sắp đến.

Gia đình chúng tôi sống trên xứ Bắc cực rất lạnh lẽo, tuyết rơi đầy. Ở đây không khí rất trầm lắng, không ồn ào, náo nhiệt, không có cảnh người đi chợ hoa, sắm Tết như ở quê nhà lúc Xuân về.

Tôi đã đọc LTAHCC nhiều lần, một cách rất thích thú. Trong tâm hồn tôi bỗng hiện về những thoáng của những ngày xa xưa: cảnh trường cũ, người xưa, thầy giảng, bạn hiền... Thuở học trò còn cắp sách đến trường, thật huyền diệu, thật thần tiên... Đã mấy chục năm trôi qua, tưởng chừng như một giấc mơ. Nhìn lại mình... nay đã già, tóc bạc, răng long, theo kiếp nhân sinh, thoái hóa mà Thượng Đế đã an bài.

BPT: *Bên xứ lạnh Norway mà AH luôn luôn gửi thư khích lệ, yểm trợ LT thì quý hóa quá. Anh em phụ trách rất hiểu sự mong đợi của các AH ở xa và lớn tuổi.*

Chúng tôi sẽ gửi thật sớm đến các AH ở xa như một món quà ái hữu vậy.

* AH PHAN ĐÌNH TĂNG NEW ORLEANS, LOUISIANA

Bấy lâu nay bận quá nên quên gửi ngân phiếu trợ lực cho BPT/LTAHCC. Nay xin gửi theo đây ngân phiếu cá nhân. Tôi đã bàn với các AH ở Louisiana là ai gửi phần nấy cho tiện, gửi qua tôi nhiều khi trễ nãi, bất tiện.

Ở Louisiana không có gì lạ để tường trình đến LTAHCC. Tết vừa rồi chúng tôi gặp mặt ăn Tân niên. Sau đó lại họp mặt để đón anh chị Nguyễn Văn Bảnh từ Maryland xuống thăm quê cũ New Orleans.

Sẵn đây xin BPT đăng tin là Trường Quốc Gia Kiều Lộ (École Nationale des Ponts et Chaussées) ở Paris nhắc tôi nhiều lần nhờ cho họ biết địa chỉ của các cựu sinh viên Việt Nam mà họ mất liên lạc. Vì ở Mỹ quen tôn trọng "privacy" nên tôi không tiện viết thư trực tiếp hay cho họ biết địa chỉ. Quý AH nào muốn liên lạc thì theo địa chỉ sau đây:

Association Des Anciens Élèves De L' École Nationale Des Ponts et Chaussées

28 Rue des Saints Pères

75007 PARIS - FRANCE

BPT: *Bài viết của AH trong các số trước rất được nhiều người tán thưởng, nhưng rất lâu mới nhận được bài mới của AH trên số này. Rất mong tiếp tục nhận được các bài mới khác.*

* AH NGÔ ANH TÚ SAN DIEGO, CALIFORNIA

Tôi vừa nhận được LTAHCC số 76, càng đọc tôi càng thấy thích thú, rất khâm phục sự nỗ lực của các AH đã hoàn thành tờ báo một cách tốt đẹp.

Sống tại San Diego đã gần 10 năm rồi nhưng bây giờ tôi mới có dịp nhìn kỹ lại chiếc cầu Coronado do AH Trần Đức Hợp mô tả lại.

BPT: *Bụt nhà không thiêng là vậy, chậm còn hơn không. Chúng tôi cũng vậy, làm việc cho City Anaheim, có khu giải trí Disneyland, cả thế giới ai cũng biết, chỉ có chúng tôi chưa bao giờ vào đó sau 14 năm làm việc. Đến lúc có người bạn từ xa đến chơi bắt phải dẫn đi, thế mới biết Disneyland! Hy vọng nhận được*

bài viết và yểm trợ của anh cho LTAHCC trong số tới.

*** AH NGUYỄN KHOA HÂN
BẮC CALIFORNIA**

Rất cảm động khi nhận LTAHCC do nhóm Thủy Nông phụ trách. Lá thư 76 trình bày trang nhã, nội dung khiêm tốn và rất bổ ích. Xin cảm ơn BPT, Đặc biệt là anh Đãi đã cho nhìn lại một số hình ảnh về Gia Đình Thủy Nông. Chúc sức khỏe và thịnh vượng.

BPT: *Các AH khác phụ trách nhiều năm rồi. Anh em Thủy Nông mình cũng ráng gánh vác một năm.*

*** AH TRẦN ĐÌNH THẮNG
QUEBEC, CANADA**

Tôi rất mừng nhận được LTAHCC mà tôi mong đợi từ lâu, ảnh cầu Mỹ Thuận rất đẹp, nội dung phong phú với nhiều đề tài nhất là những bài về lãnh vực sư tầm.

Tôi xin nói rõ về tựa bài "Quebec - Canada, Chuyện lẫn thẩn lục lộ" trang 68 trong LTAHCC số 76. Đúng ra tôi viết bài này từ năm 1996 với tựa là "Quebec - Canada, chuyện lẫn thẩn" và tên người viết là lục lộ Trần Đình Thắng. Tôi không có ý định viết về ngành Công Chánh tại Quebec dù tôi đã phục vụ rất lâu cho ngành Kiều Lộ tại tỉnh bang này cho tới khi tôi về hưu.

BPT: *Xin cảm ơn anh về các bài gửi cho LT và các báo cáo vùng Quebec. Rất tiếc, BPT đã có sai sót ghi cái tựa đề bài viết của anh trong số 76.*

*** AH LÂM VIÊN, CALIFORNIA**

Tôi hết lòng cảm tạ BPT đã gửi đều đặn LTCC cho tôi. Nhờ đó mà tôi biết được tin tức của quý thầy, bạn bè và đồng nghiệp. Thú thật là tôi biết rất nhiều AH sư phụ và đàn anh vì tôi gia nhập gia đình CC từ năm 1952, do đó mà tôi có hân hạnh được hai lần ghi tên trong tập KYCC. Nay tôi đã gần 70 tuổi, vì

hoàn cảnh, xin quý AH trong Ban Phụ Trách đừng gửi Lá Thư cho tôi nữa. Tuy nhiên, tôi vẫn là một thành viên trong gia đình Công Chánh.

BPT: *Xin AH đừng ngại, Lá Thư AHCC như một món quà nhỏ, đến với tất cả các AH muốn có được một ít tin tức bạn bè, đồng nghiệp...Chỉ vậy thôi cũng đã quý rồi.*



*** AH NGÔ ANH TÊ - OKLAHOMA**

Oklahoma City chỉ có 4 anh em CC mà ai cũng đều bận rộn và lười, ít khi có dịp gặp nhau, nên tin tức sinh hoạt nội bộ cũng chẳng có gì để gửi cho các anh. Sẽ cố gắng tổ chức họp mặt trong năm nay.

BPT: *Có còn hơn không AH q, ít ra Oklahoma cũng có được mẩu tin trên để anh em đọc, biết được đôi chút về bốn ông bạn Công Chánh đang làm gì bên đó.*

*** AH HOÀNG THAO
NAM CALIFORNIA**

Cám ơn BPT đã gửi LT số 76 cho tôi. Nhiều bài hay quá. Nhất là có tin vui các bạn thế hệ sau đã tham gia nhiều. Thêm nữa, lại có cả hình ảnh của các bạn ở Việt Nam như V.V. Đây, Ng - T - Diễn, Vũ Xuân Thái. Quả là Lá Thư càng lớn tuổi càng quý giá.

BPT: *Cám ơn bác đã có lời khen, có được sự khích lệ của bác như trên là BPT Lá Thư đã làm được nhiệm vụ do tập thể Công Chánh giao phó*

*** AH NGUYỄN ĐẮC KHOA - TEXAS**

Hình thức và nội dung Lá Thư AHCC số 76 giá trị như một tuyển tập. Trong phạm vi mấy bài dịch của tôi từ thơ Lê Công Minh, tôi nhận thấy quý AH trong BPT có mỹ ý sửa chữa giùm một vài khiếm khuyết, bỏ bớt một vài thừa thãi làm cho chữ nghĩa đúng hơn, câu văn bóng bẩy hơn, thật tôi vô cùng cảm kích và muốn nói lên đây lời cảm ơn về cao kiến

THƯ TÍN LT AHCC

của quý AH. Thế mới biết quý AH đa năng, đa hiệu quá, xuất sắc từ lĩnh vực kỹ thuật đến cao thủ trong văn chương, chữ nghĩa. Xin thán phục! Tôi xin đóng góp cho LT số Xuân bài thơ “Nhớ quê nhà” và gửi theo đây bài “Nhớ Mẹ” của AH Lê Công Minh để BPT tùy nghi.

BPT: Bài viết của anh về AH Lê Công Minh rất hay, bài thơ có hồn quá. Rất nhiều người khen. Mong có được những bài mới của anh.

* AH BỬU HẠP - NAM CALIFORNIA

Để thêm tí vui cho Lá Thư, tôi xin gửi bài Tùy bút “Giấc Ngủ”. Cám ơn các anh trong BPT Lá Thư Công Chánh nhiệm kỳ 2000 - 2001. Các anh có may mắn ở gần nhau (Thủy - Nông) để cùng chung sức vác ngà voi. Tuy mệt nhọc, nhưng cũng có những lúc cảm thấy vui vui, như chúng tôi đã làm vài ba lần trước đây.

BPT: Cám ơn bác có lời khen. Đúng như bác nói, nhận tờ báo cũng vất vả lắm nhưng cũng có nhiều niềm vui khi làm xong báo gửi đi và nhận được những hồi âm.

* AH LÊ THỊ THANH NAM CALIFORNIA

Tôi là Lê Thị Thanh, trước làm ở sở Thủy Nông trên lầu Bộ Công Chánh và sau ở Trụ sở gần cầu chữ Y. Qua LTAHCC, tôi được biết quý ông đang làm việc tại Nam Cali mà mãi đến nay mới có dịp để có vài lời thăm hỏi.

Lúc đó, tôi làm bên hành chánh, còn các ông thì bên kỹ thuật. Tôi cũng còn nhớ ông Vũ Xuân Thái, Vũ Ngọc Can, Nguyễn Văn Út vv... Nhìn hình ông Thái trong LT, mới biết con người chúng ta già đi theo thời gian. Nếu không có lời ghi chú bên dưới tấm hình, chắc tôi không nhận ra ông Thái. Nếu có dịp nào trở về Việt Nam thăm bạn bè, xin nhờ các

ông chuyển những lời thăm hỏi của tôi đến các bạn bè còn ở lại quê nhà.

Tôi rất tiếc là gia đình tôi đã bật tin anh tôi là kỹ sư Lê Long, trước sinh sống bên Pháp nhưng đã lâu không có được tin tức của anh, dù đã bao công tìm kiếm

Lá Thư AHCC đúng là một nhịp cầu để nối lại những ký ức xưa cũ và cũng là một món ăn tinh thần mà tôi trân quý. Với nhiệt tình của quý ông, chắc chắn LT sẽ còn được tồn tại mãi. Tôi xin khiêm nhường gửi kèm money order 20 đô la để đóng góp phần nào vào các chi phí cần thiết.

Xin kính chúc tất cả các bậc trưởng thượng, các bậc đàn anh, đàn chị và quý ông một năm mới được mọi điều thắng lợi, sức khỏe dồi dào và gia đình hạnh phúc.

BPT: Nhờ Lá Thư AHCC mà chị biết được tin tức vài bạn đồng nghiệp từ 40, 50 năm trước. Đây cũng là một trong những mục đích của Lá Thư mà tất cả chúng ta đều mong muốn.

* AH TRƯỞNG ĐÌNH HUÂN TRABUCO, CALIFORNIA

Tôi xin đóng góp ý kiến về hai sự việc “Xây cầu Mỹ Thuận” và “Trận lũ lụt năm 2000”

- Trang 30 LTAHCC số 76, AH Dương Kích Nhưỡng có nói: “...và chính vì vậy mà kế hoạch xây cầu Mỹ Thuận bị ngưng lại, dù cho lúc đó đã tiến hành việc ủi đất mở rộng thành những mối đường dẫn đến hai đầu cầu...” Tôi xác nhận sự việc trên vì chính tôi, với tư cách Giám Đốc Nha Nông Cơ đã ký kết một hợp đồng với Tổng Nha Kiều Lộ để thực hiện 2 rampes d’ accès theo đồ án cầu treo Mỹ Thuận.

Công tác đã hoàn tất trong thời gian AH Nguyễn Long Tiết làm Trưởng Ty Vĩnh Long. Thủ Tướng Phan Huy Quát dự tính đi quan sát thì bị đảo chánh.

- AH Nguyễn M. Quang đã tốn nhiều công sưu tầm tài liệu như mục nước, kế hoạch của nhà nước CS, nhưng qua những lời dẫn giải, tôi không tìm được kế hoạch vĩ đại nào mà nhà nước thực hiện qua QĐ 99/TT ngày 9/2/1996. Tuy nhiên, tôi nghĩ là đã tìm ra mấu chốt của các trận lũ lụt 1996 và 2000 qua đoạn ghi nhận sau đây về cơ cấu tổ chức trong hệ

Thư Tín Lá Thư AHCC

thống Đảng trị: “Để đối phó với lũ lớn, Thường vụ Tỉnh Ủy, Thường trực UBND tỉnh Kiên Giang đã chỉ đạo ngành Nông nghiệp mở hết các kênh, cống thoát lũ ra biển Tây, đồng thời một số đoạn đê quốc phòng đang cản trở dòng chảy cũng được phá bỏ để thoát lũ. Nếu chúng ta tìm hiểu về thành phần của Thường vụ Tỉnh Ủy và Thường trực UBND thì sẽ thấy một bầy đảng viên đầu óc đặc sệt, nên sự chỉ đạo của họ hoàn toàn sai lầm, nghịch lý trong việc điều thủy, làm nhân dân chịu cảnh lụt lội, đói khổ triền miên.

Hãy quên đi những trò bịp bợm khi họ nhắc đến “thành tựu, sáng tạo của văn minh kênh rạch Nam Bộ được rút từ huyền thoại “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.

Hãy trả lại Sự Nghiệp Thủy Lợi cho các Chuyên Viên Thủy Lợi.

Sau hết, cũng tình cờ được coi cuốn băng “Lũ lụt tại Việt Nam năm 2000” do Trung Tâm Thu Thập Dữ Kiện và Nghiên Cứu xuất bản tại Úc, tôi đồng ý với AH Nguyễn Minh Quang khi anh nói “Trên lý thuyết tình hình lũ lụt trong khu vực sông MêKong và ĐBSCL có thể tránh được nếu có một dự án ngừa lụt cho toàn khu vực”.

Tôi xin thêm ý kiến là phải cải tổ, hồi sinh cho Ủy Ban Quốc Tế về sông MêKong như hồi trước 1975.

Tôi gửi kèm một bản sao “Lá thư gỗ” và một thư của AH Nguyễn Văn Hai nhờ phổ biến việc kêu gọi, đóng góp để ấn tống tập “Nhận Thức và Không Tánh”.

AH Nguyễn Văn Hai là bạn đồng khóa 1 Cán Sự Công Chánh tại Sài Gòn (1947 - 1950), đồng thời có thêm 2, 3 chứng chỉ cử nhân Toán trong thời gian học ở Công Chánh. Anh đã chọn nghề dạy học sau khi có bằng cử nhân Toán, do đó trong tiểu sử không ghi nghề Công Chánh, mặc dù đã học đủ 3 năm và thi đậu

Cán Sự Công Chánh. Tôi có dịp trao đổi thư từ với anh Hai, trong thư trả lời, anh Hai có nhắc tới anh Ngô Trọng Anh (Quốc Học) và tôi (Công Chánh). Anh Hai đã giúp đỡ tôi rất nhiều trên đường học, đường tu tập. Những bài viết của anh Hai rất có giá trị, việc kêu gọi đóng góp trên LTAHCC là một việc hợp lý vì chúng ta có thể tự hào có một đồng nghiệp dù không hành nghề nhưng lại ở vào một vị thế cao siêu trên đường tâm đạo.

Qua các tài liệu mà tôi hy vọng quý anh cho phổ biến trên Lá Thư, tôi tin chắc không một ai có thể nghĩ đây là một ấn loát phát hành với tính cách thương mại mà là một lời kêu gọi “bố thí pháp” tạo công đức vô lượng cho người đóng góp.

BPT: Xin cảm ơn bác đã góp ý vào các bài viết trên số 76. Chúng cháu cũng đồng ý với bác: Vấn đề Thủy lợi rất chuyên môn và đa dạng, phải trả lại sự nghiệp Thủy lợi cho các chuyên viên Thủy lợi. Thế nào rồi cũng phải như vậy thôi. Bài của AH Nguyễn Văn Hai có đăng trong số này.

Ban Phụ Trách Lá Thư AHCC xin thành thật cảm ơn quý đại diện các địa phương, các Ai Hữu đã gửi thư thăm hỏi, yểm trợ tài chánh và bài viết cho Lá Thư.

Chúng tôi không thể trả lời hết các thư riêng. Xin đa tạ -

**BAN PHỤ TRÁCH
Lá Thư ÁI HỮU CÔNG CHÁNH
Nhóm AH Thủy Nông Nam California**



Phương Trình Phồn Thịnh Hóa Việt Nam

Văn Phố HOÀNG ĐỒNG

Có bốn thành phần ảnh hưởng trực tiếp tương lai Việt Nam đó là: Đảng Cộng Sản; quân chúng trong nước; cộng đồng VN ở hải ngoại; và thế giới. Bốn thành phần ấy được ký hiệu như sau: **CS, QC, HN, TG**.

Bài toán đặt ra là tìm cách tác động trên bốn thành phần để đạt được mục tiêu đề ra, Nếu α, β, χ và ϕ là những thông số (parameters) liên hệ, theo thứ tự, với bốn thành phần, thì tương lai VN sẽ được biểu diễn gọn gàng trong một phương trình như sau:

$$\alpha(\text{CS}) + \beta(\text{QC}) + \chi(\text{HN}) + \phi(\text{TG}) =$$

Phồn Thịnh Hóa Việt Nam

Như phương trình chỉ rõ, các thông số α, β, χ và ϕ sẽ tác động trên bốn thành phần để làm cho phương trình đạt được mục tiêu mong muốn: **Phồn Thịnh Hóa Việt Nam**.

Trước khi phân tách các tác động, tưởng cần giải thích lý do vì sao “dân chủ hóa” không được chọn làm mục tiêu. Xét cho cùng, mục tiêu cụ thể mà toàn dân trông đợi là làm cho Việt Nam trở nên phồn thịnh. Mẫu số chung ấy sẽ ràng buộc bốn thành phần và đòi hỏi chúng phải theo một thể thức dân chủ đồng thuận. Cho nên, một khi các thành phần công nhận mục tiêu chung thì vấn đề dân chủ hóa tự khắc được “dàn xếp ổn thỏa”.

Khi các thành phần và tác động tương ứng được đặt chung trong một phương trình chúng ta thấy rõ mối liên hệ và sự cần thiết phải giải quyết vấn đề một cách toàn diện đúng

theo giá trị và phương vị của chúng. Nói rõ hơn, không một thành phần nào có tư thế và khả năng để một mình đem lại phồn thịnh cho xứ sở.

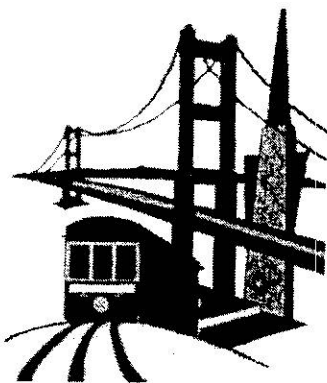
Muốn cho các tác động hữu hiệu, chúng ta phải bình tâm phân tách để thấy rõ đâu là yếu điểm đâu là nhược điểm của mỗi thành phần. Những điểm mạnh và yếu ấy cũng là những bài học cho phép chúng ta tránh những hành động sai lầm trong tương lai.

A. Vai Trò Và Thực Lực Của Việt Nam Cộng Sản Đảng

Từ 1930, khi Đông Dương Cộng Sản Đảng (ĐDCSĐ) thành lập, những người được huấn luyện cách mạng ở Xô Viết, bắt chước Nga, đưa mô hình Xã Hội Chủ Nghĩa (XHCN) vào VN khi các tiền đề của cuộc Cách mạng tháng 10-1971 ở Nga không có tại VN.

Áp dụng một định luật mà điều kiện áp dụng không đúng sẽ đem lại những kết quả què quặt. Đó là trường hợp của ĐDCSĐ khi áp đặt lý thuyết Mác-Lênin vào VN.

XHCN đối với người dân là một cơn ác mộng hiện thực dẫn đến sự thất bại của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh của năm 1930, sự sai trái đẫm máu của Cải Cách Ruộng Đất, bắt đầu từ 1953, vụ nông dân xã Quỳnh Lưu nổi lên chống Đảng, vụ văn nghệ sĩ, trí thức nổi loạn trong những năm 50-60, vụ chôn sống dã man người dân vô tội ở Huế hồi Tết Mậu Thân năm 1968, vụ nông dân Thái Bình



nổi loạn chống Đảng, và sự tụt hậu thảm thương của VN về mọi mặt, nhất là kinh tế xã hội.

Từ 1958 đến 2000, VN đã kinh qua một kế hoạch ba năm (KH3N) 1958-1960, sáu kế hoạch 5 năm: KH5N lần I 1961-1966; KH5N lần II 1966-1971; KH5N lần III 1971-1976; KH5N lần IV 1976-1981; KH5N lần V 1981-1986; và KH5N lần VI 1986-1991. Khi miền Bắc bị Không quân Mỹ tấn công, KH5N lần I bị gián đoạn ở năm thứ tư, 1964, để chuyển hướng kinh tế trải qua 2 thời kỳ: Thời kỳ 1965 - 1968 và thời kỳ 1968-1975. (Lịch sử Đảng Cộng Sản VN, Nhà Xuất Bản Giáo Dục 1999).

Sai lầm trầm trọng nhất xảy ra bắt đầu từ thời điểm 1975 khi Cộng sản thống nhất hai miền Bắc-Nam. Đảng Cộng Sản VN đã hướng dẫn nước nhà đi sai đường tha vì quẹo mặt lại quẹo trái. Thật vậy, từ thời điểm ấy, vì kiêu hãnh, ngoan cố, và tham vọng, CSVN nóng vội muốn đưa cả nước tiến lên XHCN bằng cách dè đầu miền Nam xuống ngang hàng miền Bắc, thay vì dùng miền Nam làm gương cho miền Bắc tiến lên cho kịp. Từ đó càng ngày càng lạc lối dẫn đến thảm trạng tụt hậu hết phương cứu chữa ngày nay.

Đi sai đường đã quá xa mãi đến tháng 12-1986 Đại hội toàn Đảng lần thứ VI, với KH5N lần thứ IV 1986-1990, mới chịu đổi mới sự lãnh đạo và chỉ đạo một cách quyết liệt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế.

Loảng quảng lẫn lộn Đảng Cộng Sản không tìm ra được “*định hướng XHCN*” cho mãi tới Đại hội toàn quốc lần VI của Đảng Cộng sản tháng 6-1991, với KH5N lần V 1991-1995.

Đây là lần đầu tiên, ĐCSVN vạch ra một cương lĩnh nêu rõ quan niệm của mình về XHCN và con đường đi lên trong thời kỳ quá độ. Nội dung cơ bản của cương lĩnh gồm có:

1. Nhân dân lao động là người làm chủ.
2. Có một nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu;

3. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

4. Con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. 5. Các dân tộc anh em trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

6. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

(Lịch sử Đảng Cộng sản VN, nhà xuất bản Giáo Dục - 1999).

Tưởng đã vạch ra đường lối đúng, nào ngờ, mây mù dày đặc vẫn còn bao quanh con đường XHCN.

Thời chiến không đạt được chỉ tiêu mà thời bình cũng không thành công như dự liệu là điều thật đau xót.

Người Á châu nói chung, người VN nói riêng coi trọng quyền tư hữu. Sau non một thế kỷ không xác lập được XHCN, Đảng CSVN mới

nhận biết sự thật này bèn nổi tay ban hành các Chỉ thị 100, và chỉ thị 10. (Lịch sử Đảng Cộng Sản VN. Nhà xuất bản Giáo Dục - 1999).

Chỉ thị 100 của Trung ương Đảng hay cơ chế khoán sản phẩm cho phép hộ xã viên được tự chủ 3 trong 8 khâu: gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch. Chỉ thị 100 dựa trên quyền tự chủ từng phần đã đem lại kết quả trông thấy trong sản xuất nông nghiệp của những năm 1976-1980. Nguồn gốc của Chỉ thị 100 là do hiện tượng khoán chui trong một số hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, phản ánh ý chí thoát ly ra khỏi quyền làm chủ tập thể do Đảng CSVN đã bày ra để vô sản hóa nông dân.

Phải chăng hiện tượng khoán chui là biểu hiện của sự xem trọng quyền tư hữu mà người dân xem như là một quyền tự nhiên của con người.

Chặng đường 1988 - 1990, trên lãnh vực kinh tế, tiến bộ đã thấy rõ ràng, vấn đề sản xuất lương thực, thực phẩm không những đáp ứng được nhu cầu trong nước mà còn dự trữ và một phần xuất khẩu. Tình hình này là kết



quả của chủ trương đổi mới cơ chế quản lý theo Chỉ thị 100 của Bộ Chính trị thừa nhận quyền tự chủ thật sự của bộ nông dân.

Trên lãnh vực xã hội, chính sách của Đảng là động viên và phát huy khả năng toàn xã hội, khuyến khích người lao động tăng thu nhập và làm giàu chính đáng. Thế nhưng tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội từ nhiều năm và những cản trở của cơ chế hành chánh bao cấp đã không tài nào phát triển các tác động tích cực của thời kỳ 1981-1986.

Chỉ vì sự hoảng sợ đi lệch hướng XHCN mà Đảng CSVN đã không phát triển cho rốt ráo, đồng bộ các quan niệm trên.

Cái gì cũng làm nửa chừng ví dụ xây dựng kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường thì lại không quên gài thêm câu “theo định hướng XHCN”. Tinh thần vọng ngoại, rập khuôn, giáo điều, nôn nóng, lãng phí, coi trọng “hồng hơn chuyên” của cán bộ đảng viên CSVN trong công cuộc phồn thịnh hóa nước nhà.

XHCN hay xã hội gì đi nữa, cứu cánh tối hậu là làm cho người dân có cơm no áo ấm, tự do hạnh phúc như Hồ chí Minh đã từng tuyên bố hồi tháng 1-1946: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì”. Câu nói này phản ánh thật đúng hiện tình xã hội CSVN ngày nay.

Dứt khoát mà nói, XHCN là chế độ kinh tế xã hội không thích hợp với người Việt.

Nhưng phải công nhận Đảng CSVN, một thực thể chính trị quan trọng với hơn 1 triệu đảng viên, là thành phần chủ yếu trong phương trình phồn thịnh hóa VN. ĐCSVN là một tổ chức tồn tại nhờ môi trường sinh hoạt nghi kỵ lẫn nhau, với liên hệ giữa đảng viên có tính cách đồng chí nhưng trong thâm tâm giữ miếng nhau, trong sự lo sợ bị Đảng thi hành kỷ luật sắt máu.

Kỷ luật là sức mạnh nhưng đồng thời cũng là nhược điểm của tổ chức: làm ngu muội, giết

chết sáng kiến của đảng viên. Bề mặt, ĐCSVN trông có vẻ nhất trí. Thực tế, có hai loại đảng viên.

Loại đảng viên nắm thực quyền và loại đảng viên không nắm quyền. Mâu thuẫn giữa hai loại đảng viên rất sâu sắc. Nói thế không có nghĩa là loại thứ hai thuần túy là loại “trâu buộc” cho nên ghét “trâu ăn” là loại đầu. Một số lớn đảng viên không nắm quyền có lòng, thức thời trước những thoái bộ của ĐCSVN như tham nhũng, tham quyền cố vị đánh mất cứu cánh tối hậu dẫn họ theo Cộng sản. Lớp người này ý thức dứt khoát sự thất bại tất nhiên của XHCN. Họ làm gì được không hay chỉ cảm lạng ngời nhìn VN tiếp tục tụt hậu. Đã có những tiếng nói lương tâm trong

hàng ngũ những người cán bộ này, tuy rời rạc nhưng mạnh mẽ có tác động tiềm tàng trong đảng viên và quần chúng.

Tác động A.

Do đó nhiệm vụ của những tiếng nói lương tâm là:

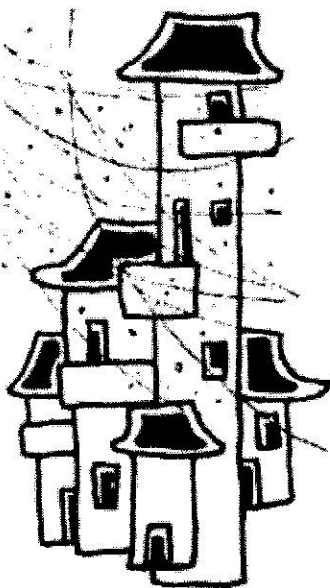
1. Cùng nhau kết hợp thành một phong trào nhằm tranh thủ những đảng viên lưng chừng và những đảng viên bị kẹt trong guồng máy lãnh đạo muốn trở cờ nhưng còn chờ thời vì sợ.

2. Rao truyền trong hàng ngũ những cán bộ thừa hành của ngành công an, quân đội, những công cụ chuyên chính, thế tất bại của XHCN. Những thành phần này khi thấy Đảng mạnh thì hết lòng trung thành, khi thấy Đảng suy yếu thì cũng bỏ Đảng dễ dàng.

Nói chung, đảng viên đang chờ “pháo lệnh” để đứng về phía những người đối lập cứu nước.

B. Quần Chúng Trong Nước Làm Được Gì?

Bình thường, quần chúng nói chung, nhất là quần chúng dưới chế độ Cộng sản, chỉ là một “đàn cừu”, dắt đi đâu thì đi đó. Tuy nhiên khi điều kiện kinh tế quá tồi tệ, bất công xã hội đầy dẫy, tức nước vỡ bờ, các uất ức dẫu kín



trong lòng sẽ tìm dịp bộc phát khi có người xuống xuất. Ai đã về VN đều nhận thấy xã hội đang trải qua giai đoạn phản đối tiêu cực. Thái độ này được bày tỏ rõ ràng nhất trong giới trẻ: Ai cũng muốn đi khỏi VN. Đây là dấu hiệu báo trước sự chịu đựng của người dân đã đạt đến “ngưỡng cửa” của sự bùng nổ. Sự thối nát của thế giới bên ngoài đã mở mắt họ. Người dân trong nước có nhiều cơ hội để so sánh và đi đến kết luận là XHCN đã hoàn toàn thất bại. Điều kiện xã hội VN ngày nay ví như một cánh rừng bị hạn hán, chỉ cần một tia lửa nhỏ là có thể làm nó phụt cháy.

Trong phương trình phân thịnh hóa VN, quần chúng trong nước là một lực lượng có tiềm năng lớn để xoay chuyển chế độ. Giữa người dân có một sự cảm thông sâu xa như đang đợi chờ một biến cố sắp xảy ra. Ở những xã hội chuyên chính, quần chúng nên thận trọng, khi chưa làm được thì đừng nên nói gì. Và khi đã phải làm thì làm ngay, làm đồng bộ và rất ráo.

CSVN biết rõ là chừng nào họ cô lập được những tiếng nói đối lập thì chừng ấy họ thấy tình hình chưa dẫn đến nguy cơ làm sụp đổ chế độ. CSVN ý thức mình bạch là người lãnh đạo quần chúng hiện thời không phải là Đảng. Quần chúng đang chăm chú âm thầm theo dõi sự phát triển của phong trào đối lập, còn trong trạng thái rời rạc.

Tác động B.

Những người đối lập, bằng mọi giá, phải kết tụ lại thành một phong trào, hẹn nhau, một ngày nào đó, trước truyền thông quốc tế, với hòa tấu của tiếng nói của các cộng đồng hải ngoại, tập hợp nhau ở bất cứ nơi nào thuận tiện tuyên bố đối lập với chính quyền đương nhiệm. Ngày tập hợp ấy dù bị chính quyền đàn áp, nếu họ dám làm, sẽ đánh dấu ngày thành lập một thể chế lưỡng đảng đầu tiên ở VN.

Theo nhận định cá nhân, tạo thế đối lập hợp pháp sẽ giúp cho CSVN thoát khỏi bế tắc trong danh dự và không bị tổn thương vật chất. Trong trường hợp ngược lại, phong trào

đối lập sẽ tạm thời bị dập tắt để được tiếp tục một ngày rất gần khi điều kiện kinh tế - xã hội trở nên quá sức tồi tệ. Và khi đó, cuộc đấu tranh dân quyền chắc không tránh khỏi đổ máu. Mong rằng CSVN sáng suốt dự kiến sự thất bại đương nhiên của XHCN mà cho phép phong trào đối lập thành hình.

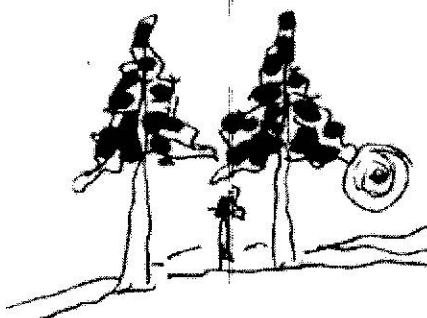
C. Cộng Đồng Hải Ngoại

Hiện tại, các cộng đồng VN hải ngoại là những tổ chức “hữu danh vô thực”. Về phương diện cá nhân, đồng bào VN trên thế giới, lên đến hơn 2 triệu người, làm ăn phát đạt, một số lớn có kiến thức “trên trung bình”, thuộc giới trung lưu. Về thái độ chính trị đối với VN, phần lớn người Việt tại hải ngoại “trung

lập”, lo làm ăn, dạy dỗ con cái, giữ gìn sức khỏe, đi du lịch, và về thăm quê hương. Phải nói rằng ai đã liêu chết bỏ cửa bỏ nhà ra đi trốn nạn CS đều sợ, đều ghét CS. Thái độ trung lập của người tỵ nạn phát xuất từ thất vọng đối với các phong trào kháng chiến lúc đầu. Còn những người tù chính trị, một số

không nhỏ, một khi đi ra khỏi VN, tự nhủ bỏ quên quá khứ dồn hết hơi sức để bắt kịp mức sống của những người đi trước. Trong lúc đó, đối với những người mà cuộc đời đã bị CS phá nát từ sức khỏe, của cải, đến danh dự, gia đình thì không có thần dược nào làm cho họ quên sự hận thù với CS. Đây là lớp người chống Cộng mạnh mẽ nhất.

Ngoại trừ những người chống Cộng mạnh mẽ nhất trong các cộng đồng VN trên thế giới, tất cả đã vô tình đóng góp ngoại tệ cho kinh tế CS qua các dịch vụ chuyển ngân và du lịch VN. Số tiền người Việt hải ngoại đưa vào VN lên đến hàng tỷ Mỹ kim mỗi năm. Đó là chưa kể những vụ cứu trợ thiên tai, những xây dựng trường học, nhà thương của các hội đoàn y dược sĩ, các hội đồng hương, các hội đoàn cựu học sinh các trường học cũ. Những vụ xây dựng nhà thờ họ tộc, tư gia của những nhóm người và cá nhân...



Tác động X

Việc đồng bào nước ngoài về thăm quê nhà đem tiền về tiêu hay cho thân nhân là gián tiếp làm lợi cho chính quyền nhưng mặt khác sự hiện diện của họ, cùng những điều rĩ tai tâm tình trong gia đình, giữa bạn bè, bà con thân thuộc là những phản tuyên truyền rất bất lợi cho CS. Trông thấy tận mắt, nghe tận tai, người trong nước có dịp so sánh hiện trạng của họ với những kẻ ra đi, để đem lòng oán trách và chỉ trích nặng nề Nhà nước. Ngày này qua ngày khác các suy nghĩ tiêu cực đối với chính quyền tích tụ lại trong quần chúng. Mặc dù không ai thổ lộ với ai nhưng ai cũng biết bạn mình, người láng giềng, kẻ lạ người quen đang nghĩ gì và cầu mong gì. Sự tích tụ những cảm nghĩ tiêu cực dần dần biến thành một xác định lập trường chống CS rõ ràng, dứt khoát, sẵn sàng tuôn ra khi phong trào đối lập nổi lên mạnh.

Người Việt nước ngoài có thể gián tiếp giúp biến thể CS bằng cách tranh thủ các sinh viên VN được CS gửi đi du học ngoại quốc hiểu rõ những sai lầm của CSVN và lập trường của cộng đồng VN hải ngoại. Việc làm này rất tế nhị và dễ gây phản tác dụng nếu cách đối xử với sinh viên CS và sự chinh phục những người kém văn minh, thiếu hiểu biết, quá hẹp hòi cố chấp, thành kiến và thiếu kiên nhẫn.

Sức mạnh kinh tế, tài chánh, và kiến thức chuyên môn của cộng đồng VN hải ngoại rất đáng kể, có tiềm năng đóng một vai trò yểm trợ tích cực trong công cuộc phát triển VN.

Cho đến giờ phút này, sức mạnh của cộng đồng VN hải ngoại chỉ có tính cách *"biểu kiến"*. Chẳng nào người Việt nước ngoài chưa có một tổ chức thống nhất, trong từng nước và chung cho cả thế giới, thì tiếng nói và sức mạnh của lớp người này không có trọng lượng, dù có nhiều tài chánh và kiến thức.

Từ hồi đầu 75, đã có những cố gắng tranh đấu với CS. Tiếc thay, các cố gắng này đã thất bại không phải vì bị CS đánh tan mà vì những bê bối tài chánh làm mất lòng tin nơi đồng bào hải ngoại. Hiện tại, cũng có những cố gắng tương tự đang khắc khoải vùng lên trước sự thờ ơ của đồng bào nước ngoài. Khủng hoảng lòng tin gây ra khủng hoảng tài chánh để

nuôi dưỡng và phát triển phong trào đấu tranh. Hai sự việc này mật thiết liên hệ với nhau.

Như trên đã phân tách, nhân vật lực của cộng đồng hải ngoại không thiếu. Thiếu chăng là một tổ chức tập hợp được những người có uy tín, có kiến thức và có lòng yêu nước trên thế giới ngồi chung lại với nhau để bàn sách lược phồn thịnh hóa VN. Hội Đồng VN Hải Ngoại (HĐVNHN) này sẽ yểm trợ Tập Đoàn Đối Lập Trong Nước tạo thành một lực lượng đối trọng đáng kính nể làm áp lực CSVN thay đổi đường lối quản trị quốc gia theo tinh thần dân chủ thực sự. Một khi vấn đề tổ chức được giải quyết một cách thỏa đáng thì vấn đề gây quỹ cũng sẽ được thực hiện tương đối dễ. Thật vậy, như mọi người đều biết là số ngoại tệ người nước ngoài gửi về VN lên đến hàng tỷ Mỹ kim hàng năm. Nếu đồng bào đồng ý trích ra một bách phân nhỏ (1% chẳng hạn) mỗi lần gửi tiền về VN để bỏ vào Quỹ yểm trợ đối lập thì HĐVNHN sẽ làm được nhiều việc ích lợi cho công cuộc phồn thịnh hóa VN. Đề nghị này sẽ làm nhiều người bủi mũi chế nhạo và hoài nghi. Nhưng không có tiền thì làm sao "vực được đạo". Do đó, vấn đề là tìm cách đừng để tiền bạc thất thoát. Nghĩa là phải có một hệ thống kế toán và kiểm soát chặt chẽ đúng theo tiêu chuẩn quốc tế.

D. Thế Giới

Việt Nam ngày nay đã gia nhập vào cộng đồng thế giới chứ không còn bị cô lập, cấm vận như hồi mới thống nhất. Có hai nước ảnh hưởng mạnh trên VN cả về chính trị lẫn kinh tế: Trung Quốc và Hoa Kỳ. Trung Quốc vừa là láng giềng vừa là đồng chí về ý thức hệ với VN. Hai nước đã nhiều lần tuyên bố là môi và răng, nếu môi hở thì răng lạnh. Đó là nói chuyện khi bình thường, còn khi tương tranh thì đánh nhau không tiếc tay. Bề ngoài là đồng chí, nhưng bề trong, thì Trung Quốc vẫn nuôi mộng bá chủ VN, còn VN thì không sao quên được 1000 năm bị Tàu đô hộ. Về phương diện tinh thần, Trung Quốc là đồng chí giúp VN tăng cường tin tưởng vào chế độ XHCN mỗi khi có gió chướng chính trị quốc tế thổi vào VN. VN tin rằng chế độ CS ở VN sẽ tồn

tại và đứng vững một khi Trung Quốc còn tồn tại và đứng vững. Sự yểm trợ tinh thần này có tính cách song phương cả hai quốc gia đều cần.

Biết rõ thái độ kẻ cả, hiếu chiến của Trung Quốc đối với các nước anh em bé nhỏ, VN cảm thấy bất an nếu không có sự che chở của một cây dù nào đó. Vì thế VN muốn “kết thân có chừng mực” với Hoa Kỳ để không làm ngửa ngáy Trung Quốc. CSVN đã từng “đu dây” giữa Tàu và Nga thì CSVN cũng chơi trò ấy với Hoa Kỳ và Trung Quốc. Nhưng thái độ lưng chừng bất buộc ấy, cũng phản ảnh sự tranh chấp giữa 2 xu hướng bảo thủ và tiến bộ trong Đảng CSVN, sẽ không giúp VN mau chóng thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế. Thời gian không còn là đồng minh với CSVN.

Tác động 0

Do những phân tích trên, muốn làm tự nhanh vuốt của CS nói chung, Hoa Kỳ phải tranh thủ VN ngã về phía mình với nhiều chú trọng vào thể chiến lược hóa giải CS toàn cầu hơn là chỉ nghĩ đến những quyền lợi ngắn hạn, cấp thời. Còn phía trong, Hoa Kỳ có thể dùng những đòn bẩy kinh tế chính trị để chinh phục CSVN biến thể hầu đi tới một thể chế lưỡng đảng.

Hai thực hiện này sẽ giúp ổn định tình hình trong vùng, đồng thời buộc Trung Quốc phải xét lại tư thế chính trị để hướng về những chuyển biến tương tự. Và như thế, thế giới sẽ thực sự chuyển mình về đường lối cạnh tranh hòa bình thay vì căng thẳng bạo lực nguy hiểm như hiện nay.

Kết luận

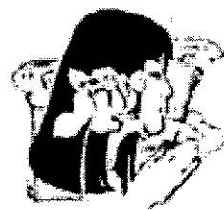
Là người Việt, ai cũng muốn nước nhà có một chỗ đứng xứng đáng trong cộng đồng thế giới. Trong tiến trình phồn thịnh hóa, VN đã đi qua giai đoạn cần thiết: Thống nhất lãnh thổ. Đó là điều đáng mừng không như Nam-Bắc Hàn còn khắc khoải tiến về hướng ấy, và trước đây không lâu, Đông và Tây Đức đã phải khổ công mới thực hiện được. Hồ chí Minh khẳng định: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng được hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì”. Câu nói này là một sự

thật. CSVN phải có bốn phận triệt để thi hành ước vọng của vị lãnh đạo đáng kính của họ. Người Cộng sản hiểu rõ con đường đem lại cơm no, áo ấm, tự do, hạnh phúc cho đồng bào nhất định không phải là con đường XHCN.

Vậy thì xin CSVN hãy vì tương lai Việt Nam mà từ bỏ lý tưởng XHCN để cùng đồng bào trong và ngoài nước tiếp tay nhau xây dựng nước nhà giàu mạnh, độc lập, tự do và hạnh phúc.

Vân Phổ HÀNG ĐỒNG
Aliso Viejo June/1/2000

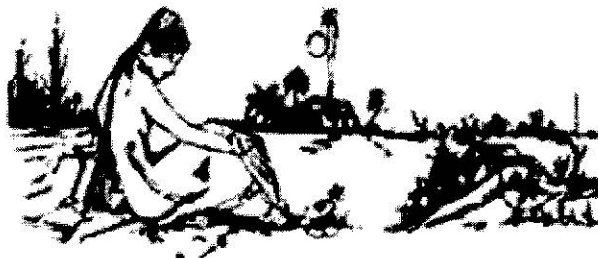
Thơ



TIỄN BIỆT TÌNH TA

*Nhìn ai sánh bước lên xe hoa đi
Kẻ đứng lại, lệ ứa ướt hàng mi
Tiễn biệt tình ta, ai kia bội ước
Tình đời chào mi, thêm đắng cay chi.*

VA, Ngày 7 tháng 2 năm 2001
Tôn Thất Tụng



Tìm Về Cửa Phật

TÔN THẤT TÙNG

*“Hữu duyên thiên lý năng tào ngộ (1)
Vô duyên đối diện bất tương phùng”.*

Hai câu thơ trên đây tôi được nghe từ hơn nửa thế kỷ nhưng chưa có lần nào tôi thấy hợp tình hợp cảnh như trường hợp ái hữu Nguyễn Thành Thiệt xuất gia.

Đúng vậy, nếu không có căn duyên thì làm sao từ miền Đông xa xôi của nước Mỹ anh Thiệt lại bay về miền Nam để nương thân vào chốn Thiền môn? Đó là ngày trăng tròn tháng Tư năm Tân Tỵ (2001), một ngày nắng ấm đẹp ở Cali và có thể cũng là ngày đẹp nhất trong cuộc đời của anh Nguyễn Thành Thiệt. Qua những lời diễn tả của anh Thiệt, tôi nghĩ rằng ngày 3 tháng 6 năm 2001 là một ngày trọng đại nhất của anh kể từ khi anh có mặt trên thế gian này: Ngày Nguyễn Thành Thiệt được Sư phụ của anh, Hòa Thượng Mãn Giác, Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại chứng minh và hộ niệm lễ xuất gia cho Phật tử Minh Giảng để từ đó Tiến sĩ Nguyễn Thành Thiệt trở thành Sa di Tánh Như mà tôi xin tóm tắt sau đây:

“Nhân ngày lễ Phật Đản 2545, vào lúc 12 giờ trưa ngày 3-6-2000 tại chùa Việt Nam thuộc thành phố Thiên Thân (Los Angeles), Hòa Thượng Mãn Giác đã làm lễ xuất gia cho Phật



Phật tử Nguyễn Thành Thiệt trong buổi lễ xuất gia

tử Nguyễn Thành Thiệt trước sự hiện diện đông đủ của những người thân trong gia đình và quý chư Tăng trong hàng Giáo Phẩm cùng với khoảng 500 Phật tử trong vùng. Đặc biệt là sự có mặt của một số ái hữu Công

Chánh miền Nam Cali như anh chị Lê Khắc Chi, chị Trịnh Ngọc Răng, chị Lưu Kim Chi, các ái hữu như Hoàng Đình Khôi, Lưu Văn Quế, Hà Công Hòe, Nguyễn Minh Trì và AH Lý Đãi. Trong dịp này, Hòa Thượng Mãn Giác đã nói: Đạo hữu Minh Giảng đã khó khăn vất vả để có được văn bằng Tiến sĩ Công Chánh nhưng ngày nay đạo hữu Minh Giảng lại ghi danh vào học một ngôi trường khó khăn hơn để mong có ngày đoạt được văn bằng Tiến sĩ tâm linh”

Thấy ái hữu Nguyễn Thành Thiệt đi tu, tôi sức nhớ cách đây khoảng bốn mươi năm, một nhà thơ xứ Huế, thi sĩ Thanh Tịnh, sau khi chân chồn gỏi mỗi trong cuộc đời lang bạt, ông cũng đã tìm về cửa Phật. Sau khi đặt chân vào chốn Thiền môn, thi sĩ họ Trần đã mừng rỡ reo lên:

Cửa Phật đây rồi tôi đến đây

*Van xin nước Tịnh gọi đêm say
Tôi người mê muội ham cùng cả
Xóa nhặt trăm năm hận một ngày*

Phải chăng ái hữu Nguyễn Thành Thiệt của chúng ta ngày nay cũng đã chán cái trò ảo thuật thực thực hư hư nên mới rũ áo từ quan đi tìm bóng mát trong Ánh Đạo Vàng? Nếu anh Thiệt biết được tâm trạng của mình hôm nay giống như tâm trạng của nhà thơ Thanh Tịnh của bốn mươi năm về trước chắc hẳn anh cũng sẽ reo lên rằng:

*Cửa Phật đây rồi con đến đây
Cúi dâng Phật một lay này
Từ nay ảo thuật con từ bỏ
Sám hối con xin một vạn ngày.*

Mặc dầu đã dốc lòng “tâm sư học Đạo” để mai sau có thể trở thành một vị chân tu nhưng anh Nguyễn Thành Thiệt cũng rất còn vương vấn nghĩa tình với gia đình Công Chánh nên anh ngỏ ý với tôi, là muốn ghé qua Thủ Đô tỵ nạn để thăm viếng một số ái hữu Công Chánh. Do hiểu được cảm tình sâu đậm của anh Thiệt đối với bạn bè, tôi đã dùng căn nhà bé nhỏ của tôi, làm nơi họp mặt một số ái hữu cùng với anh Thiệt vào trưa thứ Bảy 7-6 vừa qua. Buổi họp mặt thu hẹp gồm có sự hiện diện của anh Nguyễn Ngọc Ân, anh chị Châu Minh Ba, chị Lưu Kim Chi, chị Trịnh Ngọc Bằng và quý anh Hoàng Đình Khôi, Lý Đãi, Đặng Thành Tài, anh Ái Văn.

Để giữ được không khí thân mật và cởi mở trong buổi họp mặt, anh Thiệt yêu cầu tất cả anh chị em có mặt hãy dùng cách xưng hô như cũ trong lúc trò chuyện. Nhân dịp này, để trả lời câu hỏi của Ái Văn về lý do đi tu, anh Thiệt đã

vui vẻ cho biết:

“Để có được văn bằng PHD, anh đã khổ công học tập, nhiều khi đã quên ăn bỏ ngủ và anh đã thành công trong sự nghiệp ở xứ người. Nhưng sau khi đọc xong cuốn sách Đường Xưa Mây Trắng của Thiền sư Nhất Hạnh và tham dự một khóa tu học với thầy thì những tư tưởng về đạo Phật đã thấm sâu vào tâm thức của anh. Về sau anh lại đọc thêm nhiều kinh sách của Đức Phật và sách của Hòa Thượng Mãn Giác, anh cảm thấy rằng sự hiểu biết của anh còn quá bé nhỏ và mảnh bằng Tiến Sĩ mà anh đã từng hành diện thực ra không là cái gì cả. Anh đã tìm thấy sự an lạc trong tâm hồn nhờ đọc sách của các vị cao Tăng và kinh sách của đức Phật. Do đó, anh quyết định nương thân vào chốn cửa Thiền để tiếp tục có được niềm an lạc trong những ngày còn lại. Cũng chính nhờ tu học với thầy Nhất Hạnh và thực tập cách theo dõi hơi thở do thầy Nhất Hạnh chỉ dẫn mà anh đã dễ dàng tìm giấc ngủ, không còn phải dùng thuốc an thần như anh đã dùng trong suốt hai mươi năm qua. Điều mà anh cảm thấy hạnh phúc nhất là vợ và các con anh đều rất “happy” trong quyết định xuất gia của anh”.

Qua những phút tâm tình với anh Nguyễn Thành Thiệt, tôi cảm nhận được sự an lạc hiện có trong tâm hồn Tỳ kheo Tánh Như.

Vậy bằng những dòng chữ thân ái này, tôi xin thay mặt một số anh chị đã tham dự buổi lễ xuất gia cũng như quý anh chị đã có mặt trong buổi mạn đàm tại nhà tôi vào ngày thứ Bảy 7-6 vừa qua, xin cầu chúc vị tân tu Tánh Như được nhiều “Tịnh Lạc”



Các AH Công Chánh trong ngày AH Nguyễn Thành Thiệt xuất gia - Ảnh Lê Phúc

trong cuộc đời mới.

Cuối cùng, tôi xin Sa di Tánh Như lấy lòng từ bi của đức Phật để hỷ xả cho tôi về đoạn văn thiếu nghiêm túc trên đây. Chẳng qua vì lòng vọng tưởng đức tính tươi vui muôn đời của ái hữu Nguyễn Thành Thiết đó thôi chứ lòng riêng bao giờ tôi cũng quý mến và ngưỡng mộ anh.

Tôn Thất Tùng

Quận Cam,

Trung tuần tháng Tư năm Tân Tỵ

(1) Theo tài liệu chúng tôi tham khảo thì hai chữ cuối trong câu đầu là “tao ngộ” chứ không phải là “tuang ngộ”. Vậy xin nói lại cho rõ.

Thơ

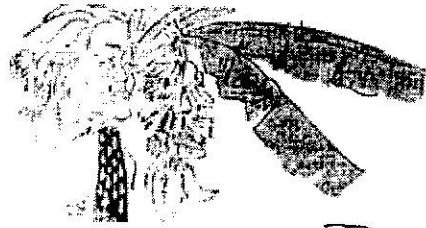


NGHÈO

Vạn lợi chẳng bằng nghèo
Không tiền cực đủ điều
Họ hàng không kẻ đoái
Bè bạn cóc ai theo
Trò chuyện nghe buồn rứt
Tình duyên cũng nhạt phèo
Xưa nay thẳng áo rách
Đến chó cũng không yêu

Tú Mỡ

Thơ



B.H.T

MAI TÔI VỀ

Một mai tôi quay về
Vùng đất gọi là quê
Trời chắc đang nóng cháy
Khói hạ vàng lê thê

Cảnh xưa chắc đổi nhiều
Thân quen chẳng bao nhiêu
Có tìm thăm xóm cũ
Cũng như lạc chợ chiều

Một mai bước bơ vơ
Giữa chốn chẳng ai chờ
Nên chẳng lời oán trách?
Người xưa quá hững hờ

Từ sau cuộc bể dâu
Tình mất nghĩa xưa sau
Giờ làm thân khách lạ
Nơi cát rồn chôn nhau

Một mai lơ đi ngang
Miền hoang vắng nghĩa trang
Thâm ôn thời lửa đạn
Trong lòng lại để tang

Mang mang trời lặng thinh
Kỷ niệm của riêng mình
Trong mơ hồ cát bụi
Tiếc thương những bóng hình



Trong suốt năm năm qua, Nhóm SHVH/LA rất may mắn được những nhân vật của mỗi năm một cách thích ứng. Kết quả các nhân vật của Cộng Đồng được lựa chọn cho thấy Nhóm quả đã làm việc với một tinh thần vô tư và đã phản ánh được qua sự hài lòng của dư luận quần chúng trong Cộng Đồng người Việt tại Louisiana một cách tốt đẹp. Thành quả này chúng ta phải bảo trọng và giữ gìn.

Trên đây là lời nói mở đầu của thuyết trình viên trong buổi họp mặt cuối năm của Nhóm để chọn lựa nhân vật cho năm 1998, được tổ chức tại nhà hàng Kim's Restaurant.

Sau hơn ba giờ hàn huyên, nêu ý kiến phát biểu và thảo luận. Nhóm SHVH/LA đã đồng thuận đi tới kết quả lựa chọn nhân vật của năm 1998 của Cộng Đồng Người Việt tại Louisiana với kết quả Kỹ sư Bùi Đức Hợp được tuyên dương là nhân vật của năm 1998.

Kỹ sư Hợp được biết như một tên tuổi lớn tại New Orleans từ nhiều năm qua về những đóng góp mà ông đã có với thành phố này và Cộng Đồng Người Việt tại Louisiana, kể từ khi ông đến định cư tại đây từ đầu thập niên 80. Thật vậy, thành tích hoạt động của Kỹ sư Hợp thật đa dạng.

Trong Phạm Vi Công Quyền:

Ông Bùi Đức Hợp là Kỹ sư Trưởng (Senior Structural Engineer) tại Ty Công Chánh New Orleans. Trong phạm vi trách nhiệm, qua suốt hơn 15 năm làm việc tại đây. Kỹ sư Hợp đã đạt được nhiều công trình kiến tạo và trùng tu kiều lộ tại New Orleans. Đặc biệt nhất là hoàn thành công trình kiến tạo hành lang Tchoupitoulas thuộc thương cảng New Orleans ngày 16 tháng 5 năm 1998 với một kinh phí khiêm nhường là 72 triệu Mỹ kim với sự khen ngợi nồng nhiệt của Thị trưởng Mare Morial và Hội Đồng Thành Phố New Orleans.

Nhân Vật

Mặc Nhiên ghi

Trong Phạm Vi Chuyên Môn (Kiều Lộ)

Kỹ sư Hợp là tác giả của bảy cuốn sách chuyên biệt ghi nhận các kỹ thuật tân tiến nhất đối với việc phát triển và bảo trì đường lộ. Các tác phẩm của ông được đánh giá cao và có một giá trị hữu dụng lâu dài. Bảy tác phẩm đó là:

- 1- Kỹ thuật làm đường đỡ tốn tiền tại những quốc gia đang phát triển (1974).
- 2- Đồ án nghiên cứu đường xá khả thi (1977)
- 3- Traffic Volume in New Orleans, Louisiana (1988)
- 4- A Practical Solution to Street Design & Construction (1992)
- 5- Street Designing & Construction Features in the City of New Orleans (1997)
- 6- Designing Construction Building & Maintaining The New Orleans Streets To Achieve Their Design Life (1997)
- 7- Tchoupitoulas Corridor Projects Lesson (1998).

Trong Phạm Vi Xã Hội Và Giáo Dục

Kỹ sư Hợp thường dành thì giờ nghỉ cuối tuần của mình để tham gia các công tác xã hội và giáo dục trong môi trường địa phương. Ông là giảng viên của nhiều lớp luyện thi quốc tịch tại New Orleans East, Algier, Harvey... Các lớp luyện thi này đã giúp rất nhiều quý vị cao niên tại New Orleans trúng tuyển các kỳ thi nhập quốc tịch. Trong phạm vi xã hội, ông cũng là người tham gia đầu tiên vào việc thành lập các hội như: Hội Người Việt Cao Niên, Hội Cử Tri Người Mỹ Gốc Việt...

Trong Phạm Vi Tôn Giáo

Kỹ sư Hợp là một tín đồ Thiên Chúa Giáo Thuận Thành, nhưng lại hành sử và sinh hoạt như một môn đệ của Mặc Giáo. Hầu như là cả cuộc đời của ông là một chuỗi dài bận rộn. Giống như Mặc Tử, một triết gia lớn của Trung Hoa thời Tiên Tần, Kỹ sư Hợp "mòn chân lông

gối” mà lo việc thiên hạ. Ông luôn lo giúp đời và làm đẹp cho đời không xá gì đến hoàn cảnh riêng tư đôi khi khắc nghiệt của cá nhân mình.

Ông giúp các công tác xây cất cho tất cả mọi tôn giáo... như Phật Giáo (Chùa Bồ Đề), Cao Đài (Thánh Thất New Orleans), Thiên Chúa Giáo (Linh Đài Đức Mẹ La Vang, New Orleans)... Làm những công việc này, ông giữ được cái đạo vị Dân Tộc và cái tâm vô cầu. Ông là Phối trí viên của Ủy Ban Vận Động Thành Lập Cộng Đồng Người Việt tại Louisiana do quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo tại New Orleans như: Đức Ông Mai Thanh Lương, Thượng Tọa Thích Chơn Minh, Mục Sư Đặng Minh Lành và Quyền Đầu Tộc Đạo Nguyễn Văn Đông tham gia, vận động.

Người Việt tới định cư tại New Orleans từ năm 1975, đến 1990 không hiểu vì lý do gì, Cộng Đồng không thành lập được, những người có lòng muốn đứng ra xây dựng Cộng Đồng đều gặp trở ngại. Được sự trợ giúp ý kiến của một ban tham vấn đặc nhiệm và sự hỗ trợ của Ngọc Lân Magazine, Kỹ sư Hợp quyết tâm một mình một ngựa thúc đẩy việc thành lập cộng đồng qua ngã tôn giáo. Kỹ sư Hợp đã thành công và Cộng Đồng Việt Nam tại Louisiana đã được thành lập vào cuối năm 1993 và tiếp tục sinh hoạt cho đến hôm nay, con đường gian nan của ông Hợp trong tiến trình thành lập Cộng Đồng sẽ được công bố trong hồi ký “Những Năm Làm Báo Tại Hải Ngoại” của Hoàng Hạc Vũ Như Sơn sẽ được ấn hành và được gởi tới độc giả nay mai để chúng ta có dịp thẩm thấu được đôi câu đối của nhị vị danh nho đất Việt: Đặng Trần Thường và Ngô Thời Nhiệm:

“Ai Công Hầu, ai Khanh Tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai.”

Thế Chiến Quốc, Thế Xuân Thu, gặp thời thế, thế thời phải thế”

Những thành tích mà Kỹ sư Hợp thành đạt như vừa trình bày trên, quả là một thành tựu có cân lượng. Nhưng theo kỹ sư Hợp, tất cả

điều đó nay đã trở thành quá khứ, ông mong được “*gửi hương cho gió*” để tiếp tục hướng về tương lai. Nói như vậy dễ nhưng thực hiện được ý nguyện đó không phải là một điều dễ dàng. Bởi ai trong chúng ta khi bước vào khoảng đời “Lục Thập” (lục thập nhi nhi thuận, tới tuổi 60 nghe nói gì cũng lọt tai không nóng nảy, chống đối, buồn phiền, làm chủ được chính mình, kiểm soát được chính mình), thì thấy được những khó khăn trước mặt, nhất là sống tại xã hội Mỹ bây giờ.

Nhưng cái gì sẽ đến, giữa Hè 1998, ở tuổi 62, ông Hợp quyết định hồi hưu non, để hướng về một cuộc đời mới.

Trả lời cuộc phỏng vấn của ký giả lão thành

Nguyễn Trọng được đăng tải trên Văn Nghệ Tiền Phong số 543, mục ký sự Ngọc Lân, Kỹ sư Hợp cho biết: sau khi hồi hưu ông sẽ dành một khoảng thời gian cần thiết để lo cho gia đình, sau đó khoảng đầu năm 1999 ông sẽ qua Phi Luật Tân tình nguyện phục vụ không lương bổng tại làng Việt Nam tại Palawan trong phạm vi chuyên môn là giúp đồng bào Việt định cư tại làng này về các công tác xây cất, bảo trì

đường xá, cầu cống và nhất là tạo cho mỗi gia đình định cư ở đây một khung cảnh quê hương mến yêu với “vườn rau, ao cá” như vẫn thường thấy ở quê hương Việt Nam.

Rồi sau đó, nếu điều kiện thể chất của cá nhân cho phép, ông dự định vâng theo tiếng gọi (vocation) của Thượng Đế để bước vào Đại Chung Viện trong nếp sống tu trì phục vụ Thượng Đế và Giáo Hội qua thiên chức ở tuổi 70.

Đây quả là một lựa chọn thích hợp mà tất cả chúng ta rất đáng ngưỡng phục. Ông đích thực là nhân vật xứng đáng nhất và độc đáo của Cộng Đồng Người Việt tại Louisiana trong năm 1998.

Mặc Nhiên ghi

PHAN BỘI CHÂU TOÀN TẬP



Cụ Phan Bội Châu (1867- 1940) không những là nhà Cách Mạng lớn tiêu biểu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, đồng thời cũng là một nhà văn, nhà thơ lớn có tư tưởng Cách mạng trong lịch sử nước ta thời cận đại.

Bộ sách **“PHAN BỘI CHÂU TOÀN TẬP”** do nhà xuất bản Thuận Hóa phát hành năm 1990 gồm 10 tập, mỏng nhất 370 trang, dày nhất trên 680 trang, tổng cộng trên 4800 trang, là một tài liệu khá đầy đủ để chứng minh điều ấy. Xem qua bộ sách, chúng ta không khỏi ngạc nhiên về số lượng trên hàng nghìn trang thơ văn đủ thể loại viết bằng chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

Theo nhà biên soạn cho biết, một số tác phẩm đã thất truyền, nhưng số sưu tầm được không phải là ít so với bất cứ nhà văn, nhà thơ Việt Nam nào từ xưa đến nay.

Để quý AH chưa có dịp xem qua bộ sách, không rõ 10 tập sách này được sắp xếp các loại văn, thơ của cụ Phan Bội Châu như thế nào, xin trích ghi phần mục lục sau đây:



PHAN BỘI CHÂU TOÀN TẬP (10 tập)

Tập 1 : Thơ văn sáng tác trước khi Phan Bội Châu xuất dương (1882 - 1905)

Tập 2 : Thơ văn thời kỳ Đông Du (1905 - 1909)

Tập 3 : Thơ văn thời kỳ hoạt động ở Xiêm, Trung Quốc (1910 - 1925)

Tập 4 : Thơ văn thời kỳ ở Huế (1925 -1940)
(Văn xuôi, Truyện ký, Tạp văn, Chính luận)

Tập 5 : Thơ văn thời kỳ ở Huế (1925 -1940)
(Văn vần, Thơ, Phú, Văn tế, Câu đối...)

Tập 6 : Chuyên tập

về Tự truyện và Triết luận

Tập 7 : Chu dịch quốc âm diễn giải. Tập thượng.

Tập 8 : Chu dịch quốc âm diễn giải. Tập hạ.

Tập 9 : Khổng học đăng. Tập thượng.

Tập 10 : Khổng học đăng. Tập hạ.

Chúng tôi xin trích đăng một số thơ văn của cụ, mà hầu hết đều mang nỗi niềm người dân nô lệ và kêu gọi đứng lên chống thực dân, đô hộ để giải phóng quê hương.

Lê Khắc Thí.

Trang Thơ

PHAN BỘI CHÂU



NGHĨ XEM SỰ THẾ.

*Nghĩ xem sự thế thế nào đây?
Ngoảnh lại giang sơn giọt lệ đầy.
Một lũ quan dân phường lính lệ.
Vài câu kinh kệ giấc đêm khuây.
Đại chi xấu mặt cam lòng chịu.
Khôn cũng tung lông cất cánh bay.
Khúc ruột gan này ai chẳng có?
Có ai nghĩ đến cái văn này?*

(Theo Trần Trung Viên : Văn Đàn
Bảo Giám. Q. 4 Nhà xuất bản
Mạc Lâm Sài Gòn, 1968 - tr 29)

GỎI CHO CÔ PHƯƠNG DANH

*Phàm vật hữu hình giai hữu hoại.
Một năm xương nuôi mỗi có gì!*

*Chả bao lăm ba vạn sáu nghìn ngày,
Trăm tuổi cũng không hơn gì chốc phút.
Bất hủ chỉ phương danh là thọ tốt,
Chẳng phương danh thì trăm một nay mai.*

*Kìa núi có khi lở, biển có khi vơi,
Có khi sụp đất, có khi đổ trời.
Duy danh ấy đời đời thường bất hủ,
Miếng bã vình hoa đèn trước gió,
Lớp tuồng phú quý giấc chiêm bao.
Oa dinh tông chất ngất bức tường cao.
Hoa Thịnh Đốn chẳng bao giờ chết đứng!
Dám mây nổi giữa tung bay thấp thoáng.*

*Mặc dầu đẹp, mặc dầu ngon,
Dầu lớn của nhà, dầu nhiều tiền lắm ruộng,
Chẳng thấy ai mang xuống tới tuyến đài.
Ma cướp người nào có chữa ai,
Dầu vương tướng công hầu đâu tránh khỏi?
Ai có óc thử nghĩ đi ngẫm lại,
Đem hình hài mà đổi lấy phương danh.
Sinh là tử mà tử cũng là sinh,
Toan bất tử phải bất sinh là trí tuyệt.
Xem vô số thánh hiền hào kiệt,
Trên sử xanh chưa thấy chết là ai,
Trưng Vũ Vương vẫn sống hoài hoài.
Trần Hưng Đạo vẫn như người hiện đại.
Non sông đổi mà phương danh bất cải,
Mỹ miều thay cô gái phương danh!
Bạo gan hãy cười lấy cô mình,
Đã bất tử lại trường sinh mãi mãi.
Mả Tần đế Lý sơn thành đất cái,
Vàng Thạch Sùng, Kim Cốc lại còn đâu?
Danh kia bất hủ ngàn thu!*

(Tiếng Dân)
18/1/1936

TIỀN

*Ác bạc chi mi lăm hơi tiền?
Mi làm nhân loại lăm khi diên!
Mi tô mặt nạ đen thay trắng,
Mi đẹp nhân tình thẳng hóa xiên,
Mi dập cương thường vào một xó,
Mi xô nhân nghĩa rẽ hai bên,
Mi xui thế giới đâm nhau mãi,
Ác bạc chi mi lăm hơi tiền?*

RU EM



Ru hời, ru hời, ru hời,
Nín đi em hời, chị ngồi chị ru,
Nước ta từ dựng cơ đồ,
Bốn ngàn năm lễ, tượng đồ còn kia.
Rừng vàng, bể bạc thiếu chi,
Non sông đất nước cũng thì người ta,
Mà thử ngắm Xiêm La, Nhật Bản,
Một vút lên cùng bạn liệt cường,
Nước mình thua kém trăm đường,
Sống say, chết dở mơ màng điếc câm,
Nghĩ lắm lúc âm thầm chị giận,
Không chủ quyền nên mất tự do,
Cơ đồ tiên tổ để cho,
Chỉ vì con cháu không lo giữ gìn!
Nay đến nỗi không quyền tự trị,
Mấy mươi năm sỉ nhục em ơi!
Ru hời, ru hời, ru hời,
Mong em khôn lớn nên người,
Ơn nhà nợ nước em thời lo toan,
Lo toan đem lại giang san,
Dừng ham sống cái nhân tàn như ai!

(Theo báo Tinh Thần ngày 5/7/1948)

VÀI CÂU ĐỐI CỦA CỤ PHAN BỘI CHÂU

TỰ VINH, Năm 1900

Non nước chán chương vai Chúa Chổm,
Xiêm đai cũ kỹ lột thăng Ngô.

KHẤU KHÍ...

Nhật nguyệt hai vùng treo trước mắt,
Giang sơn một gánh nặng trên vai.

**ĐỀ Ở RAP HÁT TƯỚNG
CỦA RAP NGUYỄN TUÂN Ở HUẾ**

Mang râu, đội mũ làm người lạ,
Vác giáo, phất cờ đánh kẻ quen!

(1903)

KÍNH QUỐC NHÂN

Nhất sự bất tri nho sở sĩ
Nông thương hay mà công cỏ (?) cũng hay
Trong cuộc đời nào ai dở ai hay ?
Thả ra mới biết kẻ gây người béo
Nhà nho hủ tướng mình là khôn khéo
Đem văn chương mà reo réo trong đời
Năm ba câu bát cổ toi bời
Trừ cử nghiệp sự ngoài chỉ chẳng biết
Ai sinh tồn, ai cạnh tranh, ai thắng ai,
ai bại liệt ?
Trong địa cầu nào biết những ai ai ?
Chữ duy tân gác bỏ ngoài tai
Những tập tặn đua tài nô lệ
Đán ngôn vũ trụ giai ngô sự
Mặc bả giang sơn thuộc bỉ cương
Nếu mà ai có chí cải lương
Thì phải tự cường âu mới được
Sá kể chi vài ba năm những trước
Nghĩa đồng bào xin hãy hợp quần chơi
Khi nên trời cũng chịu người.

PHAN BỘI CHÂU

BÀI THƠ TUYỆT MẠNG

1.
Sáu chục năm nay ở cõi đời
Trần duyên giờ hẳn giữ xong rồi
Bình sinh chí lớn là đâu tá ?
Trắng rọi lòng sông, mây ngắt trời !
2.
Sống đã không trừu xong giặc nước
Chết đi há lụy đến người sau
Phen này miệng cộp âu đành dạ
So với Di Tà có kém đâu ?
3.
Thương khóc non sông với quốc dân
Tài hèn không vớt được trăm luân
Lòng này chưa hả thân đà chết
Thẹn xuống Hoàng tuyền gặp cố nhân.

(Nguyên văn của **Phan Bội Châu**
do vô danh dịch)



Chuyện bà Phan Bội Châu



Phan Bội Châu (1867-1940) là một nhà yêu nước vĩ đại. Suốt đời ông đã quên mình và quên cả gia đình, hoạt động vì dân vì nước. Ông làm được điều này, một phần nhờ sự hy sinh cao cả của vợ ông, bà Phan Bội Châu.

Bà Phan Bội Châu tên thật là Thái Thị Huyền, con ông Thái Văn Giai. Ông Thái Văn Giai là một nhà Nho thôn Đức Nam, làng Diên Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, và là bạn học của ông Phan Văn Phổ, thân sinh Phan Bội Châu. Bà Thái Thị Huyền sinh năm 1866 (bính dần), lớn hơn chồng một tuổi.

Phan Bội Châu vốn có chí hoạt động cách mạng, muốn trì hoãn việc lập gia đình, nhưng ông là con trai độc nhất trong một gia đình đã bốn đời có con trai một, nên thân sinh ông bắt ông phải cưới vợ sớm. Hai ông bà đính hôn lúc còn nhỏ tuổi, và làm lễ cưới năm 1888 (mậu tý) do sự sắp đặt của gia đình hai bên.

Cưới vợ được tám năm, ông vẫn chưa có con mà thân phụ ông muốn có cháu bông, nên bà Thái Thị Huyền (chánh thất, vợ cả) đã cưới bà thứ thất (vợ nhỏ) cho chồng năm 1896.(1)

Chẳng bao lâu bà thứ thất sinh được một con trai và bà chánh thất (bà Huyền) cũng sinh thêm một trai nữa. Theo tục lệ xưa, tuy con bà chánh thất sinh sau, nhưng được làm anh, còn con bà thứ thất sinh trước, lớn tuổi hơn, lại phải làm em. Để khẳng định tôn ty trong gia đình, Phan Bội Châu đặt tên con bà chánh thất (nhỏ tuổi hơn) là Phan Nghi

Huỳnh, con bà thứ thất (lớn tuổi hơn) là Phan Nghi Đệ. "*Nghi huynh nghi đệ*" có nghĩa là "*anh xứng đáng ra anh, em xứng đáng ra em.*" Cách thức sắp đặt gia đình của Phan Bội Châu theo đúng đạo cương thường trong Nho giáo.

Phan Bội Châu vốn không có chí khoa cử sĩ hoạn, nhưng để có điều kiện hoạt động cách mạng, ông dự kỳ thi hương tại trường thi Nghệ An năm canh tý (1900) và đỗ giải nguyên (thủ khoa). Sau đó Phan Bội Châu vào Huế mượn cơ theo học trường quốc tử giám để tìm cách liên kết nhân tài. Cuối năm 1904 (giáp thìn), đang học ở Huế, Phan Bội Châu xin phép trường Quốc Tử Giám về quê ăn Tết, thật ra là rời Huế để chuẩn bị qua Nhật hoạt động. Trước khi ra đi vào năm 1905, Phan Bội Châu đã tự viết hai tờ giấy ly dị vợ giao cho hai bà để phòng thân, rủi công việc của ông bị bại lộ, nhà cầm quyền có thể đến làm phiền hai bà, thì hai bà trưng giấy ly dị để khỏi bị liên lụy.(2)

Phan Bội Châu viết rất nhiều, nhưng ngược lại rất ít nói về gia đình. Sách vở cũng ít đề cập đến gia đình Phan Bội Châu, do đó, không thấy nói tên bà thứ thất, và cũng không biết bà sinh và mất năm nào. Có thể bà từ trần trước khi Phan Bội Châu bị bắt về nước năm 1925, vì khi người Pháp dẫn giải Phan Bội Châu từ Hà Nội vào Huế cuối năm đó, đi ngang qua thành Nghệ An, chỉ có một mình bà chánh thất đến gặp Phan Bội Châu được nửa giờ đồng hồ. Trong câu đối khóc bà vợ thứ, Phan

Bội Châu kể:

“Có chồng mà ở góa, mấy chục năm tròn, ơn trời gặp hội đoàn viên,[3] vội bỏ đi đâu, trao gánh nặng về phần chị cả;

“Vì nước phải liều mình, biết bao bạn cũ, cõi Phật đưa lời trân trọng, thiêng thời phải gắng, chung lòng hăng hái với thầy tôi.”

Bà chánh thất Thái Thị Huyền từ trần năm 1936 (bính tý). Chúng ta biết được điều này dựa vào niên biểu câu đối an ủi vợ lúc lâm chung và lời Phan Bội Châu kể cho các con nghe về bà mẹ lớn.

Sau đây là câu đối Phan Bội Châu gởi về an ủi vợ lúc sắp mất:

“Tráp niên dư cầm sắc bất tương văn, khổ vũ thê phong, chỉ ảnh vì phu, nhật hướng sần nhi huy nhiệt lệ;

“Cửu tuyền hạ băng thân như kiến ván, di sơn điền hải, hữu thủy tương bá, thiên xai lão hán bá không quyền.”[1936]

Tạm dịch:

“Hai mươi năm đàn nhip không hòa, gió thắm mưa sầu, lấy ảnh làm chồng, ngày ngóng dần con tuôn giọt lệ;

“Dưới chín suối bạn bè gặp hỏi, đời non lấp biển, có ai giúp mợ, trời ghen thân lão năm tay không.”

Sau đó, khi bà Thái Thị Huyền từ trần, Phan Bội Châu làm câu đối khóc vợ:

“Tình cờ động khách năm châu, hơn ba mươi năm chồng có như không, cố đứng vững mới ghê, nuốt đắng ngậm cay tròn đạo mẹ;

“Khen khéo giữ bốn đức, gần bảy mươi tuổi sống đau hơn thác, thôi về mau cho khỏe, đền công trả nợ nặng vai con.”(4)

Về phần hai người con trai của Phan Bội Châu, cha là một nhà khoa bảng nổi tiếng, nhưng vì yêu nước, đi làm cách mạng, nên gia đình quá nghèo túng khó khăn, đã phải đi sống nhờ ở nhà người khác, và không được học hành gì nhiều. Có người nói rằng, thuở nhỏ hai ông phải đi trốn tránh để khỏi bị Pháp bắt, nhưng vẫn nhiều lần bị các hương chức địa phương làm khó dễ, kể cả gia đình người con gái là vợ của ông Vương Thúc Oánh.(5)

Khi Phan Bội Châu bị Pháp đưa về an trí ở

Huế, Phan Nghi Đệ cùng vợ con vào Huế hầu hạ phụ thân. Phan Nghi Huynh ở lại Nghệ An hầu hạ bà mẹ ruột và là bà vợ cả của Phan Bội Châu. Sự phân công này trong gia đình có lẽ một phần vì bà thứ thất, thân mẫu của ông Phan Nghi Đệ đã từ trần trước 1925. Phan Nghi Huynh chỉ vào Huế vài lần thăm cha rồi trở ra Nghệ An sinh sống với mẹ.

Phan Nghi Đệ sống bên cạnh Phan Bội Châu cho đến khi thân phụ qua đời năm 1940. Năm 1946, Phan Nghi Đệ chạy tản cư về An Truyền (làng Chuồn), huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên, và từ trần tại đây. Sau đó ông được cải táng về nằm cạnh cha trong vườn nhà của Phan Bội Châu ở dốc Bến Ngự, Huế.

Để hiểu rõ hơn về bà Phan Bội Châu, có lẽ nên nghe lời ông kể về bà cho các con ông nghe:

“Này con,

“Các con ơi! Cha mấy e chết rày mai, có lẽ với mẹ mấy không được một phen gặp nhau nữa! Nhưng nếu trời thương ta, cho hai ta đồng thời gặp nhau ở suối vàng cũng vui thú biết chừng nào.

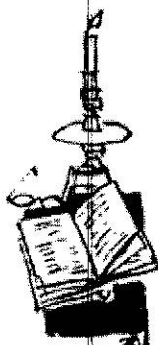
“Nhưng đau đớn quá! Mẹ mấy e chết trước ta. Ta hiện giờ nếu không chép sơ những việc đời Mẹ mấy cho các con nghe, thời các con rồi đây không biết rõ Mẹ mấy là người thế nào, có lẽ bảo Mẹ ta cũng như người thường thả cả.

“Than ôi! Ta với Mẹ mấy, vợ chồng “thật” gần năm mươi năm, mà quan quả “giả” gần bốn mươi năm [quan: vợ chết, quả: chồng chết]. Khi sống chẳng mấy hồi tương tự; mà đến khi chết lại chỉ tin tức nghe hơi! Chúng mấy làm con người, đã biết nỗi đau đớn của Cha mấy với Mẹ mấy, chắc lòng mấy con thế nào cũng an thích được.

“Bây giờ ta hơn lúc sắp sửa chết, mà chưa chết, đem lịch sử Mẹ mấy nói với mấy.

“Mấy nên biết, nếu không có Mẹ mấy, thời chỉ của Cha mấy đã hư hỏng những bao giờ kia.

“Cha ta với Tiên nghiêm [cha] của Mẹ mấy xưa, đều là nho cũ rất nghiêm giữ đạo đức xưa. Mẹ mấy lớn hơn ta một tuổi. Hai ông đính hôn gia với nhau từ khi con còn nên



một. Tới năm Mẹ mây hai mươi ba tuổi [tuổi ta, tức 1888], về làm dâu nhà ta. Lúc ấy, Mẹ ta bỏ ta đã tám năm, trong nhà duy có cha già với em gái bé. Ta vì sinh nhai bằng nghề dạy trẻ, luôn năm ngôi ở quán phương xa, cái gánh sớm chiều gạo nước gỏi vào trên vai Mẹ mây. Cha ta đối với con dâu rất nghiêm thiết, nhưng chẳng bao giờ có sắc giận với Mẹ mây. Cha ta hưởng thọ được bảy mươi tuổi, nhưng bệnh nặng từ ngày sáu mươi. Liên miên trong khoảng mười năm, những công việc thuốc thang hầu hạ bên giường bệnh, cho đến các việc khó nhọc nặng nề mà người ta không thể làm, thấy thấy một tay Mẹ mây gánh cả. Kể việc hiếu về thờ ông gia, như Mẹ mây là một việc hiếm có vậy.

“Trước lúc cha ta lâm chung [1900], ước một phút đồng hồ, gọi Mẹ mây bỗng mây tới cạnh giường nằm, chúc ta rằng: “Ta chết rồi, mây phải hết sức dạy cháu ta, và hết sức thương vợ mây. Vợ mây thờ ta rất hiếu, chắc trời cũng làm phúc cho nó.” Xem lời nói lâm chung của Cha ta như thế, cũng đủ biết nhân cách Mẹ mây rồi.

“Năm Cha ta sáu mươi sáu tuổi [1896], còn hiếm cháu trai, vì ta là con độc đinh [con trai duy nhất], nên cha ta cũng khát cháu lắm. Mẹ mây muốn được chóng sinh trai cho vừa lòng Cha, nên gấp vì ta cưới thứ mẫu mây, chẳng bao lâu mà em mây sinh. Trong lúc thăng Cu mới ra đời, Mẹ mây gánh vác việc ôm ấp đùm bọc hơn một tháng. Cha ta được thấy cháu đầu hoan hỉ quá chừng. Thường nói với ta rằng: “Ta chỉ còn một việc chết chưa nhắm mắt, là mây chưa trả cái nợ khoa danh mà thôi”.(6) Mẹ mây nhân đó càng ân đức thứ mẫu mây, thân yêu nhau hơn chị em ruột.

“Kể đức nhân về ân ái với người phận em như Mẹ mây cũng ít có.

“Cứ hai chuyện như trên, bảo Mẹ mây là Mẹ hiền về thời cữ chắc không quá đáng. Nhưng mà bắt buộc cho ta phải trọn đời nhớ luôn, thời lại vì có một việc: Nguyên lai nhà

ta chỉ có bốn tám phen tre sông, chẳng bao giờ chứa gạo tới hai ngày. Nhưng vì trời cho tính quái đặc: thích khoản khuếch [khoản dãi rộng rãi], hay làm ân. Hễ trong túi đựng được đồng tiền, thấy khách hỏi tức khắc cho ngay. Thường tới khi từ trường quán về, ta tất mang luôn khách về nhà, khách hoặc năm,

sáu người, có khi mười người chẳng hạn, nhưng chiều hôm sớm mai, thiếu những gì tất hỏi Mẹ mây. Mẹ mây có gì đâu! Chỉ dựa vào một triềng [gánh] hai thùng, từ mai tới hôm [từ sáng tới tối] mà hễ nghe chồng đòi gì thời có nấy. Bổng dạy học của ta tuy có nhiều, nhưng chưa một đồng xu nào là tay Mẹ mây được xài phí. Khổ cực mấy nhưng không sắc buồn; khó nhọc mấy nhưng không tiếng giận. Từ năm ta ba mươi sáu tuổi [1902], cho tới ngày xuất dương,

những công cuộc kinh dinh việc nước, Mẹ mây ngầm biết thấy, nhưng chưa từng hé răng một lời. Duy có một ngày kia, ta tình cờ ngồi một mình, Mẹ mây ngồi dựa cột, kể một bên ta nói: “Thầy chắc toan bắt cộp đó mà? Cộp chưa thấy bắt mà người ta đã biết nhiều sao thế?” Mẹ mây tuy có nói câu ấy, mà lúc đó ta làm ngơ, ta thiết dờ quá!

“Bây giờ nhắc lại trước khi ta xuất dương, khoảng hơn mười năm. Nghèo đói mà bạn bè nhiều; cùng khốn mà chí khí vững, thiệt một phần nửa là nhờ ân Mẹ mây.

“Tới ngày ta bị bắt về nước, Mẹ mây được gặp ta một lần ở thành tỉnh Nghệ, hơn nửa tiếng đồng hồ chỉ có một câu nói rằng: “Vợ chồng ly biệt nhau hơn hai mươi năm, nay được một lần gặp mặt Thầy, trong lòng tôi đã mãn túc rồi, từ đây trở về sau, chỉ trông mong Thầy giữ được lòng Thầy như xưa, Thầy làm những việc gì mặc Thầy, Thầy không phiền nghĩ tới vợ con.”

“Hỡi ôi! Câu nói ấy ấy bây giờ còn phảng phất bên tai ta, mà té ra ử dài năm tháng, chẳng một việc gì làm, chốc chẵn mười năm.

“Phông khiến Mẹ mây mà chết trước ta, thời trách nhiệm của ta e còn nặng mãi mãi.



*Suối vàng quanh cách, biết lối nào thăm; đầu
bạc trăm năm, còn lời thề cũ. Mẹ mây thật
chẳng phụ ta, ta phụ Mẹ mây!*

*“Công nhi vong tư” chắc Mẹ mây cũng lượng
thứ cho ta chứ “. [1936](7)*

Hình ảnh bà Thái Thị Huyền, qua lời kể chuyện của Phan Bội Châu, có thể được xem là biểu tượng của thế hệ phụ nữ Việt Nam theo truyền thống Nho phong ngày xưa, âm thầm gian khổ gánh vác toàn bộ công việc gia đình, để chồng có thể dồn mọi nỗ lực lo việc đất nước. Đúng như lời Phan Bội Châu đã viết: *“Nghèo đói mà bạn bè nhiều, cùng khổn mà chỉ khi vưng, thiệt một phần nửa là nhờ ân Mẹ mây “. Một nửa sự nghiệp của Phan Bội Châu là nhờ bà Thái Thị Huyền vưng tay lo việc gia đình. Chẳng những riêng Phan Bội Châu, mà hầu như một nửa sự thành công của nhiều danh nhân là nhờ ơn các bậc hiền phụ.*

CHÚ THÍCH :

1. Theo tục lệ ngày xưa, vợ cả (chánh thất) cưới vợ nhỏ (thứ thất) cho chồng.

2. Tôn Quang Phiệt, “Một vài kỷ niệm về Phan Bội Châu”, đăng trong Ông già Bến Ngự, hồi ký của một nhóm tác giả, Nxb. Thuận Hóa, Huế 1982, tr. 53.

3. Hội đoàn viên: ý chỉ việc Phan Bội Châu ghé Nghệ An trên đường bị Pháp dẫn từ Hà Nội vào Huế năm 1925.

4. Các câu Phan Bội Châu an ủi và khóc vợ trích từ Chương Thâu, Phan Bội Châu toàn tập, tập 6, Nxb. Thuận Hóa, 1990, tt. 442-444.

5. Tôn Quang Phiệt, bài đã dẫn, tt. 53-55.

6. Lúc này Phan Bội Châu chưa đậu cử nhân. Năm 1900 (canh tý), ông đậu giải nguyên (đậu đầu) kỳ thi Hương trường thi Nghệ An vào tháng 7 thì tháng 9 cụ Phan Văn Phổ từ trần.

7. Chương Thâu, Phan Bội Châu toàn tập, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, 1990, tt. 349-351.

“Công nhi vong tư” nghĩa là lo việc chung mà quên việc riêng.

CẨM SẮT

Thơ

Lý Thương Ẩn (813- 858)

*Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền
Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên
Trang Sinh hiểu mộng, mê Hồ Diệp
Vọng đế xuân tâm thác Đỗ Quyên
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam Điền nhật noãn ngọc sinh yên
Thử tình khả dải thành truy ức
Chỉ thị đương thời dĩ vãng nhiên.*

KIỀU

Nguyễn Du (1776- 1820)

*Khúc đầu đầm ấm dương hòa
Ấy là Hồ Diệp hay là Trang Sinh
Khúc đầu êm ái xuân tình
Ấy hồn Thục Đế hay mình Đỗ Quyên
Trong như châu nhỏ duyên quyền
Ấm như hạt ngọc Lam Điền mới đông*

Bản dịch lục bát
của **Trần Trọng San**

*Cây đàn năm chục đường dây
Mỗi dây mỗi trụ nhớ ngày còn xanh
Mơ màng giấc bướm Trang Sinh
Ngày xuân vọng đế Đỗ Quyên gửi vào
Biển xanh trắng chiếu lệ châu
Ngọc phơi nắng ấm khói cao Lam Điền
Tình này đợi nhớ nên niềm
Thế nhưng đã ngậm ngùi duyên bấy giờ*

Bản dịch thất ngôn bát cú
của **Khương Hùng Chấn**

*Cây đàn cẩm sắt mấy mươi dây
Phím dây gợi nhớ thuở nào đây
Trang Sinh, Hồ Diệp ai mê mộng
Thục Đế, Đỗ Quyên giải lòng này
Trăng sáng biển xanh châu nhỏ lệ
Lam Điền nắng ấm ngọc thành mây
Tình này lẽ đợi nên lưu niệm
Ngại nỗi thời xưa ngao ngán thay*

BÍ QUYẾT SỐNG LÂU

Giáo Sư NGUYỄN VỸ

BPT: Đây là bài đáp từ của Giáo Sư Nguyễn Vỹ nhân dịp Lễ Thượng Thọ 100 tuổi - một vị thầy của nhiều thế hệ học sinh - đã 70, 80 năm trước đây, trong đó có nhiều Ái Hữu Công Chánh đã có thời học Trung học tại các trường tại miền Trung. Bài phát biểu của GS có nhiều ý kiến rất hay đối với Ái Hữu cao niên.

Nha Trang, ngày 25/6/2000

Kính thưa quý vị

Đã mấy lần khi tôi thọ 70 tuổi, 80 tuổi và 90 tuổi, con cháu trong gia đình xin phép tổ chức những lễ mừng thọ, vì cảm thấy đời mình không ích gì cho ai nữa và mình không xứng đáng được sống trên trái đất này...nên tôi không chấp nhận.

Bây giờ là lễ mừng thọ 100 tuổi! 100 tuổi, cái tuổi mà hiện nay vẫn còn là “cổ lai hy” ở trong nước ta cũng như ở các nước khác! 100 tuổi, cái tuổi mà cụ Tiên Điền Nguyễn Du coi như giới hạn cuối cùng của đời người ta: “Trăm năm trong cõi người ta”

100 tuổi, cái tuổi mà Tết đến người ta thường chúc tụng lẫn nhau như nhà thi Tú Xương đã viết:

“Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau.

Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.”

100 tuổi, cái tuổi mà thi sĩ Tản Đà cũng thừa nhận ít người sống đến được: “Nghìn xưa đã mấy ai đà trăm năm”.

100 tuổi, cái tuổi quý như vậy, nên tôi vui vẻ đón mừng Lễ Thượng Thọ này. Lễ này lại do các anh chị cựu học sinh của các trường Quốc Học Huế, Quốc Học Quy Nhơn, Nữ Trung học Đồng Khánh, Trung Học Lê Khiết Quảng Ngãi, Trung Học Võ Tánh Nha Trang... đứng lên tổ chức với gia đình tôi. Lễ mừng tiêu biểu cho tình thâm nghĩa trọng giữa tôi và học sinh cũ của tôi...nên Lễ Mừng Thượng Thọ này tôi hân hạnh và vui mừng chấp nhận.

Đã sinh vào đời, ai cũng muốn sống lâu, sống đến đại thọ. Rủi mà bị bệnh tật nan y hay gặp cảnh đói nghèo cùng cực, cớ bữa trước, thiếu bữa sau, CON NGƯỜI VẪN LUÔN LUÔN MUỐN SỐNG.

Gã tiểu phu của thi sĩ ngụ ngôn La Fontaine rên rỉ và khom người dưới gánh nặng của bó

củi và của năm tháng chồng chất, lê từng bước cố gắng trở về túp lều tranh. Đã kiệt sức vì đói và mệt, gã quẳng bó củi xuống đất và ngẫm nghĩ về thân phận đau khổ của mình: “Từ khi sinh ra ở đời, có được hưởng vui thú gì đâu! Trong thiên hạ có ai nghèo khổ hơn mình? Nhiều khi chịu đói, bụng đau như cắt và chẳng bao giờ được nghỉ ngơi. Thôi không muốn sống nữa! Thân chết! Hãy đến cứu tôi!” Thân chết đến ngay và hỏi:

Anh muốn gì?

Tôi nhờ ông đặt bó củi này lên vai.

Và La Fontaine kết thúc câu chuyện ngụ ngôn này như sau: “*Plutôt souffrir que mourir, c'est la devise des hommes*” (Thà chịu đau khổ còn hơn phải chết. Đó là phương châm của con người).

Bà văn sĩ Sévigné được con gái hỏi: “Mẹ, Mẹ có yêu đời không?” Bà trả lời: “*La vie m’ a réservé bien des déboires. Mai, s’il faut en sortir, cela m’ assomme*” (Đời dành cho mẹ bao cay đắng thất vọng, nhưng nếu phải từ giã cuộc đời thì đó làm mẹ vô cùng khổ sở).

Cụ Nguyễn Công Trứ lớn tiếng trách móc tạo vật là bất nhân và muốn sao cho con người sống đến trăm tuổi hoặc nhiều hơn nữa: “Ngẫm cho kỹ. Tội bất nhân là Tạo vật. Đã sanh ra người lại hạn lấy năm. Kể làm chi đưa lên bấy, thân lên năm, Dẫu ba vạn sáu ngàn ngày là mấy chó”

Thi sĩ Tản Đà, đang chén tạc, chén thù với bạn, cất giọng hỏi:

“Đời đáng chán? hay không đáng chán?

Cát chén quỳnh, riêng hỏi bạn tri âm.”

Nếu nghĩ tới đời là đáng chán thì chẳng cứ gì những chị em trong xóm Yên Hoa, mà xem như nghìn xưa kia: nàng My Châu ở bể Nam

Hải, nàng Phan Thị Thuần ở sông
Thúy Ái, nàng Tây Thi ở khúc sông
Tiền Đường, nàng Ngu Cơ ở bên
sông Ô Giang, đó toàn những hạng
người tài hoa, tiết liệt, đài trang,
mà thân nào có ra gì đâu!

*“Ngắm nghìn xưa, ai tài hoa,
tiết liệt đài trang,*

*Cùng một giấc mơ màng trong
vũ trụ.”*

Vậy thì cái lẽ đời đang chán
chỉ cứ biết qua như thế thôi là
phải, còn như nên chán hẳn hay
không thì phải nghĩ lại kẻo mà có
chỗ sai lầm

*“Sự chán đời xin nhủ lại tri âm,
Nên chẳng nghĩ lại kẻo nhảm”*

(Tản Đà)

Riêng Tản Đà thì yêu đời da diết:

“Cuộc đời tớ nghĩ chưa nên ngán

Nếu ngán thời xưa tớ đã thôi...”

Tớ muốn chơi cho thật mãi đời.

Đời chưa thật mãi tớ chưa thôi”

Thi sĩ Xuân Diệu buồn phiền vì đời ngắn
ngủi quá đã than:

“Nói làm chi rằng Xuân vẫn tuần hoàn

Khi tuổi trẻ không hai lần thăm lại

Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi

Tôi bâng khuâng trách cả đất lẫn trời”.

Để thực tế hơn, chúng ta hãy ráng sống
đến 100 tuổi như tôi đây. Chắc các bạn sẽ
quay lại hỏi tôi: *“Bằng phương cách nào?”*.
Thật là tôi sống không có chương trình, kế
hoạch, sống được năm tháng nào thì cho là
mệnh số như cha ông ta vậy.

Thật ra tôi vào đời với những sự việc không
thuận cho sức khỏe. Tôi là con út trong gia
đình 6 con và mồ côi cha khi mới 3 tuổi. Mẹ
tôi thường dặn tôi *“Con phải giữ gìn sức khỏe.
Khi sinh ra con, cha con đã yếu sức nhiều”*.

Tôi sinh trưởng ở vùng núi rừng Nghĩa
Hành. Ông cho chúng tôi vào miền Nam hơi
chậm, đất ở vùng bình nguyên hết, nên phải
vỡ sườn núi lớn để xây dựng nhà. Chúng tôi
sống chung với muỗi sốt rét và uống nước từ
rừng chảy ra.

Cái may nhất của đời tôi là đã lựa nghề
thầy giáo. Với đồng lương khiêm tốn, thầy



giáo phải có điều độ, không
“rượu sớm, trà trưa”, không *“trà
đình, tầu điểm”*. Nghề giáo tuy
phải học hỏi, nghiên cứu để cập
nhật khỏi lạc hậu nhưng không
nhọc thân, hại sức, không thức
khuya dậy sớm, tiếp xúc hàng
ngày với thanh thiếu niên, giới
dễ dạy, dễ bảo nên thầy giáo
ít bị cái nạn chướng tai gai
mắt, khỏi phải phung mang
trợn mắt...tác hại cho sức khỏe.

Nghề thầy giáo không phải
nghề *“võng lọng ngựa xe”*,
không phải sử dụng *“tiền muôn
bạc tỷ”*, nên mộng *“công hầu*

khanh tướng”, mong *“nhà lầu xe hơi”* ít đến
vấn vương. Trí óc và tâm thần thầy giáo nhờ
đó mà thanh thản và lương tâm không bị
cấn rứt, giấc ngủ yên bình, sức khỏe nhờ đó
mà tốt đẹp.

Hình như tôi tô điểm quá nhiều cho nghề
dạy học. Người Pháp có câu tục ngữ: *“Tant
vaut l'homme, tant vaut la terre”* (Người giá
trị bao nhiêu, đất giá trị bấy nhiêu). Nếu người
không có giá trị, nghề nghiệp khó mà đem
giá trị đến cho con người. Tất cả do người mà
ra. Và giá trị con người do những cố gắng bản
thân của con người, vượt qua trở ngại vươn
lên cố đạt tới những lý tưởng tốt đẹp như Chân-
thiện - Mỹ. Mà phương cách hiệu quả nhất để
cố gắng thành một con người có giá trị là tha
thiết yêu những giá trị chân chính ấy. Hay
hỏi cách khác như Baudelaire: *“Enivrez- vous
de poésie ou de vertu”* (Hãy say sưa hay say
mê những điều tốt đẹp)

Riêng thầy giáo, muốn thành thầy giáo tốt
phải yêu nghề, yêu trẻ, yêu môn mình giảng
dạy. Có yêu say mê mới hưởng được những tác
động tốt của nghề giáo, giúp ta được sức khỏe
sống lâu. Chẳng hạn như có được cuộc sống
thanh bình, điều độ, tâm hồn thanh thản...

Xin thêm một vài bí quyết để sống 100 tuổi.
Trước hết phải lo bổ dưỡng thể xác của mình,
đồng thời đừng quên trí tuệ và tâm linh. sáng
đây, tập thể dục thể thao ít nhất 30 phút. Tối
trước khi đi ngủ tập 10 phút. Khi tập, nhớ thở
mạnh và thở sâu. Ngoài ra, có thể chơi thể

thao tùy theo sở thích và khả năng. Một môn thể thao rất tốt hợp với mọi người là đi bộ. Về phần tâm linh, tốt nhất là phương châm xử thế của các nhà nho: “*Thiên Thuận- Địa lợi- Nhân Hòa*”. Ở miền Trung, bà con ta thường nói: “*Chèo xuôi mát mái, chèo lại ngênh ngang*” ý nghĩa gần gần như vậy; khi thì ta có thái độ CUÔNG, khi thì ta NHU.

Tôi xin dừng ở đây. Tôi có vẽ thầy giáo lên lớp quá. Dầu sao tôi vẫn là thầy giáo. Và nếu tôi được phép chọn lại một nghề cho đời mình, thì tôi vẫn chọn nghề thầy giáo của tôi. Lý do là vì trong nghề thầy giáo, tôi luôn luôn sống trong tình thương đầm ấm của học sinh.

Cách đây 2 năm, tôi ra Hà nội, một cậu học trò cũ của tôi, cậu Nguyễn Tăng Hích, cũng có thể là một học trò khác nói với tôi: “*Thưa thầy, cách đây 70 năm, con vào học năm đầu của ban trung học, ở trường Khải Định Huế. thầy là giáo sư chánh của lớp đó. Bây giờ gặp nhau, dầu là gì, con vẫn là trò của thầy, và Thầy vẫn là Thầy của con*”.

CÁI NGHỀ ĐÃ GIÚP TA ĐÀO TẠO RA NHỮNG NGƯỜI TÌNH NGHĨA NHƯ VẬY, NGHỀ ĐÓ CHẮNG PHẢI LÀ ĐÁNG CHỌN HAY SAO?

NGUYỄN VỸ

(Bài đáp từ này Thầy vì mệt đã không đọc được trước 150 tham dự viên đêm 25/6/2000 vào cuối buổi Lễ Mừng Thọ do gia đình cùng 5 trường tổ chức tại nhà hàng, khách sạn Sài Gòn- Nha Trang.

Nay Ban Tổ chức xin sao trang đầu (bút tích của Thầy), in vì tính toàn bài gửi đến các anh chị học sinh cũ College Quy Nhơn, Lycée Khải Định Huế, Collège Đông Khánh Huế, Lê Khiết Quảng Ngãi và Võ Tánh Nha Trang, ở trong và ngoài nước.

Mỗi bạn nhân được hãy tự nguyện photo thêm ra một bản nữa gửi đến một bạn khác chưa có, làm thành một băng chuyền tải món quà kỷ niệm, tưởng nhớ, Thầy gửi tặng những học trò nhỏ năm xưa.)

Ban Phối Hợp

Đại diện 5 trường ở Nha Trang

CHÂN QUÊ



Hôm qua em đi tỉnh về,
Đợi em ở mãi con đê đầu làng,
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng,
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu cái yếm lụa sồi,
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?
Nói ra sợ mất lòng em,
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa,
Như hôm em đi lễ chùa,
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh,
Hoa chanh nở giữa vườn chanh,
Thầy u mình với chúng mình chân quê.

Nguyễn Bính

ĐÊM SAO SÁNG

Đêm hiện dần lên những chấm sao,
Lòng trời đang thấp bóng nhiên cao.
Sông Ngân đá tỏ đôi bờ lạnh,
Ai biết câu Ô ở chỗ nào?

Tìm mũ Thân Nông chẳng thấy đâu?
Thấy con vệt lợi giữa dòng sâu.
Sao hôm như mắt em ngày ấy,
Rớm lệ nhìn tôi bước xuống tàu

Chòm sao Bắc Đẩu sáng tinh khôi,
Lộng lẫy uy nghi một góc trời,
Em ở bên kia bờ vĩ tuyến,
Nhìn sao thao thức mấy năm rồi...

Sao đặc trời cao, sáng suốt đêm,
Sao đêm chung sáng chẳng chia miền,
Trời còn có bữa sao quên mọc,
Tôi chẳng đêm nào chẳng nhớ em.

Nguyễn Bính



Nợ Tình

Lê Mộng Hùng

Lời mở đầu: Người ta thường nói dân Công Chánh mình là bê tông cốt sắt, bê tông đá nhựa, sỏi đá khô khan v.v... nhưng theo tôi nghĩ thì khóa tôi thật là ướt át, là lướt, đó là mới điểm danh có 12 tên ở Bắc Cali, Canada, Illinois và Louisiana mà thôi. Thi sĩ thì có TTT; ca sĩ thì có THT; nhạc sĩ chơi violin, piano, guitare, đàn cò, đàn ma thì có VNC, LTT, HDL, PVT, LND; đấu sĩ (đấu hót) thì có NDT, LMH, LND; tình sĩ thì nhiều lắm tôi không dám khai tên sợ bể đĩa; tiến sĩ thì có LTT; liệt sĩ thì chưa có; xác xuất sĩ để áp dụng tại những nơi như: Reno, Las Vegas chẳng hạn thì có NVD, TBQ; ngầm thì sĩ thì có LMH; văn sĩ thì có HTG; văn tếu sĩ thì có LND; nhưng văn tình sĩ (văn sĩ viết truyện tình) thì chưa có nên hôm nay tôi liều mạng viết bài Nợ Tình này may ra được xếp vào loại văn tình sĩ chẳng đồng thời cũng để chứng tỏ là dân CC mình cũng là lướt, ướt át như ai vậy.

Tôi gặp nàng một buổi chiều hè 68 khi đi thăm một người bạn bên Gia Định. Lâu quá không đi thăm người bạn này nên khi tới ngã ba một hẻm sâu tôi còn đang phân vân không biết phải rẽ bên tay phải hay tay trái thì thấy nàng từ trong hẻm bên tay trái đi ra. Nàng mặc quần đen, áo bà ba trắng, tóc để ngắn. Trông nàng thiệt ngây thơ, thiệt mộc mạc, thiệt đẹp, vẻ đẹp thuần khiết của một người con gái đang tuổi dậy thì. Tôi đánh bạo hỏi nàng:

- Xin lỗi cô, cô có biết nhà giáo sư X dạy Anh văn đi lối nào không?

- Em biết. Nhà giáo sư X ở cách nhà em ba căn. Ông đi theo em, em chỉ cho.

- Xin lỗi cô tôi tên Hoài, còn cô?

- Em có cả thấy ba tên nhưng em thích nhất tên Thu. Mùa thu quyến rũ.

Truyện qua truyện lại nàng cho tôi biết là còn đi học, cuối năm thi tú tài 1, nhưng nàng muốn thôi học để đi làm.

- Nếu cô thiệt sự muốn đi làm tôi có thể giúp được. Ngày mai nếu cô có rảnh mời cô đi ăn trưa lúc đó chúng ta sẽ bàn tiếp. Nàng sẽ

gật đầu nhận lời.

Lúc đó cũng vừa vặn tới nhà người bạn của tôi. Chúng tôi chia tay và hẹn gặp lại ngày hôm sau vào lúc 12 giờ.

Như đã hứa, trưa hôm sau tôi lái xe sang đón nàng đi ăn. Gần tới đầu hẻm đường vào nhà nàng tôi đã thấy nàng chờ tôi ở trạm xe buýt rồi. Nàng mặc jupe trắng, đi giày cao gót, đeo kính dâm, trông vừa mộc mạc, vừa duyên dáng, nhưng có vẻ người lớn hơn hôm qua. Tôi vòng xe sang chỗ nàng đứng, xuống xe mở cửa và mời nàng lên xe.

- Ông cũng galant nhỉ. Đây là lần đầu tiên em được người ta mở cửa xe đó.

Tôi chỉ mỉm cười và hỏi nàng thích ăn cơm gì: Việt, Tây hay Tàu.

- Ông mời em thì ông quyết định đi. Để ông quyết định, nếu ngon thì em khen, còn nếu dở thì em bắt đền, bắt ông dẫn đi ăn nữa.

Hôm đó tôi đưa nàng vào Tân Lạc Viên trong Chợ Lớn ăn. Đưa thực đơn, tôi hỏi nàng thích món gì:

- Bún. Em thích bún thiệt đó, khi thấy tôi trở mặt nhìn nàng.

- Tưởng gì chứ bún thì tôi có thể mời cô suốt đời được. Rồi tôi kể ra một lô bún như bún riêu, bún ốc, bún thang, bún mọc, bún chả, bún vịt sáo măng, dấm vịt...

Nghe xong, nàng lắc đầu quây quây và nói:

- Em thích bún nước lèo và bún mắm cơ.

Cuối cùng tôi phải một mình quyết định: vậy cá nấu cua, gà hấp muối, sò huyết và mì xào hẹ trắng. Tuy không phải là bún nhưng nàng có vẻ ngon lành, không khách sáo và có vẻ rất thưởng thức hai món vây cá và sò huyết.

Trong khi ăn tôi hỏi nàng về gia cảnh thì nàng cho biết nhà cả thấy có sáu anh chị em và nàng là út. Các anh chị đều đã có gia đình. Mẹ nàng mất sớm và hiện nay nàng đang ở với cha già. Quê nàng ở Bến Tre nhưng cả gia đình đã dọn lên ở Saigon khi nàng còn nhỏ. Gia đình nàng khi xưa cũng rất khá giả nhưng nay thì cũng đủ ăn. Là út nên nàng được cha già chiều chuộng và thương yêu rất nhiều và nàng cũng rất thương mến cha nàng. Cũng vì vậy nàng muốn ra đi làm để có thể giúp cha già một phần nào. Nàng cũng cho tôi biết là không biết tí gì về đánh máy hoặc kế toán cả.

- Với sức học của cô xin làm thư ký thì không khó gì nhưng cô cần phải đi học một khóa cấp tốc về đánh máy.

Nàng nhìn tôi ngần ngừ có lẽ nghĩ tới học phí đánh máy hàng tháng. Thấy vậy, tôi liền nói tiếp:

- Hay cô nhận tôi làm anh nuôi đi tôi sẽ lo đầy đủ cho cô. Nhà tôi chỉ có năm anh em trai mà thôi nên tôi rất thèm có một người em gái để thương yêu, để tâm sự.

- Không được. Em không chịu vì ông không có em gái tức là ông không có kinh nghiệm để thương yêu và chiều chuộng em gái.

- Nếu cô không chịu thì thôi. Hay là thế này vậy, tôi cho cô vay mai này ra đi làm cô

trả nợ tôi sau, cô chịu không?

- Chịu thì chịu nhưng với điều kiện ông phải xin được việc làm cho em cơ. Còn nếu không thì ông ráng chịu, ông có chịu không?

- Chịu, nhưng lúc đó cô phải trả vốn lẫn lời đó. Ngoài ra tôi còn hai đề nghị nữa:

- Cho tôi gọi cô bằng em và xưng anh. Còn cô thì gọi tôi bằng anh thay vì bằng ông cho thêm thân mật.

- Em bằng lòng đề nghị 1, còn đề nghị 2 thì để cho em suy nghĩ lại.

Hôm đó, trước khi chia tay, sau khi xuống xe nàng thò đầu vào xe nhìn tôi mỉm cười và nói:

- Cám ơn Anh, em về. Tiếng anh nghe thiệt ấm và thiệt ngọt ngào.

Sau đó, vài ba ngày tôi gặp lại nàng một lần. Đi chơi với nàng tôi thấy thiệt nhẹ nhàng, thiệt thoải mái, không phải giữ ý, không phải khách sáo.

Cho tới một hôm, có lẽ cũng cả hai tháng sau khi gặp

nàng, tôi tới đón nàng đi ciné. Hôm đó tôi chờ nàng từ 12 giờ cho đến 12 giờ rưỡi không thấy nàng đâu cả. Lòng dạ tôi thấy bồn chồn quá vì từ trước tới nay nàng rất đúng hẹn. Vừa định mở cửa xe vào kiếm nàng thì tôi thấy nàng từ trong hẻm đi ra. Lên xe nàng nói:

- Xin lỗi anh, em phải lo xong cơm nước cho ba em nên ra muộn, anh đừng buồn em nhé.

- Không, anh không buồn em đâu, nhưng anh lo quá không biết em có làm sao không, có đau ốm gì không.

- Em đâu có sao đâu. Thôi anh cười lên đi, chốc nữa anh muốn bắt đèn gì em sẽ đèn cho.

Vào rạp hát, sau khi đèn tắt, tôi quay sang nàng và nói:

- Anh muốn bắt đèn một cái hôn.

Nàng không nói gì cả nhưng nép đầu vào vai tôi, ngừng mặt lên nhìn tôi rồi từ từ nhắm mắt lại. Tôi nhẹ nhàng đặt một nụ hôn lên



môi nàng. Tôi thấy nàng khẽ rùng mình rồi lấy tay vít cổ tôi xuống. Hương thơm từ đôi môi nàng tỏa ra làm tôi ngây ngất. Tôi hôn nàng không phải một lần, không phải hai lần mà cả chục lần. Một lát sau nàng đẩy nhẹ tôi ra và nói:

- Anh ăn gian quá, anh xin có một cái mà sao anh hôn em liên miên bất tận vậy.

- Đàn ông ai cũng tham cả, thế em có muốn bắt đền lại anh không?

Nàng nguyệt tôi một cái rồi quay mặt nhìn lên màn ảnh. Tôi sẽ nắm lấy tay nàng. Độ 15 phút sau nàng nói nhỏ vào tai tôi:

- Em yêu anh. Ôm em, hôn em nữa đi anh.

Hôm đó chúng tôi đã làm giàu cho ông chủ rạp ciné. Đèn bật sáng chúng tôi ra về mà không biết là đã xem phim gì nữa. Ra khỏi rạp tôi rủ nàng đi ăn mì. Trong lúc ăn tôi hỏi nàng tại sao lại yêu tôi và yêu tôi từ hồi nào.

- Anh không bỏ trai cho lắm nhưng được cái galant, bay bướm, biết nhậu, biết nhảy đầm, biết chiều em và đứng đắn nữa. Trong suốt hai tháng nay anh lo cho em đủ thứ mà không lúc nào anh nói bóng nói gió hoặc anh tán tỉnh em lấy một câu nữa làm em tưởng anh coi em như em gái thiết. Nay chắc anh đã hiểu tại sao cách đây hai tháng em không chịu nhận làm em gái anh rồi chứ gì. Nếu nhận rồi bây giờ lại yêu nhau thì kỳ quá. Còn yêu anh từ hồi nào em cũng không rõ nữa vì mỗi ngày nó đến một tí. Nhưng theo em cũng cả tháng nay rồi vì từ một tháng nay mỗi khi chia tay, em thấy bịn rịn lạ lùng, mới gặp đấy mà đã muốn gặp nữa rồi. Còn anh, anh yêu em từ hồi nào.

- Nói ra em đừng cười nhé. Anh yêu em từ hôm đầu tiên gặp em đó. Hồi đó anh vừa dứt tình với một người đàn bà thiếu chung thủy với anh. Hôm đó khi mới gặp em, thấy em thiết hồn nhiên, thiết ngây thơ, với cái mũi dọc dừa, với đôi môi hồng, với làn mi cong, với đôi mắt trong như nước hồ thu, hôm đó anh đã nguyện là sẽ đeo đuổi em cho bằng được vì anh biết chắc là sau nếu chúng mình

có yêu nhau em sẽ một lòng một dạ với anh.

Rồi mùa hè qua mùa thu tới. Hôm đó còn hai ngày nữa là tôi phải nhập ngũ theo học lớp khóa sinh dự bị sỹ quan khóa 8/68. Hôm đó, sau khi ăn sáng, nàng đòi tôi đưa nàng tới nhà tôi ở để xem nếp sống của tôi ra sao. Hồi đó tôi thuê chung một căn nhà với một người bạn cùng sở. Ban tôi hôm đó đi làm còn tôi được nghỉ vì sắp lên đường nhập ngũ. Hôm đó, nàng rầy la tôi đủ thứ nào là quần áo, giày vớ thay ra thì thút nút dưới gầm giường hôi rình. Còn bát đĩa thì có lẽ cả tháng cũng không rửa. Rầy la xong rồi nàng cũng thu dọn lại cho tôi thiết là ngăn nắp. Hôm đó chúng tôi quần quít nhau suốt ngày. Cuối cùng nàng đã yêu tôi và đã cho tôi trọn vẹn với tất cả đam mê và tình yêu duy nhất. Trước khi ra về nàng hỏi tôi:

- Anh có biết em còn vị thành niên không mà anh dám dụ em. Bộ anh không sợ à?

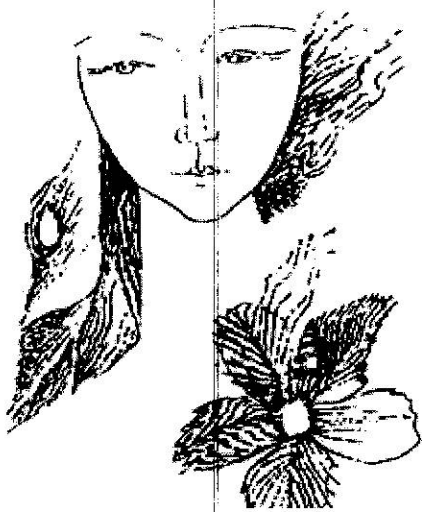
Tôi định nói là không biết ai dụ ai nữa nhưng nếu nói như vậy tôi ăn đòn là cái chắc nên tôi chỉ cười mà nói:

- Yêu em quá rồi còn sợ gì nữa.

Thiết ra hồi đó nếu ở bên Mỹ thì cũng hơi sợ nhưng bây giờ tôi cũng coi như pha. Cứ việc mượn luật sư là xong. Trong kỳ bầu cử Tổng Thống vừa qua mỗi lần đếm phiếu lại là một lần phiếu gia tăng. Tuổi của nàng cũng vậy cứ đếm riết là từ vị thành niên rồi cũng ra thành niên mà thôi. Đối để quá thì luật sư sẽ xin Tòa cho đếm bằng tuổi ta thay vì bằng tuổi tây vậy [Ở Việt Nam nhiều nơi tuổi ta hơn tuổi tây tới hai tuổi].

Tới đây tôi tưởng là xong ai ngờ nàng phán cho tôi ba điều còn nặng hơn Triệu Minh phán cho Trương Vô Kỵ trong truyện Cô Gái Đồ Long nữa. Nhất là ba điều này phải thi hành ngay lập tức:

1. Em dành cho anh trọn vẹn, em là người đàn bà của anh rồi, vậy từ nay anh có trách nhiệm phải lo cho em đầy đủ không được thiếu



sốt một chút nào cả.

2. Anh không được viện cớ thiếu cái nợ thiếu cái kia mà đi lang bang vừa bệnh hoạn lại vừa tốn tiền.

3. Còn người đàn bà mà anh bảo là anh dứt tình hai tháng trước khi gặp em đã là quá khứ rồi em không chấp nhất chuyện đó. Nhưng nếu em biết anh còn lén phét nữa là anh có chuyện đó. Như anh đã từng nói là tình yêu phải trọn vẹn không chia sẻ thì em cũng vậy em chỉ muốn anh là của riêng em mà thôi. Té ra là nàng cũng biết ghen.

Hai hôm sau tôi lên đường nhập ngũ. Những ngày cuối tuần cấm trại, nàng đều lên thăm tôi với đầy đủ thức ăn như: giò lụa, chả quế, bánh mì, bánh dày, bánh giò. Ăn những miếng giò lụa, những miếng chả quế do chính tay nàng cắt và dứt cho tôi thiệt là tuyệt vời so với những bữa cơm “nhà bản” và những tô phở chín “ruồi”. Buổi sáng, để kịp bán cho khóa sinh, nhà hàng đã bày sẵn ra cả trăm tô phở chỉ việc chan nước nữa là xong. Hàng trăm con ruồi tha hồ làm mưa làm gió, nhào lộn, phóng lên, đáp xuống và cuối cùng là rớt xuống những tô phở vừa được chan nước leo. Nói đến ruồi, tôi lại nhớ tới những năm đi làm cố vấn tại những nước chậm tiến. Những buổi chiều ngồi nhậu whiskey soda với đồng nghiệp, nhìn cách uống của họ là có thể đoán được thâm niên của họ. Người nào đổ ly rượu đi khi ruồi rớt vô là dân mới vào nghề, người nào vớt con ruồi vớt đi rồi tiếp tục uống là dân có được đôi năm thâm niên còn người nào uống luôn cả ruồi là dân kỳ cựu trong nghề.

Rồi 9 tuần cũng qua mau. Chúng tôi cũng tốt nghiệp khóa lính không ra lính, quan không ra quan [khóa sinh dự bị sỹ quan mà] và được biệt phái về nhiệm sở cũ.

Khi đó nàng cũng vừa học xong khóa đánh máy và cuối cùng tôi cũng xin được cho nàng vào làm việc tại Bộ Công Chánh.

Chúng tôi chung sống với nhau như vậy tổng cộng là bảy năm. Bảy năm trời chỉ biết yêu nhau, chỉ thấy những cái đẹp của nhau, không lời qua tiếng lại, bảy năm trời tuyệt vời mà nàng đã ban cho tôi. Buổi sáng tôi xuống Bộ đi ăn hủ tiếu với nàng. Buổi trưa thì ăn mì tóc tiên ở đường Trần Hưng Đạo hoặc

cơm Tây ở Chợ Cũ. Ngày nghỉ thì, muốn cơm Tây thì thiệt thì La Cave, muốn cơm Tàu thì Tân Lạc Viên hoặc Diamond, muốn cơm Việt thì Thủ Đức hoặc Bình Điền, muốn ciné thì rạp Rex, Đại Nam hoặc Casino. Còn muốn đi nhảy thì Văn Cảnh, Maxim hoặc Tour d'Ivoire.

Nàng đã cho tôi 7 năm tuyệt vời và đáng nhẽ tôi còn có thêm 25 năm tuyệt vời nữa nhưng tôi đã để mất, để rồi ngày nay phải ôm một mối hận tình.



Ngày 26 tháng 4 năm 1975 tôi cùng nàng đi ăn trưa và hẹn sẽ gặp lại ngày hôm sau. 5 giờ chiều hôm đó, một Thiếu tá Hoa Kỳ chỉ huy chiến dịch C 141 cho tôi biết lối 7 giờ tối, tôi có thể vào sân bay Tân Sơn Nhứt để đi Guam rồi vào Hoa Kỳ. Lúc đó tôi còn đủ thì giờ sang Gia

Định đón nàng cùng đi. Nếu vì cha già mà nàng không đi thì ít nhất tôi cũng đã làm tròn trách nhiệm. Nhưng không, tôi đã bỏ ra đi một mình để rồi 25 năm qua tôi luôn luôn bị ám ảnh bởi những chữ “Vô Trách Nhiệm” và “Nợ Tình”. Câu “từ nay anh có trách nhiệm phải lo cho em đầy đủ” vẫn luôn luôn ám ảnh tôi. Nợ tiền thì rất dễ trả chỉ việc nhịn ăn, nhịn uống hoặc đi làm OT, hoặc đi làm hai job là xong ngay. Còn món “Nợ Tình” làm sao trả đây. Principal là bao nhiêu và interest là bao nhiêu. Và trả gì, ngày nào đáo hạn. Người nhận có chịu nhận không.

Tôi hy vọng bài này theo LTAHCC gửi đi năm châu một ngày nào đó sẽ đến tay nàng và nàng sẽ liên lạc lại với tôi.

Nếu nàng còn độc thân tôi sẽ làm như người đàn ông trong phim Bonjour Tristesse của Francois Sagan sau khi đã làm cả trăm điều lỗi rồi chỉ việc trở về quê xuống chân vợ xin lỗi là mọi chuyện sẽ êm xuôi ngay. Tôi cũng sẽ quỳ xuống để xin lỗi nàng và đồng thời cũng xin cưới nàng làm vợ nữa. Tuy tôi đã về hưu rồi nhưng so với cụ Nguyễn Công Trứ tôi còn trẻ hơn nhiều. Hồi đó, khi đi hát cô đầu, bị giai nhân truy về tuổi tác, cụ bèn nói:

- Ngũ thập niên tiền nhị thập tam, nghĩa

là năm mươi năm về trước anh mí còn 23. Còn tôi thì cũng 23 nhưng là tứ thập niên tiền (bốn mươi năm về trước). Trẻ hơn cả 10 tuổi.

Với tiền hưu, tiền an sinh xã hội, tiền 401K tôi sẽ cùng nàng vân du tứ hải để đền bù lại 25 năm xa cách vừa qua.

Nếu nàng đã có gia đình rồi thì tôi phải làm sao? Tôi sẽ không bao giờ làm những điều như 4 câu thơ TTKH tân thời sau đây:

Nếu biết rằng em đã có chồng

Dại gì mà nghĩ thế là xong

E-mail cứ viết, phon cứ gọi

Cũng có ngày em ly dị chồng

Tôi sẽ chúc cho hai người được trăm năm hạnh phúc. Tôi hy vọng hai người cho tôi được coi hai người như em của tôi. Nhưng tôi sẽ nói riêng với nàng là lòng tôi đối với nàng ngày xưa sao thì bây giờ vẫn vậy. Một sỹ quan Pháp có viết một câu "Le temps efface tout mais n'efface pas les souvenir". Câu này theo tôi nghĩ chỉ đúng có một nửa mà thôi. Có thể thời gian sẽ xoa dịu những vết thương nhưng tuyệt đối không bao giờ xóa nhòa được tình của tôi đối với nàng, vì đối với tôi thì kỷ niệm xưa còn đó và tình cũ vẫn còn đây.

Và nếu tôi không được tin gì của nàng thì tôi phải làm sao? Chắc tôi phải chờ tới kiếp sau vậy. Phải kiếp sau tôi sẽ đi kiếm nàng để trả lại món nợ tình cả vốn lẫn lời. Hiện giờ tôi còn giữ ba tấm hình của nàng. Một tấm hình bán thân nàng tặng cho tôi với câu đề tặng:

- "Cho Hoài tất cả đam mê và tình yêu duy nhất" và hai tấm hình chụp chung vào hai đêm Giáng Sinh tại vũ trường Tour d'Ivoire. Một tấm mặc áo dài mouselline đen và một tấm mặc áo dài trắng có hoa mầu bleu marine. Với ba tấm hình này tôi sẽ đưa lên mạng lưới để kiếm nàng. Một năm, hai năm, năm năm hay mười năm thế nào tôi cũng gặp lại nàng để nối lại mối tình dang dở năm xưa.

TB. Thu em, nếu đọc được bài này xin em viết cho anh một lá thư gửi về địa chỉ LTAHCC hoặc gọi điện thoại cho anh. Nhớ em nhiều.

Hoài Thu - LMH
Mùa Đông 00-01

T h o

NHỚ QUÊ NHÀ



*Chợt nghe ai nhắc tên làng cũ
Cảm xúc trong ta nổi nhớ nhà
Cứ ngỡ cuộc đời trên xứ lạ
Làm mình quên lãng chốn quê xa*

*Tiếng gọi thân thương êm dịu quá
Vọng lại trong ta mối cảm hoài
Như tiếng chân ai quen thuộc ấy
Như lời thỏ thẻ của người yêu*

*Chợt thấy trong tranh thành phố cũ
Lòng buồn nhớ lại nẻo đường xưa
Đường đi về sớm nắng chiều mưa
Đường hò hẹn, đón đưa, tình tự*

*Chợt thấy trong phim giòng sông cũ
Gợi buồn nhớ lại bến phà xưa
Nhớ những ngày lồng lộng gió mưa
Sông nước mênh mông sâu biệt xứ*

*Chợt thoáng nghe hương loài hoa cũ
Chạnh lòng nhớ tới cảnh vườn xưa
Đêm về đứng tựa bên song cửa
Chờ đón ngọt ngào hương gió đưa*

*Làng cũ
Đường xưa
Hương gió thoảng
Vật vô tri, mi có hồn chăng?
Quyến luyến trong ta làm thương nhớ
vô vãn*

Nguyễn Đắc Khoa

Ghi chú: Hai câu cuối của bài trên được cảm tác từ hai câu thơ trong bài thơ "Milly ou La Terre natale" của thi hào Pháp Alphonse de Lamartine (1790 - 1869):

*Objets inanimé, avez vous donc une âme
Qui s'attach à notre âme et la force d'
aimer?*

Phá Rừng Và Lũ Lụt

NGUYỄN MINH QUANG



Phân Mở Đầu

Ảnh hưởng của cây cối đối với lũ lụt trong lưu vực sông, nhất là những trận lũ lụt có sức tàn phá cao, càng ngày càng được nhiều chuyên viên chú ý đến trong những thập niên vừa qua. Một số chuyên viên, và công chúng nói chung, cho rằng việc phá rừng là nguyên nhân chính của vấn đề lũ lụt. Khi phần thuyết trình về trận lụt vào tháng 8 năm 1998 trong lưu vực sông Yangtze ở Trung Hoa, một trận lụt tai hại nhất trong vòng 44 năm qua, các nhà nghiên cứu của Viện Giám Sát Thế giới (Worldwatch Institute) nhấn mạnh rằng: "... Có một 'bàn tay của con người' ẩn núp phía sau các trận lụt. Bàn tay đó thường mùa riu hoặc cưa máy, dọn sạch các cao nguyên vốn là nguồn nước của các hệ thống sông ngòi quan trọng của Á Châu... Hầu hết các khu rừng, mà ngày trước từng hấp thu và giữ những lượng nước khổng lồ của mùa mưa để được thẩm thấu dần dần xuống đất, nay đã không còn nữa. Kết quả là nước lũ (runoff) chảy vào sông tăng lên rất cao"(1). Ngay trong tháng 9 năm 1998, Bộ trưởng Phát triển Xã hội của Mỹ Tây Cơ tuyên bố rằng hầu hết sự tàn phá của

trận lụt trong tiểu bang Chiapas của Mỹ Tây Cơ là do "việc phá rừng và vấn đề định cư trái phép dọc theo bờ sông" (2). Gần đây nhất, chuyên viên của Ủy hội Kinh tế Xã hội Á Châu và Thái Bình Dương của Liên Hiệp Quốc (ESCAP), trong một bản công bố báo chí ngày 22 tháng 9 năm 2000, kết luận rằng: "... việc phá rừng có thể là một trong những nguyên nhân chính của các trận lụt trong Phân vùng Đại Mekong (Great Mekong Subregion...) (3). Ngoài tin tức được trình bày trong công bố báo chí nói rằng "rừng rậm trong hầu hết các quốc gia đã giảm từ 70 phần trăm diện tích trong năm 1945 xuống còn 25 phần trăm trong năm 1995", ESCAP chưa đưa ra thêm dữ kiện hoặc tài liệu để biện minh cho kết luận nêu trên, mặc dù được trực tiếp yêu cầu nhiều lần (4).

Việc phá rừng thật sự có phải là nguyên nhân của lũ lụt hay không? Có sự liên hệ gì giữa cây cối và lũ lụt? Bài viết này nhằm mục đích trả lời hai câu hỏi đó qua việc tìm hiểu các tài liệu đã ấn hành cùng kết quả của các cuộc nghiên cứu và khảo cứu đã được thực hiện

về ảnh hưởng thủy học của cây cối đối với lũ lụt, một số dữ kiện về trận lụt trong lịch sử, và một ít dữ kiện về thủy học. Hạ lưu vực sông Mekong sẽ được đề cập đến bởi vì nhiều trận lụt lớn đã xảy ra thường xuyên hơn trong thập niên vừa qua.

Vài Nét Về Lũ Lụt

Lụt, là một hiện tượng thủy học xảy ra khi nước từ một nguồn nước như sông, hồ, hoặc biển tràn lên vùng đất ven bờ (5). Lụt ven sông là lụt thường gặp nhất, xảy ra khi nước trong lòng lạch tràn bờ rồi làm ngập các đồng lụt (floodplains) dọc theo dòng sông. Lụt ven biển xảy ra khi sóng biển dạt vào bờ rồi làm ngập vùng ven biển. Các đợt sóng biển này có thể là sóng thần (tsunami) do động đất ở dưới đáy biển gây ra hoặc sóng giông (storm surge) do bão gây ra. Bài viết này chỉ đề cập đến lụt ven sông.

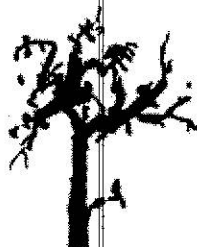
Trận lụt đầu tiên trên thế giới được ghi chép có lẽ là trận lụt Hwang Ho ở Trung Hoa, xảy ra vào năm 2297 trước Tây Lịch. Theo dữ kiện từ hơn 4,300 năm qua, có khoảng 1,500 trận lụt được ghi nhận trong lưu vực Hwang Ho. Vào khoảng 602 năm trước Tây Lịch, người Trung Hoa bắt đầu xây cất một hệ thống đê điều nhằm mục đích ngừa lụt, nhưng con sông vẫn thường vượt qua vòng kiềm tỏa của họ (6). Trận lụt năm 1887 có lẽ là trận lụt tai hại nhất trong lịch sử thế giới. *“Vào mùa thu năm 1887, Hwang Ho tràn qua những con đê cao 70 bộ (21m) trong tỉnh Hunan và làm ngập khoảng 11 thành phố và 300 làng mạc, nhấn chìm khoảng 50,000 dặm vuông (128,000km²) sâu từ 20 đến 30 bộ (6 đến 9m). Khoảng 900,000 người bị chìm trong nước đặc quánh phù sa màu vàng và khoảng 2 triệu người không có nơi cư ngụ. Thiệt hại chính xác về nhân mạng chắc sẽ không bao giờ được biết, nhưng nhiều giới chức có thẩm quyền cho rằng số người chết có thể lên đến 6 triệu”* (7). Lụt lội cũng xảy ra ở những nơi khác trên khắp thế giới. Một số lụt lớn trên thế giới (5, 8, 9) được liệt kê như sau:

Năm	Lưu vực sông	Quốc gia	Số người chết	Thiệt hại (US\$)
1824	Neva	Russia	10.000	
1861	Sacramento	California, USA	700	
1874	Several rivers	Pennsylvania, USA	220	
1887	Hwang Ho	China	900.000	
1911	Yangtze	China	100.000	
1912	Mississippi	USA	200	45 triệu
1913	Miami and Ohio	Ohio, Indiana, USA	732	
1927	Mississippi	USA	313	285 triệu
1931	Yangtze	China	145.000	
1937	Mississippi	USA	250	300 triệu
1939	Several rivers	China	500.000	
1955	Ganges	Bangladesh and India	2.000	
1964	Mekong	Vietnam	5.000	
1966	Orno, Po, and Adige	Italy	150	
1970	Danube	Romania	215	
1973	Medjerda	Tunisia	150	
1973	Indus	Pakistan	300	
1974	Amazon	Brazil	1.500	
1974	Ganges	Bangladesh	2.500	2 tỉ
1976	Big Thompson	Colorado, USA	139	
1981	Yangtze	China	3.000	
1991	Yangtze	China	1.729	
1992	Mississippi	USA	50	15-20 tỉ
1998	Yangtze	China	3.656	20 tỉ
1998	Ganges and Jumana	Bangladesh	370	
2000	Mekong	Vietnam, Cambodia	800	400 triệu

Vài Nét Về Việc Phá Rừng

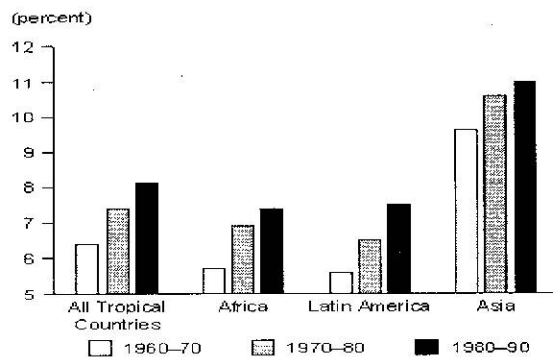
Việc phá rừng ôn đới lẫn nhiệt đới đã và đang xảy ra trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại. Trong những thập niên gần đây, rừng nhiệt đới hay rừng mưa được chú ý vì việc phá các khu rừng này càng ngày càng tăng với một tốc độ cao với mục đích chính là mở rộng diện tích canh tác (10). Theo Ủy hội Thế giới về Rừng và Phát triển Khả chấp (World Commission on Forest and Sustainable Development) [*tính từ “khả chấp” được tạm dùng để ám chỉ chữ “sustainable”, có nghĩa là “có thể chịu đựng được một cách lâu dài”*], diện tích rừng giảm khoảng 14 triệu ha mỗi năm do việc chuyển đổi cách sử dụng đất từ rừng rậm sang nông nghiệp kể từ năm 1980 cho đến nay. Ở Âu Châu, phẩm chất của rừng bị suy đồi do hạn hán, thú vật nuôi trong nhà, sai lầm trong việc trồng rừng, và ô nhiễm không khí. Con số cây cối còn tươi tốt đã giảm từ 69 phần trăm trong năm 1988 xuống 39 phần trăm trong năm 1995 (11).

Theo bảng Lượng định Tài nguyên về Rừng của Cơ quan Lương Nông Liên Hiệp Quốc (FAO), mức độ phá rừng trên thế giới tăng



một cách đều đặn từ năm 1960 cho đến năm 1990 (Xem Hình 9.4 của phúc trình FAO). Theo ước tính của FAO, mức độ phá rừng nhiệt đới trên toàn cầu đã gia tăng từ 6.5 phần trăm trong thập niên 1960 lên đến 8.2 phần trăm trong thập niên 1980. Mức độ phá rừng cao nhất xảy ra ở Á Châu, từ 9.5 phần trăm trong thập niên 1960 đến 11.0 phần trăm trong thập niên 1980 (12).

Figure 9.4 Estimated Rate of Tropical Deforestation, 1960-90



Trong một bản lượng định chi tiết về hiện trạng của rừng trên thế giới, FAO cho biết hầu hết rừng bị phá tập trung ở các quốc gia đang phát triển với một diện tích khoảng 200 triệu ha từ năm 1980 đến năm 1995. Nhưng mức độ phá rừng hàng năm đã giảm từ 15.5 triệu ha trong thập niên 1980 xuống còn 13.7 triệu ha từ năm 1980 đến năm 1995 (13).

Thủy Học (Hydrology) Của Lũ Lụt

Nước lụt trong sông, hay thường được gọi là nước lũ, xuất phát từ lượng mưa rơi xuống lưu vực của sông (nước mưa, tuyết) sau khi mất đi phần hấp thu trên mặt đất (surface retraction) và phần thấm thấu (infiltration) xuống lòng đất. Hấp thu và thấm thấu thường được gọi chung là thất thoát (loss). Hấp thu gồm có phần nước mưa bị ngăn chặn và giữ lại bởi cây cối (interception), lượng nước mưa bị giữ lại bởi các vùng trũng trên mặt đất (depression storage), và phần nước mưa bốc hơi (evaporation) trở lại khí quyển.

"Vì lượng hấp thu của một lưu vực phải được cung ứng trước tiên trong một trận mưa,

phần lớn lượng nước mưa của nhiều trận mưa nhỏ sẽ bị cây cối ngăn chặn và giữ lại" (14). Sau khi cây cối đã bị ướt sũng, phần hấp thu sẽ không còn nữa. Lúc đó, số lượng nước rơi xuống mặt đất sẽ bằng số lượng nước mưa trừ bớt phần bốc hơi của cây cối.

Sau khi rơi xuống mặt đất, một phần nước mưa bị giữ lại trong các vũng, rãnh, và các chỗ trũng khác trên mặt đất cho đến khi bốc hơi trở lại khí quyển. *"Khi bắt đầu mưa, nước mưa bị giữ lại trong các vùng trũng trên mặt đất ở một mức độ rất cao. Mức độ này giảm rất nhanh khi các vùng trũng sắp đầy nước rồi tiến đến số 0 khi lượng mưa tương đối cao" (14). Nhưng sức chứa của các vùng trũng trên mặt đất không chịu ảnh hưởng đáng kể của cây cối.*

Thấm thấu là sự di chuyển của nước xuyên qua mặt đất để đi vào lòng đất. Nó tùy thuộc vào nhiều yếu tố như loại đất, độ ẩm của đất, thành phần hữu cơ, cây cối trên mặt đất, và tùy theo mùa. Ảnh hưởng của cây cối lên mức thấm thấu rất khó xác định; tuy nhiên, *"... cây cối làm tăng mức thấm thấu nếu so với mặt đất trơ trọi vì (1) cây cối làm cho nước mặt chảy chậm lại, do đó nước có nhiều thì giờ hơn để thấm thấu, (2) rễ cây làm cho đất xốp và dễ thấm thấu hơn, và (3) tầng cây tránh cho mặt đất khỏi bị nén vì sức rơi của giọt mưa... Mức độ tối đa mà nước có thể thấm thấu trong một số điều kiện giới hạn được gọi là khả năng thấm thấu. Khả năng thấm thấu có trị số rất cao lúc trận mưa bắt đầu rồi giảm xuống một trị số thấp và cố định khi đất trở nên ướt sũng" (14).*

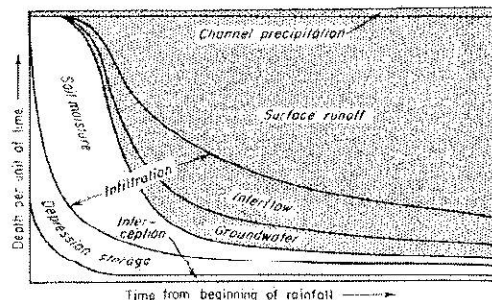
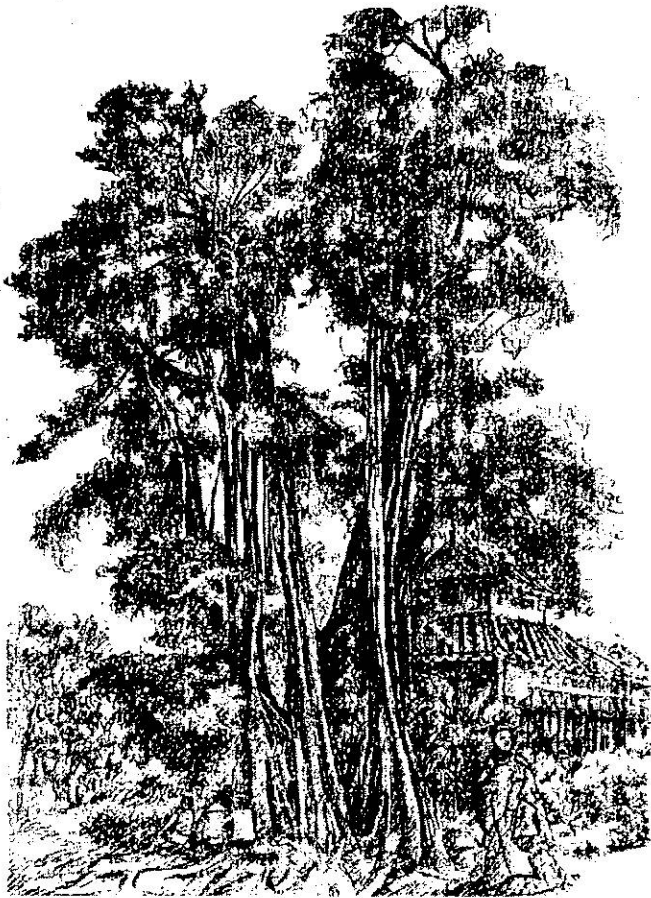


FIGURE 8-3
Schematic diagram of the disposition of storm rainfall.

Nói tóm lại, lượng nước lũ từ một hay nhiều trận mưa tùy thuộc vào độ ẩm của đất trong

lưu vực lúc mưa bắt đầu rơi và đặc tính của mưa như lượng nước mưa, cường độ mưa, và thời gian mưa. Lượng nước lũ (surface runoff) đạt mức cao nhất nếu có nhiều trận mưa lớn và kéo dài khi lưu vực sông đã bị ướt sũng, bởi vì lượng thất thoát do cây cối ngăn chặn (interception), sức chứa của các vùng trũng trên mặt đất (depression storage), và lượng nước do đất hút (soil moisture) trở nên không đáng kể so với lượng nước mưa, như được mô tả qua Hình 8-3 trong quyển *Thủy Học dành cho Kỹ Sư* (14).



“Các trận mưa giông là nguyên nhân chính của những trận lụt ven sông” (5). “Ở Hoa Kỳ, hầu hết các trận lụt tai hại là do có quá nhiều mưa. Một trận lụt tiêu biểu thường khởi đầu bằng một trận mưa dai và không dứt hột. Khi mưa bắt đầu rơi, có rất ít nước mưa chảy vào sông rạch. Ngược lại, hầu hết nước mưa bị cây cối trên mặt đất giữ lại hoặc thấm thấu xuống lòng đất. Nếu mưa tiếp tục rơi, một phần nước mưa thấm vào lòng đất có thể thấm lậu vào

sông rạch (seepage). Khi đất bị ướt sũng, nó sẽ không còn khả năng để thấm thấu nữa. Lúc đó, tất cả lượng nước mưa rơi trên mặt đất sẽ chảy tràn trên mặt đất, đổ dốc, rồi tập trung vào sông rạch” (15).

Một thí dụ điển hình là trận lụt trong lưu vực sông Mississippi ở Hoa Kỳ năm 1993. Sau những trận mưa lớn trong mùa đông 1992 và những trận mưa giông trong mùa xuân năm 1993, mưa lại rơi triền miên trong suốt mùa hè 1993. Đến giữa tháng 7, mưa đã rơi xuống vùng Trung Tây liên tiếp trong 49 ngày. Có ngày, lượng mưa đo được từ 127mm cho đến 305mm (16). Ở Trung Hoa, nhiều trận mưa to từ trung tuần tháng 6 đã gây ra lụt lội trong một phạm vi rộng lớn của lưu vực sông Yangtze trong tháng 8 năm 1998. Lượng nước mưa cao nhất đo được tại Qinzhou, tổng cộng là 1,734mm trong hai tháng 6 và 7. Trận mưa to nhất kéo dài 3 ngày, với lượng nước mưa tổng cộng là 305mm và lượng nước mưa cao nhất trong một ngày là 230mm. Trong tháng 7, có lúc mưa rơi liên tục trong 8 ngày với lượng nước mưa tổng cộng là 740mm (17). “Những trận lụt vừa qua ở vùng tây bắc Âu Châu (1993, 1995) và ở Hoa Kỳ (1993) phần lớn là do các trận mưa to bất thường cộng với đất bị ướt sũng vì những trận mưa vừa mới xảy ra (và do tác động của con người trong lưu vực, nhưng ở một mức độ thấp hơn)” (18).

“Nguyên nhân thông thường của các trận lụt là do có quá nhiều mưa. Nếu mưa có cường độ cao và kéo dài như vẫn thường xảy ra trong quá khứ, nó có thể gây ra thiên tai to lớn. Độ ẩm của đất lúc trời mưa cũng rất quan trọng đối với lượng nước lũ. Vì thế, trong trận lụt ở Vermont, Hoa Kỳ vào tháng 11 năm 1927, lượng nước lũ rất cao bởi vì có rất nhiều mưa trong tháng trước nên đất đã bị ướt sũng. Ngược lại, trong tháng 10 năm 1895, một trận mưa có cùng lượng nước mưa như ở Vermont năm 1927 đã rơi xuống vùng phía đông Massachusetts, Connecticut, và Rhode Island. Tuy nhiên, lượng nước mưa trong thời khoảng 55 ngày trước trận mưa tháng 10 năm 1895 chỉ bằng phân nửa lượng mưa trung bình, và lượng mưa trong năm 1895 trước đó cũng thấp hơn mức trung bình một cách đáng kể. Kết quả

đáng ghi nhận là trận mưa trong tháng 10 năm 1895 không gây thiệt hại hoặc thiệt hại rất nhỏ, vì lượng nước lũ tương đối thấp do hạn hán trước khi mưa” (19).

Ảnh Hưởng Của Việc Phá Rừng Đối Với Lũ Lụt

Ảnh hưởng của việc phá rừng đối với lũ lụt được giải thích trong hầu hết các sách giáo khoa về thủy học và thủy lợi (water resources), dùng trong các trường đại học trên khắp thế giới. Các ảnh hưởng này được đề cập đến bởi vì cây cối được xem như là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến lượng nước lũ phát xuất từ một hay nhiều trận mưa.

“Kết quả phân tích thủy học cho thấy rằng việc quản trị đất đai không cần công trình chỉ có hiệu quả trong việc giảm thiệt hại của các trận mưa nhẹ trong những lưu vực nhỏ. Hiệu quả này giảm rất nhanh khi diện tích lưu vực và cường độ mưa tăng lên. Trong những điều kiện có thể gây ra thiên tai lũ lụt, hiệu quả của việc quản trị đất đai không đáng kể.” (20).

“Mặc dù ảnh hưởng của cây cối không quan trọng trong những trận lụt lớn, lượng nước mưa ngăn chặn bởi cây cối có thể là một phần đáng kể của lượng nước mưa hàng năm. Khả năng ngăn chặn nước mưa của cây cối thường được cung ứng vào thời khoảng đầu trận mưa, cho nên phần lớn lượng nước mưa của các trận mưa nhỏ sẽ bị cây cối hấp thu. Sau khi cây cối đã ướt sũng, khả năng hấp thu sẽ không còn, nhưng có thể có một số nước mưa bốc hơi từ cành lá ướt đầm của cây cối. Sau khi khả năng hấp thu chấm dứt, số lượng nước rơi xuống mặt đất sẽ bằng lượng nước mưa trừ phần bốc hơi của cây cối.” (14).

“Cây cối đã được thừa nhận là có khả năng làm giảm độ ẩm của đất qua sự thoát hơi (transpiration) và làm xốp đất hữu cơ; do đó, khả năng thấm thấu nước mưa của đất gia tăng. Mật độ cây cối cao chừng nào thì khả năng hấp thu nước mưa cao chừng đó. Cho nên, lượng nước lũ của một vùng có nhiều cây cối sẽ ít hơn lượng nước lũ từ một vùng trơ trọi. Cây cối được ví như một bồn chứa nước có khả năng giữ lại một phần nước mưa mà nếu không,

sẽ biến thành nước lũ.

Mặc dù bồn chứa nước này có thể quan trọng so với những trận mưa nhỏ, nó trở nên nhỏ bé và không đáng kể trong các trận lụt lớn; nhất là đối với các trận mưa gây lũ lụt xảy ra ngay sau các trận mưa từ trước khiến cho khả năng giữ nước của bồn chứa nước này suy giảm. Do đó, nếu có nhiều cây cối thì chu kỳ và sức tàn phá của những trận lụt nhỏ trong lưu vực sẽ giảm, nhưng ảnh hưởng của cây cối đối với các trận lụt lớn thì tương đối ít. Điều này được minh chứng bởi vì các trận lụt lớn trong hầu hết các sông trên thế giới đã xảy ra rất lâu trước khi nền văn minh nhân loại bắt đầu phá rừng và phát triển đất đai” (5).

Trong ba thập niên vừa qua, các chuyên viên về rừng, các nhà khai thác gỗ, và các chuyên viên về môi sinh càng ngày càng chú ý đến ảnh hưởng mà việc đốn gỗ rừng có thể mang đến cho sông ngòi trong lưu vực. Nhiều cuộc nghiên cứu đã được thực hiện để điều tra những thay đổi đặc tính của lũ lụt.

“Theo trực giác, việc đốn gỗ và việc xây dựng các đường kéo gỗ chắc chắn sẽ thay đổi lớn lao các đặc tính tổng quát của nước lũ trong một lưu vực. Việc nén đất và việc suy giảm mức bốc thoát (evapotranspiration) và hấp thu của cây cối sẽ làm gia tăng lượng nước lũ, kể cả nước mặt lẫn nước lũ đến các lòng lạch trong toàn khu vực khai thác gỗ, hiển nhiên, sẽ làm tăng lưu lượng đỉnh lũ và làm giảm thời gian tập trung (lag time) trên thủy đồ (hydrograph). Trên lý thuyết, mức độ thay đổi phải tỉ lệ thuận với diện tích của toàn lưu vực và diện tích đã bị đốn gỗ.

Đề tài này đã được nghiên cứu trong các trạm thí nghiệm về rừng và lưu vực trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ với kết quả trái ngược làm nhiều người phải chùng hững. Các nhà nghiên cứu đã ghi nhận rằng thời gian tập trung và lưu lượng đỉnh lũ sau khi đốn gỗ có thể tăng hoặc giảm. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu cho thấy thời gian tập trung của đỉnh lũ tiếp theo sau việc đốn gỗ giảm một cách tổng quát, xác nhận các khái niệm cũng đã được ước đoán. Hầu hết các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng lưu lượng đỉnh lũ và khối lượng nước lũ có khuynh hướng gia tăng trong các trận mưa

có tần số cao (thời hạn tái diễn dưới 20 năm). Kết quả nghiên cứu ở vùng tây bắc Thái Bình Dương và bắc California gây ngạc nhiên, bởi vì việc đốn gỗ không làm lưu lượng đỉnh lũ hay số lượng nước lũ gia tăng một cách đáng kể trong những trận mưa thật lớn (thời hạn tái diễn trên 20 năm). Lý do tiềm ẩn của kết quả phản trực giác này có thể do sự khác biệt trong việc phát sinh nước lũ trong lưu vực của các trận mưa có cường độ khác nhau. Trong những trận mưa có cường độ thấp, nước lũ có vẻ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của phần diện tích tương đối nhỏ nhưng có khả năng cung ứng nhiều nước mặt. Do đó, trong các lưu vực bị đốn gỗ, phần diện tích bị xáo trộn với lượng nước lũ cao sẽ có ảnh hưởng rất lớn đối với các đặc tính của thủy đồ lưu vực. Ngược lại, trong các trận mưa rất lớn, toàn thể lưu vực sẽ phát sinh nước lũ chứ không chỉ có diện tích bị xáo trộn hoặc ít thâm thấu. Việc phát sinh nước mặt một cách rộng lớn theo công thức Horton, cộng với sự bão hòa của nước mặt và nước ngầm, đã vô hiệu hóa ảnh hưởng cục bộ của đường sá và đường kéo gỗ” (21).

Việc Phá Rừng Và Lũ Lụt Trong Lưu Vực Sông Mekong

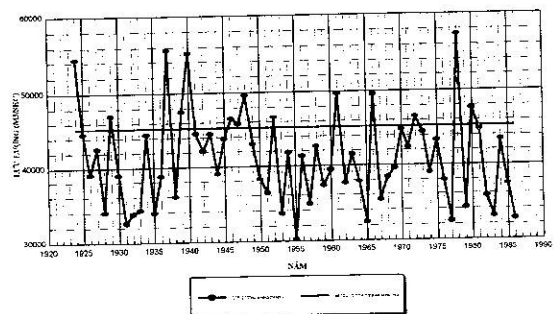
Theo ESCAP, “rừng trong hầu hết các quốc gia [trong Phân vùng Đại Mekong] giảm từ 70 phần trăm diện tích đất đai trong năm 1945 xuống còn 25 phần trăm trong năm 1995” (3). Trong một cuộc nghiên cứu gần đây của FAO (22), diện tích rừng trong năm 2000 của các quốc gia trong hạ lưu vực sông Mekong được ước tính như sau:

	Đất Đai (Hectares)	Rừng 2000 (Hectares)	Rừng/Đất Đai (Phần trăm)
Cambodia	18,104,000	9,335,000	51.56
Laos	23,680,000	12,561,000	53.04
Thailand	51,312,000	14,762,000	28.77
Vietnam	33,169,000	9,819,000	29.60
Lưu vực Mekong	126,265,000	46,477,000	36.81

Dựa theo kết quả nghiên cứu của FAO, diện tích rừng trong hạ lưu vực sông Mekong được ước tính khoảng 37 phần trăm. Rừng vẫn chiếm hơn phân nửa diện tích của Lào và Cambodia, nơi cung cấp khoảng 60 đến 75

phần trăm lưu lượng lũ của sông Mekong tại Kratié, Cambodia, cửa ngõ của châu thổ sông Mekong (23).

Dữ kiện về lưu lượng đo đạc được từ năm 1924 đến 1986 tại Kratié đã không cho thấy một sự liên hệ nào giữa việc phá rừng với lũ lụt trong hạ lưu vực sông Mekong. Trong khoảng thời gian này, lưu lượng hàng tháng cao nhất thay đổi từ 30,232 m³/giây trong năm 1955 đến 57,375 m³/giây trong năm 1978 với mức trung bình là 41,200 m³/giây. Dựa theo tiêu chuẩn về lũ lụt của Ủy Ban Quốc Tế Mekong, tiền thân của Ủy Hội sông Mekong hiện nay, lụt xảy ra ở Kratié nếu lưu lượng tại đó vượt quá 1.1 mức trung bình (25). Như vậy, lụt đã xảy ra 5 lần trong khoảng thời gian 20 năm từ 1924 đến 1945, nhưng chỉ xảy ra 9 lần trong khoảng thời gian 40 năm từ năm 1945 đến 1986.



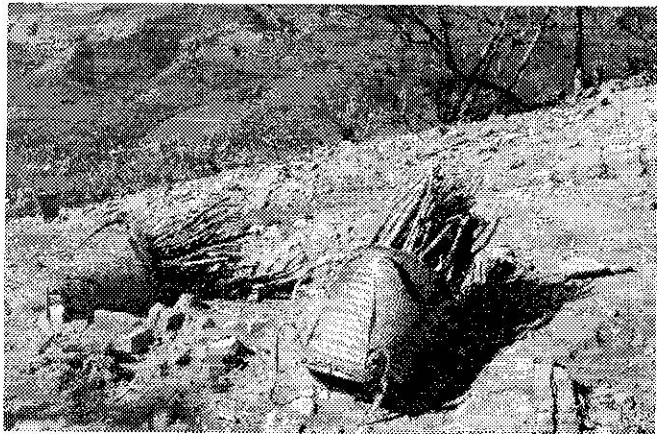
Theo một phúc trình của Phân Viện Khảo Sát Quy Hoạch Thủy Lợi Nam Bộ của Việt Nam (23), lưu lượng lũ và khối lượng nước lũ cao nhất tại Kratié trong các trận lụt lớn nhất trong lưu vực sông Mekong như sau:

NĂM	HÀNG NGÀY (M ³ /GIÂY)	15- NGÀY (TỈ M ³)	30- NGÀY (TỈ M ³)	60- NGÀY (TỈ M ³)	90- NGÀY (TỈ M ³)
1937	64,400	80.4	146.4	276.2	366.2
1939	66,700	81.2	143.5	247.2	341.3
1961	62,400	71.8	135.6	262.7	338.5
1966	58,600	72.0	130.0	232.7	304.7
1991	60,800	74.8	138.5	232.2	314.7
1994	54,400	64.6	122.3	233.5	329.5
1996	64,600	78.4	130.2	222.9	303.0

Dựa theo tài liệu này, lưu lượng lũ và khối lượng nước lũ cao nhất trong thập niên 1990 không vượt quá lưu lượng lũ và khối lượng lũ cao nhất trong thập niên 1930. Điều này minh chứng một cách rõ ràng rằng ảnh hưởng của việc phá rừng trong suốt 5 thập niên vừa qua

trong hạ lưu vực sông Mekong đã không được ghi nhận trong những trận lụt lớn nhất của lưu vực.

Riêng tại Cambodia, ảnh hưởng của việc phá rừng đối với lũ lụt đã được nghiên cứu chi tiết trong thời gian vừa qua. Kết quả của một trong những cuộc nghiên cứu đó được trình bày trong một buổi hội thảo quốc tế được tổ chức tại thành phố Santa Ana, Hoa Kỳ vào ngày 18 tháng 11 năm 2000. Buổi hội thảo này do Diễn Đàn Cửu Long (Mekong Forum) và Hội Khoa Học và Kỹ Thuật Việt Nam (VAST) tổ chức. *“Chu kỳ tái diễn của những trận lụt lớn ở Cambodia có ít nhiều liên hệ tới mức độ phá rừng từ năm 1991. Tuy nhiên, không thể kết luận rằng việc phá rừng là một nguyên nhân duy nhất gây ra lũ lụt”* (26).



Phân Kết Luận

Ảnh hưởng của cây cối đối với lũ lụt đã được tranh cãi từ lâu trên khắp thế giới và vẫn còn đang tiếp diễn. *“Nhiều chuyên viên cho rằng việc phá rừng là nguyên nhân căn bản của lũ lụt, trong khi một số chuyên viên thượng thặng khác lại cho rằng cây cối tuyệt nhiên không có ảnh hưởng gì đối với lũ lụt”* (5). Ngày qua ngày, số chuyên viên tin rằng cây cối có ảnh hưởng đối với lũ lụt càng mất dần luận cứ kỹ thuật, nhưng họ lại được chú ý hơn về phương diện chính trị. Cho đến nay, không có một bằng chứng nào cho thấy có một sự liên hệ trực tiếp giữa việc phá rừng và lũ lụt, nhất là các trận lụt có mức tàn phá cao. Chỉ có một sự kiện, diện tích rừng trên thế

giới ngày càng thu hẹp, được số chuyên viên này và các chuyên gia của ESCAP dùng để liên kết việc phá rừng với lũ lụt.

Trong khi đó, thủy học, kết quả của các cuộc nghiên cứu và điều tra, và quan trọng nhất là dữ kiện về thủy học và lũ lụt xảy ra trong lịch sử đã chứng minh rằng nguyên nhân hàng đầu của lũ lụt là có quá nhiều mưa xảy ra trong một số điều kiện thuận lợi, và rằng việc phá rừng có thể có ảnh hưởng quan trọng đối với những trận mưa nhẹ trong các lưu vực nhỏ. Khi những điều kiện cho việc hình thành lũ lụt có khả năng gây thiên tai trở nên thuận lợi, ảnh hưởng của cây cối sẽ không còn đáng kể nữa. Lập luận này được hỗ trợ một cách mạnh mẽ qua các bằng chứng cho thấy các trận lụt lớn của nhiều lưu vực sông trên thế giới đã xảy ra trước khi có việc phá rừng và phát triển đất đai cận đại.

Trong hạ lưu vực sông Mekong, ảnh hưởng của việc phá rừng trong 50 năm vừa qua đã không được ghi nhận trong các trận lụt lớn nhất của lưu vực, đặc biệt là trong vùng châu thổ. Dữ kiện thủy học đo đạc được tại Kratié, Cambodia cho thấy chu kỳ tái diễn, lưu lượng lũ cao nhất, và khối lượng lũ cao nhất của các trận lụt lớn trong khoảng thời gian này đã không vượt qua các con số của những trận lụt lớn xảy ra trong thập niên 1930.

Nguyễn Minh Quang

Tài Liệu Tham Khảo

- (1) Reuter, August 26, 1998 “Deforestation Lead to Floods” www.ABCNEWS.com
- (2) The Associated Press. September 21, 1998. “Deforestation Blamed in Part for Mexico Flooding” www.CNN.com.
- (3) United Nations Economics and Social Commission for Asia and the Pacific. September 22, 2000. “Loss of Forest Cover, Land Reclamation Some of the Causes of Floods in the Region”. Press Release. No. G/38/00. www.unescap.org/unis/G_38_00.htm
- (4) Nguyen Q.M Febuary 7 and March 9, 2001. Email letters to ESCAP to request supporting data for cause of floods in the Greater

Mekong Subregion. West Covina, California.

(5) Linsley, Ray K and Joseph B. Franzini. 1979. *Water-Resources Engineering*. Third Edition. McGraw-Hill, New York.

(6) Fradin, Dennis B. 1982. *Disaster! Floods*. Children Press, Chicago.

(7) Berger, Melvin. 1981. *Disastrous Floods and Tidal Waves*. Franklin Watts, New York.

(8) Cornell, James. 1976. *The Great International Disaster Book*. Charles Scribner's Sons. New York.

(9) EM-DAT: The OFDA/CRED International Disaster Database. "Natural Disaster Profiles Worldwide" www.cred.be/emdat/profiles/global.htm

(10) Skole David and Compton Tucker. 1988. "Tropical Deforestation and Habitat Fragmentation in the Amazon: Satellite Data from 1978 to 1988". www.bsrsi.msu.edu

(11) World Commission on Forest and Sustainable Development, 1999. *Our Forests, Our Future*. Summary Report of the World Commission on Forest and Sustainable Development. Winnipeg, Canada.

(12) World Resources Institute. 1996. *World Resources 1996-97. A Guide to the Global Environment. The Urban Environment*. Washington D.C

(13) World Resources Institute. "Deforestation: The Global Assault Continues". www.wri.org/trends/deforest.htm.

(14) Linsley, Ray K., Jr., M.A. Kohler, and J.L.H. Paulhus. 1975. *Hydrology for Engineers*. Second Edition, McGraw-Hill, New York.

(15) Brown, W.R and B.W. Cutchen. 1975. *Historical Catastrophes: Floods*. Addison-Wesley Publishing, Reading, Massachusetts.

(16) Lauber Patricia. 1996. *Flood, Wrestling With the Mississippi*. National Geographic Society, Washington D.C.

(17) National Climatic Data Center. November 20, 1998. "Flooding in China, Summer 1998" www.ncdc.noaa.gov/ol/reports/chinaflooding/chinaflooding.htm.

(18) Greenpeace. 2000. "Climatic Change and River Flooding" www.greenpeace.org.

(19) Barrows, H.K 1948. *Floods, Their Hy-*

drology and Control. First Edition. Mc-Graw-Hill, New York

(20) Lepold, Luna B. and Thomas Maddock, Jr. 1954, *The Flood Control Controversy - Big Dams, Little Dams, and Land Management*. Ronald Press, Company, New York.

(21) Mount, Jeffery F. 1995. *California Rivers and Streams, The Conflict Between Fluvial Process and Land Use*. University of California Press, Berkeley, California.

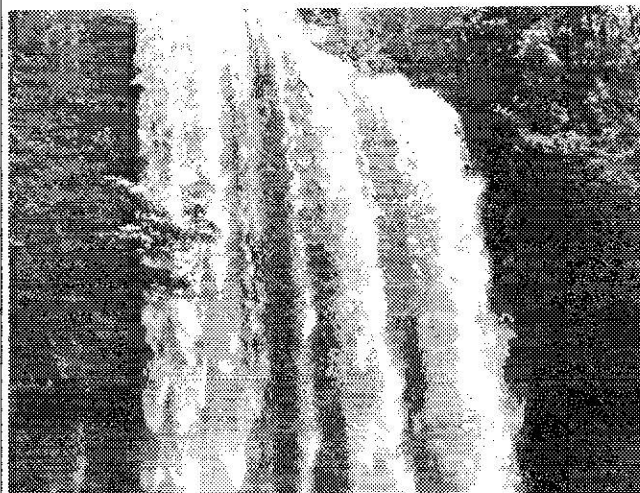
(22) United Nations Food and Agricultural Organization. *Forestry*. www.fao.org/forestry.

(23) Phân Viện Khảo Sát Quy Hoạch Thủy Lợi Nam Bộ. 1999. *Đề tài: Nghiên Cứu Khoa Học Cấp Nhà Nước. Xây Dựng Cơ Sở Dữ Liệu Thống Nhất Cho Mô Hình Toán Tính Lũ Đồng Bằng Sông Cửu Long*. Báo Cáo Tổng Kết Đề Tài. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(24) Vietnam State Planning Committee. October 1991. *Mekong Delta Master Plan (VIE/87/031), Working Paper No.1 - Surface Water Resources and Hydraulic Modeling. Volume 1: Main Text*. Ha Noi, Vietnam.

(25) Nguyễn Minh Quang. Tháng 7 năm 1975. "Lũ Lụt Vùng Châu Thổ Sông Cửu Long" Phân Viện Khảo Sát Quy Hoạch Thủy Lợi Nam Bộ. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(26) Meng Srun Sin November 18, 2000 "Deforestation and Its Relationship to Flood in Cambodia" Presented at the *Mekong River: Development Conflicts and Calamity* conference. Santa Ana, California



VANG BÓNG MỘT THỜI:

Khao Vọng Ở Làng Xã Việt Nam

NGUYỄN SỸ TÍN



Khao vọng là vấn đề quan trọng ở làng xã Việt Nam từ thời xa xưa. Người ta khao vọng trong các trường hợp sau đây :

*- **Khao lão:** Tuổi thọ người Việt Nam trước đây không cao, ít người sống quá 49 tuổi, ai sống qua 50 tuổi trở lên được coi là thọ và được hưởng các điều khoản đặc biệt của tuổi thọ trong làng. Muốn vậy người được 50 tuổi phải làm một mâm xôi gà đem ra đình cúng Thành hoàng, trình bày mình đã được vào hàng lão, có một địa vị mới trong làng. Khi ăn tiệc được ngồi chiếu trên của hàng lão, có phần xôi thịt ngon lành và rượu đủ uống. Nếu giàu có, người lên lão mở tiệc mời họ hàng, làng xóm, hàng tổng. Nếu không có điều kiện thì đến tuổi 60 (trung thọ), 70 (thượng thọ), 80 (thượng thượng thọ) khao cũng được.

Nhiều làng các bộ lão tự tổ chức tiệc mừng chúc thọ. Các cụ tập trung lại và biếu quà nhau như cam, quýt, chuối, bưởi... Tuổi 70 được biếu chiếc gậy trúc đẹp, tuổi 80 hiếm có, được biếu áo lụa đỏ, mũ ni tím.

Khi làng có tiệc cỗ hoặc được mời ăn cỗ, các cụ ở tuổi 80 được ngồi chiếu cặp điều tức là cỗ nhất.

Ngày xưa, ông nội tôi làm quan đời vua Tự Đức có mừng chung các bộ lão trong làng bằng đôi câu đối sau đây:

Thiên hạ tam tôn, xỉ kỳ nhất.

Nhân sinh thất thập cổ lai hi.

Tạm dịch :

*Ở đời có 3 điều quý, tuổi già là một,
Người sống đến 70, xưa nay đâu nhiều.*

*- **Khao phẩm hàm:** Thời phong kiến, nhà vua thưởng phẩm hàm cho dân để khuyến khích mọi người làm việc tốt như cứu tế, đắp đê, đào kênh dẫn nước vào ruộng, bắc một cây cầu vv...tùy theo thành tích mà người làm việc tốt được phong cửu phẩm hay bát phẩm.

Người được phong phải làm tiệc khao dân để dân đi rước biển ngạch về cho và phô trương cho mọi người biết.

*- **Khao đắc cử:** Những chức vụ then chốt trong làng, tổng như : chánh, phó tổng, lý phó trưởng, tiên thứ chỉ, chánh phó hội, đều do dân bầu ra. Khi đắc cử phải mở tiệc khao rồi mới nhận chức, làm việc. Chưa khao, thì dân chưa công nhận chức vụ nên chưa làm việc được.

*- **Khao thi đỗ:** thi đỗ Tú tài gọi là Tiểu khoa, cử nhân gọi Trung khoa, tiến sĩ gọi là Đại khoa.

Tú tài được một làng đi rước, cử nhân được một tổng đi rước, tiến sĩ được một huyện đi rước. Các tử sĩ thi đỗ phải khao theo luật nhà vua :

Tú tài khao một đĩa xôi, một con gà, ba quan tiền.

Cử nhân khao một con lợn, một mâm xôi, năm quan tiền.

Nhưng chỉ thị này ít được thi hành vì ai cũng cố khao cho to để nở mày, nở mặt với làng xóm.



Ca dao đã nói :

*Rước vinh quy về nhà bái tổ,
Mổ trâu bò làm lễ tế thần.
Để cho bằng họ nhân dân,
No say được đội Hoàng Ân tự giờ.*

Cổ khao nhiều nơi làm lễ nặng, mời khách khứa đến ăn uống đến ba, bốn ngày. Phải làm đủ lễ khao vọng thì mới được dự ngôi thứ vinh dự ở làng. "Một miếng giữa làng bằng một sàng xò bếp". Có người nghèo kiệt mang được chút danh phận mà không có tiền khao thì cả đời không dám ra đến đình đám. Có người phải vay nợ làm khao thành phá sản .

Tục khao vọng cũ là gánh nặng cho nhân dân, nên bỏ đi trong nếp sống mới .

Nguyễn Sỹ Tín
Springfield , Xuân 2001 .



Thơ



Tương Tư

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người*

*Gió mưa là bệnh của trời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.
Hai thôn chung lại một làng.
Có sao bên ấy chẳng sang bên này ?
Ngày qua ngày lại qua ngày,
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.
Bảo rằng cách trở đò giang,
Không sang là chẳng thuyền sang đã đành.
Nhưng đây cách một đầu đình,
Có xa xôi mấy mà tình xa xôi ...
Tương tư thức mấy đêm rồi,
Biết cho ai, hỏi ai người biết cho !
Bao giờ bến mới gặp đò ?
Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau ?
Nhà em có một giàn trầu;
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,
Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào ?*

Nguyễn Bính



HẦM ĐƯỜNG BỘ XUYỀN QUA ĐÈO HẢI VÂN

TRẦN SĨ HUÂN

(Lược ghi)

Trước đây và hiện tại, sự lưu thông bằng đường bộ giữa hai tỉnh Quảng Nam / Đà Nẵng và Thừa Thiên / Huế được thực hiện theo quốc lộ số 1 uốn mình quanh co, eo hẹp bên triền núi đèo Hải Vân dài trên 20 cây số. Nơi đây thường hay xảy ra nhiều tai nạn hiểm nghèo, nhất là vào mùa mây mù, gió táp.

Nay theo tin tức quốc nội, thì năm 2000 chính phủ đã cho khởi công xây dựng một hầm đường bộ xuyên qua đèo Hải Vân được dự trù hoàn tất vào năm 2003, bên cạnh hầm hỏa xa tục gọi là Hầm Sen xây cất từ thời Pháp thuộc.

Trong phạm vi lá thư AHCC, tôi chỉ xin ghi lại một số tài liệu kỹ thuật liên quan đến công tác này để tặng các AH kiều lộ đã từng phục vụ tại đèo Hải Vân hẻo lánh này trước năm 1975 như là một bản tin kỹ thuật chứ không có dụng ý tuyên truyền gì cả. Riêng tôi cũng có dịp phụ trách tu bổ đoạn đường quốc lộ số 1 ngang qua đèo Hải Vân từ Liên Chiểu đến đỉnh đèo dài hơn 10 km thuộc ty Công chánh Quảng Nam trong hai năm 1954- 1956 nên có ít nhiều kỷ niệm và nay lấy làm tò mò muốn tìm hiểu thêm.

Dưới đây là một số dữ kiện liên quan đến dự án xây cất đường hầm bộ xuyên qua đèo Hải Vân.

1. Phạm vi nghiên cứu :

Từ phía Bắc cầu Lãng Cô trên quốc lộ 1 A km 892 đến phía Nam khu công nghiệp Liên Chiểu Km 916, dài khoảng 12 Km 20.

2. Tiêu chuẩn thiết kế

* Tốc độ 80 Km/1giờ

* Trọng tải H0- xB80 (hoặc 125% HS20_ theo AASHTO)

3. Đặc điểm :



A. Hầm chính dài khoảng 6 Km,400

* Thiết đồ ngang:

Chiều cao : 4m 95

Chiều rộng 11m,50

(gồm có hai làn xe hơi : 3m,75 x 2= 7m 50

hai lề tránh xe : 1m, 25 x 2 =2m,50

một lề tu bổ : 1m

một lề bảo vệ : 0m, 50)

* Độ dốc dọc đường hầm : tối đa 3 %,

tối thiểu 0.3 %

* Thành hầm bằng bê tông cốt sắt đúc tại chỗ : Mặt trong đường hầm bằng bê tông cốt sắt, lớp trên bằng bê tông nhựa.

B. Hệ thống cầu trên tuyến đường hầm bao gồm cầu Lãng Cô dài 867 mét và 3 cầu ở phía Nam khoảng 884m. Cầu rộng 12m cho 2 làn xe hơi và 2 lề tránh xe ; 2 (3.75+1.75), sàn cầu có thể sử dụng cách lắp ghép, đúc sẵn, hoặc đúc tại chỗ. Các trụ BCS cũng đúc tại chỗ, tùy thuộc điều kiện địa chất thủy văn.

C. Đường nối hai đầu hầm :

Tổng số chiều dài hầm khoảng 4100m theo tiêu chuẩn kỹ thuật sau đây :

- Bề rộng nền đường 12m, mặt đường 11m
- Bán kính đường cong tối thiểu 240m
- Độ dốc tối đa 4 %
- Nền đất đầm chặt K 98, trải đá dăm và tráng bê tông nhựa.

D. Các công trình khác:

- Hầm phụ trách lánh nạn chạy song song hầm chính dài khoảng 6400 m , cao 4,5m, rộng 4m và các hầm ngang nối với các hầm chính.

- Hệ thống cung cấp điện và hệ thống điện chiếu sáng.

- Hệ thống thông gió.

- Hệ thống thông tin liên lạc.

- Hệ thống thu lệ phí hai đầu tuyến đường.

- Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án : 294.400m²

4. Vấn đề môi sinh:

Dự án đã nghiên cứu các điều kiện môi trường gồm có không khí , nước , môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, các nguồn nước, tiếng ồn và rung chuyển, cảnh quan môi trường, kinh tế xã hội , tài sản văn hóa v...v...Kết quả thấy rằng việc xây dựng hầm Hải Vân ảnh hưởng không đáng kể đến các điều kiện môi trường khu vực.

5. Tổng số đầu tư : 251.000 triệu USD.

- Nguồn vốn cung cấp : vốn vay OECF và vốn đối ứng đầu tư trong nước.

6.- Lợi ích kinh tế:

Dự án hầm đường bộ qua đèo Hải Vân một khi hoàn tất sẽ mang lại nhiều lợi ích như tiết kiệm được thời gian cho người sử dụng, tiết kiệm nhiên liệu và giảm thiểu tai nạn lưu thông.

7- Tổ chức thực hiện: Cơ quan chủ đầu tư: Ban QLDA 85. Thiết kế và giám sát xây dựng gồm liên danh tư vấn Nippon Koei- Louis Berger và Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Bộ GTVT

Cơ quan xây dựng: Tổ chức đấu thầu xây dựng theo luật Việt Nam, hướng dẫn OECF và thông lệ quốc tế.

Tiến triển mức độ thực hiện: Thiết kế và tổ chức đấu thầu tháng 8/1998. Thực hiện từ tháng 3/1999 đến tháng 3/2003

Trần Sĩ Huân



THÚ YÊU ĐƯỜNG

Ngồi buồn dỡ những tình thư cũ.
Viết vài câu cho vơi bớt thương đau.

Đời ai không đau khổ.
Tình ai không dang dở đôi lần.
Tình đến, tình đi, tình lặn dần
Một lần tan vỡ, sầu hận thiên thu

Đâu những người tình muôn thuở.
Đến làm chi, vội sớm chia ly.
Để sánh cùng ai, lên xe hoa đi
Kể ở lại, học thêm bài “ Tình hận”

Đời ta đã bao lần gặp gỡ
Tưởng rằng đây duyên nợ ba sinh.
Để rồi mộng tình tan vỡ.
Như bọt bèo, như gió thoảng mây bay

Yêu cứ yêu chỉ cần còn hơi thở
Cho con tim chai đá trước cuộc đời
Kẻ không yêu, không hơn chi cây cỏ.
Đứng giữa trời, không biết chuyện gió trăng

Dù biết yêu là đau khổ
Không yêu thì thua lỗ
Cam lòng đau khổ, không để thua lỗ
Thì ta cứ yêu dù đau khổ nhiều

Tôn Thất Tụng

V.A - USA, Ngày 12/01/2001

(Kỷ niệm
chuyến du lịch
Trung Quốc
tháng 4/2000)

Mùa Xuân Hoa Nam

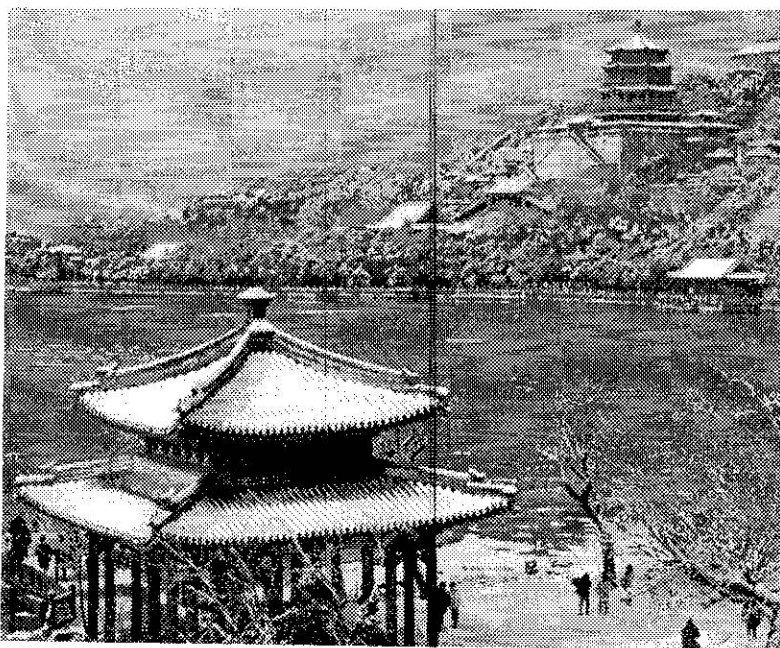
Từ Minh Tâm

Nước Trung Quốc hình như có duyên với tôi. Năm rồi tôi đã viếng thăm Bắc Kinh, Thượng Hải. Năm nay tính đi Âu Châu một chuyến. Nhưng tour Âu Châu lại tổ chức không trùng ngày tôi nghỉ. Trong khi đó tour Trung Quốc thì tổ chức hàng mỗi thứ Sáu,

và bà xã tôi vẫn còn mê cẩm thạch Trung Quốc, do đó tôi lại có dịp trở lại Trung Quốc lần thứ hai. Lần này tôi viếng Quảng Châu, Quế Lâm, Thẩm Quyến và Hồng Kông.

1. Quảng Châu: Cửa ngõ phương Nam

Quảng Châu là thủ phủ của tỉnh Quảng Đông nằm ở cửa sông Tây Giang. Đây là cửa ngõ giao thương của Trung Quốc từ hàng ngàn năm trước với các thương nhân từ La Mã hay Ả Rập. Về mặt lịch sử, Hồng Tú Toàn, Tôn Dật Tiên là người Quảng Châu. Nơi đây cũng đã bắt đầu của cuộc cách mạng Chiến Tranh Nha Phiến năm 1839. Vì gần Việt Nam, Quảng Châu cũng là nơi các nhà cách mạng Việt Nam như Phan Bội Châu, Phạm Hồng Thái... tạm



trú khi vận động chính trị.

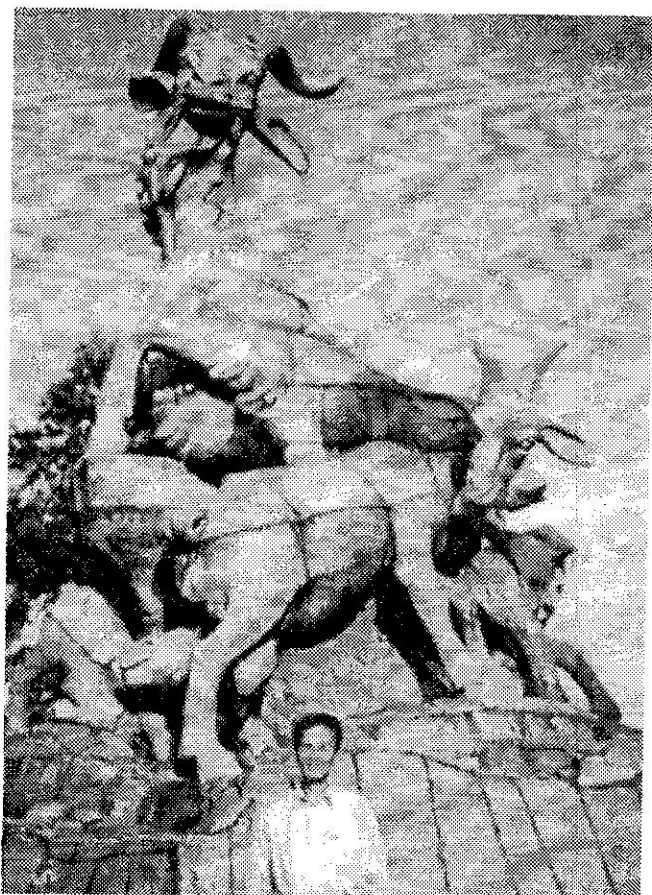
Ngày nay, Quảng Châu đang mở cửa cải tổ kinh tế. Đó đây, các cao ốc đang được xây dựng. Với hơn 5 triệu dân, thành phố trở nên đông đúc, nạn kẹt xe trở nên thịnh hành vì người dân nay đã được có quyền mua xe

ô tô riêng. Khi tôi đến Quảng Châu, thời tiết tương đối mát mẻ dễ chịu. Mấy ngày trước, nhiều cơn mưa đã làm dịu phần nào sự ô nhiễm không khí nay bắt đầu gây tác hại cho thành phố này. Thời gian của tôi ở Quảng Châu rất ngắn nhưng tôi cũng được thăm viếng nhiều địa điểm du lịch sau đây:

1.1 Công viên Yue Xiu - Đồi năm con dê - Biểu tượng của Quảng Châu

Công viên này rộng tới 93 mẫu. Điều tức cười là trên đỉnh cao nhất của công viên có tượng điêu khắc năm con dê. Tượng này lại là biểu tượng cho thành phố Quảng Châu. Không lẽ dân Quảng Châu khoái "sư phụ" về tài "dê" mà đặt biểu tượng cho họ? Hỏi ra mới biết, theo truyền thuyết từ hàng ngàn năm trước, một ngày nọ có 5 con dê, miệng ngậm năm nhánh lúa, từ trên trời hiện ra, có ý cho rằng ở đây không bao giờ bị đói kém. Do đó, Quảng Châu còn có tên là City of Goats.





Đôi năm dê - biểu tượng của Quảng Châu

1.2 Nhà tưởng niệm Tôn Dật Tiên: nằm ở khu trung tâm thành phố. Xây cất năm 1931 do Hoa kiều và người trong nước đóng góp. Nhà này cao chừng 30 mét, chứa khoảng 4000 ghế. Bên trong dĩ nhiên không có cột. Trần nhà trang trí hoa văn rất đẹp. Phía trước nhà là tượng của ông Tôn Dật Tiên, kỷ niệm những lần ông phát biểu ở ngay vị trí đó những năm sau cách mạng Tân Hợi.



Nhà kỷ niệm Tôn Dật Tiên

1.3 Chùa Liu Rong (Sis Banyan Tress Temple): Chùa này nhỏ nhưng rất cổ. Xây năm 479, chùa có tháp cao 57,6 mét, đặc biệt ở chỗ là bên ngoài thì thấy có 9 tầng, nhưng bên trong có 17 tầng. Chùa rất nổi tiếng vì nhà thơ Tô Đông Pha có làm bài thơ khen 6 cây đa ở đây mà ngày nay không còn nữa.

1.4 Từ đường dòng họ Chen (Chen Family Temple): Xây năm 1890 có 9 căn, 6 sân rộng. Ngày xưa, nơi đây là trường dạy đạo Khổng. Nhà này có cột, kèo, cửa, mái... được chạm trổ rất tỉ mỉ. Trên 1000 bài vị của dòng họ Chen đã bị Hồng vệ Binh lấy mất. Ngày nay, nhà này do chính quyền quản lý thành nơi du lịch.

1.5 Hoàng Hoa Cương:

Hoàng Hoa Cương là nghĩa trang chôn 72 liệt sĩ trong cuộc nổi dậy thất bại ngày 27/4/1911. Tất cả 72 người được chôn trong một mộ hình tháp trên đồi. Đồi rộng 26 mẫu, rất đẹp, được xây cất do tiền duyên góp của Hoa kiều khắp nơi trên thế giới. Có nhiều bia đá ghi tên nhưng hội Hoa kiều đã đóng góp như Mỹ, Peru, Cuba... nhưng tôi tìm mãi mà không thấy Hoa kiều Chợ Lớn của Việt Nam. Bên trên cao nhất có tượng Nữ Thần Tự Do theo kiểu Mỹ.

Hoàng Hoa Cương cũng là nơi an nghỉ của liệt sĩ Phạm Hồng Thái. Người hướng dẫn viên du lịch có nhờ tôi kể lại chuyện ông Phạm Hồng Thái ném bom Sa Điện cho các vị trong đoàn nghe như một anh hùng của dân tộc. Mộ ông Phạm Hồng Thái ở phía sau đồi ở một vị trí rất u tịch. Điều ngạc nhiên cho tôi là khi thăm mộ lại thấy có một vòng hoa của Tòa Án Tối Cao Việt Nam (có lẽ đi công tác Quảng Châu ghé đặt). Thăm mộ Phạm Hồng Thái tôi có cảm tác bài thơ sau đây, để tưởng niệm vị anh hùng dân tộc:

*Tiếng bom Sa Điện bất thành công
Dầu có hy sinh, chẳng bận lòng
Làm trai sống giữa thời ly loạn
Chết để danh thơm, rạng núi sông*
Chuyện bên lề:

Đoàn du lịch kỳ này chỉ có 9 người: 7 Hoa, 2 Việt là hai vợ chồng chúng tôi. Chuyến đi kỳ này không xông xê như kỳ trước. Chương trình do công ty du lịch thay đổi lung tung. Hướng dẫn viên thiếu kinh nghiệm. Di chuyển

nhiều hơn tham quan, mua sắm. Chương trình tour thiếu nghiên cứu, mới xuống máy bay là đã đi xem các nơi nên rất mệt.

Phi trường Quảng Châu có hệ thống máy vi tính chạy “chậm như rùa”. Tin tức các chuyến bay lộn xộn. Khi ra cổng lên máy bay thì tùy tiện, thiếu khoa học.

Quảng Châu đang có Hội Chợ Thương Mại Quốc Tế. Kẹt xe rất nhiều, khách sạn đều bị đặt hết. Chúng tôi phải ngủ ở Quế Lâm, thời gian ở Quảng Châu rất ít.

Khoảng 3% dân Quảng Châu nay đã có ô tô riêng. Nhưng có ô tô chưa chắc đã sướng vì phải mượn chỗ đậu xe xa nhà (apartment). Xe lớn mà bị kẹt xe thì chỉ có nước ngồi chờ. Đường sá thì đông đúc, lái xe phải thật giỏi mới không bị “cọ quet”.

Phố xá Quảng Châu buôn bán theo ngành hàng, có phố hàng vật liệu xây dựng, phố bán hoa, phố bán đồ da... nhiều nơi cũ đang bị đập phá để xây mới và mở rộng.

Ở Hoàng Hoa Cương, nằm cạnh mộ ông Phạm Hồng Thái có một ngôi mộ nhỏ hơn cũng của người Việt Nam. Đọc trên mộ bia thấy ghi: Trần Thi, sinh năm 1891, xã Thuận Thành, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. mất 11g40 ngày 29/1/1967. Ông này là ai mà được chôn trong Hoàng Hoa Cương?



Nơi an nghỉ của liệt sĩ Phạm Hồng Thái

2. Quế Lâm Phong Cảnh Hữu Tình

Quế Lâm (Guilin) là một quận của tỉnh

Quảng Tây, dân số chỉ có 600,000 người. Quế Lâm có nghĩa là rừng quế, nhưng tôi thấy trong thành phố có nhiều cây camphor (long não) hơn. Tháng tư nhằm mùa xuân, hai bên đường, cây đang nảy mầm xanh lộc rất đẹp, nhưng do nhu cầu phát triển, một số cây đang bị đốn đi để mở rộng đường, thật là đáng tiếc. Thành phố Quế Lâm không lớn, cuộc sống có vẻ nghèo nàn hơn các nơi khác, nhưng phong cảnh thì không nơi nào có thể sánh được. Có người Trung Quốc đã cho rằng Quế Lâm là “Đẹp nhất sau Thiên Đàng”. Từ trên máy bay, khi tới gần Quế Lâm, bạn sẽ thấy một cảnh quan rất dị thường. Đồi núi nho nhỏ, trải đều trên đồng bằng, giống như những chiếc bánh ú được xếp đều trên mặt bàn. Cảnh vật Quế Lâm đa số là những đồi đá vôi bị phong hóa thành những hình dạng khác nhau, giống như Vịnh Hạ Long của miền Bắc. Xưa kia Quế Lâm là biển, khi nước rút đi nó đã để lại những đồi đá vôi với những hang động với nhiều hình dạng dị kỳ. Thêm vào đó mưa nhiều ở đây làm cho cây cối phát triển xanh tươi tuyệt đẹp.

Quế Lâm có tới 24 điểm du lịch, nhưng chúng tôi ở đó có hai ngày nên chỉ thăm được mấy thắng cảnh nổi tiếng như:

2.1 Du thuyền trên sông Li: thuyền tách bến lúc 10 giờ sáng xuôi dòng sông Li giang về Giang Tô, cách đó hơn 60km. Trong hơn bốn tiếng trên thuyền, du khách sẽ có dịp ngắm cảnh non nước hữu tình hai bên bờ sông đá vôi. Cảnh trí tuyệt đẹp, nên thơ. Cây xanh, núi xanh, hình dạng dị kỳ. Tùy theo trí tưởng tượng của chúng ta mà có thể thấy núi vọng phu, núi quả táo, núi lạc đà... Dòng sông uốn khúc, quanh co, nước sông xanh biếc, hai bên bờ thỉnh thoảng lại có hang động, suối nước, tô điểm thêm cho phong cảnh vốn đã đẹp xinh lại càng thêm thú vị. Cơm trưa được dọn trên thuyền. Du khách vừa ăn vừa ngắm cảnh, lòng phơi phới vì được dịp thăm một nơi nên thơ, hữu tình, nhưng cũng chạnh nhớ quê hương:

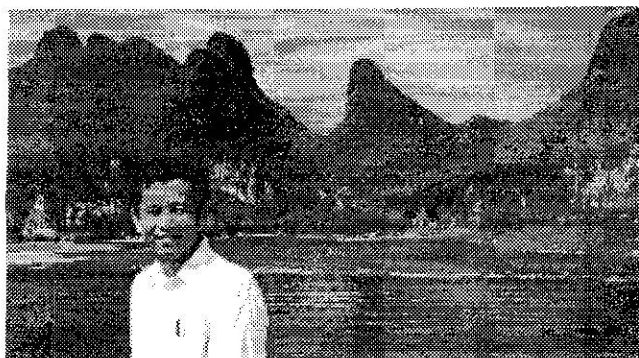
Li giang cảm tác

Sông Li non nước hữu tình

Bâng khuâng cử tưởng quê mình Hạ Long

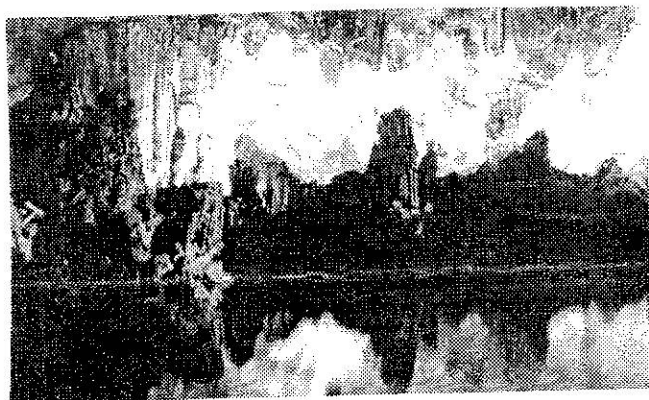
Quế Lâm cảnh đẹp lạ lùng

Nhớ thương đất Việt trong lòng tha nhân



Du thuyền trên sông Li

2.2 Động Sáo Trúc (Reed Flute Cavern): hang động này nằm trong lòng một ngọn đồi đá vôi. Vào hang động ta như lạc vào một thế giới khác với những thạch nhũ tạo ra muôn hình vạn trạng cảnh trí khác nhau. Nhờ những hệ thống đèn bắt khéo léo bên trong, ta có thể thán phục những hình ảnh tuyệt đẹp như những tượng điêu khắc do thiên nhiên tạo nên trong hơn 700,000 năm. Xuống cuối hang động là một vùng rộng rãi, trần cao, gọi là Cung Điện Thủy Tinh, chúng ta sẽ ngạc nhiên tự hỏi: *“làm sao mà thiên nhiên có thể làm được một cảnh đẹp như thế này trong lòng đất”*. Du khách ngoại quốc, dù không hiểu người hướng dẫn nói gì cũng phải trầm trồ thán phục công trình của tạo hóa, thiên nhiên.



Động Sáo Trúc

2.3 Đồi Voi (biểu tượng của Quế Lâm): nằm ở ngã ba sông Li và sông Taohua. Đồi này là một khối đá vôi có hình dạng một con voi đang uống nước sông Li. Bên trên đỉnh đồi có một khối đá khác nhỏ hơn có dạng một đuôi kiếm. Dân Quế Lâm kể rằng: ngày xưa, có một con voi vốn là tướng trời được phái xuống trần làm việc. Khi tới Quế Lâm, thấy

cảnh đẹp nên ở lại trần gian. Thượng Đế tức giận sai thiên sứ đem gươm đâm vào lưng voi và dày nó thành đá đứng muôn đời bên bờ sông Li. Câu chuyện có ý muốn nói rằng làm tướng trời cũng không bằng làm dân Quế Lâm(?)



Đồi voi - Biểu tượng của Quế Lâm

2.4 Đồi Fubo: đồi này nằm cạnh bờ sông Li, bên trong có Hang Hoàn Ngọc, với những tượng Phật điêu khắc trên vách từ đời Tống. Leo lên đỉnh đồi, ta có thể thấy toàn cảnh Quế Lâm.

Chuyện bên lề:

Quế Lâm có một phi trường mới xây có ba năm rất sạch sẽ tiện nghi như một phi trường tân tiến, chỉ tiếc rằng ở xa thành phố gần một tiếng lái xe.

Trung Sơn lộ là con đường chính của Quế Lâm đang được mở rộng tới 6 làn xe. Công chánh Trung Quốc làm việc rất tệt, bụi bặm đầy rẫy, công việc chậm lụt, toàn sử dụng nhân công. Họ lý luận rằng nếu sử dụng nhiều xe máy thì sẽ sinh ra thất nghiệp, một lý luận ấu trĩ hay tại giá nhân công rẻ mạt?

Quế Lâm thuộc vùng thượng du, dân ở đây ăn thịt rắn, thịt chó... như nhà quê bên Việt Nam.

Khách sạn Quế Lâm nói rằng 4 sao, nhưng theo nhiều du khách chỉ đáng tiêu chuẩn 3 sao. Các bữa ăn rất tệt, thịt thà không thấy, cá thì toàn xương.

Gần phi trường Quế Lâm có một trại nuôi cạp và gấu để huấn luyện và sau đó trả về rừng. Rất nhiều cạp, gấu và nhiều thú khác được nuôi ở đây. Bên trong có biểu diễn xiếc thú như khỉ, sư tử, cạp, dê... một số thú có vẻ bệnh hoạn vì thiếu dinh dưỡng (?) Đặc biệt trong sở thú này có một giống cá có bốn chân.

Tối ở Quế Lâm, chúng tôi được đi xem biểu diễn văn nghệ các sắc tộc thiểu số của Trung Quốc. Chương trình cũng lạ, diễn viên trẻ đẹp, múa hay, nhưng du khách có vẻ mệt mỏi nên không thưởng thức được hết cái hay của buổi biểu diễn.

Một tối khác, chúng tôi lại được đi xem người ta biểu diễn bắt cá bằng chim đã huấn luyện. Mấy con chim này mỏ đẹp, giống như vịt. Người ta cột cổ nó lại, rồi bắt nó lặn xuống sông bắt cá cho họ. Tội nghiệp mấy con chim, đồ ăn tới cổ mà còn bị móc ra. Có khi còn bị đòn nếu làm biếng. Nếu mấy ông bà của Hội Bảo Vệ Sức Vật bên Mỹ qua đây thấy vậy chắc có nước la trời.

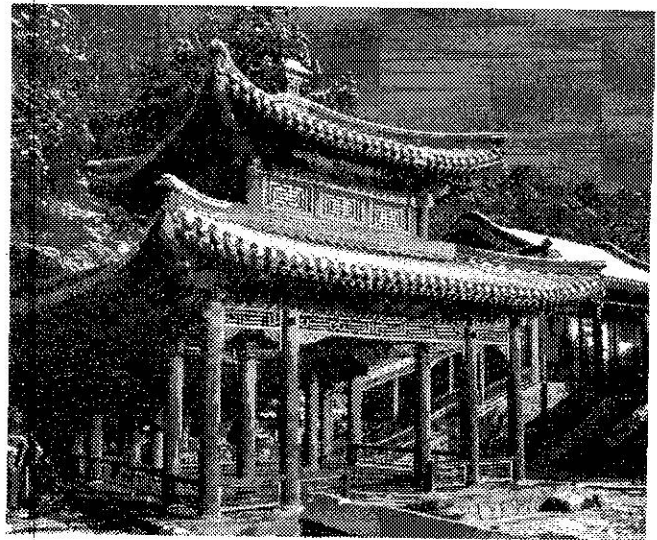
Điện Khí Công: Đi du lịch mà được chở vô nhà thương khám bệnh miễn phí!!! Chúng tôi được các bác sĩ Đông y giỏi nhất của Quế Lâm bắt mạch cho từng người, nếu bệnh thì họ dụ mua thuốc... bắc (dạng viên). Bà xã tôi khen họ nói đúng bệnh của bà. Còn tôi thì không tin nên bác sĩ bắt mạch sai bét (?). Có một bác sĩ trong bệnh viện có Điện Khí Công. Ông ta biểu diễn vận khí, sau đó để hai tay vào hai đầu dây điện nhà mà không bị giật, chính mắt tôi thấy và thán phục. Điện khí công có thể giúp trị đau hai bên bả vai, nhức mỏi, bắp thịt và đau đầu. Bạn có tin không?

3. Thẩm Quyến (Shenzhen): Kiểu mẫu tương lai của Trung Quốc?

Sau hai ngày ở Quế Lâm, chúng tôi bay về Thẩm Quyến. Trong tiếng Anh Thẩm Quyến viết là Shenzhen còn trong tiếng Quảng Đông Thẩm Quyến đọc là Sâm Chanh. Sở dĩ tôi phải viết hai tên này là vì Thẩm Quyến là một Đặc Khu Kinh Tế của Trung Quốc, mới xuất hiện trên bản đồ du lịch gần đây. Thẩm Quyến nằm trên đất Trung Quốc nhưng ngay biên giới Hồng Kông. Nếu bạn có phòng cao trên khách sạn là bạn đã thấy những tòa cao ốc bên Hồng Kông. Trước đây 20 năm, Thẩm Quyến chỉ là một làng chài lưới nghèo khổ, ngày nay nơi đây là một thành phố hiện đại với nhiều cao ốc. Do quy hoạch mới nên chính phủ dễ dàng xây cất theo ý muốn.

Đường Thẩm Nam là con đường chính của Thẩm Quyến, rộng chừng hơn 60 mét. Dãy phân cách rộng chừng 10 mét trồng hoa huệ

đỏ rực và những cây cọ. Mỗi chiều có ba làn xe chạy. Sau đó lại là một dãy phân cách khác trồng cây thấp hơn. Tiếp theo là đường cho xe thô sơ, xe gắn máy. Cuối cùng mới tới lề bộ hành rộng rãi. Có đoạn người ta lại trồng hoa hồng trước khi tới lề bộ hành. Hoa mùa xuân nở thật đẹp, đem lại cho du khách một cảm giác yêu đời. Tôi ở khách sạn Shenzhen Bay Hotel, nằm ngay trên đường Thẩm Nam, trong khu du lịch. Cảnh trí giống như đang ở trong một nước tiên tiến không như các nơi khác của Trung Quốc. Đường sá sạch sẽ, không đông đảo như trong lục địa. Du khách phần đông là người Nhật, Nam Hàn, và Trung Hoa từ nước ngoài về...



Về kinh tế, Thẩm Quyến nhờ có công nhân, và tiền thuê đất rẻ nên thu hút nhiều đầu tư từ nước ngoài. Công nhân Trung Quốc từ lục địa muốn vào làm việc ở Thẩm Quyến phải xin phép của chính quyền địa phương, và phải có giấy được nhận vào làm việc ở các nhà máy ở đây. Khi đến làm họ chỉ được cư trú trong những khu vực riêng không được tự do đi lại giữa các khu. Có rất nhiều trạm xét giấy tờ trong thành phố. Nhưng nếu bạn là du khách đi theo tour thì không ai thèm hỏi đến bạn (vì tour guide đã ngầm kiểm soát bạn rồi?)

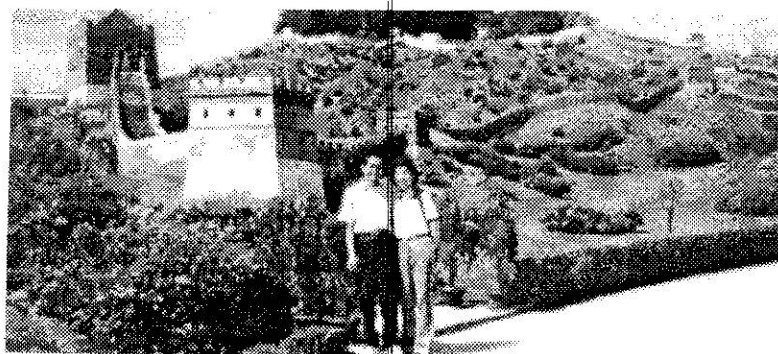
Khách sạn Shenzhen Bay Hotel tiêu chuẩn 4 sao, có cho ăn sáng miễn phí. Thức ăn Tây hay Tàu rất ngon. Nếu bạn có dịp đến thăm Thẩm Quyến thì nên ở khách sạn này vì nó nằm ngay trong khu du lịch. Tất cả các khu

vui chơi đều đi bộ là tới không phải đi xe.

Tuy đang mùa xuân, mà khí hậu Thẩm Quyến lại khá nóng và ẩm như ở Florida, tuy nhiên ánh nắng chan hòa sẽ cho những bức hình rất đẹp kỷ niệm những ngày ở đây Thẩm Quyến là nơi vui chơi giải trí và mua sắm. Bạn có thể thăm các khu vui chơi sau đây:

3.1 Trung Hoa Cẩm Tú (Splendia China):

Với giá vé vào cửa là 70 nhân dân tệ (chưa tới 10 đôla) bạn sẽ được thăm những tiểu cảnh (minatures) của hơn 80 cảnh đẹp khắp nước Trung Hoa. Ở đây bạn sẽ thấy hàng hàng lớp lớp cảnh thu nhỏ của: Vạn Lý Trường Thành, Tử Cấm Thành, sông Dương Tử, lăng mộ Tần Thủy Hoàng, cung điện của Đạt



Tiểu Vạn Lý Trường Thành - Trung Hoa Cẩm Tú

Lai Lạt Ma Tây Tạng, các tượng Phật, cảnh đẹp Tô Châu, Hàng Châu... Tất cả đều làm theo tỷ lệ giống như thật. Nếu bạn không có dịp đi hết nước Tàu thì đây là dịp bạn có thể tìm hiểu về các danh lam thắng cảnh của họ. Còn nếu bạn đã có dịp nhìn thấy một vài cảnh thật rồi thì bạn lại có dịp để so sánh cảnh thật và cảnh thu nhỏ để tán phục công trình của các nghệ nhân làm tiểu cảnh ở đây. Ngoài ra, công viên được trồng bông hoa với màu sắc rực rỡ, bảo đảm du khách sẽ có những bức hình kỷ niệm rất đẹp. Cảnh đẹp của Trung Hoa Cẩm Tú đã được người ta ngưỡng mộ và xây thêm một công viên tương tự ở Kissimy, Florida.

3.2 Cửa sổ của thế giới (Window of the World):

Đây cũng là công viên với những tiểu cảnh, nhưng là cảnh đẹp của thế giới. Cảnh đẹp thế giới trong khu công viên này rất nhiều nếu chỉ nói mấy chỗ nổi tiếng thì có Âu châu với Tháp Eiffel, Khải Hoàn Môn, Đấu Trường La Mã, Cung Điện Nữ Hoàng Anh... Úc Châu thì có Nhà hát Opera, Mỹ Châu có Bạch Cung, Đại Hẻm Vực (Grand Canyon), Nhà chọc trời

ở Nữu Ước, thác Niagara... Phi Châu có Kim Tự Tháp. Khu Á Châu núi Phú Sĩ, Đền Thiên Đê Thích, Đền Taj Mahal, cung điện Vua Thái Lan... Biểu tượng của Việt Nam trong khu này là Chùa Một Cột rất khiêm nhường với bản nhạc Se Chi Luồng Kim. Xét về mặt kiến trúc, theo tôi thấy cung điện của Triều đình Huế đáng tiêu biểu cho nước ta hơn là Chùa Một Cột, không biết tại sao người xây cất không biết đến điều đó. Ở mỗi "Châu" đều có những chương trình văn nghệ hay biểu diễn về văn

hóa. Tối thứ bảy thì có bắn pháo bông và biểu diễn núi lửa Hawaii phun lửa. Giá vé vào cửa là 100 nhân dân tệ (khoảng 12 đôla) nhưng tương đối vắng khách vì du khách thì ít mà

dân địa phương thì... "mậu lúi".

3.3 Hai mươi bốn làng sắc tộc (China Folk Culture Villages):

Nước Trung Hoa gồm sắc tộc Hán chiếm 91%, còn lại là 53 sắc tộc khác nhau như Mãn Châu, Tây Tạng, Mông Cổ, Dao, Đài Loan, Yi... Công viên nằm sát bên khu Trung Hoa Cẩm Tú, bên trong xây cất nhà cửa hay công trình theo cách của 24 sắc tộc tiêu biểu của Trung Hoa. Mỗi sắc tộc sẽ có những buổi biểu diễn riêng trình bày văn hóa của mình. Ban đêm sẽ có chương trình văn nghệ tổng hợp và chương trình xe hoa lộng lẫy với những thiếu nữ xinh đẹp. Bà xả tôi thì không thích coi văn hóa văn nghệ (chỉ thích shopping?!), nên khu này không hấp dẫn đối với bà. Còn tôi thì không thích lắm vì không hiểu tiếng địa phương nhưng cũng "gỡ gạc" được chút ít nhờ có dịp ngắm các thiếu nữ xinh như mộng trong làng.

Chuyến bên lề:

Hàng hóa ở Thẩm Quyến rẻ hơn nhiều nơi khác vì sản xuất tại chỗ. Nhiều mặt hàng "hiệu" như Polo, Tommy "giả"? ở đây rất nhiều và rẻ (dĩ nhiên là phải biết chỗ mua, nếu vào các

khu thương xá thì giá như bên Mỹ).

Vòng quanh khu du lịch có đường xe điện chạy trên cao. Giá vé là 35 nhân dân tệ cho một ngày. Khi lên xe, ta đưa ngón tay cho máy computer ghi nhận. Lần sau khi trở lại, lại đưa ngón tay cho máy xét. Nếu đúng thì

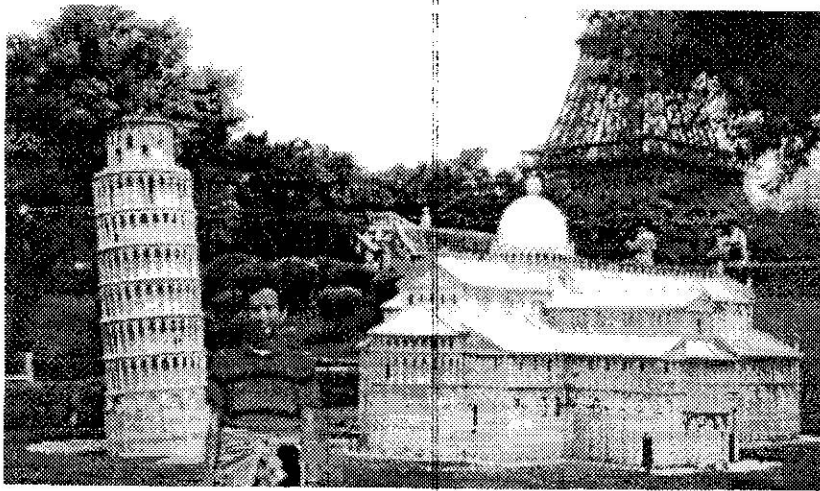
được lên đi nữa không phải trả tiền. Kỹ thuật này hiện đại hơn cả Disneyland (ra cổng được đóng dấu trên tay bằng loại mực đặc biệt, có thể vô trở lại nếu có dấu). Xe chỉ có ba toa mà vắng... hoe.

Xe buýt từ Thẩm Quyến qua Hồng Kông chỉ có một tiếng rưỡi, nhưng trạm biên giới Lowu giữa Trung Quốc và Hồng Kông kiểm soát rất kỹ và phiền hà. Tới biên giới phải xuống xe, đem hết hành lý cho công an Trung Quốc xét, sau đó lên xe chạy qua biên giới Hồng Kông, cách đó có vài chục mét. Tới bên đó lại phải xuống xe, đem hết hành lý cho hải quan Hồng Kông xét, rồi mới được lên xe đi tiếp. Có lẽ vì thủ tục khó khăn nên chiếc xe buýt hai tầng có gần 70, 80 chục chỗ ngồi mà chỉ có chừng 15 hành khách.

Ở Thẩm Quyến (và Trung Quốc) có người đâm bóp rất chuyên nghiệp và rẻ. Tiếc rằng vì thời giờ eo hẹp nên chúng tôi không có dịp... thử.

4. Một ngày ở Hồng Kông:

Về mặt địa lý, Hồng Kông gồm nhiều đảo lớn nhỏ như đảo Hồng Kông, đảo Lan Châu... và phần bán đảo nối liền vào lục địa gồm Tân Lân thổ và Cửu Long. Đất hẹp người đông nên dân Hồng Kông đa số ở trong các chung cư cao hai, ba chục tầng. Từ Thẩm Quyến, qua trạm xét Lowu ta đi vào phần Tân Lân thổ. Khu này cũng còn nghèo lắm, như ngoại ô của Sài Gòn. Nhưng ở Cửu Long thì khác hẳn. Thành phố đông đảo, buôn bán tấp nập. Mọi người vội vã hình như không ai có nhiều thì



Tháp nghiêng Pisa - Window of the World

giờ. Dân Hồng Kông bận bịu tới ngày, ai nấy lo kiếm tiền từ sáng tới tối. Người dân Hồng Kông tương đối văn minh hơn dân lục địa. Khi đi xe buýt hay taxi họ đều sắp hàng chờ đến phiên. Nhà cửa, đường phố của

họ sạch sẽ, ngăn nắp, nhưng công việc thì hay trễ nải, có lẽ họ bận rộn quá chăng. Nếu so với Chợ Lớn hay China Town San Francisco thì Hồng Kông lớn hơn nhiều lắm. Bạn sẽ bị lóa mắt với hàng trăm, hàng ngàn bảng quảng cáo thi nhau đập vào mặt bạn. Xe cộ chạy như mắc cửi. Đại lộ chính Nathan Road có tới 3 làn xe mỗi bên. Xe buýt, taxi, xe nhà... chạy rất nhanh như ở Mỹ.

Khách sạn Majestic mà tôi tạm trú nằm trên đường Saigon Street. Một sự trùng hợp kỳ lạ phải không? Đường ở Hồng Kông mà đặt tên theo các thành phố trên thế giới. Riêng Việt Nam đã có ba tên là Saigon St., Hanoi Rd và Haiphong Rd. Ngoài ra còn có đường Bắc Kinh, đường Thượng Hải, đường Nam Kinh... Từ khách sạn là có thể đi shopping ngay dưới đường rất tiện.

Tới Hồng Kông lúc sáu giờ chiều, chúng tôi tắm thật nhanh để cố gắng dành nhiều thì giờ đi chơi. Buổi tối ở đây thật náo nhiệt. Đường sá đông đảo, người mua sắm rất đông, dân địa phương khách du lịch bước nhanh trên con đường đầy đèn màu rực rỡ. Ra tới đường lớn ai nấy đều ồ lên một tiếng vì ngạc nhiên và thích thú với những ánh đèn quảng cáo đủ loại, đủ màu. Hàng hóa ở Hồng Kông có đủ loại, thượng vàng hạ cám. Nếu mua hàng trong cửa tiệm thì giá cả như bên Mỹ. Còn nếu mua ngoài đường thì rẻ hơn rất nhiều, dĩ nhiên chất lượng khó mà biết. Hồng Kông nổi tiếng làm đồ giả mà. Buổi tối ở Cửu Long có một chợ đêm trên đường Temple bán hàng từ tối

cho tới khuya. Hàng chợ trời thì đủ loại nhưng nếu bạn thấy một cái áo “hiệu” Polo mà giá chỉ có 3 đô chắc bạn cũng đâu có cần thắc mắc mà “chộp” ngay. Có một ông bạn trong đoàn đã mua 40 cái áo đem về làm quà? Đặc biệt, sách báo, đĩa từ thuộc loại “tươi mát” thì đầy đường. VCD “sexy” bán “sale” tràn ngập. Thực phẩm Á Đông thì đủ loại, heo quay, vịt quay, hàng khô, trái cây... ôi thôi hấp dẫn lắm nhưng phải rửa sạch trước khi ăn coi chừng bị “Tào Tháo đuổi” thì hết vui. Buổi tối Hồng Kông thật vui, chỉ tiếc không có sức mà đi chơi nhiều vì đã mệt lả.

Ngày hôm sau, chúng tôi định mua vé tour đi thăm một vòng Hồng Kông. Tour sẽ cho đi lên đỉnh núi cao nhất đảo Hồng Kông là Victoria Peak để ngắm toàn cảnh của thành phố. Tour sẽ lâu chừng 4 tiếng. Coi đi coi lại thấy thì giờ còn ít quá nên chúng tôi đành hủy bỏ không đi. Tôi hỏi ông bạn người Hoa trong đoàn, vốn là dân Hồng Kông, nên làm gì buổi sáng. Ông ta chỉ rằng, nếu qua bên đảo Hồng Kông thì toàn là nhà cao ốc. Thay vì qua đó, ta nên ra chỗ bến phà Cửu Long ngắm cảnh cũng đẹp lắm. Thế là sau khi ăn điểm tâm chúng tôi lên taxi ra bến phà, tưởng đâu xa, bến phà Cửu Long qua Hồng Kông cách nơi tôi ở có mấy cây số. Đi taxi chỉ tốn có 3 đô la. Ông tài xế taxi chạy có một “cái vèo” là tới. Dân Hồng Kông di chuyển chủ yếu nhờ phương tiện giao thông công cộng. Nghèo thì đi xe buýt hai tầng, xe điện ngầm, khá hơn thì đi taxi. Chỉ có triệu phú mới đi xe nhà vì chỗ đậu xe rất hiếm và mắc. Không thấy xe mô tô và xe đạp trong thành phố. Trở lại bến phà Cửu Long, bước xuống xe ra tới bờ biển, chúng tôi rất thích thú nhìn toàn cảnh của đảo Hồng Kông buổi sáng. Từ phía chân trời bên trái tới phía chân trời bên mặt 180 độ là một khung cảnh vĩ đại, toàn là nhà cao tầng. Tôi sống ở Mỹ đã thấy nhiều nhà cao tầng, nhưng về mặt số lượng và cảnh trí của Hồng Kông quả thật đã làm cho tôi ngạc nhiên và thích thú rất nhiều về khả năng xây dựng của con người. Bến phà vẫn hoạt động rất tấp nập, mặc dù giữa đảo Hồng Kông và đất liền nay đã có đường hầm nối liền.

Sau khi chụp mấy tấm hình kỷ niệm, chúng

tôi lại lấy taxi đi chợ “cầm thạch” (bà xã tôi vốn “mê” cầm thạch dữ lắm). Đọc trên bản đồ thấy để là Jade Market, chúng tôi tưởng “cha, chắc ít ra cũng là một cái chợ trong nhà như một thương xá”, té ra tới nơi thì chỉ là một cái chợ nhỏ lụp xụp kiểu chợ trời Tân Định. Thôi kệ cũng vô coi cho biết. Cầm thạch ở đây giá cả cũng vừa phải nhưng “thiệt giả khó phân”. Phải có con mắt “nhà nghề” mới dám mua. Ngó ra phía ngoài thấy hai chú “police” Hồng Kông đi đi lại lại, tôi hơi ngán khu này không an ninh nên kêu bà xã mua lẹ lẹ rồi “dzot”. Vậy mà bà cũng thỉnh được hai vòng, đem về Mỹ khoe rùm về chiến công “jade search”. Còn mấy bà bạn của bà thì vừa rời cầm thạch của bà vừa mê, và nói thế nào cũng đi qua bên để mua.



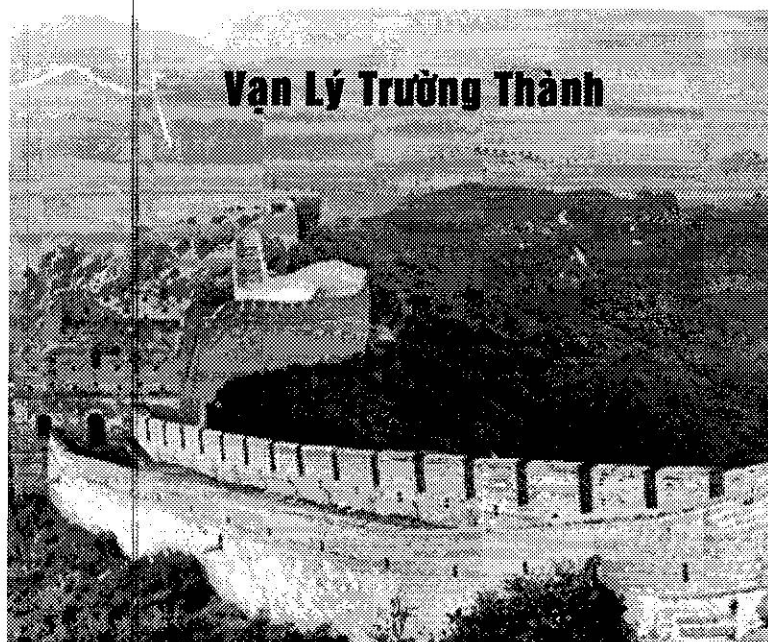
Nathan Road - Hồng Kông

Rời khu chợ cầm thạch chúng tôi đi mua sắm vài món lặt vặt khác thì cũng hết buổi sáng. Về tới khách sạn sắp xếp vali chuẩn bị rời Hồng Kông bằng xe hỏa. Chuyến xe tốc hành từ Hồng Kông về Quảng Châu lâu hai tiếng rưỡi. Toa xe hai tầng mới và sạch sẽ, ghế ngồi rộng rãi thoải mái, có phục vụ nước uống và bán hàng miễn thuế. Tàu chạy êm ru

qua những cánh đồng của Trung Quốc. Tôi mới ra khỏi nước Tàu ngày hôm qua, hôm nay lại đi vô. Chỉ có điều là tàu đông, nên khi vào Quảng Châu trở lại thì bị xét giấy tờ khá lâu. Sở dĩ chúng tôi lại trở lại Quảng Châu là vì tour hãng máy bay ở Quảng Châu tổ chức nên phải về Quảng Châu để bay về Mỹ.

Thời gian ở Hồng Kông của chúng tôi thật ít, chưa tới một ngày nên không có nhiều điều để nói. Rời Hồng Kông mà vẫn còn tiếc vì đi chơi chưa đã. Mong một ngày nào đó sẽ có dịp tái ngộ với Hồng Kông. Theo người hướng dẫn du lịch, sau khi Trung Quốc lấy lại Hồng Kông, chỉ có một số thay đổi rất ít không đáng kể, mặc dù sự tự do của người dân đã từ từ bị giới hạn. Ước mong lần sau trở lại, Hồng Kông vẫn còn như ngày hôm nay: ồn ào, náo nhiệt, sinh động thể hiện một sức sống mãnh liệt của người dân xứ cảng.

Từ Minh Tâm
(4/2000)



Thơ

ĐẠT ĐẠO

Huyền Không



*Qua Thiên Môn: thấy trời xanh
Kim Cang kinh tụng chân thành từng trang
Khói hương quyện, cảnh mơ màng
Không gian là chiếc y vàng quấn thân*

*Thiên Môn xưa sạch phong trần
Kim Cang kinh khép trăm luân thoát rồi
Ta từ sanh tử về chơi
Ngồi trên chóp đỉnh mỉm cười với trăng*

*Thân ta là giải đất bằng
Tâm ta là nước sông Hồng mênh mông
Tình ta là đóa hoa hồng
Ý ta là cả cánh đồng tâm linh*

*Còn đâu nữa Kim Cang kinh
Thiên Môn biến mất mà mình vô ngôn
Bình mình về ngập hoàng hôn
Kêu lên một tiếng tỉnh hồn ngàn xưa*

Bài thơ trên do thi sĩ Huyền Không sáng tác tại Los Angeles, Hoa Kỳ, Ngày 9 tháng 9 năm Canh Thân

Giấc Ngủ

NAM CÁT

Loan tỏ ra rất thương mến ÚN, và nàng cũng có hoài bão rằng khi Lâm già và muốn trở về ÚN an nhàn dưỡng lão thì cứ tin đi, Loan sẽ có mặt bên cạnh chàng. Lâm hoàn toàn tin tưởng như vậy...



Lâm ngồi chờ vợ ở cafeteria bệnh viện Saint Paul tại một thị trấn nhỏ, vùng ngoại ô thành phố Strasbourg, Đức Quốc.

Nửa giờ sau, thấy Loan ra, tươi vui, hớn hở, Lâm hỏi:

- Kết quả ra sao? cho anh biết đi?

Loan: Anh muốn trai hay gái?

Lâm: Dĩ nhiên là anh muốn gái.

Loan: Vậy anh sẽ thưởng chi cho em đây? Gái rồi đó.

Hai người ôm nhau mừng rỡ, rồi dẫn nhau đi mua đủ loại thức ăn mang về làm một châu thịnh soạn, no say, thân mật và rất riêng đôi.

Tối hôm đó, Lâm vừa no vừa say, vừa hết sức sung sướng trong lòng, và chàng đã ngủ ngay tại phòng khách. Loan để mặc cho Lâm ngủ, lấy chăn đắp cho chàng, hôn nhẹ vào má âu yếm. Loan cũng đi ngủ để mặc chén bát ngổn ngang, mai rồi sẽ rửa:

"Em ru anh giấc ngủ

Câu ca dao tuyệt vời...

*

Nửa đêm thức giấc, Lâm không biết mình đang tỉnh hay mê, mơ mơ, màng màng, sờ soạng ngồi dậy.

Hơn 4 năm tị nạn tại đây, nhiều lần Lâm giật mình tỉnh dậy, mồ hôi đầm cả mình, cũng lại vừa qua một cơn mê hãi hùng, tưởng chừng

như mình còn trong trại tù VC.

Thấy rằng mình đang được định cư tại đây, đang sống trong một căn phòng xinh xắn sạch sẽ, Lâm chấp tay cảm ơn Trời Phật đã thương và giúp đỡ cho chàng đến được đây.

Cũng như mọi thanh niên VN khác của thời loạn, sau khi có Tú Tài, Lâm cũng phải đi quân dịch, Thủ Đức, rồi tốt nghiệp rồi phục vụ tại vùng Một Chiến Thuật cho đến ngày bại trận, mất nước năm 75. Rồi đi tù VC 7 năm liên tiếp ngoài Bắc. Sau khi được trả về quê quán tại Huế, Lâm đã cùng mấy bạn cựu quân nhân tìm cách vượt biên và đã thành công, tự cứu mình và cứu cả hơn 30 gia đình khác.

Từ khi ra trường năm 66 với chức vụ Thiếu úy và sau 9 năm phục vụ với nhiều chiến công trong quân ngũ Lâm đã lên Thiếu tá, Tiểu đoàn trưởng, đóng tại Khe Sanh, Quảng Trị. Cũng tại đây, mặc dầu tiểu đoàn chẳng sút mẻ quân số bao nhiêu sau hơn 4 tháng cầm cự chống trả với địch quân, với quân số nhiều lần lớn hơn, và sau khi được lệnh phải lui quân về Đà Nẵng, và trên đường thối lui, Lâm đã bị bắt làm tù binh và bị đưa ra giam giữ tại Bắc Việt hơn 7 năm cho đến ngày được trả về quê quán vùng ngoại ô Huế.

Cũng nhờ làng quê mẹ ở gần Lăng Cô, Lâm và mấy đứa bạn cựu tù binh VC đã ẩn núp

trong núi, bắt liên lạc với mấy người quen có ghe đánh cá, rồi tổ chức vượt biên, thành công.

Ghe đánh cá của bọn Lâm chở theo trên 60 người, già trẻ, lớn bé của gần 30 gia đình đang trên đường tiến vào hải phận Phi, thì được một tàu buôn Đức cứu thoát và được lệnh cho tị nạn tại nước này.

Trong 9 năm trong quân ngũ, điều mà Lâm lấy làm hãnh diện và sung sướng hơn hết là đã giúp cho nhiều trẻ mồ côi, vì chiến tranh. Lâm giúp hết mình bằng cách đưa chúng vào những trại mồ côi nào mà chịu nhận chúng. Chàng cũng giúp đưa chúng đến những chương trình quốc tế, như Chương Trình Cha Mẹ Nuôi Quốc Tế, hay là đưa chúng đến những người ngoại quốc mà nhiều người từng đến VN để chọn lựa.

Lâm giúp nhiều đến nỗi, chàng chẳng có thể nhớ là đã giúp được bao nhiêu đứa, và chúng tên tuổi là gì nữa.

Đặc biệt nhất là sau Tết Mậu Thân, trung đội của Lâm được lệnh tiến vào Huế sớm hơn cả, và cảnh tượng trẻ mồ côi lang thang khắp phố đói rét, lạnh lẽo khiến Lâm đã để rất nhiều thì giờ, đưa chúng vào những căn nhà còn lành lặn, rồi cho chúng ăn, ở, chờ chính phủ lo lắng cho chúng sau.

Lâm còn nhớ đã đưa nhiều em nhỏ đến những người ngoại quốc đang mong tìm được một đứa con nuôi vừa ý. Có một em nhỏ chừng 10 tuổi, bé gái, rất xinh xắn, khôi ngô, Lâm đã đưa đến một bà bác sĩ đang làm việc trên chiếc tàu Hope đậu ở Đà Nẵng. Em gái này được bà BS thương mến ngay và nhận làm thủ tục đưa em về Đức. Cũng có em đưa đến nhiều người, rồi mới có được một gia đình chịu nhận. Cũng là tại duyên số, và may mắn của từng em cả.

Đến được Đức, Lâm tự tìm kiếm công việc đi làm để tự nuôi sống và ban đêm học thêm để lấy bằng Cử nhân. Công việc của Lâm tạm thời này là gác kho.

Thình lình một buổi trưa, Lâm được chủ xưởng gọi lên văn phòng và trước mặt Lâm là một cô gái Á Đông cao lớn, xinh đẹp và sang trọng. Chủ xưởng nói với Lâm rằng đây là cô

Gertrude Goldberg, đang làm việc với Hội HTT quốc tế tại đây. Cô là một tiến sĩ về xã hội học, lo về tị nạn quốc tế.

Gertrude đứng dậy, chào Lâm và bắt tay Lâm. Lâm chưa kịp mở mồm, thì Gertrude đã kể lại cho nghe đầu đuôi. Trước đây lúc Gertrude mới lên 10 thì được bà BS Goldberg, lúc ấy đang phục vụ trên tàu bệnh viện Hope tại Đà Nẵng nhận làm con nuôi và đưa về Đức nuôi nấng, cho ăn học và rất được yêu thương. Đến nay đã gần 14 năm qua, Gertrude đã tốt nghiệp tiến sĩ. Bà mẹ của Gertrude cũng thường nhắc đến người sĩ quan trẻ, có tên là Lâm đã giới thiệu Loan cho bà, mấy tháng sau Tết Mậu Thân.

Gặp Loan bà thương ngay và xin cho bà nhận Loan làm con nuôi. Từ đó

đến nay Lâm chẳng bao giờ nhớ và nghe đến tên Loan nữa. Cũng như đối với nhiều trẻ mồ côi khác, Lâm đã làm việc thiện mà không hề để ý, hay là nhớ đến tên một đứa nào cả.

Trong nhiều năm qua, Loan có nghe đến người tị nạn VN trốn ra khỏi nước, và bây giờ đang giúp việc cho Hội HTT quốc tế, Loan cũng có lần tiếp xúc với một số người tị nạn VN, nhưng số người này hiện còn rất ít, so với số người đến nhiều nước khác, như đến Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Pháp hay Úc Châu.

Loan để tâm tìm kiếm nhưng hy vọng gặp lại được người ân nhân của mình trước đây là người sĩ quan tên Lâm, thì thật là mong manh. Một khó khăn khác cho Loan là Loan đã quên tiếng Việt đi nhiều và mặc dầu đang tìm cách học lại, nhưng cũng còn lâu mới nói được tử tế tiếng mẹ đẻ của nàng. Việc tìm kiếm cho ra Lâm thật là khó khăn vô tả.

Trước đó hai tuần, trong khi tiếp xúc với vài gia đình tị nạn VN vừa mới đến đây, Loan có nghe nhắc đến tên một người sĩ quan trẻ, đã giúp gần 30 gia đình VN trốn thoát trên một ghe đánh cá và người đó có tên Lâm. Loan nhất định phải kiếm cho ra Lâm mà nàng cầu nguyện rằng đây chính là người ân nhân trước của nàng.

Và lời cầu nguyện ấy đã thành sự thật. Loan đang gặp lại được Lâm, mà nàng xin gọi bằng chú, và nàng nghĩ rằng đây là người bà con



gần gũi và thân thương nhất trên đời của nàng, và là người mà may ra, có thể đem nàng về với gốc gác xa xưa của nàng tại Huế chăng?

Từ đó hai chú cháu cứ gặp nhau mỗi cuối tuần. Loan lái xe cho Lâm đi thăm khắp vùng, thăm mẹ của Loan mà bà nhận ra ngay Lâm dạo nào, đi thăm nhiều gia đình tị nạn VN gần đó. Loan thì được Lâm dạy thêm cho tiếng Việt, còn Lâm thì được Loan dạy thêm cho tiếng Đức và giúp đỡ Lâm thêm trong việc học hành.

Lâm năm nay đã trên 32 tuổi, còn trắng kiện, chưa vợ con, chẳng bận bịu gì việc gia đình cả, cho nên rất sung sướng tiếp tục đi học thêm. Những tháng ngày được cấp sách đến lớp có lẽ là những giờ vui sướng nhất của chàng, vì chàng chưa hề được vào Đại học ngày nào trước đây cả. Lâm thỉnh thoảng gửi tiền về giúp mẹ già, kể chuyện Đức quốc, làm mẹ cảm động đến khóc. Nghe Lâm kể đến chuyện cháu Loan làm bà còn cảm động hơn.

Loan đã ngoài 24 nhưng hai người đi với nhau trông giống hai anh em hơn là hai chú cháu.

Còn Loan mặc dù có bận bịu vì công việc, nàng cũng cố đến thăm Lâm mỗi tuần để nâng cao tinh thần Lâm trong những ngày tháng theo đuổi việc học. Và cũng nhờ Loan mà Lâm nhận được học bổng theo học Đại học mà không còn phải học tối nữa. Lâm cũng cố gắng làm thêm ban đêm để có tiền gửi về giúp mẹ.

Ngày qua tháng lại, không mấy chốc mà Lâm đã đến đây được hơn 3 năm, và Lâm cũng gần đến ngày thi cử, vì đã đủ credit rồi.

Một hôm hai người đi ăn rồi đi nghe nhạc như mọi buổi cuối tuần khác trước. Đôi khi, lúc đang khiêu vũ với nhau, không biết vô tình hay cố ý, Loan đã kề má vào má Lâm, hay là ôm siết Lâm vào lòng. Lâm chưa có phản ứng gì nhưng cũng cho đó là một ngạc nhiên mới lạ.

Hai tuần lễ sau, hai người lại rủ nhau đi picnic câu cá. Lâm có ý định muốn hỏi Loan,

sao chưa tính đến việc lập gia đình? Thì Loan cũng đã nghĩ đến chuyện đó và hỏi Lâm?

- Chú có nghĩ đến về Việt Nam tìm vợ không?

Lâm trả lời:

- Có chứ. Thư của mẹ chú gửi qua vẫn nhắc đến chuyện đó.

Rồi Loan tiếp: - Người đàn bà đó chắc phải khác cháu nhiều lắm hả chú?

Lâm: - Tại sao cháu có ý nghĩ như vậy?

Loan: - Là vì nhiều tiểu thuyết chú mượn cho cháu đọc đều nói đến "công dung ngôn hạnh", đến thủ tiết thờ chồng, nuôi con, chẳng hạn, thì ở đây đâu có những cô này cho chú lựa?

Lâm cười và lái qua chuyện khác. Lâm bảo rằng, trước đây ở trong nước, trai phải trẻ, đẹp, học giỏi, con nhà giàu thì mới mong kiếm được vợ đẹp, vợ sang... Nay thì chú đã quá tuổi rồi, may ra kiếm được một bà gọi là trung trung thì đã cho là phúc đức lắm rồi đó.

Loan: - Trung trung là thế nào?

Lâm: - Là không già, không trẻ, không cao, không thấp, không đồ cao mà cũng không mù chữ, như thế người ta gọi là trung trung đó.

Loan: - Như cháu đây, có là trung trung được không?

Lâm: - Chú cháu mình chẳng nên chỉ trích phê bình nhau, sẽ gây ra bất hòa thì không hay.

Loan: - Cháu hỏi thật mà, chú không dám trả lời à?

Lâm: - Thật cháu muốn nghe ý kiến của chú hả? Đây nè: Tuổi thì cháu dưới nhiều cái trung trung, học lực thì cháu cao hơn nhiều cái trung trung, còn nhan sắc thì cháu đẹp hơn nhiều cái trung trung. Nghe ra tai chưa?

Loan: - Nhưng nếu cháu muốn là người trung trung đó có được không?

Lâm đã hiểu ý Loan và làm như không nghe gì Loan vừa nói, Lâm bảo: Chú nhờ cháu đem mớ cá vừa câu được này, nhờ bếp ở khách sạn nấu nướng có được không?

Lâm tiếp: - Mình chỉ cần nhờ họ chiên dùm thôi, chú có đem theo nước mắm đã pha sẵn,



đem ra ăn là đủ ngon lắm rồi.

Sau buổi picnic câu cá này, Lâm bắt đầu suy nghĩ nhiều đến Loan, có thể nào hai người sẽ trở nên tình nhân hay vợ chồng được chăng?

Hai tuần lễ liền, Lâm tránh né không gặp Loan, mặc dầu Loan có điện thoại lại và để nhiều message và cuối tuần này Loan nhất định kiếm Lâm đi ăn tối và đi nghe nhạc.

Không để lộ ra mặt, nhưng Lâm có phần nào khủng hoảng tinh thần, và nhất định tình trạng này ảnh hưởng không ít đến việc học và thi cử sắp đến của chàng. Lâm thì cố ý quên Loan đi, mà làm sao quên được.

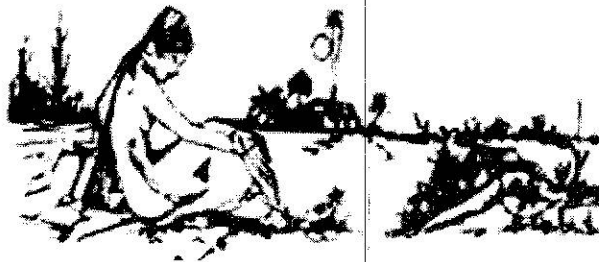
Đã mấy năm thành thói đi học, nay tự nhiên đứng trước một quyết định quan trọng như vậy, Lâm thấy choáng váng, Lâm tự thấy thua kém Loan xa về mọi mặt, và cái tánh tự cao, tự trọng của Lâm từ hồi nào, tự nhiên đã đến lại với chàng, khiến Lâm vừa khó chịu vừa bức bối mà phải nghĩ đến, phải lấy quyết định ngay về việc này.

Lâm cũng tự nghĩ rằng Loan thiếu gì bạn trai, cùng lứa, học cao, chức phận có, tuổi đời trẻ, và tráng kiện hơn Lâm nhiều, và tại sao Loan không thêm màng tới? Và tại sao Loan lại tìm đến Lâm?

Bề ngoài trông hai người cũng xứng đôi đó, nhưng bên trong thật quá nhiều xa cách mà rồi đây sẽ xảy ra trăm ngàn nghịch cảnh khó lòng mà ăn ở cho yên lành đầm ấm được.

Lâm nghĩ đến cái ý nghĩ sẽ trở về Việt Nam, sống gần Mẹ già để phụng dưỡng Mẹ trong tuổi già, và Loan có chịu theo chồng về Việt Nam xa xôi ấy không?

Lâm cũng còn nhiều ý nghĩ khác, như là kháng chiến chống Việt Cộng, đến những công tác thiện nguyện giúp đồng bào đang đói kém, khổ sở bên nhà v.v... Lâm đã nghĩ lung tung để rồi thấy toàn là những trở ngại không nhỏ, nếu Lâm cưới Loan, thay vì một bà vợ khác quê mùa hơn, học lực kém hơn, gia cảnh tầm thường hơn, nhưng chắc chắn sẽ có thể gần bó hơn, bền chắc hơn, và cũng có thể dễ thở hơn là cưới Loan nhiều.



Lâm thấy Loan quá đẹp, quá sang, quá quý so với thân phận chàng. Cái mặc cảm đó Lâm có từ khi mới gặp Loan lần đầu, và sau hơn 3 năm chàng vẫn còn cái mặc cảm đó.

Trong khi đó thì Loan rất là hồn nhiên, ngay từ phút đầu. Nàng lo lắng thật tình cho Lâm, như là đối với người chú ruột. Nàng hay nói trắng toạt ra những ý nghĩ của nàng dù là rất riêng tư, cho nên lần trước nàng đã nói ra sự thật trong lòng với Lâm, tự nhiên và cởi mở, không ngượng ngùng, không ấp úng, không rụt rè chút nào cả.

Lâm nhớ đến đó và tự chê mình là dở, là thiếu chất "macho" trong người. Nhưng Lâm cũng tự an ủi rằng thì ít nhất Lâm cũng đã tỏ ra mình là người lớn, phải suy nghĩ nhiều hơn, phải đắn đo, phải thận trọng nhiều hơn.

Mấy tuần lễ xa cách, hôm nay gặp lại Loan, Lâm lúng túng, thấy mất tự nhiên đi nhiều, còn Loan thì nhanh nhẹn ôm choàng vào cổ Lâm và nói:

- Thấy chú hốc hác ra, chắc là thức đêm học nhiều lắm, phải không?

Lâm: - Thì cũng phải ráng chứ để rớt thì buồn chết được. Lớn tuổi đầu có sạn học chậm vô, so với bọn thanh niên nhiều.

Loan - Cháu có để nhiều messages mà chú chẳng thèm trả lời.

Lâm: - Chú xin lỗi cháu nhiều, chú lo học quá, cháu thông cảm cho.

Loan đã hiểu Lâm, bảo: - Thì là thông cảm. Hôm nay chúng mình đi ăn ở đâu đây?

Lâm: - Tùy cháu.

Đêm hôm đó hai người chuyện trò thiếu tự nhiên đi nhiều. Lâm không còn thú đùa nghịch chọc cười Loan như mọi lần, và Lâm tự thấy như chàng đang đóng kịch gì.

Loan thì vẫn vui đùa cởi mở như mọi lần, và cái tính chân thật vẫn là cái tính nổi bật của nàng.

Khi đưa Lâm về, Loan hôn vào má Lâm và nói, như nửa đùa, nửa thật: Đây là lần chót, cháu gọi chú bằng chú. Nhớ chưa?

*

Lâm cũng thương Loan, thương thầm kín, thương vô vọng. Bây giờ dùng một cái, Loan tự cởi mở tình thương với chàng trước, làm Lâm choáng váng vì đột ngột, vì bất thần, vì quá hơi ngoài sự tưởng tượng của chàng.

Lâm mất nhiều thì giờ suy nghĩ, và đôi khi Lâm cũng có ý định hỏi ý kiến Mẹ. Nhưng rồi lại thôi, vì thư từ qua lại cũng lâu mà Loan như muốn thúc dục Lâm một câu trả lời... Lâm phải ứng phó làm sao đây?

Lâm đã nghĩ ra nhiều câu hỏi để đặt ra cho Loan để tinh thần bớt căng thẳng, và may ra còn kéo dài thêm ra cái thời gian đi đến cái kết cuộc kia chăng?

Những mong ước của Lâm được về quê tìm vợ, rồi sống một cuộc đời bình dị, gần những người thân, nơi quê mẹ, hay tại một đô thị nhỏ bé nào đó. Ngày ngày cơm nắm muối vừng, chén chè chén cháo, trái chuối, củ khoai. Lâm chỉ nghĩ đến đó thôi cũng thấy rằng làm sao với Loan, Lâm có thể có được những sở nguyện đơn sơ mà mặn nồng chất chứa đầy tình quê hương ấy?

Quen với đời sống quá văn minh, quá vật chất như Loan thì làm sao chịu cực được khi phải về sống tại quê nhà.

Thế rồi Lâm cũng đặt những câu hỏi đó với Loan và được Loan trả lời rành rẽ, mạch lạc và cặn kẽ đến độ Lâm cũng chẳng làm sao ngờ được. Thật tình Loan có nhiều cá tính Việt Nam hơn là Lâm tưởng, Loan yêu nước VN hơn là nhiều cô nhiều bà đang sống định cư ở nước ngoài. Và đây có lẽ cũng là cái ý định chính khiến Loan không nghĩ đến lấy một người chồng ngoại quốc, sống trong một khung cảnh sang trọng trong một nước giàu mạnh nhưng vẫn không phải là cái thế giới của nàng đang mơ ước.

Loan thường thấy nàng lạc lõng. Và khi tìm được Lâm, cái ý nghĩ lúc ban đầu, chỉ là hết sức giúp cho Lâm về vật chất lẫn về tinh thần trong những ngày tháng đầu trong đời tị nạn của chàng. Rồi cái ý nghĩ kế tiếp là Loan có dịp trả lại cái ơn đối với một ân nhân, một người chú, tuy không phải là ruột thịt, nhưng hết sức thân thương, gần gũi mà nàng hiện chỉ có trên đời này.

Sau khi tốt nghiệp, Loan tự ý xin giúp việc cho Hội HTT quốc tế cũng chỉ vì một ý nghĩ rằng Loan sẽ có dịp giúp đỡ những người đang cần sự giúp đỡ, và cái ý nghĩ thứ hai là may ra Loan gặp được những người VN có quen biết với Lâm đã chạy ra được nước ngoài tị nạn.

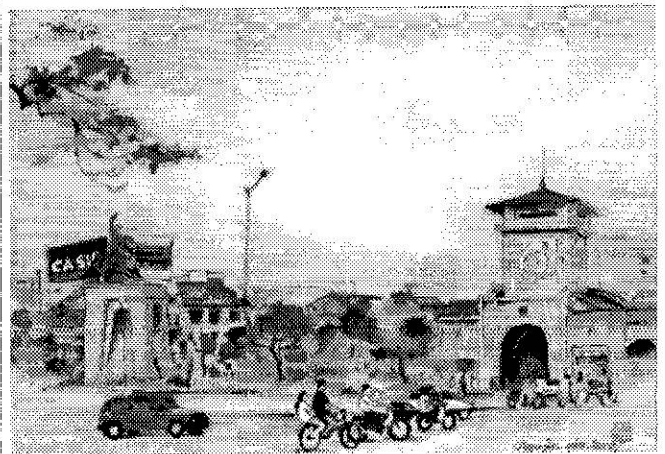
Sau hơn ba năm gần gũi với Lâm, Loan thấy Lâm cũng chẳng già hơn nàng là bao nhiêu, Lâm chưa vợ, và Lâm cũng “bô trai”. Lại thêm Lâm rất khỏe mạnh, tính tình cởi mở, vui vẻ và yêu đời.

Nay thấy cần thổ lộ lòng mình với Lâm, và chờ mãi không thấy Lâm dấn động đến chuyện này, Loan đành phải mạnh dạn đi bước đầu. Loan cũng biết rằng chưa phải là lúc thuận lợi, và giờ này Lâm cần tỉnh trí trong việc học thi, nhưng nàng nghĩ rằng, trước sau rồi Loan cũng phải nói, và nói trước có thể rằng hay hơn nói sau.

Nếu Lâm dấn ra bằng hoàng bổ học, thì đó thật là lỗi tại Loan, nhưng cũng có người đây lại là một kích thích tố khiến người đó càng học nhanh hơn, giỏi hơn lên...

*

Sáu tháng sau, Lâm đã tốt nghiệp bằng Cử nhân và kiếm được việc làm tử tế, gần Loan, hai người đã tổ chức một bữa tiệc hết sức thân mật, vui vẻ và ấm cúng, cùng với chừng ngoài 30 bạn bè thân thích, để mừng cho đôi lứa vừa kết hôn với nhau mà Thượng đế đã dàn xếp cho được sum họp, nhiều lạ lùng và bất ngờ trên cuộc đời ngắn ngủi và đầy đau khổ này.



Đã lâu rồi, sau ngày cưới hồi đó, Lâm vẫn còn như say sưa với giấc mơ mà là sự thật. Lâm không thể ngờ được hạnh phúc đã đến với chàng mà không phải đi tìm kiếm ở đâu xa.

Hôm nay sau gần một năm, Loan vừa báo cho tin sắp có con gái đầu lòng, nhưng Lâm còn như đang còn trong giấc mơ. Lâm cố nhắm mắt lại mặc cho giòng đời lôi cuốn, vì nghĩ rằng mình đã tự lèo lái đời mình gần 20 năm qua mà chẳng có nên thân, nay đã có Loan lèo lái cho, Loan, người vợ yêu quý nhất trên đời của chàng.

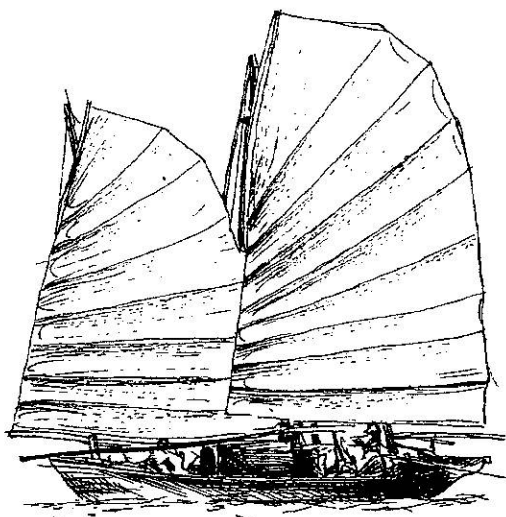
Lâm và Loan cũng đã về thăm Mẹ hai lần.

Loan tỏ ra rất thương mến VN, và nàng cũng có hoài bão rằng khi Lâm già và muốn trở về VN an nhàn dưỡng lão thì cứ tin đi, Loan sẽ có mặt bên cạnh chàng. Lâm hoàn toàn tin tưởng như vậy.

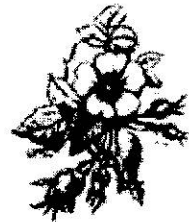
Mẹ Lâm thì chẳng tiếc một lời, khi nói đến đứa con trai hiếu thảo của Bà. Bà cụ người tu hành, tin mãnh liệt ở thuyết nhơn quả luân hồi.

Bà bảo rằng: Thằng con tôi, nó đi đâu nó đều reo rắc hạt giống tốt với đời, thì lẽ nào nó không được đời đền đáp lòng tốt ấy của nó? Chẳng cần phải đợi đến kiếp sau, nhân quả là hiện tiền. Bà cụ vững tin như vậy.

Nam Cát
(NPBH) Hè năm 2000



Thơ



GIẤC MƠ CỦA MẸ

Thanh Trí Cao

*Còn lại đó sau chiều tắt nắng
Từng giọt buồn man mác không tên
Đường vắn dậm chỉ là khởi điểm
Rồi sau lưng ngày tháng lãng quên*

*Ngôi sao nhỏ vùng trời hương sắc
Ngôn ngữ Đông ngự trị trời Tây
Em vẫn nhớ cội nguồn đất mẹ
Tâm tình riêng gửi gió cho mây*

*Chuỗi quá khứ sương mờ phủ kín
Một hướng đi tia sáng đổ dài
Mẹ áp ủ nhớ thương kỳ vọng
Đứa con mình cả một tương lai*

*Mẹ tưởng tượng không gian cách biệt
Quả đất tròn chuyển hướng nguy cơ
Nổi sung sướng làm sao mà tả
Khi nhìn con như một giấc mơ*

*Giấc mơ đẹp nối dài sức sống
Đếm thời gian cái tuổi già nua
Mẹ thăm nhủ: sức người có hạn
Mong con về mai nở giao mùa.*



Hà Nội Vào Đông

“Hàng Không Việt Nam xin thông báo cùng quý khách; phi cơ sẽ hạ cánh xuống phi trường quốc tế Nội Bài trong vòng 10 phút nữa. Thời tiết bên ngoài trời nhiều mây và nhiệt độ là 8 độ centigrade. Thay mặt Hàng Không Việt Nam xin cảm ơn quý khách đã đáp chuyến bay và hẹn ngày gặp lại”.

Chiếc Airbus cất cánh từ Bangkok giảm dần cao độ, đưa giàn bánh ra gây những tiếng động rột rạt dưới sàn phi cơ. Các cô chiêu đãi viên thoăn thoắt tới lui kiểm soát dây nịt của hành khách, mở tất cả các cửa sổ và nhắc hành khách bắt ghế dựa đứng thẳng lên. Phi cơ bắt đầu nghiêng cánh, qua những lớp mây mù là những thửa ruộng như bàn cờ đang ngập nước, những bờ đê, khóm tre bên cạnh những căn nhà gạch cũ kỹ. Một tiếng động mạnh, bánh phi cơ đã chạm đất và bắt đầu thẳng khiến hành khách đưa đẩy thân người tới lui. Phi cơ dừng hẳn, hành khách mở dây nịt bắt đầu đứng lên mở những ngăn chứa trên đầu, ồn ào lấy hành lý của mình xuống và chờ ra cửa. Trưởng phi cơ và một cô tiếp viên đứng nơi cửa chào từ giả mỗi người. Chúng tôi xuống thang phi cơ. Bầu trời mây thấp mờ đục, âm ẩm nhưng không mưa và có mưa chắc sẽ mưa phùn. Không khí không lạnh lắm mặc dù theo tờ báo Lao Động tôi đọc trên máy bay: Hà Nội

và các tỉnh miền Bắc đang chịu một đợt rét không thua gì đợt rét 1976. Nhiều người cho biết cái lạnh miền Bắc rất khó chịu và dễ gây sưng cuống họng nếu không có khăn quàng cổ. Tôi mặc áo lạnh vào lại cảm thấy nóng và dựng cổ áo thẳng lên để che cổ. Nhưng khi mặc áo lạnh vào lại cảm thấy nóng và người gai gai nổi da gà. Thật cái lạnh Hà Nội quả là kỳ cục hay tôi đã nhuộm cảm lạnh?

Phi Trường Nội Bài

Chúng tôi lên xe buýt để đi vào nhà ga mặc dù rất gần chỉ vào khoảng dưới 200 thước. Tôi đứng vịn những dây treo trên trần xe vì chỉ có hai hàng băng ghế ngồi đầu mặt nhau, được nhường cho các bà đầm, các ông tây già có lẽ cùng đi chung trong đoàn du lịch. Nhà ga phi trường một tầng, trông vẻ cũ kỹ và lối kiến trúc trông giống như một ngôi chợ hơn là một airport terminal. Phía tay mặt là nhà ga mới đang cất, có lầu nhưng không thấy có bóng dáng một công nhân nào làm việc.

Trong nhà ga phi trường có lẽ chỉ có chuyến bay tôi đến thôi, nên không khí nhộn nhịp lắm. Các ông Tây bà đầm trong lúc sắp hàng làm thủ tục đi trú nói cười inh ỏi. Vài ba thanh thiếu niên người da trắng, tóc tai kiểu lạ có lẽ con của những nhà ngoại giao hay thương gia

ở Hà Nội đi Bangkok chơi vài ngày nay trở về, nói năng cười đùa. Những hành khách khác, người Việt cũng như các sắc dân Á Châu khác, có lẽ đã đi lại nơi đây lắm lần, nên sắc thái bình thường, không có vẻ gì xúc cảm của người xa xứ lâu năm mới trở lại. Phía bên ngoài cũng không thấy thân nhân đi đón, không có taxi kêu réo mời gọi. Không khí thanh vắng của một phi trường nội địa hơn là quốc tế. Riêng tôi cũng chẳng cảm xúc gì đặc biệt. Hà Nội cũng như miền Bắc, mặc dù là một miền đất nước tôi, nhưng tôi không sinh trưởng và lớn lên ở đây nên không có một chút gì kỷ niệm. Tôi đến Hà Nội như một du khách, mang tâm trạng tò mò muốn biết cảnh quan một vùng đất lạ, những thắng cảnh từng nghe nói đến.

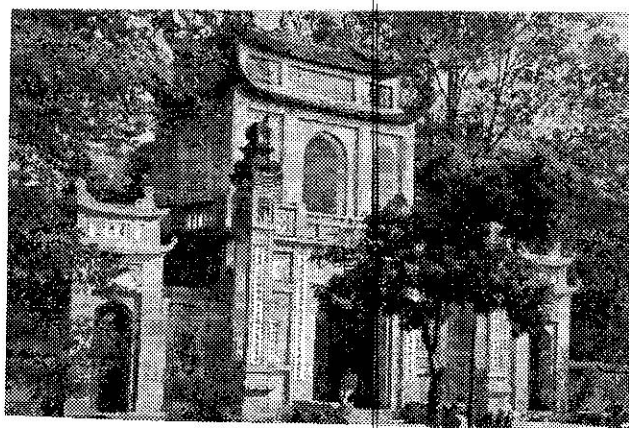
Sau khi lấy hành lý, những người trong đoàn du lịch với tôi mang nhiều hành lý, sắp hàng chung với người tổ chức chuyến đi, hy vọng sẽ được đặc miễn gì chẳng dành cho “tour group”? Tôi chẳng có gì, chỉ một túi xách và một va-li nên tôi đến một quầy kiểm soát trống vắng nhất. Hai anh chàng mặc sắc phục có lẽ làm cho đi trú, một làm hải quan ngồi sau quầy ngoắc tôi đến. Tôi đưa cho họ passport, visa còn gọi là giấy thị thực, tờ khai hải quan ghi số tiền mang theo và tờ khai đi trú ghi lý do vô Việt Nam và địa chỉ sẽ cư ngụ trong thời gian lưu lại tại Việt Nam. Anh xem từng tờ xong đóng vào một con dấu “Đã khai hải quan với ngoại tệ là... Nội Bài ngày 25-1-2000” Hai tờ giấy có màu vàng và xanh lá cây, tất cả các giấy tờ cần phải đem trở ra phi trường khi rời Việt Nam.

Tờ đi trú trên nguyên tắc khi ở đâu phải có công an địa phương xác nhận, nhưng ba tuần sau đó khi rời Tân Sơn Nhứt để trở lại Los Angeles tôi chỉ đưa có hai nơi xác nhận là công an phường nhà chị tôi ở Trà Vinh và khách sạn Palace ở Sài Gòn mà thôi? Còn những nơi khác trong chuyến du lịch thì chẳng

có ai xác nhận. Công an phi trường Tân Sơn Nhứt nhìn vào sổ tiền khai đem vào và hỏi tôi còn lại bao nhiêu? Tôi nói còn vài trăm mà thôi. Tôi cũng chẳng cần kẹp một tờ giấy bạc nào. Những thủ tục ra vào ngày càng dễ, họ cũng thi hành một cách chiếu lệ mà thôi đối với những người không phải là dân đi buôn.

Ra tới bên ngoài, bầu trời vẫn âm u xám đục, quang cảnh vẫn trống vắng và bãi đậu xe thì chỉ vài chiếc mà thôi. Một phụ nữ tươi cười hỏi tôi có phải trong đoàn Hân Travel từ Mỹ về không? Chị tự giới thiệu là Hạnh nhân viên của Công Ty Du Lịch X ra đón phái đoàn. Tôi nghĩ thầm: “phải ăn nói cẩn thận”, nhưng

sau này chị cho biết là Bắc di cư 1954, nhà chị ở Sài Gòn vì chồng là kỹ sư hóa học ngày trước tốt nghiệp từ Phú Thọ Sài Gòn đang làm cho một công ty ở Hà Nội nên chị phải theo chồng và ra Hà Nội chị làm cho công ty du lịch có nhiệm vụ đưa đoàn chúng tôi đi viếng các



nơi trong 4 ngày ở miền Bắc. Chị hỏi thăm về đời sống người Việt bên Mỹ và cho biết xã hội Việt Nam bây giờ cũng bị kỹ nghệ hóa, ai cũng phải đi làm không có thời giờ lo lắng, dạy dỗ con cái. Chị cho biết sau 75, chồng chị thất nghiệp, vượt biên mấy lần nhưng không thành. Sau này với chính sách đổi mới chồng chị mới được đi làm lại. Chị Hạnh giới thiệu với chúng tôi Cường, độ 25 tuổi, người Hà Nội, ốm và đen sẽ là hướng dẫn viên cùng đi với chúng tôi suốt 4 ngày.

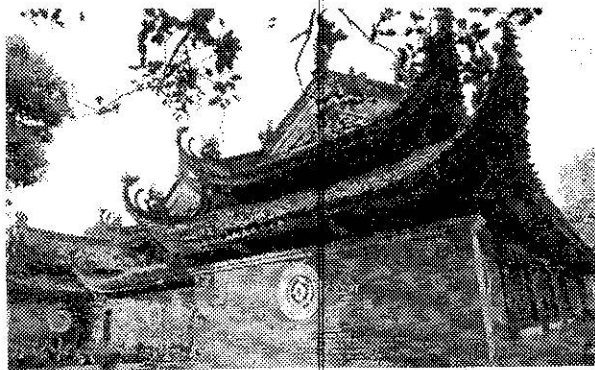
Xe buýt chuyên chở chúng tôi trong thời gian ở Hà Nội hiệu Hyundai, tiếng Đại Hàn có nghĩa là “hiện đại” cũng 50 chỗ ngồi, nhưng đoàn tôi tới Hà Nội chỉ còn 28 người, vì một số sau Thái Lan đã trở về Mỹ hoặc đi thẳng vô Sài Gòn. Xe cũ kỹ hơn xe ở Bangkok nhưng máy còn khá và máy lạnh còn chạy tốt. Phi trường Nội Bài nằm về phía Bắc và cách Hà Nội khoảng 25 miles, được nối với Hà Nội bằng con đường cao tốc mỗi bên có hai làn xe vừa hoàng thành cách nay vài ba năm. Trên

đường rất ít xe hơi, xe gắn máy cũng thưa thớt không đông đảo như miền Nam. Những người đi xe gắn máy hoặc đạp xe đạp đều mặc áo ấm nhiều màu lòe loẹt và ai cũng có một khăn quàng cổ và đầu thì đội nón. Có lẽ vì mùa Đông đông ruộng chẳng có ai làm và hầy còn ngập nước. Nhà cửa đều bằng gạch và lợp ngói có vẻ rất cũ kỹ, có những nhà có thể 7, 8 chục năm, tường loang lổ lòi ra những viên gạch đỏ. Nhưng đặc biệt là không thấy một mái nhà tranh nào.

Miền Bắc vì không có dừa nên không lợp nhà bằng lá dừa như miền Nam, nếu nghèo thì ở nhà mái lợp tranh và vách bằng đất. Hai bên đường là ruộng chứ không có nhà cất dọc theo lộ để buôn bán như miền Nam và không thấy phố xá chợ búa. Nhà cửa trong làng lại ở cách xa con đường cao tốc. Con đường này nếu đi ngược lên hướng Bắc sẽ đi tới Thái Nguyên và Cao Bằng. Khi tới ngã ba nhập vào quốc lộ số 1, nhà cửa làng mạc bắt đầu đông đúc. Nơi đây có con sông Đuống là một nhánh của sông Hồng chảy qua.

Phố xá, chợ búa bắt đầu tấp nập khi gần đến Gia Lâm. Ngang qua phi trường Gia Lâm mà chúng ta từng nghe nói đến trong thời gian chiến tranh, ngồi trên xe buýt chúng ta thấy rõ phi đạo và bây giờ dùng làm phi trường trực thăng với tám bảng quảng cáo cho thuê bao trực thăng. Vùng này rất nhiều nhà trọ mà theo lời hướng dẫn viên Cường, dành cho những tài xế tuyến đường dài nghỉ qua đêm. Xe qua cầu Chương Dương bắc ngang sông Hồng để vào Hà Nội. Nhìn xuống sông Hồng hai bên bờ sông là những bãi cát mà mùa nước lũ có thể ngập đến chân đê đắp từ ngày xưa bằng đất, cách mực nước hiện tại hàng mấy trăm thước. Phía tay phải về hướng Bắc là cầu Long Biên bằng sắt đen đúa đã gần 100 tuổi, ngày xưa do Pháp xây dài một cây số có tên là cầu Paul Doumer. Thời kỳ chiến tranh, cầu này là mục tiêu ném bom của máy bay Mỹ vì là đường tiếp vận đạn dược. Ngày

nay cầu này chỉ còn tàu hỏa và xe hai bánh lưu thông mà thôi. Tàu hỏa đi Hải Phòng thì cũng không nặng lắm vì chỉ kéo khoảng 6 toa bằng một đầu máy Ấn Độ thuộc loại antique chạy với vận tốc nhanh hơn... rùa hồ Hoàn Kiếm! Vì ngày hôm sau đoàn chúng tôi đi Vịnh Hạ Long ghé lại Hải Dương mua đậu xanh Rồng Vàng nhìn thấy tàu khách Hải Phòng chạy ngang. Hơn nửa giờ sau lên xe, chạy một chốc là đã bắt kịp con tàu này rồi!



Hà Nội và Di Tích Lịch Sử

Qua cầu Chương Dương là chúng tôi đã thực sự đi vào thành phố Hà Nội. Hà Nội là một thành phố có hơn một ngàn năm nên được gọi là “Hà Nội nghìn năm văn vật”. Thế kỷ thứ 7 nước ta bị Tàu đô hộ, dân cư đã quy tụ về đây sinh sống và lúc đó thành phố có tên là Tống Bình. Đến năm 1010, vua Lý Thái Tổ thấy kinh đô thuở ấy là Hoa Lư đất đai chật hẹp khó bề phát triển nên nhà vua cho dời đô về La Thành. Trong lúc dời đô, một đêm nhà vua thấy rồng vàng bay lên từ sông Hồng nên đổi La Thành thành Thăng Long Thành. Với chiều dài lịch sử như vậy nên Hà Nội còn lưu lại nhiều khu phố cổ như 36 phố phường và những di tích lịch sử rất lâu đời. Hà Nội cũng còn lại nhiều kiến trúc thời Pháp thuộc.

Hà Nội ngày nay được chia làm 4 quận: quận Hoàn Kiếm ở ngay trung tâm thành phố, phía bắc hồ Hoàn Kiếm là khu phố cổ có 36 phố phường và chợ Đồng Xuân. Phía Nam của hồ Hoàn Kiếm là khu phố Tây có những kiến trúc kiểu Pháp như Nhà thờ Chánh Tòa (St. Joseph Cathedral), Nhà Hát (Opera House), Ngục Hỏa Lò (Hoa Lo Prison), Viện Bảo Tàng Lịch Sử (thời Pháp là nhà Bảo Tàng của Trường Francaise d'Extrême Orient), Viện Bảo Tàng Cách Mạng (thời Pháp là Sở Thuế) và con đường Trần Hưng Đạo nhiều biệt thự Pháp với cây cao bóng mát nên hiện quy tụ rất nhiều tòa Đại Sứ nằm tập trung tại con

đường này. Phía Tây của trung tâm thành phố là Quận Ba Đình nằm cận Hồ Tây gồm có Chùa Một Cột, Dinh Thống Đốc, lăng Hồ chí Minh, Văn Miếu, Nhà ga Tàu hỏa và khu Cổ Thành (Citadel) có tường bao bọc, dân chúng không được vào vì là khu Quốc phòng. Nghe nói trong tương lai sẽ biến thành khu di tích lịch sử mở cửa cho công chúng vào xem. Hai quận còn lại không quan trọng vì không có di tích lịch sử nào đáng kể là Quận Hai Bà Trưng và Quận Đống Đa ở phía Nam hai quận trên.

Hà Nội Hotel

Xe buýt đưa chúng tôi về Hanoi Hotel nằm cạnh Hồ Giảng Võ thuộc Quận Ba Đình. Từ đây đến khu trung tâm là hồ Hoàn Kiếm hơn 3 cây số. Đây là khách sạn mới và lớn nhất cất ngay sau khi đổi mới, rất nổi tiếng đầu thập niên 90 nhưng bây giờ thua xa những cái như Hanoi Towers (nơi Ngục Hỏa Lò), Hanoi Daewoo Hotel, Hanoi Horizon Hotel. Hanoi Hotel chúng tôi ở cao khoảng 9 tầng lầu nhưng không rõ bao nhiêu phòng, có các tiện nghi như nhà hàng Tàu, quán cà phê nhìn ra bờ hồ nơi chúng tôi ăn sáng mỗi ngày khỏi trả tiền, vũ trường, karaoke, massage... Không biết có hợp doanh với Hồng Kông hay không nhưng có lối trang hoàng kiểu Tàu và những

cô ở quầy tiếp tân đều lai Tàu và nói tiếng Quảng rất trôi chảy. Tuy cũ nhưng phòng ốc rất sạch sẽ, nhân viên phục vụ rất đặc lực nhưng thang máy thì rất lạc hậu. Chạy rất chậm và cửa thang đóng lại rất nhanh, đi chậm là kẹt. Tôi thấy một bà Pháp bị kẹt, bầm tím cả cánh tay.

Tắm rửa xong là chúng tôi tập trung dưới sảnh đường để đi Hồ Tây ăn tối trên thuyền. Trên đường tới Hồ Tây xe chạy ngang qua quảng trường Ba Đình, lăng Hồ chí Minh được chiếu sáng bằng những ngọn đèn cực mạnh. Nhưng sau 10 giờ đêm những đèn này được tắt có lẽ để tiết kiệm điện. Đến bờ hồ chúng tôi đi bộ xuống một thuyền lớn, một bàn dài đã được bày biện sẵn đủ chỗ cho 28 người. Thực đơn cũng rất đậm bạc gồm những món Bắc ăn hàng ngày như canh đay, gà luộc, tép chấy và dĩ nhiên món quốc hồn quốc túy không thể thiếu là... rau muống xào tỏi.

Vừa ăn vừa uống bia Hanoi và hát karaoke với những bản nói về Xuân vì hôm nay đã 19 tháng Chạp rồi. Tôi rời phòng ăn ra trước mũi nơi người tài công đứng lái thuyền. Trời đêm rất lạnh nhìn về phía Hà Nội vài hotel lấp lánh ánh đèn. Thuyền chạy chậm chậm trên Hồ Tây khuấy động mặt hồ. Đầu tôi lảng tảng không biết vì sóng vỗ hay vì hơi men bia Hà Nội.

Từ Hà Nội Đến Hạ Long

Hôm nay là 26-1-2000 là ngày thứ nhì ở Hà Nội. Chuyến đi chưa được một tuần nhưng cảm thấy dài gần cả tháng vì mỗi ngày đi quá nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều người và đêm ngủ những chỗ khác nhau. Nhiều việc xảy đến liên tục khiến ta cảm thấy thời gian dài ra, khó nhớ ngày giờ. Một anh bạn trẻ tìm cách trêu tôi "Chú Tâm giờ này bên Việt Nam là mấy giờ rồi chú?" Lúc ở Thái Lan anh ta thường hỏi giờ Cali, bây giờ ở Hà Nội lại hỏi giờ Việt Nam. Nếu tôi không nhớ rõ mình đang ở đâu thì đã trúng kế của anh ta rồi. Một tuần du lịch vừa qua cứ tưởng rằng mình đang ở Mỹ vì khách

sạn tiện nghi như bên Mỹ và những người trong đoàn thường xuyên tiếp xúc cũng là người từ Mỹ.

Sáng sớm chúng tôi lần lượt gặp nhau ở cafeteria, một phần của Hanoi Hotel được xây dựng trên hồ Giảng Võ. Ngồi đây thực khách có một lake view mát mẻ êm đềm mặc dù hồ không được lớn. Sáng nay khách sạn chiêu đãi chúng tôi món phở gà dai trong những tô nhỏ. Bánh phở tươi, nước súp ngọt và thịt gà đi bộ lại ngồi ở nơi thoải mái, đương nhiên món phở phải ngon rồi. Tôi làm hai tô cho vũng bụng nhưng không biết trong bánh phở có pha "phọt mô" hay không? Mấy tuần nay

từ Hà Nội vô tới Sài Gòn, “sự cố phở phọt-mô” được báo chí làm rầm rộ nên dư luận xôn xao khiến hàng phở vắng như Chùa Bà Đanh. Do lời tố cáo của một nhân công, cơ quan vệ sinh đã tìm thấy các lò bánh phở đã pha vào phở chất Formaldehyde là hóa chất dùng để ướp xác cho lâu hôi thối. Phở là một món ăn thông dụng còn hơn cơm, sáng trưa chiều tối đều dùng được. Từ Bắc vô Nam đi đâu cũng thấy Phở, thay vì đi tiệm ăn hay nhà hàng rắc rối, dân ta cứ để Phở là biết có bán đồ ăn, thức uống. Miền Bắc thì để Phở Cơm, miền Trung thì Phở Cơm Mì, vô tới Nam thì Phở Cơm Bún, xuống tới Bạc Liêu Rạch Giá có nhiều người Tiểu Châu thì Phở Cơm Cháo. Phở là món ăn quốc hồn quốc túy của dân ta. Mỹ, Mễ ở Cali hay Texas còn biết Phở và tiếng Phở đã trở thành tiếng Mỹ. Tôi rất tán thành việc Mỹ hóa các chữ Phở, Chả giò, Tết và thích thú khi thấy các chữ này xuất hiện trong từ điển Mỹ. Khi nói Phở là người Mỹ hiểu ngay là Beef Noodle, nói Chả Giò là họ biết Vietnamese Egg Roll (khác với Chinese Egg Roll là bấp cái mà da thì lại dai nhách!), một chữ Tết bao gồm cả cụm từ Vietnamese New Year. Ngày đầu tôi trở lại sở làm sau một tháng ngao du ăn Tết, một đồng nghiệp Mỹ đưa tôi tấm thiệp chúc: “Happy Chinese New Year” in từ vi tính, tưởng tôi sẽ khoái nhưng tôi phản đối ngay: “Tôi không phải là người Tàu”. Tôi phải xác minh lại nguồn gốc của mình.

Chùa Một Cột

Chín giờ sáng, mọi người đã đầy đủ trên xe, chúng tôi tới Chùa Một Cột cách khách sạn chừng một cây số. Xe buýt đậu trên con đường lớn là Hùng Vương, nơi đó có thể thấy quảng trường Ba Đình và lăng HCM bên trái. Quảng trường Ba Đình vắng vẻ không cho xe cộ lưu thông và cũng không cho người đi bộ tự do đi vào. Một du khách Tây da trắng cầm máy ảnh xâm xâm đi vào thì công an thối còi kêu lại. Những ai muốn viếng lăng phải chờ tập hợp thành từng toán và công an sẽ hướng dẫn vào. Không được chụp ảnh cũng như thu hình quảng trường và lăng HCM.

Chúng tôi thả bộ vào Chùa Một Cột. Chùa

Một Cột được vua Lý Thái Tông cho xây từ năm 1049. Theo tương truyền nhà vua không có con, một đêm nằm chiêm bao thấy Phật Bà Quan Âm ngồi trên tòa sen, trao cho ông một hài nhi. Sau đó ông cưới một bà và sanh được hoàng nam. Để tạ ơn ông cho xây Chùa Một Cột được đặt tên là Tháp Liên Hoa có hình một hoa sen nở trên một chân cột vươn lên từ mặt hồ. Hồ hình vuông không lớn và nước có màu xanh rêu, không có cá vàng và vì mùa đông cũng không thấy sen mọc. Chùa hiện tại là được xây lại cùng kiểu còn ngôi chùa cũ đã bị Pháp tàn phá.



Chúng tôi trở lại xe, qua cầu Chương Dương để đi Vịnh Hạ Long. Buổi sáng cuối năm đường phố Hà Nội chật hẹp mà xe cộ đông đảo, xe gắn máy nhiều nhất, nên gây cản trở xe tại các ngã tư. Nhiều nơi không có đèn lưu thông nên cảnh sát đứng giữa ngã tư ra dấu điều khiển lưu thông nhưng không có cái bục để đứng cho cao. Xe cảnh sát tuần tiểu là những xe du lịch rất cũ, có lẽ sản xuất từ Nga màu sơn đen chỉ khác với xe tư nhân là trên nóc có đèn đỏ. Có những bùng binh (còn được gọi là “vòng xoay”) các nhân công đang đặt những tấm chậu hoa cúc, hoa vạn thọ dưới những tấm bích chương “Chào Mừng Thiên Niên Kỷ 2000”.

Hạ Long cách Hà Nội 100 miles về hướng Đông. Bây giờ đã có một đường cao tốc thu tiền từ Hà Nội đến Hải Phòng và ra còn 20 miles nữa là đến Hạ Long. Năm trước với con đường cũ đầy ổ gà, xe phải mất 6 tiếng mới tới Hạ Long. Nay với đường cao tốc, thời gian giảm xuống còn phân nửa. Đường mỗi bên có 3 làn xe (traffic lane), dự trữ làn nhanh nhất

dành cho “xe con” (car), giữa dành cho “xe ca” (bus) và làn bên mặt dành cho “xe tải” (truck) nhưng trên đường mạnh ai nấy chạy, có cả xe đạp, xe nông nghiệp cải tiến và cả xe... bò. Ở những trạm thu lệ phí thường có nhân viên mặc đồng phục, đội kết ngói bên trong nhà hoặc đứng bên ngoài để thu và ra biên lai. Giữa tim đường là rào sắt (guard rail) ngăn không cho xe trở đầu (u turn) hoặc lạc tay lái đâm về hướng ngược chiều. Thỉnh thoảng rào sắt này bị tháo gỡ mà người ta không biết tại sao? Một hôm công an bắt được người đang gỡ. Hỏi lý do sao phá hoại các tiện ích công cộng. Anh chàng trả lời rằng: “Ngày trước sang thăm bố vợ chỉ tạt ngang là tới. Bây giờ em phải đi cả trăm cây số vì cái rào cản này!” Một lý do rất cá nhân và giản dị.

Tới Hải Dương là một tỉnh nhỏ, đa số là nhà trệt hoặc hai tầng lầu nhưng đặc biệt mỗi nhà đều có cây ăng-ten rất cao để bắt TV từ đài Hà Nội hoặc Hải Phòng. Những đặc sản của Hải Dương có trái vải và bánh đậu xanh. Cây vải trồng thành hàng dọc theo bờ mương ven đường nhưng đã hết mùa trái chín. Xe chúng tôi dừng lại một ngôi nhà lầu lớn với tám biển “Bảo Hiên Rồng Vàng”. Bên trong bày bán bánh đậu xanh, mè xúm, kẹo đậu phụng, vải khô, tranh thêu và đồ lưu niệm. Trên bàn có ấm trà và bánh kẹo để khách dùng thử. Tôi mua một mớ vừa để nhai dọc đường, vừa làm quà miền Bắc biếu người chị trong Nam. Ngày trước chỉ thấy “Bảo Hiên Rồng Vàng” ở đường Hiền Vương Sài Gòn, sau này ở phố Bolsa Cali, hôm nay mới có dịp ra đến nơi Bảo Hiên chánh gốc Bắc Kỳ. Lên xe tiếp tục hành trình nhìn bên kia quốc lộ một ngôi nhà khác đề biển “Rồng Vàng Thứ Thiệt!”.

Thành Phố Hải Phòng

Nghe tiếng từ lâu hôm nay mới có dịp đặt chân đến Hải Phòng. Hải Phòng là một hải cảng quan trọng bậc nhất của miền Bắc và năm 1954 là nơi lên tàu để di cư vào Nam của đông bào miền Bắc. Hải Phòng là một thành phố đẹp với nhiều hàng phượng vĩ, những bờ sông (sông Cấm và sông Tam Bạc), công viên

những cây cối và những ngôi nhà kiểu Pháp sơn vàng. Dọc theo bờ sông là hàng hoa, hoa bó và hoa kết thành tràng để điều đám tang. Chúng tôi ăn trưa ở khách sạn Hữu Nghị, một tòa nhà 4 tầng lầu, đứng bên cửa sổ trong phòng vệ sinh tôi nhìn xuống phố, nhà cửa chi chít, phía xa đường như một ngôi chùa rất lớn đang xây cất. Trai cũng như gái Hải Phòng rất đẹp có lẽ vì lai Tàu, người cao, thon thả, mũi cao dọc dừa. Nhưng tài xế cho biết rất ngại khi vào Hải Phòng vì dân ở đây đi đứng và chạy xe nghênh ngang bất chấp luật lệ. Thức ăn theo lối Tàu, trình bày đẹp và chén đĩa lịch sự. Hải Phòng có một ngôi chùa cổ được xây từ thế kỷ 17 là chùa Dũ Hàng là một nơi rất đáng thăm viếng nhưng Cường anh chàng hướng dẫn viên cho rằng đường tới chùa rất hẹp xe buýt khó vào nên không đi.

Tiếp tục hành trình, xe qua cầu sông Cấm mà trước đây vài năm hãy còn là một bến phà. Chúng tôi ghé lại cửa hàng mỹ nghệ “Hong Ngọc” gần ngã ba Sao Đỏ trên đường Đông Triều đi Quảng Ninh, nơi đây bày bán những tranh thêu tay rất nghệ thuật mà sau này vào Sài Gòn tôi không thấy những tranh thêu đẹp như vậy. Tác giả của những tranh thêu này là những em khuyết tật đi không được, trai có gái có khoảng 15 đến 20 tuổi, sống trong Trung Tâm Nhân Đạo Hong Ngọc do nhà nước quản lý. Nhiều người trong đoàn mua tranh thêu để giúp đỡ các em, có vài bà còn tặng tiền cho Trung Tâm. Khi chúng tôi lên xe chuẩn bị tiếp tục đi Hải Phòng thì một người đàn ông đứng tuổi bước lên xe trao cho mỗi người chúng tôi danh thiếp đề tên là Đoàn Xuân Tiếp là Giám Đốc Trung Tâm. Ông ta nói: *“Thay mặt các em trong trung tâm, xin cảm ơn quý ông bà, các anh chị đã có lòng quý họa giúp đỡ các em. Mặc dù quý vị xa quê hương nhưng vẫn còn nghĩ đến đồng bào, đất nước. Kính chúc quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc trong những ngày về thăm quê hương”*. Ông ta gói tặng đoàn một túi quýt. Tôi thử một trái, nhiều hạt nhưng cũng ngọt như quýt bên Mỹ. Nếu tôi không lầm thì ông bước lên một chiếc Mercedes để rời trung tâm! Chiếc xe đắt tiền của ông giám đốc khá tương phản với đời sống bất hạnh của các em khuyết tật

và thiện cảm dành cho ông cũng nhạt nhòa theo khói xe ông vừa rời bãi.

Gần con đường chúng tôi đi về hướng Đông là cửa sông Bạch Đằng nơi ngày xưa hai lần quân ta chiến thắng ngoại xâm. Lần thứ nhất vào năm 939, Ngô Quyền dùng cọc tre đầu bọc sắt cắm xuống lòng sông. Nước thủy triều dâng lên, quân ta dụ quân Tàu tiến vào, khi nước rút, tàu thuyền giặc Tàu lớp bị kẹt, lớp bị cọc sắt đâm thủng chìm, quân ta tiến ra, quân Tàu bỏ thuyền mà chạy. Tới cuối thế kỷ 13, quân Mông Cổ lúc ấy đang cai trị Trung Hoa, mang mộng bành trướng xuống phía Nam, vua Mông Cổ là Kuablai Khan đem quân sang đánh Việt Nam 3 lần nhưng thất bại. Năm 1287 hùng binh Mông Cổ bách chiến bách thắng lại sang, Trần Hưng Đạo áp dụng chiến thuật cắm cọc sắt ngày xưa khiến quân Mông Cổ không ngờ trước bị quân ta vây đánh tới bờ và bị giết không còn một móng. Dân Việt Nam là một dân tộc oai hùng, giặc ngoại xâm nào cũng bị dân ta đánh chạy.

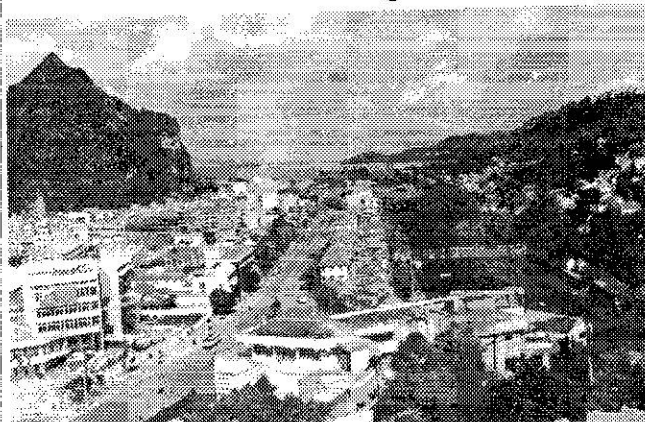
Đoạn đường Đông Triều đi Uông Bí khá nhiều nhà cửa dọc hai bên đường. Nhiều nhà lầu mới cất lên sau này, nào là quán Cơm Phở, Video, Bách hóa và nhiều nhất là những cửa hàng mỹ nghệ bán đồ sứ như chén bát, bình hoa, đèn sứ, chậu cảnh. Ngoài Bắc có hai nơi làm đồ gốm nổi tiếng là Bát Tràng và Đông Triều.

Qua khỏi thị trấn Uông Bí một đôi là bắt đầu trông thấy những ngọn núi đá vôi ở về hướng biển tức tay phải, lơ mờ ẩn hiện sau màn sương đục. Trời hôm nay cũng âm u nhưng thỉnh thoảng ánh mặt trời cũng yếu ớt le lói được một vài nơi. Cầu mong sao cho trời có nắng để ra đến Vịnh Hạ Long mà mưa phùn che kín bầu trời thì làm sao chụp được những tấm hình kỷ niệm một chuyến đi đến một nơi đẹp nhất đất nước.

Thị Trấn Bãi Cháy

Còn khoảng 20 miles nữa là đến Vịnh Hạ Long, xe chúng tôi đã đi hết con đường tốt mới hoàn thành cách nay vài tháng và bắt đầu đi vào đoạn đường chưa sửa chữa. Đoạn đường cũ nhỏ hẹp cũng tráng nhựa nhưng có

lẽ từ thời Pháp thuộc nên rất dằn xóc vì những lỗ hổng. Nhà cửa hai bên đã được giải tỏa và đất đỏ đã được mang tới để đắp nới rộng con đường. Xa xa là những ngọn đá vôi cao sừng sững, những đồi thông sau màn mây mỏng, lơ mờ như bức tranh thủy mặc. Qua một cây cầu là chúng tôi đã vào Bãi Cháy. Thật ra Bãi Cháy là một hòn đảo nằm trong Vịnh Hạ Long, tiếp tục đi nữa về hướng Đông qua phà Bãi Cháy chúng ta sẽ tới thị trấn Hòn Gai tức Chợ Hạ Long. Hòn Gai được xây dựng từ lâu vốn là nơi khai thác than đá với nhà cửa, phố xá nhỏ hẹp là trung tâm hành chánh và thương mại, trong khi Bãi Cháy có bờ biển cát trắng, ngày trước là khu nghỉ mát cho các quan chức với những biệt thự dọc theo bờ biển. Ngày nay là trung tâm du lịch với 15 khách sạn lớn có tiêu chuẩn quốc tế và mấy chục khách sạn nhỏ với giá phòng 10 đô la một ngày cho mùa hè và 6 đô la cho mùa đông.



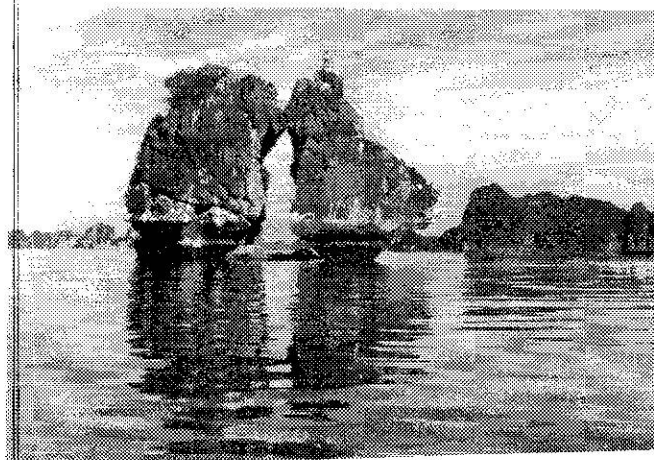
Đoàn chúng tôi ngụ tại Heritage Halong Hotel, khách sạn mới nhất và lớn nhất tại Bãi Cháy hiện nay, tọa lạc tại số 88 Ha Long Road, Bai Chay, Ha Long City, Quang Ninh Province. Khách sạn có 7 tầng kiến trúc theo lối Âu Châu, tôi còn nhớ phòng tôi ở số 408 có cửa sổ nhìn ra bờ biển, nhưng tôi chỉ có dịp đứng ngắm cảnh hai lần, một lần mới dọn vô và một lần khi dọn đi. Quầy tiếp tân của khách sạn đồ đạc trang hoàng rất đẹp, những bình hoa với những đóa hoa xứ lạnh được cắm rất nghệ thuật. Cho hành lý vào phòng xong, tôi thả bộ xuống bờ biển. Hotel được xây trên dốc nên đường xuống biển thoải thoải và dặng vào đường lớn dọc theo bờ biển là đường Hạ Long. Dọc theo con đường này là những hàng

quán bán đồ kỷ niệm làm bằng san hô, tranh tượng, áo thun, tranh thêu, đồ kỷ niệm, tiền giấy, tem sưu tầm. Tôi gặp vài cô trong đoàn đang lựa mua áo dài vì nghe đâu khoảng 5 đô la một chiếc may sẵn. Anh bạn đi chung hỏi mua một cái jacket dành cho nhiếp ảnh viên, ngắn tay, 4 túi, anh chàng bán hàng đòi đến 20 đô la mặc dù đó là hàng từ Trung Quốc đưa sang. Du khách Pháp rất đông, họ thả bộ từng cặp vợ chồng già hoặc từng nhóm 4, 5 người. Bên kia đường là bờ biển, mây mù xuống thấp nơi chân trời nên không thấy những hòn núi ngoài khơi. Sóng vỗ rì rầm, gió đẩy cây lá sạt sào, trời lạnh nên không có một bóng người dưới biển.

Tối hôm ấy chúng tôi ăn tại nhà hàng Kim Hằng với những món như cá chiên, mực xào, tôm chấy, gỏi ngó sen tôm thịt hải sản tươi sống không đông lạnh nên hương vị rất thơm ngon, đậm đà mặc dù cách nấu rất đơn giản theo lối Việt Nam.

Sau bữa ăn kèm một chai bia, tôi lang thang bách bộ trên đường Hạ Long dọc theo bờ biển. Những hàng cây li-ka-ma trĩu nặng những chùm trái chín vàng rơi rụng xuống mặt đường. Sau hai mươi mấy năm tôi mới gặp lại loại trái cây này, một trong vài loại trái cây ăn rất chán mặc dù trên cây chúng vàng rực rỡ, mơn mớn giữa những cành lá xanh tươi. Trên cội ta bà này cũng vậy có những thứ bề ngoài trong đẹp mắt nhưng nếm thử thì chán như li-ka-ma, nhả ra không đắng, nuốt vào không trôi!

Trên lối đi trước các tiệm ăn họ bày những thau chậu ny lông đựng nghêu sò, cá cua, tôm hến hầy còn bơi lội. Các cô gái trong tiệm ăn chào mời tôi vào ăn, tôi nói mới ăn xong và khát ngày mai sẽ tới. Khát cho qua chuyện chứ sáng mai chúng tôi ra vịnh, chiều trở về Hà-đô. Những lúc đói không có gì ăn, lúc no thì lăm kẻo mời! Chỉ những trái ki-la-ma và hỏi một cô ngoài này họ gọi là quả gì? Cô ta trả lời là quả... trứng gà! Trứng gà thì trắng vì người ta nói "trắng bóc như vỏ trứng gà" còn đàn này ki-la-ma có màu vàng mà sao gọi là quả trứng gà? Tôi hỏi cô gái, cô ta trả lời "Người ta bảo thế chứ nào cháu có biết gì đâu?"



Nghe lời chỉ từ khách sạn, tôi tìm được quán cà phê internet, đọc thơ gia đình và đánh trả lời, mỗi phút ở đây tính là 1200 đồng, giá sử dụng internet đắt nhất trong chuyến đi. Ngồi quanh bàn cà phê trong quán các thanh niên đang chăm chú theo dõi đài truyền hình địa phương đang chiếu một màn "tấu hài" giữa Hoài Linh và Bảo Chung. Có lẽ mới lạ đối với họ nên nét mặt có vẻ rất thích thú.

Bãi Cháy và Hòn Gai là hai thành phố song sinh của Vịnh Hạ Long, cách nhau 5 cây số và nối nhau bởi bến phà. Cả hai nơi đều có bến tàu để ra ngoạn cảnh Vịnh Hạ Long. Nhưng du khách ở đâu thì tốt nhất? Đa số cho rằng nên ngủ ở Bãi Cháy vì tất cả các khách sạn mới đều nằm trên con đường Hạ Long dọc theo bờ biển. Du khách có thể ngủ trên thuyền neo ở cầu tàu, giá rẻ hơn khách sạn nhưng coi chừng bị mất. Du khách cũng có thể mượn thuyền ngoạn cảnh Hạ Long và ngủ đêm trên thuyền. Những bữa ăn chủ thuyền sẽ nấu nướng toàn là hải sản tươi, rất là tuyệt diệu. Thử tưởng tượng một đêm trăng, ánh trăng vàng lung linh phản chiếu trên mặt biển, những ngọn núi mờ nhạt phía xa như nhấp nhô trên sóng nước, trên con thuyền trôi nổi du khách sẽ lắng đọng tâm tư thấy cuộc đời chỉ là một đám phù vân. Tiền bạc, danh vọng chỉ là một thứ rong rêu, có đó rồi mất đó như trong giấc mộng chẳng đem lại hạnh phúc gì! *"Cuộc đời như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao"* và *"Giấc Nam Kha khéo bất bình. Bưng con mắt dậy thấy mình tay không!"*

TRINH HẢO TÂM

Biên Giới Việt Nam Với Tàu Và Thái Lan

TRẦN VĂN THU

Nhơn dịp 60 năm sau năm 1941, Thái Lan suýt chiếm phần lãnh thổ Bắc Việt Nam có túi da beo sắc tộc Thái ở, tôi xin nhắc lại đây vài trang sử.

Tôi viết bài này không cố ý ca tụng Pháp mong bạn đọc và hiểu cho- mà chỉ kể lại sự việc cuối cùng lịch sử trước đây về biên giới với Tàu và Thái Lan, vì lịch sử rất cần cho tương lai. Ngoài ra, tôi còn mong cho bạn đọc thấy rằng biển cực kỳ quan trọng đối với Việt Nam.

Hơn một năm đã qua, trước lễ Giáng Sinh 1999, tôi được nghe đài RFI (Radio France International), đài phát thanh quốc tế Pháp, báo tin Chánh phủ Bắc Kinh và Chánh phủ Hà Nội ký kết thỏa hiệp về biên giới. Tôi mong tìm được để đọc bản văn và bản đồ chính thức, nhưng không thấy công bố gì hết! Thật là một bí mật quốc gia mà công dân không được quyền biết! Ngày 09-06-2000, đài RFI loan báo thỏa hiệp trên được quốc hội Hà Nội phê chuẩn và Chánh phủ Bắc Kinh đã dời hàng trăm trụ mốc biên giới về phía Nam (trong số 300 mà ngày trước Tàu và Pháp đã cắm chung).

Kể từ cuộc xung đột đẫm máu 1979 giữa Chánh phủ Bắc Kinh và Chánh phủ Hà Nội, biên giới lãnh địa có thêm một số điểm đáng buồn tủi cho người dân Việt yêu nước, như đường dây này tiếp tục “nam tiến” hay mỗi ngày trở nên thêm lỏng lẻo đối với hệ thống buôn lậu, vãn vãn... Về lãnh hải thì, một mặt, thủ tướng Phạm văn Đồng đã ký giấy dâng Hoàng Sa cho Chánh phủ Bắc Kinh từ thuở nào rồi, nay thì mực đã khô! Mặt khác, tập



chí La Documentation Francaise của Phủ Thủ Tướng Pháp, nguyệt san số 399 đặc biệt về liên quan giữa Tàu và Đông Dương, tháng 5 năm 1995, đăng: “Để bình thường hóa ngoại giao với Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, sau khi rút khỏi Cao Miên, quốc trưởng (cựu tư lệnh quân đội Chánh phủ Hà Nội ở xứ này), tướng Lê đức Anh, năm 1993, đã bí mật ra lệnh hoàn toàn rút khỏi quần đảo Trường Sa”. Đúng là một cuộc bỏ ngõ không kèn trống. Tuy nhiên, theo tài liệu khác thì Chánh phủ Hà Nội còn đóng tại Trường Sa đến một lữ đoàn (? brigade).

Chánh phủ Bắc Kinh chứng minh cho thế giới thấy năm bằng cớ mà Chánh Phủ Hà Nội đã nhìn nhận Hoàng Sa là của Tàu:

1- Biên bản buổi họp Hà Nội - Bắc Kinh ngày 15-06-1958, hai bên đồng ký.

2- Biên bản buổi họp ngày 14-09-1-958 Hà Nội - Bắc Kinh, hai bên đồng ký, Hà Nội xác nhận đúng bản tuyên ngôn quốc tế của Bắc Kinh ngày 4-09-1958.

3- Báo Nhân Dân của Hà Nội, trang 1, ngày 10-05-1956, xác nhận Hoàng Sa là của Tàu. Ngày hôm sau, Thủ tướng Phạm Văn Đồng lên tiếng xác nhận bài của báo Nhân Dân là đúng.

4- Trong cuộc hải chiến giữa hải quân VNCH và hải quân Tàu năm 1974, ông Phạm văn Đồng đứng lên binh vực Tàu.

5- Khi tổ chức quốc tế khí tượng giao phó cho Đài Loan trách nhiệm kỹ thuật vùng Hoàng Sa thì Hà Nội không phản đối. (Chúng ta nên nhớ là VNCH đã có đài quan sát khí tượng nơi đó từ trước).

Tôi xin viết lại sau đây vài sự việc đáng lưu ý trong các tài liệu của quân đội Pháp trước năm 1954 mà không vào chi tiết từng đoạn của biên giới.

Trước khi người Pháp đến đô hộ Bắc Việt Nam, dân tộc Tàu và dân tộc Việt Nam chưa có một ý niệm về một đường biên giới rõ rệt vẽ trên bản đồ theo ý nghĩa của tây phương. Giữa hai lãnh thổ có một vùng trái độn nơi đó hai dân tộc (thật ra là nhiều dân tộc thiểu số, người tự cho là Tàu, người tự cho là Việt Nam) chung sống, vùng này rộng hẹp, khi “bắc tiến”, khi “nam tiến” tùy theo thăng trầm của lịch sử. Vả lại, lúc Việt Nam mạnh nhất thì Tàu cũng xem là nước chư hầu trong vòng đai thứ hai của địa thế chánh trị “ba thế giới” của họ (théorie des trois mondes), trung tâm vũ trụ là thế giới văn minh của người Hán mà họ phải giữ cho được an lành; vòng đai thứ nhất để bảo vệ an toàn gồm các vùng Mãn Châu, Nội Mông Cổ, Tân Cương, Tây Tạng, Vân Nam, Lương Quảng gồm Quảng Đông và Quảng Tây thu nhập vào lãnh thổ Tàu; vòng đai an toàn thứ hai gồm chư hầu Triều Tiên, Ngoại Mông Cổ, các vùng Nam Xi Bê Ri... đánh vòng tới Miến Điện, Xiêm La, Lào, Cao Miên, Hải Nam, Đài Loan và Việt Nam. Chủ tịch Tôn Dật Tiên vẽ lãnh thổ Tàu rộng đến tận... đảo Tích Lan! Ngoài các vòng đai trên là những xứ man dã! Tàu không chấp nhận man dã Âu Mỹ xâm nhập vào vòng đai chư hầu của họ.

Lúc người Pháp mới chiếm được Hà Nội và một số tỉnh ly lớn dọc theo sông ngòi và nhà

buôn Jean Dupuis hoành hành trên sông Hồng Hà, ngoài đội quân trú phòng ở Bắc Việt Nam, Tàu còn xúi dục Giặc Cờ Đen và Cờ Vàng quấy nhiễu các nơi khác cho đến lúc họ bị đuổi chạy đến Đài Loan. Tuy nhiên, có nhiều văn kiện ký kết giữa Tàu và Pháp mà tôi xin chép lại vắn tắt sau đây để các bạn đọc thích sử có thể tìm tham khảo:

- Tháng 09-1842, hội đàm thảo luận về đặc quyền của Pháp trên lãnh thổ Tàu (Pháp sẽ đền đáp lại trong Thỏa Ước (1920?) Trùng Khánh cho người Tàu cư ngụ tại Việt Nam được quyền lợi kinh tế ngang hàng với người Pháp, (xin xem sau).

- 24-04-1844, Hiệp Ước thân hữu, thương mại và thủy vận ký tại Wampoa (Hoàng Phố?).

- 24-11-1858, giá biểu hối đoái và thể thức thương mại ký tại Thượng Hải.

- 03-09-1866, Khế Ước nhờ Pháp xây dựng hải quân công xưởng Fou Tchéou (Hán Khẩu?).

- 14-11-1871, tổng trưởng Rochechouart viết thư cho Tàu về các Vị Cố Đạo truyền giáo.

- 11-05-1884, Sơ Ước Pháp Tàu ký kết giữa Phó Vương chấp chánh Tàu Lý Hưng Thắng, thay mặt Hoàng đế Kouang Siu (Quảng Siêu?) mới 9 tuổi và Hoàng Thái hậu Tseu Hi (Tứ Hi?) và Đặc sứ Pháp Fournier (Hải quân Trung tá thắng trận tiến đến triều đình Tàu và chánh phủ Pháp cho danh nghĩa Đặc Sứ!) mà sau đây là nội dung:

* điều 1: nước Pháp cam kết tôn trọng và bảo vệ không để một nước nào, trong bất kỳ trường hợp nào, tấn công nước Tàu từ biên giới Bắc Việt Nam.

(Tuy nhiên, năm 1940, chúng ta thấy tướng Catroux, toàn quyền Pháp ở Đông Dương cho Nhứt Bồn dùng Bắc Việt tiếp cứu các sư đoàn đang bị lâm nguy ở Quảng Đông. Vì thế, tướng Catroux bị Chánh phủ Vichy triệu hồi, song ông lại chạy sang Luân Đôn đầu quân với De Gaulle. Người thay thế ông là Đô đốc Decoux, một chiến lược gia lão luyện nguyên là Tư lệnh Hải quân Pháp ở Viễn Đông mà tổng hành dinh đóng (tượng trưng) ở Thượng Hải, nhưng soái hạm la Motte Piquet của ông lại

thường trú ở... Cam Ranh).

* điều 2: nước Tàu cam kết rút hết quân đội ra khỏi Bắc Việt Nam và tôn trọng tất cả các Thỏa Ước hiện hữu và tương lai giữa Pháp với xứ "An Nam" (có nghĩa là trục xuất tất cả người Việt Nam chống Pháp và trú ẩn trên lãnh thổ Tàu, tuy nhiên chúng ta vẫn biết Tàu không giữ lời hứa này cho đến cuối thế chiến thứ hai).

Theo Sơ Ước trên thì ngày 06-06-1884, Tàu sẽ không còn quân đóng ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Thất Khê và các điểm đồn trú khác trực thuộc quân khu Lương Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây), và ngày 26-06-1884 Tàu không còn quân ở Lao Cay cùng các điểm đồn trú khác trực thuộc quân khu Vân Nam.

Tại Hà Nội, tướng Milot (Bộ binh bắt đầu thay thế Hải quân trong chức vụ tư lệnh trong nội địa) ra lệnh cho Trung tá Dugene chỉ huy Lữ đoàn gồm 900 binh sĩ Pháp, Phi Châu và Bắc Việt cùng 100 phu khiêng vác lên chiếm vùng biên giới tiếp cận Lương Quảng. Lữ đoàn sa vào những ổ phục kích kinh hồn, như là trận Bắc Lê lịch sử của Pháp mà quân Tàu đông gấp 10 lần với đầy đủ khí giới. Nhiều phụ nữ Việt Nam bị Pháp hành quyết vì không dẫn thân cứu lính Pháp bị té lộn hố sâu.

Thủ tướng Pháp Jules Ferry, thuộc tả phái, chỉ thị cho Đô đốc Courbet, cựu sinh viên trường Polytechnique, Tư lệnh sư đoàn Hải quân ra tay. Nên nhớ là trước đó, lúc còn là Đề đốc, Courbet đã thắng Cờ Đen nhiều trận lừng lẫy trên lục địa Bắc Việt.

Courbet thắng trận hải chiến Fou Tchéou (Hán Khẩu?) và Ke Lung, nơi đó người Đức đang đợi ông đại bại trước những chiến hạm của Tàu do Đức mới đóng, trong đó có thiết giáp hạm tối tân. Đô đốc bắn nát tan Hải quân Công xưởng Fou Tchéou mà chính Pháp mới xây dựng cho Tàu. Ông đã lên một chiến thuyền nhỏ đi vào sâu trong sông để quan sát

địa thế và chỉ huy soái hạm từ ngoài biển pháo kích. Hải quân Pháp mạnh, ít nhờ chiến hạm tối tân, nhưng nhờ chiến lược và chiến thuật cao siêu và pháo thủ bắn bá phát bá trúng, trong lúc pháo thủ Á Đông quá kém. Đô đốc quay sang Đài Loan để tận diệt Cờ Đen vừa bỏ chạy sang đây. 800 Thủy quân Lục chiến Pháp đổ bộ bị Cờ Đen giết sạch và Đô đốc bị tử thương.

Tướng Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc được thổ dân Đài Loan bầu làm Tổng thống đầu tiên của Á Châu. 100 ngày sau, 1885, Hải quân Nhựt Hoàng lại đến và tắm toàn thể Cờ Đen cùng thổ dân trong biển máu. Nhựt Bản ở lại đó đến năm 1945.

1884, Đế triều Tàu nhượng bộ, và Pháp chiếm được vùng biên giới cũng như trước kia đã chiếm đồng bằng Bắc Việt và cả miền Nam, miền Trung nhờ Hải quân.

Về phía triều đình Việt Nam, lúc bấy giờ Vua Hiệp Hòa, lên ngôi ngày 06-10-1883, bị phe ông Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường ép uống thuốc độc tự tử ngày 30-11-1883 vì thân Pháp. Vua Kiến Phúc kế vị cũng bị thuốc chết ngày 07-04-1884 và Vua Hàm Nghi kế vị, lúc ấy mới 12 tuổi, dưới sự bảo vệ của Pháp.

Ngày 04-04-1885, Pháp và Tàu ký kết Sơ Ước tại Paris. Chánh phủ Pháp ra lệnh cho quân đội ngưng mọi hành động vượt biên giới Bắc Việt, giải tỏa đảo Đài Loan, quần đảo Pescadores cùng dọc bờ biển Tàu liền sau khi Hoàng Đế Tàu chỉ thị thi hành Thỏa Ước tháng 06-1885 kế tiếp.

Ngày 09-06-1885, tại Trùng Khánh, Pháp và Tàu ký kết Thỏa Ước vĩnh viễn bảo đảm hòa bình, thân hữu và thương mại, với các điều chánh sau đây:

- điều 1. Pháp cam kết tống xuất mấy toán cướp bóc và kẻ gian manh đang phá rối trị an, nhưng Pháp không xâm nhập địa phận Tàu. Nước Tàu cam kết tống xuất những nhóm tụ



hợp ở đó trong toan tính phá rối trị an của Bắc Việt Nam và không gởi quân sang Việt Nam. Hai bên sẽ thảo luận để thực hiện các cuộc tổng xuất đó một cách hữu hiệu.

- điều 2. Tàu sẽ không làm gì cản trở công cuộc “bình định” của Pháp và sẽ tôn trọng tất cả các Thỏa Hiệp giữa Pháp và xứ “An Nam”. Pháp bảo đảm không làm gì để tổn thương đến phẩm cách của người Tàu ở xứ “An Nam” (Thỏa Ước Trùng Khánh 1920, xin xem ở đoạn sau, xác nhận lại điều này).

- điều 3. Hai bên sẽ gởi ủy viên đến vạch đường biên giới và cắm trụ mốc trên địa thế trong vòng 6 tháng.

- điều 9. Quân đội Pháp sẽ rút khỏi Ke Lung, đảo Đài Loan và quần đảo chiến lược Pescadores trên eo biển Đài Loan với lục địa và không khám xét thương thuyền hàng hải Tàu.

Để thi hành Thỏa Ước 09-06-1885, kể từ tháng 8 năm 1885, một phái đoàn Pháp làm việc chung với hai phái đoàn Tàu để ấn định biên giới, một mặt phía Lương Quảng, một mặt phía Vân Nam. Phái đoàn Pháp muốn ấn định theo lịch sử (thời Nguyễn Huệ hay Gia Long?), trong lúc phái đoàn Vân Nam dùng nhiều mảnh khoe kể cả ám sát, nhưng phải nhượng bộ vì Tàu thua trên biển cả. Tuy lúc ấy có hòa bình và thi hải Đô đốc Courbet đang đem về Pháp, song hai Sư đoàn Hải quân lừng lẫy của ông vẫn quá hữu hiệu và còn đó.

Ngày 07-01-1887, ba phái đoàn Pháp Tàu đã hoàn tất công tác chánh. Sau đó, để đáp lại thiện chí của Tàu, chánh phủ Pháp nhường cho Tàu vài hòn đảo và vùng Pack Lung, một túi Tàu trên lãnh thổ Việt cùng giải đất nối liền với Tàu.

Công tác vạch biên giới trên địa thế Bắc Việt cực kỳ nguy hiểm, vì địa thế hiểm trở, vì kháng chiến chống Pháp, vì cướp bóc, vì mảnh khoe của người Tàu nhất là của phó vương Vân Nam, vân vân... Vì thế, sau công tác, Pháp tuyên dương công trạng ông Haice, Phó trưởng đoàn Pháp bị ám sát và các sĩ quan (kỹ sư) địa dư đã chịu đầy gian khổ và hy sinh “cho nước Pháp”.

Từ đó, Pháp thay Tàu đóng quân ở Lạng Sơn, Thất Khê, Đồng Đăng, Lào Cay vân vân...

và tiêu diệt các nhóm kháng chiến Bộ Giáp, Đèo Văn Trí và các nhóm ở tận Nam Việt do Thiên Địa Hội bên Tàu cung cấp vũ khí... Trong việc xây cất đồn lũy, Pháp có một sĩ quan công binh trẻ, cựu sinh viên trường Polytechnique, bắt đầu nổi bật về kỹ thuật cũng như về chiến thuật, lần chiến lược, người sẽ thắng trận La Marne năm 1916 ở Pháp và trở thành Thống chế, tên là Joffre.

Đọc cẩm nang của quân đội Pháp tại Việt Nam, ấn hành năm 1953, tôi đã thấy một đoạn của Thỏa Ước (ký năm 1920? tôi không nhớ rõ) giữa Pháp và Tàu tại Trùng Khánh, tiếp theo tinh thần của điều 2 Thỏa Ước ngày 04-04-1885, ấn định rằng người Tàu được đặc quyền tương tự như người Pháp ở Việt Nam về chánh trị (họ có hành chánh riêng, Ông Bang...), về kinh tế (vay mượn ngân hàng...), về tư pháp, vân vân... Họ chỉ thiếu Tỉnh trưởng và sĩ quan, chức vụ dành cho người Pháp. Nhờ vậy, họ thu mua để dãi lúa gạo ở đồng quê, cũng như người Ấn Độ được để dãi mua bán nhà đất và có vốn cho vay ở thành thị, mà không cần văn kiện chánh thức, đó chỉ là chánh sách bất thành văn mà thôi..., họ được đặt trên dân tộc Việt Nam.

Về biên giới trên biển cả, tôi xin nêu lên hai lỗi lầm lớn của lịch sử. Thứ nhất, Biển Đông của ta mà lại bị Âu Mỹ đặt tên là “South China Sea”, “Mer de Chine du Sud” và “Biển Nam Hải” theo sự chỉ dẫn của người Tàu, trong lúc vua quan và sĩ phu của ta đang bận tự đánh nhau. Trong địa thế chánh trị, địa danh cực kỳ quan trọng, người Tàu đã thấy rõ việc đó từ hàng ngàn năm trước Âu Mỹ. Thứ hai là, năm 1974, Thủ tướng Phạm văn Đồng đã ký văn kiện chánh thức dâng cho Tàu quần đảo Hoàng Sa trong khi chiến hạm VNCH và Tàu đánh nhau; ngoài ra, Huế Kỳ không hỗ trợ tiếp liệu tương ứng để VNCH tự vệ trên mặt biển. Cái may mắn còn lại là trên các văn kiện chính thức, nhất là khi cơ quan Thủy Đạo và Hải Học của Hải quân Pháp vẽ bản đồ thời bấy giờ, Pháp xem các hòn đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Việt Nam mà Tàu không phản ứng.

Vì sao ngày xưa, người ta không tranh nhau các hòn đảo vô vị giữa biển như ngày nay?

Vốn vẹn chỉ vì ngày nay có luật quốc tế về chủ quyền trên biển và biển chứa nhiều nguồn tài nguyên vô tận. Tôi xin tóm tắt luật quốc tế đó:

- hải phận hay vùng an toàn quân sự (mer territoriale), không kể biển nội địa, có thể rộng đến 12 hải lý.

- lãnh hải, hay vùng kinh tế tuyệt đối (zone économique exclusive) có thể rộng đến 200 hải lý.

- thêm lục địa, hay vùng kinh tế mở rộng (plateau continental) là vùng mà đáy biển từ từ nghiêng sâu cho đến khi đổi độ dốc mạnh (changement de pente). Vùng này rộng ít nhất là 200 hải lý, nhiều nhất là 350 hải lý, hoặc 100 hải lý đến khi sâu nhất là 2500 mét.

- biển ngoài các vùng hải phận, lãnh hải, thêm lục địa là của chung của nhân loại.

Nhân dịp viết bài này về biên giới giữa Tàu và Việt Nam, tôi xin viết thêm vài hàng ngoài đề tài, về biên giới giữa Xiêm La và Việt Nam. Quả thật, Xiêm La và Việt Nam, hai láng giềng tuy xa mà kề cận, và suýt có một biên giới chung khá dài ở miền Bắc!

Trong khi quân đội Pháp ở Đông Dương chỉ có trang bị cũ kỹ không đủ sức đối phó với quân đội Nhật Hoàng, thì nước Xiêm La, với sự hậu thuẫn của Nhật Bản năm 1939, đổi tên lại là Thái Lan vì toàn gồm thu cả vùng da beo có nhiều túi dân Thái rải rác, nghĩa là một phần không nhỏ của Bắc Việt Nam và Lào cùng vùng khảo cổ Cao Miên nối liền với vùng khảo cổ Thái Lan. Thái Lan vừa mua được của Âu Châu vài chiến hạm tối tân hầu khi cần đương đầu với Pháp. Thái Lan xâm nhập lãnh thổ “Đông Pháp” nhiều phen, cùng xúi giục dân chúng nổi loạn.

Toàn quyền Decoux ra lệnh cho Hải quân Đại tá Béranger, cật chỉ huy trưởng soái hạm của ông, ra tay trước, chỉ huy Hải đoàn đến tiêu diệt đoàn chiến hạm của Thái Lan ở Kok

Chang ngày 17-01 năm 1941. Một chiến công lừng lẫy giữa chiến hạm cũ kỹ của Pháp với pháo thủ tuyệt vời đánh chiến hạm mới toanh của Thái Lan với thủy thủ yếu kém và với sự hỗ trợ đầu diêm của Nhật Bản mà lịch sử không muốn kể lại vì Decoux thuộc chánh phủ Vichy.

Từ đó mà có xứ Lào ngày nay.

Nhật Bản nhảy vào can thiệp và ép Pháp phải nhượng hữu ngạn sông Cửu Long cùng gần hết hai tỉnh Đông Bắc Cao Miên cho Thái Lan. Vua của xứ Luang Prabang (Lào) buồn và đòi thoái vị. Toàn quyền Decoux phải gom thu tất cả các xứ nhỏ như Vạn

Tượng vân vân... lại thành xứ Lào và tặng cho Vua xứ Luang Prabang để an ủi

Giả sử sĩ quan Hải quân Pháp kém sức và không ra tay trước thì chắc chắn Hải đoàn Pháp phải bị thiết giáp hạm Thái Lan tối tân hơn tiêu diệt và Việt Nam chúng ta tất có biên giới chung với Thái Lan ở Bắc Việt!

Khi Nhật Bản thua trận thế chiến thứ hai, Thái Lan phải trả lại cho Lào và Cao Miên phần đất đã chiếm và khiêm tốn tự đặt lại là Xiêm La trong một thời gian. Nhưng đến năm 1949, Chánh phủ Bắc Kinh tiến đến biên giới Bắc Việt Nam, Pháp bị sa lầy, xứ ấy lấy lại tên trước là Thái Lan để hy vọng...

Ngày nay, trên biên giới Thái Lan-Lào, Thái Lan rút rất nhiều nước sông Cửu Long cho hệ thống dẫn thủy nhập điền của họ, làm đồng bằng miền Nam Việt Nam hụt nước và không còn trù phú như xưa nữa, và Thái Lan đang tiếp tục mở rộng thêm hệ thống rút nước này cũng như Tàu đang làm ở phương Bắc. Để kết luận tôi chỉ có một câu của Bà Huyện Thanh Quan:

“Nhớ nước đau lòng con quốc quốc”.

Trần Văn Thu

Tháng 04 năm 2001



Sức Mạnh Của GIÓ

ĐINH NGUYỄN

Những năm gần đây ta thấy nhiều trận cuồng phong đã cuốn đi nhiều ngàn căn nhà và xe cộ cùng những người sống trong đó, nhất là ở các tiểu bang phía Đông và các vùng Trung tây. Thí dụ như trận cuồng phong xảy ra ở Oklahoma City vào tháng 5/1999 đã làm thiệt hại 2000 căn nhà, 500 người bị thương và khoảng 43 người thiệt mạng.

Vậy GIÓ là gì ? Ta đã biết gió sinh ra khi có một khối lượng không khí di chuyển từ vùng có áp suất lớn đến một vùng có áp suất nhỏ hơn.

GIÓ được chia thành 6 loại, tùy theo vận tốc của nó (1MPH = 1,6 KmPH)

F0	40 - 70 MPH
F1	70 - 110 MPH
F2	110 - 160 MPH
F3	160 - 205 MPH
F4	205 - 260 MPH
F5	260 - 318 MPH

GIÓ càng mạnh, tốc độ càng cao, gây ra sức tàn phá càng lớn, nhất là gió có vận tốc cao từ 100 MPH trở lên.

Theo Uniform Building Code thì áp lực của gió (*wind pressures*) được tính theo công thức:

$$P = C_e \cdot C_q \cdot Q_s \cdot I_w$$

C_e = Exposure and Gust Factor. Xem Table 16 G. of 1997 U. B. C (Từ 0, 6 đến 2, 3)

C_q = Pressure Coefficient . Xem Table 16 H of 1997 U . B . C (Từ 0,5 đến 4)

Q_s = Wind Stagnation Pressure.

Xem Table 16 F (Từ 12.6 đến 43.3)

I_w = Importance Factor. Xem Table 16 K (1.0 đến 1.15)

Ta thấy rằng hệ số C_e thay đổi tùy theo chiều cao của building đối với mặt đất, và điều kiện của đất đai chung quanh, thí dụ như đất

bằng, nhà cửa hay rừng cây ở chung quanh trong khoảng phạm vi 1, 2 mile hay rộng hơn

Hệ số C_q thay đổi theo bộ phận của căn nhà .

Hệ số Q_s thay đổi tùy theo vận tốc của gió và có thể được tính bằng công thức :

$$Q_s = 0,00256 V^2$$

Thí dụ $V = 100 \text{ MPH}$

$$Q_s = 0,00256 \times 100^2 = 25,6 \text{ psft}$$

$$Q_s = 26 \text{ psft}$$

Dĩ nhiên ta thấy rằng công thức này được tính theo kinh nghiệm mà thôi.

Hệ số I_w thay đổi tùy theo loại building và việc sử dụng building đó. Hệ số này không thay đổi bao nhiêu.

Vậy áp lực của gió được tính theo công thức:

$$P = C_e C_q I_w Q_s$$

$$\text{Mini } P = 0,6 \times 0,5 \times 12,6 \times 1 = 3,78 \text{ psf}$$

$$\text{Max } P = 2,3 \times 4 \times 43,3 \times 1,15 = 458 \text{ psf}$$

Sức mạnh của gió có xu hướng làm tróc mái building , làm ngã tường , sập nhà , đè chết người v...v ...

Sức cắt ngang building sinh ra bởi động đất cũng có những tác dụng tương tự . Nên khi tính toán building ta phải tính cả hai lực trên , xem lực nào gây ra tai hại nhiều nhất (= lực lớn nhất) và đề ra những biện pháp an toàn cho building khi có thiên tai xảy ra.

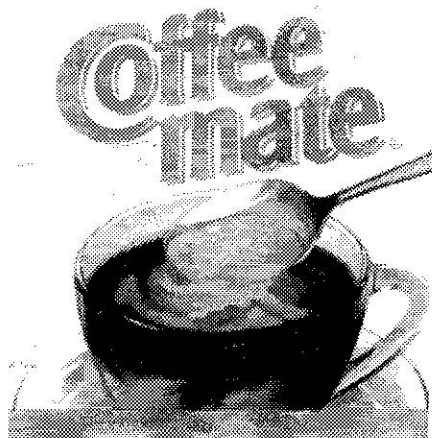
Bài viết này có mục đích cho chúng ta một khái niệm về sức tàn phá của gió. Nếu có gì thiếu sót, xin các AH tha thứ . Trân trọng cảm ơn các AH phụ trách LTAHCC .Chúc các bạn thành công trong số báo kỳ tới.

Đinh Nguyễn.



Viết Về Cà Phê

Clara Maersk



Ngày nay ở khắp nơi trên thế giới nhất là giới trẻ tuổi, người ta có khuynh hướng uống cà phê nhiều hơn uống trà. Nhưng sách báo viết về cà phê, “nghệ thuật” uống cà phê, hãy còn rất ít so với sách viết “nghệ thuật uống trà”. Ở các nước Á Châu như Nhật và Trung Quốc sách báo về uống trà có thể lên đến hàng trăm. Ngay ở tiệm sách nhỏ của Chùa Nan Tiên (Nam Thiên) tại Wollongong - khoảng 70 cây số về phía Nam của thành phố Sydney - du khách cũng có thể thấy ở các giá sách bày bán trên dưới 10 quyển sách khác nhau nói về trà. Thậm chí còn có một hai đĩa CD Rom dùng để quảng bá các loại trà và nghệ thuật uống trà. Trong tiếng Việt những truyện đề cập đến thú uống trà cũng không ít, chẳng hạn như bài viết của nhà văn tiền chiến Nguyễn Tuân, truyện “Những Chiếc Ấm Đất” trong quyển “Vang Bóng Một Thời”. Truyện kể một người nhà giàu thường sai người giúp việc đi

mức nước giếng ở một cái chùa cách nhà cả mấy cây số để dành nấu nước uống trà. Đến lúc ông ấy lỡ vận nghèo sa sút phải đi ăn xin - một ngày nọ vào chùa xin cơm. Lúc ấy sư ông đang dùng trà nên tiện mời người ăn mày cùng dùng trà.

Người ăn mày khấp nép ngồi xuống đón tách trà do sư ông cho. Nhấp xong một hớp nước trà, ngẫm nghĩ giây lâu người ăn mày nói với ông sư rằng: “Bẩm Thầy con nghĩ trong ấm trà có vỏ trấu”. Sư ông kêu tiểu đồng rót hết trà trong chiếc ấm đất ra xem thì thấy quả nhiên có một vỏ trấu lẫn lộn trong xác trà. Cũng có một quyển sách Việt nào đó viết rằng người xưa thường thu nhặt những giọt sương đọng trên lá sen trong hồ để dùng làm nước đun pha trà. Thật là kiểu!! Trong khi đó sách về cà phê, nhất là bằng tiếng Việt gần như không có gì hết. Tuy vậy, cà phê đã len lõi chút ít vào âm nhạc Việt qua bản nhạc trứ danh “Cô Hàng Cà phê” của nhạc sĩ Canh Thân. (Chắc có lẽ cùng thời với bản nhạc Frank Sinatra cho lãng xê vào năm 1946 mang tên “The Coffee Song”).

Sở dĩ có hiện tượng khác nhau trong việc ca tụng giữa trà và cà phê là vì, theo nhiều

giả thuyết, trà được “phát minh” bởi các nhà Sư ở Trung Quốc rất lâu đời và dính liền với việc thiền định của các bậc tu hành. Truyền bá qua nhân gian trà là thứ giải lao chính của người Đông Phương qua hàng chục thế kỷ. Khi chủ khách gặp nhau trong một chuyến viếng thăm xã giao, chủ thường mang trà ra mời khách, rồi thói quen đó đã trở thành phương thức xã giao của hầu hết các dân tộc trên thế giới. Trong khi đó cà phê chỉ mới được tìm ra trên dưới 10 thế kỷ thôi - và chỉ được giới thiệu qua Âu Châu vào khoảng thế kỷ 16. Sau đó Cà phê mới chính thức đến Á Châu theo với các đoàn quân Âu Châu đi xâm chiếm tìm thuộc địa vào vài thế kỷ trước. Theo như cụ Vương Hồng Sển, trong khi người Đông Phương ngày trước giải lao bằng “trà nóng” thì người Tây Phương lại giải lao chính bằng những loại nước “lạnh”, như các loại nước ngọt, nước trái cây, bia, v.v...

Trà và cà phê có điểm thật giống nhau - đó là rất nhiều ngôn ngữ trên thế giới dùng các từ để chỉ trà và cà phê đều có lối phát âm giông giống nhau, giống như các thứ từ như Ba và Má. Một từ nữa cũng có tính cách “phổ cập” trong phát âm là BIA. Nghĩa là khi ta ở

Đức hay ở InĐô, ở Pháp hay ở Mỹ, ở Taiwan, ở Nhật,... nếu ta thêm Cà phê, Trà hay Bia ta cứ việc ra dấu muốn uống và cứ nói đại tiếng Việt Cà phê, cà phê, cà phê hay trà, trà, trà, hoặc bia, bia, bia,... chắc chắn sẽ có người hiểu được “thương hại” đem những thứ đó ra cho ta uống giải khát cho qua cơn thèm thường hay cơn “ghiền”. Cà phê được phiên âm từ “tiếng Tây” café, tiếng Anh gọi là coffee, tiếng Đức Kaffee, tiếng Ý caffè - tất cả có lẽ bắt nguồn từ tiếng Thổ Nhĩ Kỳ là kaveh (v đọc gần như f) hoặc tiếng Á-Rập là kawah, hay gọi trại đi tên xứ tìm ra cà phê đầu tiên là Kaffa thuộc xứ Abyssinia (tức Ethiopia ngày nay).

Ngày trước, ở các nước thuộc khối Thịnh Vượng Chung của Vương Quốc Anh như Anh quốc, Úc, Hongkong và Tân Tây Lan, .v.v..., người ta thường có thói quen uống trà - thường loại trà nâu như Lipton - pha với sữa tươi. Sữa dùng để làm dịu bớt vị chát của trà. Tại các công sở hay các công ty lớn khoảng 10 giờ sáng và 3 giờ trưa có một phụ nữ pha trà (tea lady) với xe đẩy đi đến tận các bàn giấy làm việc rót và hầu trà cho các xếp và nhân viên. Uống trà buổi sáng (Morning tea) và trà buổi chiều (afternoon tea) thường thường được kèm theo một vài mẩu bánh bít-qui cho thấm giọng. Tại gia đình vào những ngày cuối tuần, người ta vẫn giữ thói quen uống morning tea và afternoon tea, nhưng trình trọng và ngon hơn ở sở làm nhiều. Lý do giản đơn là các

bà nội trợ có thì giờ hầu trà cho gia đình. Uống trà tại nhà ở tại các quán trà dưới phố ở mức trình trọng “cao cấp” được gọi là Devonshire tea. Đó là uống trà với sữa tươi (và đường hay không tùy người) kèm theo một loại bánh mì ngọt (có nhiều bột nổi) phết bơ và mứt gọi là scone. Bây giờ người ta thỉnh thoảng vẫn tìm thấy Devonshire tea ở các quán trà và cà phê tại các thành phố nhỏ do người Úc chính cống làm chủ. Ở Sydney tại vài shopping center như Westfield cũng có những quán trà, cà phê vẫn bán Devonshire tea.

Nhưng bây giờ theo mỗi thời đại họ còn liệt kê thêm “Devonshire coffee” trên bản thực đơn nữa. Trước 1975 người ta có thấy bán trà chế thêm sữa theo kiểu Ảng Lê tại Đà Lạt ở một hai “tiệm nước” của người Hoa khu gần chợ. Có thể mấy chủ tiệm người Hoa này đã từng ở Hongkong một thời gian hấp thụ được phong cách uống trà của người Anh tại đó rồi du nhập sang Đà Lạt chăng.



Morning tea và afternoon tea với các tea-lady tại các

công sở ở Úc và Tân Tây Lan dần dần biến mất vào khoảng giữa thập niên 80. Đó là lúc các máy tự động pha trà và cà phê với sữa bột - thường gọi là Café Bar - được tung ra thị trường. Thịnh hành được chừng 10 năm, các máy café-bar pha chết cà phê và trà tại chỗ này bị giới mộ điệu trà và cà phê tẩy chay nhanh chóng khi phong trào uống cà phê “thứ thiệt” khắp thế giới rầm rộ lên và lên nữa, lên hoài vào đầu thập kỉ 90. Việc tẩy chay các thứ máy pha cà phê và trà tại chỗ cũng là điều bắt buộc phải xảy ra với lý do các thứ cà phê, trà pha sữa bột và đường này uống vào thường đâm ra “nóng nẩy” bởi có lẽ các pha chất bột này có quá nhiều chất hóa học, và nhất là mùi vị quá xa lìa với các tách trà và cà phê “thứ thiệt”. Tuy nhiên ngày nay các máy pha trà và cà phê này vẫn còn được trọng dụng tại các cơ xưởng, xí nghiệp.

Nước Mỹ xuất khẩu nhiều nhất những gì liên quan đến máy điện toán và nhưng lại nhập khẩu cà phê nhiều nhất. Mỗi năm nước Mỹ nhập khẩu khoảng 4 triệu tấn cà phê hạt xanh trị giá chừng 3,5 tỉ đôla Mỹ, và tính bình quân mỗi người Mỹ tiêu thụ cỡ 5kg cà phê mỗi năm. Mỗi ngày trên thế giới người ta tiêu thụ khoảng 2,5 tỉ tách cà phê mà người Mỹ đã uống đến 1/5 tức là 500 triệu tách mỗi ngày. Phẩm chất và mùi vị cà phê người ta uống ở mỗi nước thường khác biệt với nhau và thông thường người nước nào cũng cho cà phê hay bia của họ là ngon hơn

cả.

Người Nhật uống cà phê khác với người InĐô, cà phê người Ý uống khác với cà phê người Thổ Nhĩ Kỳ, người LiBăng, và của người Mỹ chắc chắn khác với của người Úc, Lý do chính của sự khác biệt này là việc pha trộn các loại hạt cà phê khác nhau theo các tỉ lệ, và cách pha cà phê, khác biệt sẽ được đề cập đến ở phía sau. Ở miền Nam Việt-Nam khoảng cuối thập niên 1950 cà phê cũng còn chịu nhiều ảnh hưởng cách uống cà phê của người Pháp. Có nhiều tiệm cà phê nhỏ trong thành phố Sài Gòn pha cà phê rất đậm đà thơm ngon. Ngay cả mấy “tiệm nước” của người Hoa “phé nại” tức cà phê sữa, hay cà phê đá họ làm uống cũng được được. Có tiệm bỏ vào tách cà phê sữa hay đen nóng một muỗng bơ Bretelle làm tách cà phê trở nên thơm tho mùi béo. Có người nhúng bánh dầu chá quẩy vào cà phê sữa để ăn, giống như người Pháp thường chấm bánh mì croissanh vào cà phê vậy.

Từ sau 1975 cho đến giữa thập kỷ 90, cà phê Việt-Nam kiểu “cái nồi ngồi trên cái cóc” bị pha trộn với bắp rang đen nên mùi vị gần như bị mất mát hết. (Nhưng cũng đừng mừng rằng Việt-Nam đã phát minh ra lối dùng bắp rang để thay thế cà phê. Thật ra vào khoảng đầu thế kỷ 18, bắp rang và nhiều thứ hạt hay đậu khác như hạt lúa mì (wheat), hạt lúa mạch (barley), và rễ cây lá diếp (chicory) đã được người thường dân dùng thay cà phê tại nước Phổ (tiền thân

của nước Đức) khi vua Frederick đặt ra luật buộc giấy “hành nghề” chế biến cà phê chỉ dành riêng cấp cho giới quý tộc mà thôi. Lối dùng rễ cây lá diếp rang đen để pha hay thay thế cà phê vẫn còn được thông dụng tại một vài nước ở Âu Châu. Gần đây Việt Kiều nước ngoài gửi về cho bà con họ hàng bên Việt-Nam các máy làm cà phê espresso và cappuccino nên ở các tỉnh miền Hậu Giang cũng có tiệm bán cà phê espresso như ở các nước tiên tiến hiện nay. Khách sạn nổi của Úc một thời cấp bến ở sông Sài Gòn có lẽ là nơi đầu tiên đã giới thiệu tách cà phê cappuccino vào Việt-Nam. Sự thịnh hành của cà phê trở lại tại Việt-Nam có lẽ đi theo với cái mốt của thời đại trên toàn cầu (bất chước người Mỹ!!) và cũng do ở sự khôi phục của ngành trồng trọt cà phê và xuất khẩu của Việt-Nam. Theo tài liệu gần đây Việt-Nam trong năm 1999 đã xuất khẩu 400 ngàn tấn cà phê ra nước ngoài, đứng hàng thứ 8 trong các quốc gia xuất khẩu cà phê trên thế giới (nước sản xuất nhiều cà phê nhất là Ba Tây (Brazil) quê hương của cầu thủ vô địch bóng đá Pélé), và trong năm 2000 số lượng xuất khẩu có thể tăng lên gấp đôi tức là cỡ 800-900 ngàn tấn. Cà phê thường chỉ thích hợp với khí hậu nhiệt đới và cao nguyên nên đồn điền trồng trọt cà phê tại Việt-Nam tập trung ở Lâm Đồng, Pleiku và nhất là ở Buôn Mê Thuột.

Cây cà phê thuộc giống Jasmine (tức cây bông lài hay hoa nhài) cao chừng 3-12 thước. Thời gian từ lúc trồng cây cho đến khi có trái từ 2 đến 5 năm.

Thường người ta hay tĩa cây cà phê cho cây không được cao quá 3-4 thước để tiện việc hái trái. Trái cà phê lúc chín thường màu xanh vàng cổ trái dàu tây nên được gọi là trái dàu cà phê. Mỗi trái có hai hột cà phê ở bên trong, và hột cà phê mới chính là cội nguồn của tách cà phê thơm ngon mà ta uống hằng ngày, nhất là vào lúc ăn điểm tâm buổi sáng. Hột cà phê có màu xanh ngả vàng lúc chưa được rang hay nướng. Cà phê xuất hiện từ bao giờ vẫn là một bí ẩn chưa được các nhà nghiên cứu đồng ý với nhau. Nhưng địa điểm khám phá ra cà phê chắc chắn là vùng Trung Đông. Có rất nhiều truyền thuyết về việc khám phá ra cà phê. Một truyền thuyết thịnh hành nhất nói rằng ngày xưa ở xưa Abyssinia (bây giờ là Ethiopia) nằm ở phía Đông Bắc Châu Phi có một anh chàng chăn dê tên Kaldi. Vào một ngày nọ Kaldi chợt để ý mấy con dê sau khi ăn vào một vài trái dàu xanh vàng đậm ra nhảy nhót tung bừng và kêu “be-he” lung tung. Kaldi bất chước ăn dàu đó và tự nhiên thấy trong người tỉnh táo và sáng khoái lạ thường. Từ đó anh ta có thói quen hái dàu đó ăn mỗi khi đi chăn dê. Một vài thầy tu ở một tu viện gần đó biết được chuyện này và chế biến thêm một chút nữa bằng cách đun trái dàu với nước nóng để uống vào mỗi buổi tối, và càng ngày càng dùng nhiều nước dàu này vì họ thấy dễ tỉnh ngủ, giúp họ thức đêm lo

chuyện cầu nguyện và kinh kệ. Một truyền thuyết khác kể rằng cũng tại xứ Kaffa thuộc Abyssinia ngày xưa nữ hoàng Sheba (đọc theo tiếng Pháp là Saba - như trong phim Vua Solomon và Nữ hoàng Saba do Yul Brynner và Gina Lollobrigida thủ vai chính) đã khám phá ra trái dâu cà phê và đã đem sang nước Do Thái gần đó để tặng người yêu là vua Solomon để ăn cho được thêm sáng suốt.

Dần dà về sau người Trung Đông mới nghĩ ra cách rang và nghiền nát hạt cà phê trước khi đun và uống nóng pha với mật ong. Cà phê được hâm mộ nhanh chóng ở Trung Đông có lẽ do ở việc cấm đoán uống rượu của đạo Hồi, vì thật ra chỉ có một thứ giải lao khác rượu và gây sảng khoái trong lúc và sau khi uống là cà phê mà thôi. Cũng may mắn cho cà phê trong giai đoạn phát triển ban đầu là lúc đó đế quốc Ottoman (tiền thân của nước Thổ Nhĩ Kỳ bây giờ) đang rất hùng mạnh và bành trướng thuộc địa và ảnh hưởng khắp vùng Trung Đông và Nam Âu Châu. Chính ra ngày nay người Thổ Nhĩ Kỳ và người Ả Rập nói chung (nhất là người LiBăng) vẫn giữ ít nhiều lối pha nấu cà phê ngày trước. Họ đun sôi “bột cà phê” trong một cái ấm không nắp bằng đồng thau hay nhôm và giữ cạn cà phê ở phía dưới ấm. Y như người ta thường thấy trong các phim cao bồi kiểu John Wayne uống cà phê giữa đêm trên núi đồi có nhiều tảng đá lớn. Cà phê của họ rất đậm đặc và hơi đắng, được rót ra trong

những chung nhỏ như người Á Châu thường dùng để uống trà, Uống cà phê xong họ ưa uống thêm một li nước lạnh để tráng miệng.

Uống cà phê kiểu này cũng rất phổ thông đối với người Hi Lạp, bởi lý do dễ hiểu là Hi Lạp cũng đã từng bị đế quốc Ottoman đô hộ trên 400 năm. Những ai muốn tìm thưởng thức hương vị cà phê đậm đặc loại này có thể đến các khu vực đông người Trung Đông sẽ được thỏa mãn và ra về lòng thơ thới hân hoan. (Ở Sydney, các khu vực như Auburn, Lakemba hoặc Arncliffe đều có những tiệm người Trung Đông bán cà phê loại này). Sự bành trướng ảnh hưởng của đế quốc Ottoman đã đem cà phê qua mạn Âu Châu từ khoảng thế kỷ 15-16. Sang đến Ý, Áo, Pháp rồi Anh Quốc cà phê đã được chế biến qua nhiều năm tháng thành một thức uống độc nhất vô nhị ngang hàng hoặc trên cả rượu bia. Nhất là ở khía cạnh mậu dịch quốc tế, bởi cà phê thường được trồng trọt và sản xuất ở các nước nhiệt đới, để rồi xuất khẩu mạnh mẽ sang các nước lạnh thuộc vùng ôn đới. Trong khi đó bia thường là sản phẩm địa phương, nước nào cũng có bia ngon của nước đó - chỉ trừ một vài ngoại lệ mà thôi, như Heineken của Hòa Lan, Budweiser của Mỹ, San Miguel của Phi Luật Tân, và Kirin của Nhật.

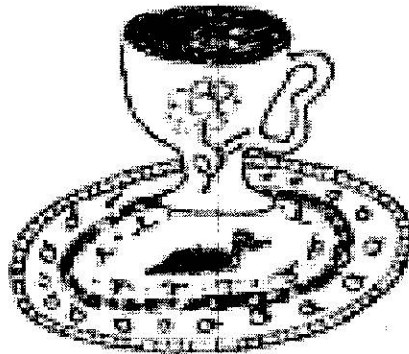
Thế nhưng, trước khi cà phê trở thành thức uống hàng đầu của nhân loại và cà phê hạt thành một mặt hàng trên thị trường thế giới như dầu hỏa,

thép, gạo,... tiến trình phát triển của cà phê không được suông sẻ và êm đẹp như những thứ giải lao khác như trà, bia và ngay cả... Coca Cola (!) và tiến trình đó đã từng liên hệ mật thiết đến đấu tranh và... cách mạng!!

Trong chừng 5-10 thế kỷ đầu tiên sau khi cà phê được khám phá, người Ả Rập “dầu nghề” trồng trọt và chế biến cà phê rất kỹ. Người Âu Châu sang Trung Đông làm ăn buôn bán không được bén mảng đến các nơi trồng trọt cà phê, và hạt cà phê chỉ được xuất khẩu sau khi đun nóng hoặc rang lên để làm chết đi cái mầm gieo giống ở đất khách. Vào thế kỷ thứ 16, các tiệm cà phê bắt đầu mọc lên như nấm tại Trung Đông - trung tâm thánh địa của Hồi giáo, và dân ghiền cà phê thường tụ tập ở các tiệm này để bàn chuyện thời sự cũng như những chuyện thế thái nhân tình. Điều này đã làm cho nhà cầm quyền địa phương đâm ra khó chịu (vì những giáo đường không được đông đúc bằng các tiệm cà phê) và nghi kỵ việc dân uống cà phê có thể tụ tập làm chính trị, để rồi họ ra lệnh đóng cửa các tiệm cà phê. Mặc dù có lệnh cấm đoán, dân hâm mộ cà phê vẫn lén lút tụ tập uống cà phê lậu sau nhà để rồi ít lâu sau người ta phải cho mở cửa tiệm cà phê trở lại. Được phát triển sang Âu Châu theo với sự bành trướng của đế quốc Ottoman, cà phê lại một lần nữa bị sự nghi ngờ của Vatican và giới lãnh đạo Cơ Đốc giáo. Tục truyền rằng trước khi các tiệm cà phê được mở tại Ý rất lâu,

một số tu sĩ thuộc hàng giám mục và tổng giám mục đã vào Vatican gặp giáo hoàng Clement VIII (1535-1605) xin giáo hoàng cấm chỉ giáo dân không được uống cà phê viện lý do rằng cà phê là sản phẩm của quỷ sứ Satan, uống vào tức là bán linh hồn cho quỷ. Trước khi thực hiện quyết định không bao giờ sai của mình, Giáo hoàng tìm uống thử một tách cà phê và Người thấy mùi vị cà phê rất “đúng điệu” và từ đó lý luận rằng với mùi vị thơm tho kích thích nhẹ nhàng như vậy cà phê chắc chắn không phải là “phó sản” của quỷ, và Giáo hoàng đã đi ngược với yêu cầu của các linh mục đó chính thức cho phép người Công giáo được uống cà phê như ai. Lan tràn sang Anh quốc các tiệm cà phê ở thế kỷ 17 cũng là nơi tụ họp của các chủ thương thuyền hay các thương gia đến đó để nghe ngóng tin tức chừng nào tàu bè chở hàng của mình sẽ cập bến, và cũng để buôn bán các chính sách bảo hiểm. Hãng bảo hiểm lớn nhất nhì thế giới Lloyd của Anh quốc đã xuất hiện cùng một lượt với những tiệm cà phê trên toàn cõi nước Anh vào thời đó. Cũng vào thời này người Anh “phát minh” ra từ TIP tức là tiền thưởng cho hầu bàn, hầu khách sạn, mà tiếng Việt thường gọi là “Boa” hay “Bo”, bắt nguồn từ “tiếng Tây” là Pourboire. TIP được viết tắt từ “To Insure Promptness” (T.I.P.) tức là “Để Bảo Đảm cho việc Phục Vụ Nhanh Chóng”. Thời đó các tiệm cà phê có treo ngay ở cửa vào một cái hộp bằng đồng

trên có ghi “To Insure Promptness” để “khách” nào muốn được phục vụ nhanh chóng thả vào đó một vài đồng xu nhỏ. “To Insure Promptness” sau đó được gọi tắt là Tip, và trở thành từ thông dụng trong Anh ngữ để chỉ tiền “Boa”.



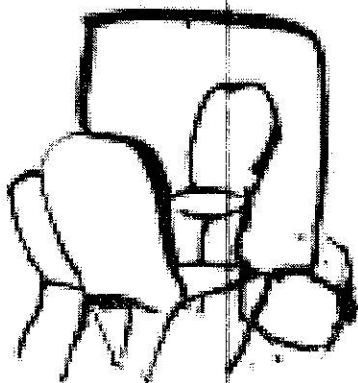
Cà phê đã liên hệ mật thiết với cách mạng ở chỗ trước khi dân Paris kéo nhau đi phá ngục Bastille vào năm 1789, họ đã tụ tập làm một “đêm không ngủ” tại tiệm cà phê Foy. Ở Mỹ cũng vậy, dân thành phố Boston đã tập họp tại một tiệm cà phê vào năm 1773 để thảo luận kế hoạch thành lập Boston Tea Party (Hội Trà Boston) dẫn đến cách mạng Mỹ về sau. Sở dĩ người Mỹ ngày nay uống cà phê nhiều hơn uống trà là vì vào những năm trước cách mạng Vương Quốc Anh đánh thuế rất nặng trên nhiều món hàng tại thuộc địa Mỹ - trong đó có trà. Dân thuộc địa ở Mỹ chống đối việc này rất mãnh liệt và vào năm 1773 một số người dân Boston lên một số tàu Anh đang đậu ở cảng khiêng các thùng và bao bố trà lớn thả hết xuống biển. Từ đó họ tẩy chay trà và tìm đến cà phê. Cà phê tự nhiên trở thành thức uống của người Mỹ “yêu nước”,

và các thuộc địa của Pháp và Hòa Lan ở Trung Mỹ và vùng Caribbean sẵn sàng cung cấp cà phê cho Mỹ, một thị trường có tiềm năng tiêu thụ lớn và cũng là một thuộc địa lớn của Anh quốc đang trên đà vùng lên.

Có tất cả độ 70 các thứ giống cây cà phê, nhưng có 2 giống cà phê chính là cà phê ARABICA và cà phê ROBUSTA và cà phê chúng ta uống thường pha trộn 2 giống cà phê chình đó với nhau. Cà phê Arabica chính là cà phê nguyên thủy xuất xứ từ Ethiopia, còn cà phê Robusta chỉ mới được tìm ra vào thế kỷ 19 rồi lan tràn sang thị trường quốc tế vào sau thế chiến thứ 2. Khoảng 3 phần 4 cà phê sản xuất trên thế giới thuộc loại Arabica, còn Robusta được trồng trọt nhiều nhất tại In-Đô-Nê-Xia rồi đến Ba Tây (Brazil). (Việt-Nam có trồng cả Arabica lẫn Robusta). Robusta dễ trồng hơn nhưng có mùi vị đắng hơn Arabica. Tuy nhiên Arabica thơm ngon hơn và ít chất caffeine (cà phê-in) hơn Robusta. Chất caffeine là một loại chất kiềm thiên nhiên có trong một số các loại hạt và lá, điển hình là cà phê, trà và hạt cacao (cocoa) dùng làm chocolate (sô-cô-la). Chất caffeine là một chất kích thích quan trọng cho hệ thần kinh - nó có tác dụng làm giảm mệt, giúp tỉnh táo và cũng mang tính chất lợi tiêu (diuretic). Chất caffeine được pha chế vào nhiều dược phẩm thông dụng nhưng dùng nhiều cũng có hại là gây mất

ngủ, và có thể tìm đập nhanh hơn mà không cần đối tượng tình yêu trước mặt. Trong tiếng Việt chất caffeine chính là “tác giả” nguyên thủy của loại trà mang tên theo kiểu nói lái bình dân là trà “Thái Đức”. Trong vài chục năm gần đây có phong trào pha chế cà phê gột tẩy đi chất caffeine này ngay khi còn trong trái dâu cà phê. Cà phê đó gọi là Decaffeinated coffee tức là cà phê đã khử chất caffeine, thường gọi tắt là decaf. Việc khử chất cà phê-in cũng đem lại cho các nhà nghiên cứu nhiều công việc làm và đã có đến hàng trăm bằng phát minh sáng chế đã được đăng ký “pa-tăng” (patent) khắp nơi trên thế giới về việc khử chất caffeine trong cà phê. Cũng có loại cây cà phê được ươm ghép không có chất cà phê-in nhưng bao nhiêu mùi vị thơm tho của cà phê đều bị biến mất. Tuy nhiên gần đây, vào năm 1994 một hàng kỹ sư sinh hóa tại California đã đăng ký một tiến trình gây giống cây cà phê “sans caffeine” mà vẫn giữ được mùi vị độc đáo của cà phê arabica. Hiện loại cây này đang được trồng thí nghiệm tại Hạ Uy Di và chắc cũng cỡ năm 2002 trở đi người ta mới có thể uống thử loại cà phê phi cà phê-in này. Ở một mặt khác việc xử dụng chất cà phê-in có vẻ càng ngày càng được hâm mộ. Nhiều loại nước ngọt thịnh hành ngày nay đều có chứa chất cà phê-in này. Điển hình là Coca-Cola, Dr Pepper (hình như Dr Pepper chỉ có đường và chất cà phê-in mà thôi), và ngay cả một vài thứ

li-mô-nát như Mountain Dew và Mello Yello. Rất nhiều thứ nước ngọt mới ra đời sau này mang danh là nước ngọt mang đến “năng lượng” hay bồi dưỡng” năng lực” cho người uống thật ra chỉ là nước đường hòa với chất cà phê-in mà thôi.



Sự gia tăng nhảy vọt trong việc tiêu thụ cà phê trong vòng 20 năm qua có thể được giải thích bằng nhiều lý do và nguyên nhân như sau.

Thứ nhất trong một hai thập kỷ vừa qua văn hóa Mỹ và lối sống của người Mỹ - tuy thường thiên nhiều về vật chất - đã trở thành một loại văn hóa tràn ngập và chế ngự toàn cầu. Cũng giống như sự tràn ngập văn hóa của đế quốc La Mã ngày xưa - hệ người Mỹ sinh sống làm sao và ăn uống những thứ gì thì người nước khác hình như phải có cho được dù tàng ẩn sâu xa trong tiềm thức- thì mới tỏ được rằng ta đây cũng tiến bộ như Mỹ chứ chẳng phải vừa. Điển hình là computer, phim ảnh Hollywood và MacDonald's. Ở đâu người ta cũng phải dùng những máy điện toán mà tiêu chuẩn được phát minh hay xếp đặt từ Mỹ. Những phát minh về

internet và cách mạng điện toán hiện đang tiếp diễn dài dài cũng đã xuất phát từ Mỹ. Gần như trong bất cứ thành phố lớn nào trên thế giới cũng có MacDonald. Giống như câu nói ngày xưa “Mặt trời không bao giờ lặn trên Đế Quốc Anh”, ngày nay người ta có thể nói “Mặt trời không bao giờ lặn trước tiệm ăn MacDonald!!” Phim ảnh cũng vậy, hình như không có Tivi hay rạp hát nào trên thế giới (có lẽ trừ một vài rạp hát chiếu phim Ấn Độ bất chước phim Mỹ!) mà không có trình chiếu phim ảnh sản xuất từ Mỹ. Nói như kiểu trên, “Mặt trời sẽ không bao giờ mọc và đêm sẽ không bao giờ tàn trên thế giới vì loài người hãy còn mãi mê chưa xem xong phim của Hollywood”. Mỹ mới thật sự là đỉnh cao của trí tuệ loài người, và ở đó người ta thường uống cà phê để trí tuệ luôn luôn được cao thêm lên!! Lý do thứ hai là lý do “stress!”. Sự biến chuyển của kinh tế và kỹ thuật trên toàn cầu trong 1-2 thập kỷ vừa qua đã gây ra một dạng thức nhân dục rất rõ nét: nhân công bị sa thải nhiều và những người còn giữ được việc làm phải làm việc nhiều giờ hơn và căng thẳng hơn. Căng thẳng và bận rộn thường xuyên trong công việc đã đưa họ tìm đến tách cà phê, mà đương nhiên họ sẽ đòi hỏi cà phê càng ngày càng đậm đặc và thơm ngon hơn. Lý do thứ ba bắt nguồn ở sự phát minh ra máy pha cà phê espresso. Máy pha cà phê được “phát minh” trong dạng thô thiển vào giữa thế kỷ 19 và được người Ý phát triển tiếp rồi

hoàn hảo nó trong suốt thế kỷ 20. Espresso trong tiếng Ý mang ý nghĩa như Express trong tiếng Anh, nghĩa là “làm thật nhanh” - tức là cho nước sôi tiến nhanh tiến mạnh xuống một lớp bột cà phê nén rồi qua màn lọc xuống tách cà phê đã hâm nóng. Pha cà phê như vậy mới thật đúng điệu và hơn tất cả những phương thức pha cà phê có từ trước đến giờ kể cả kiểu “cái nôi ngồi trên cái cốc” do người Pháp giới thiệu sang Việt-Nam, và đặc biệt hơn xa cà phê hòa tan hay cà phê “uống liền” (instant coffee” đã được phát minh trong thập niên 1950.

(Cà phê hòa tan được biến chế bằng cách nấu trước một nôi cà phê đậm đặc - rồi cất nó lên như cất rượu, xong rồi hấp hoặc đông lạnh lại dung dịch đậm đặc cà phê đó - làm cho dung dịch khô lại thành những bột cà phê sẵn sàng hòa tan lại với nước nóng). Ngày nay tất cả các tiệm cà phê hàng hoàng đều phải thiết bị máy pha cà phê espresso. Lý do thứ tư do ở phong trào di cư rầm rộ do ở chiến tranh và biến động chính trị ở nhiều nơi trên thế giới xảy ra trong 20 năm qua, mà những nơi đó (trừ Trung Quốc trong vụ Thiên An Môn) người di dân đã từng uống cà phê nhiều hơn là uống trà. Sang đến quốc gia mới và định cư rồi, người di dân phải tìm ra công ăn chuyện làm và một trong những việc họ thích làm là tự mở cho mình một thương vụ nhỏ để tự mình làm chủ lấy mình. Tiệm cà phê là một trong những thương vụ họ có thể nghĩ tới. Đặc biệt bởi

di dân từ các nước Âu Châu rồi Á Châu và Trung Mỹ chỉ xảy ra ở Úc trong vòng 50 năm qua, so với di dân từ các nước không nói tiếng Anh sang Mỹ từ nhiều thế kỷ trước, nhiều nhà báo cũng như người viết đều đồng ý với nhau rằng cà phê ở Úc đúng điệu hơn và đi trước cà phê ở Mỹ khoảng 30 năm, mặc dù Mỹ dùng cà phê nhiều hơn Úc và lâu năm hơn Úc. Lý do giản đơn là sự gia nhập của di dân và hình thành xã hội mới ở Úc trong 2-3 thập kỷ qua đã đi đôi hay xảy ra cùng lúc với việc phổ cập hóa của “vấn đề” cà phê. Ở Melbourne có khu Carlton, ở Sydney lúc đầu có khu Leichhardt, Paddington và Surry Hills chuyên bán các tách cà phê trứ danh của Ý. Bây giờ thì ở Melbourne, hay Sydney hay Brisbane ở đâu và ở đường phố nào của các khu phố chính CBD cũng có các tiệm cà phê đúng điệu espresso có bàn ghế bày ra vỉa hè lề đường như ở Âu Châu - và bán luôn cả thức ăn trưa của Ý như pasta, bánh mì sandwich kiểu foccacia hay bánh mì Thổ Nhĩ Kỳ. Những tiệm cà phê này rất đông khách vào giờ ăn trưa và tiền sang nhượng một thương vụ như vậy có thể từ \$150000 đến \$500000 như chơi. Cà phê thông thường ở Mỹ thường giống như cà phê ở MacDonald dùng chung với sữa UHT để lâu được chứa trong các chung plastic nhỏ nhỏ. Nó là cà phê “chưng lâu” chứ không phải espresso. Tuy vậy Mỹ cũng có một chuỗi mạng tiệm cà phê trứ danh là Starbucks (xuất phát từ Seattle vào đầu thập kỷ 1970), hiện đang bành trướng rất mạnh mẽ sang Á

Châu và Úc. Cà phê Starbucks mới thật đúng điệu là cà phê espresso nhưng nếu so với một vài tiệm cà phê đặc thù của Ý tại Sydney và Melbourne thì Starbucks cũng chỉ ngang ngửa thôi chứ chưa chắc đã hơn.

Muốn uống cà phê ngon, tách cà phê phải được hâm nóng trước khi rót cà phê vào đó. Bởi vậy người ta thường thấy các tách được sắp xếp từng chồng ngay phía trên máy pha espresso, tức là phía trên nôi nước nóng dùng để pha cà phê, để hấp thụ được chút ít nhiệt từ nôi nước sôi. Y hệt như ăn phở tại các tiệm phở ngon, người ta thường để bánh phở, thịt vào một bát đã được hâm nóng sẵn rồi mới chan nước dùng vào, trước khi “trang hoàng” bát phở với hành ngò và rau thơm, v.v... Không kể đến cà phê hòa tan, nguyên tắc chính của việc pha cà phê theo kiểu espresso là phải cho một dòng nước sôi dưới sức ép cao chảy xuyên qua một lớp cà phê vừa nhuyễn thật nhanh, rồi xuyên qua màn lọc xuống tách cà phê. Nếu bột cà phê xay ra hãy còn lớn hạt thì sự tiếp xúc giữa nước sôi và cà phê sẽ không được trọn vẹn, cà phê sẽ thiếu đi mùi vị thực thụ và không được thơm ngon. Ngược lại nếu xay bột cà phê quá nhuyễn, nước sôi sẽ thấm quá cà phê lâu hơn, làm hòa tan mọi chất trong bã cà phê làm cho tách cà phê trở nên đắng và chất mùi khét. Trước khi cà phê espresso được thịnh hành có chừng hai ba loại

bình lọc cà phê tại nhà. Đó là các loại như - loại “phí-tông”, - loại cà phê xuyên qua giấy lọc, - loại của Ý dùng nước sôi bắn xít ngược lên phía nắp rồi khi nước đổ xuống sẽ xuyên qua một cốc cà phê với đáy có những lỗ nhỏ, - loại “cái nồi ngồi trên cái cốc” (xin viết tắt là CNNTCC) tức cà phê phin (filtre-lọc). Loại “pít-tông” pha cà phê chung với nước sôi khi pít-tông nằm gần miệng bình. Độ chừng vài ba phút khi cà phê đã hòa tan với nước sôi người ta mới từ từ ấn cái pít-tông xuống dưới nên chặt cà phê vào phía đáy của bình, và nước cà phê sẽ thoát qua những lỗ của pít-tông trở lại lên phía trên. Cà phê này uống cùng tam được với bí quyết là phải rót cà phê ra tách cho hết để tránh tình trạng cà phê “chưng” lâu trong bình. Cà phê xuyên qua giấy lọc uống có lẽ được nhất so với espresso. Cà phê CNNTCC cũng giống như cà phê lọc giấy nhưng bị khuyết điểm là cà phê này pha riêng cho từng cá nhân và thường bị nguội lạnh khi cà phê đã lọc xong. Tuy vậy nó cũng cứu giờ cho “khách” có thể ngồi lâu để hàn huyên tâm sự.

Để kết thúc xin tạm liệt kê một vài thứ cà phê espresso hiện đang rất thông dụng cho dân ghiền.

* Cà phê espresso tức là cà phê đen, còn gọi là short black. Nước nóng đun trong máy espresso được bơm nhanh qua một lớp cà phê đã được nén trong một cái chung bằng thép không rỉ. Phía dưới chung thép là một lớp lưới mỏng dùng

để lọc lại xác cà phê. Caffè espresso thường được hầu tiếp trong một tách nhỏ. Một biến dạng của espresso gọi là ristretto chứa nhiều cà phê hơn espresso. Ở Mỹ người ta thường dùng chanh với espresso bằng cách ma xát múi chanh chung quanh rìa của tách trước khi uống. Nghe đầu lính GIs Mỹ mang cái trò chà chanh trên miệng cốc cà phê từ Ý về sau Chiến Tranh thứ 2, bởi họ không hiểu mô tê rằng ở Ý trong thời gian chiến tranh ly tách không được rửa sạch nên người ta dùng chanh để chùi miệng cốc!!

* Cappuccino đây là cà phê thông dụng nhất hiện nay trên thế giới. Tên cappuccino xuất phát từ dòng các thầy tu cappuchin bởi cà phê cappuccino có màu sắc giống như chiếc áo có mũ của dòng tu này. Cappuccino gồm có cà phê đậm espresso phía dưới và barista (tức người pha cà phê) sẽ thêm vào một lớp sữa bột dày ở trên. Sữa bột này tạo nên bằng cách cho tia hơi nước nóng mạnh quậy và đánh bọt trong một bình sữa tươi. Phía trên mặt sữa bọt nóng của tách cappuccino, barista thường rắc rắc vào một tí bột sô-cô-la cho thêm thơm tho.

* Caffè mocha tức là pha lẫn với bột sô-cô-la.

* Flat white tức café au lait: cà phê sữa gọi theo Việt-Nam. Đúng điệu sữa phải nóng, và có thể dùng sữa bọt quậy bởi tia hơi nước nóng như cappuccino nhưng lúc chế sữa nóng vào tách phải dùng muỗng gạn lọc lại chất bọt sữa

phía trên. Dân ghiền thường kêu strong flat white, tức cà phê sữa với nhiều cà phê và đậm đặc hơn bình thường. Một số người Trung Đông họ rất kỳ thấy việc người Việt thường dùng sữa đặc có đường để pha cà phê sữa. Lý do chỉ là tập quán và bởi có lẽ họ cho rằng sữa đặc có đường chỉ dùng để làm bánh ngọt mà thôi. (Có lẽ họ sẽ còn khó chịu hơn nữa khi thấy người Hongkong hiện nay ưa dùng trà pha chung với cà phê và sữa Carnations).

* Caffè latte tức là sữa cà phê: cà phê espresso rất ít nhưng sữa nóng thì nhiều. cà phê latte rất phổ thông ở Mỹ và không đậm đặc bằng flat white hay cappuccino.

* Macchiato tức caffè espresso ít sữa: đây là một biến dạng của espresso, giống y như espresso nhưng cho vào tách vài ba giọt sữa nóng ở phía trên. Có một vài tiệm cà phê ở Sydney (khu Surry Hills hay Kings Cross) người barista rất kiểu là trước khi phục vụ khách một tách macchiato, họ dùng rượu cồn đốt cháy một hột cà phê đen rồi thay vào tách. Hạt cà phê hãy còn cháy xèo xèo trong khi họ đặt tách cà phê lên bàn.

Kiểu hơn nữa người ta có thể uống cà phê pha thêm mùi vị khác nữa. Đó là những mùi vị từ những chai si-rô pha chế cho cà phê như si-rô quả hạnh (almond), si-rô vanille, si-rô quế, si-rô cam, sô-cô-la, si-rô quả phi (hazelnut), v.v...

Hôm nay trời trở lạnh, xin cho tôi một tách cappuccino.

Clara Maersk

Đường 40th/I-15, Khúc Xương Khó Nuốt

TRẦN ĐỨC HỢP

Cuối những năm 1960 anh Phạm Gia Vinh, một du học sinh từ Việt Nam qua San Diego để học ngành Công Chánh. Anh hiện đang làm Senior Engineer cho Caltrans, Khu 12 ở Little Saigon, Nam California. Anh đã kể những năm tháng vừa đi học vừa đứng bán ice-cream để kiếm thêm tiền học, vì gia đình anh

không thuộc "COCC", bà chị lớn đã kiếm ngay cho anh một công ăn việc làm sau đúng một tuần lễ đặt chân lên nước Mỹ. Anh đã bị một viên chức INS hỏi khi mua kem, làm anh lo sợ lạnh tóc gáy, vì sợ bị trục xuất về nước. Nhưng ông ấy lại cho anh 5 dollars, thay cho cây kem 15 cents. Trong campus những vụ phản chiến thoát y trần truồng chạy xảy ra nhan nhản nổi tiếng khắp thế giới. Riêng con đường 40th Street, là nơi anh sống và hằng ngày đi học đã mang cho anh thật nhiều kỷ niệm đẹp đáng nhớ, cho đến nay đã hơn ba mươi năm qua anh vẫn nhớ vanh vách từng góc phố, từng hiệu buôn và ngay cả từng gốc cây mà anh đã đi qua khi đến trường.

Đây cũng là một sự trùng hợp vì ngày nay con đường 40th Street này đã không còn nằm trong bản đồ San Diego nữa. Những ký ức, kỷ niệm của anh thật đẹp, tuy con đường mà anh đã đi qua thật không đẹp chút nào. Biết bao nhiêu thăng trầm của cuộc đời và những kêu gào, vận động của nhiều vị tai to mặt lớn như



Đứng trên cao, phía tay phải là công viên Park de la Crue đang được xây dựng, tay trái là freeway I-15 đang được xẻ, cắt, đào, đắp (hướng Southbound). Hướng Northbound đã được xây dựng xong phía bên trái

những vị Thị Trưởng San Diego, những vị dân cử địa phương kêu gọi để xây dựng lại khu vực này đang là nơi của nhiều tội ác và đồ nát xam chiếm. Ôi chuyện dài "nhân dân tự vệ" ở đường 40th Street này được đăng hằng ngày trong tờ nhật báo San Diego Union Street đã làm chính phủ tiểu

bang và cơ quan Công Chánh Caltrans Khu 11 San Diego lo lắng không ít. Lý do là tiền đâu để xây vì fund của chính phủ liên bang đâu phải lúc nào cũng sẵn có, và việc xây lại như thế nào thì "nhất cử và bốn năm cái tiện..."

Cái số tôi luôn luôn gặp phải những cái khó khăn rắc rối của cuộc đời. Đang làm ngon lành, "enjoy" cảnh trời, trăng, mây, nước hằng ngày giữa cầu Coronado thì đúng một cái xếp lớn báo tin là tôi sẽ qua lãnh công tác làm đường 40th Street. Con đường này nay đã trở thành freeway 15 là khúc xương tận cùng phía Nam của xa lộ I-15 dài 1450 miles nối liền từ Mexico qua tận xứ Canada ở phía Bắc.

Đây cũng là nơi nhiều vị anh hùng đã thử lửa và sau đó nhiều vị đã âm thầm cuốn gói, bỏ xứ ra đi không một lời từ giã, từ những nhân viên làm cho Caltrans lẫn những vị Giám đốc của nhà thầu. Những ai lúc đầu cứ tưởng bỏ, nói năng rất kêu và ngon ăn (vì chỉ nói, mà chưa làm) nên đã lãnh những cái búa tạ tày xôi vô đầu, choáng váng mặt mày, khi đó

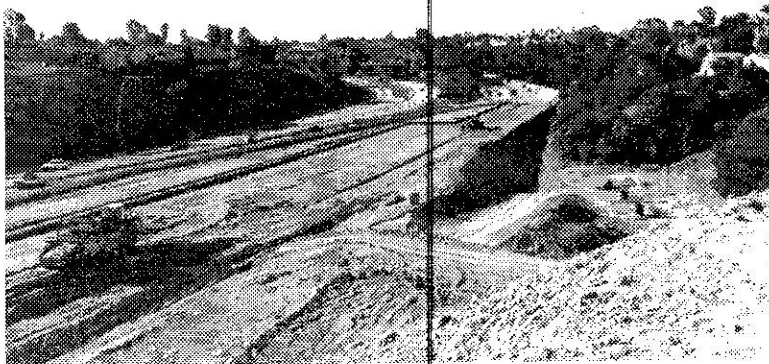
mới thấy đâu là sự thật phũ phàng nên đã “quit job”, dzông chạy lẹ, để lại cho những người tới sau thừa hưởng những gia tài đồ sộ nhưng đầy những lỗi lầm và khó khăn phải sửa chữa lại nhiều lần trong “bóng đêm”, vì nào ai biết những cái đó chôn sâu dưới lòng đất ở nơi đâu? Tự bao giờ? Nó hình dáng ra sao? Và tiếp nối như thế nào?

So sánh về âm nhạc và nghệ thuật, việc xây đường 40th Street giống như đang điều khiển một ban nhạc Đại Hòa Tấu, nhưng bản nhạc này lại kéo dài hằng ngày, liên tục trong 5 năm trời. Chỉ một đơn vị nhỏ đánh nhịp sai, hay lạc điệu thì cả ban nhạc bị ảnh hưởng trầm trọng. Vị manager của CA Ramussen đã tâm sự: *“Công trình này có quá nhiều chi tiết nhỏ đan chéo vào nhau, mà phải phối hợp nhịp nhàng, ăn khớp với nhau cho đồng bộ. Và sau kỳ này là công ty sẽ mất tên ở San Diego và khai Bankruptcy tới chapter 11”*

Ai cũng tưởng cứ trúng thầu là giàu to, nhưng coi vậy mà không phải vậy, kỳ này họ trúng phải cái búa tạ... Anh em chúng tôi thì từng giây, từng phút kẻ sát nhà thầu vừa hợp tác vừa giúp đỡ và buộc nhà thầu phải làm xong và làm đúng những gì đã ký kết trong hợp đồng và không được bỏ chạy để “bỏ của thay người”. Họ cũng biết là đang cười trên lưng cọp, nên đã vùng vẫy dữ dội, đòi hỏi, hoành hợ đủ điều, và đã làm khổ chúng tôi không ít, mục đích làm sao kiếm thêm tiền để bù trừ những lỗ lã khi họ “bid” job giá rẻ, qua những thay đổi hợp đồng (gọi là Contract Change Order, viết tắt là CCO). Đây là một công trình có nhiều CCO nhất San Diego (khoảng 250 cái), có những CCO trị giá nhiều triệu dollars, lần những CCO phải trả hằng ngày và liên tục trong 5 năm liên tiếp. Nhiều anh chị em kỹ sư trong Design cứ tưởng project

khoảng vài triệu dollars là lớn, ra ngoài thực tế mới biết là bé cái lằm. Thực tế cho thấy những quyết định quan trọng và tối hậu là ở ngoài công trường xây cất vì những thay đổi bất ngờ phải quyết định nhanh và chính xác, kịp thời và đúng lúc vì một khi máy móc đã

vận chuyển nếu đã chạy qua thì khó có thời cơ quay lại chốn cũ, mọi sự vật chung quanh đã thay đổi hằng triệu “cubic foot” đất đá đã lấp kín và bê tông cốt sắt đã đổ đóng cứng. Muốn sửa lại là phải đào xới lên và đập phá hết concrete và làm lại từ đầu là nhà



Quang cảnh công trường khúc phía Nam, đoạn nối liền freeway I-805, nhìn từ đỉnh đồi công viên De la Cruz

thầu “Ha-Lê-Lu-Da” mặt mày méo xeo, vừa khóc vừa cười... gượng. Cứ nhìn vào mặt những vị Quản đốc Công Trường và chủ nhân nhà thầu là quý vị sẽ thấy họ cười cười, khóc khóc vì biết chắc sẽ chỉ lỗ vốn và lỗ vốn, vừa mất thêm nhiều thì giờ, vừa nhức đầu mà còn bị phạt “penalty”, nếu trễ cứ 1 ngày là bị phạt \$5000 dollars nữa.

Công trình xây dựng đường 40th Street này đang trong giai đoạn hoàn tất là kết quả của những người công nhân cần cù, nhẫn nại, không quản mưa nắng, cực khổ, bụi bặm, khó khăn, nguy hiểm để vượt qua và hoàn thành khúc xương khó nuốt này. Đây cũng là một hành diện cho toàn thể người dân ở vùng East San Diego này, nhất là những người dân nghèo sinh sống ở vùng East San Diego. Đã nhiều lần những Tân Giám đốc Caltrans đến thăm viếng và chia sẻ những khó khăn với anh em chúng tôi, thấy chúng tôi đơn giản và hòa đồng không giống như những ngài chính khách áo mao cân đai đi trình làng trước những hào quang như những ngọn pháo bông rực nở, nhưng lại sớm tắt để màn đêm tỏa xuống lên đội vai những người công nhân làm đường đã đem mồ hôi và tâm trí để biến đồi núi hoang vu thành xa lộ lớn, tối tân nhất San Diego.



Đường 40th Street nằm bên phải, xa lộ I-15 nằm giữa đang được máy móc đào xới cả triệu thước khối đất (Hình chụp nhìn từ trên máy bay năm 1996). Đường hầm nhân tạo và công viên trên đó chính là chiếc cầu bê tông đếm thứ ba từ dưới lên.

Một điểm nổi bật là xa lộ này có một đoạn đường hầm dài 1000 feet, nhưng trên đường hầm này là một công viên xanh vì city San Diego không muốn xa lộ chia cắt khu này thành hai mảnh. Đây là đường hầm đầu tiên và duy nhất của thành phố San Diego, nơi có phong cảnh hữu tình, khí hậu mát mẻ, con người sống hòa thuận, êm đềm để xứng đáng là một thành phố du lịch đẹp nhất nước Hoa Kỳ giàu mạnh ngày nay.

Lời cuối: Đường 40th Street này, nay đã trở thành xa lộ Liên bang I-15 với nhiều thay đổi xung quanh. Các công viên cây xanh, các plaza đang được xây dựng nổi tiếng xung quanh. Và thành phố San Diego đã có dự án mở rộng, phá bỏ những căn nhà cũ kỹ và đổ nát để biến thành những thương xá shopping, một thư viện mới cũng đã được hình thành và đây là nơi hằng năm Tết đến, người Việt Nam đã tổ chức một Hội Chợ Tết nho nhỏ tại đây, chỉ cách con đường 40th Street này vài khu phố. Vật đổi sao dời, nơi đây chỉ còn lại những kỷ niệm đẹp với những lòng người có những tâm hồn cao thượng mà thôi. Anh Phạm Gia Vinh vẫn là người bạn tốt, một người anh đáng mến và đã tạo nhiều cảm xúc cho bài viết này.

San Diego Jan, 2001
Trần Đức Hợp





Một Nông Dân Đồng Tháp Ít Học Chỉ Được 150 Nhà Bị Nghiêng

NGUYỄN TẤN THỌ *sưu tầm*

Từ năm 1996 đến nay, giới xây cất trong nước đã phải ngả nón bái phục một nông dân ở Hồng Ngự, chỉ mới học lớp 4, nhưng có khả năng thực hiện hơn 150 công trình chống nhà bị nghiêng. Nông dân này có mong được sang Ý để chống tháp nghiêng Pisa nổi tiếng nữa. Báo quốc nội đã viết về nhân vật này qua bài viết dưới đây.

Trông ông Nguyễn Cẩm Lũy trẻ hơn tuổi 53 của mình. Ông cũng chẳng giống một người nông dân mới học đến lớp 4 ở tận Hồng Ngự (Đồng Tháp). Với đôi kính trắng và khuôn mặt hiền hậu, ông giống một giáo viên hơn. Vậy mà con người chân chất này có thể nâng, xoay hướng, di dời những ngôi nhà nặng hàng trăm tấn đi một cự ly đáng kể. Tám năm qua, ông đã di dời được hơn 150 ngôi nhà bằng những dụng cụ thô sơ và máy móc rẻ tiền...

Nghe tiếng "Thần đèn" Nguyễn Cẩm Lũy đã lâu, hôm nay tôi (phóng viên, tác giả bài viết) mới mò xuống nơi ông chống nhà nghiêng ở quận 6 tìm ông, phần để viết bài, phần vì tò mò thật sự. Không vất vả gì để tìm ra ngôi nhà nghiêng đang được chống đỡ

bằng tùm lum thứ cột. Cũng không khó khăn mấy để có thể nhận ra ông Nguyễn Cẩm Lũy đang chỉ huy đám thợ đào móng một ngôi nhà ba tầng lầu.



Phóng viên (PV): Ông thích được mọi người gọi là "Thần đèn" không?

Ông Lũy: Không. Ông thần đèn trong cổ tích "Aladin và cây đèn thần" có thể biến không thành có, dời được lâu đài từ biển cả ra sá mạc, nghe to tát quá. Tôi chỉ muốn người ta coi mình là một công nhân có đầu óc sáng tạo, một người thợ dân gian...

PV: Từ một cậu bé lớn lên trong vùng sông nước, nhà cửa không mấy khi xây eo quá hai tầng, từ đâu ông trở thành một chuyên gia di dời nhà cửa gần như duy nhất ở Việt Nam vậy?

Ông Lũy: Tuy tôi ít học, nhưng lại hay mày mò, thích học hỏi, thích sáng tạo. Đầu tiên tôi làm phụ hồ với ba tôi, chủ yếu là cất nhà, di dời mồ mả, di dời nhà ngói, nhà sàn tại quê nhà... à mà sáng kiến đầu tiên của tôi không phải là trong nghề cất nhà mà là chế tạo cái bàn trượt cho máy cất thuốc lá cho mấy ông già hàng xóm. Mấy ông bảo: "Thằng này ngon", thế là tôi tới luôn.

PV: Xin ông hãy kể về công trình di dời nhà đầu tay của ông và những công trình mà ông có ấn tượng nhất?

Ông Lũy: Đó là năm 1992, tôi nghe người ta bàn tính đến việc đập bỏ chiếc cổng tam quan của chùa Ông Cổ ở quê tôi để xây lại cách đó vài chục mét. Tôi nghĩ nếu di dời thì đỡ tốn kém hơn và cũng bảo vệ được một công trình văn hóa. Thế là tôi nhận, cho dù lúc đó tôi chưa biết nửa chữ về kỹ thuật dời nhà. Sau công trình này, tôi chính thức vào nghề. Tiêu biểu là các công trình miếu Bà Chúa Xứ ở Tân Châu có niên đại gần 100 năm, phải di dời lùi vào 30m, nâng cao 70cm, ước tính khối lượng trên 200 tấn. Di dời đình Vĩnh Hòa lùi vào 120m, nâng cao 2,5 tấc. Hàng loạt căn nhà lầu từ 1 đến 3 tầng ở An Giang,

có những gian dính liền nhau mới ác chớ, vậy mà cuối cùng tôi cũng thành công. Có lần tôi nhận chính thắng đứng Bửu Tháp ở An Giang (di tích văn hóa). Tháp này cao 10m, đang bị nghiêng, sắp đổ. Tôi suy nghĩ, mày mò tính toán rồi bắt tay vào làm. Hiện nay tháp này đã đứng thẳng, vững chắc và an toàn. Một công trình khó khăn nhất mà tôi đụng phải là dời một cái nhà qua ao trong khuôn viên nhà thờ Tân Hòa (Phú Nhuận). Những người đến xem đều lắc đầu cho rằng tôi khùng. Nhưng cuối cùng tôi đã làm được, có điều nếu có sự phối hợp để xử lý cái ao trước thì dời nhà sẽ nhanh chóng hơn.

PV: *Tại sao ông chưa biến “gia đình Thần đèn” thành “Công ty Thần đèn” đi? Cứ tự biến tự diễn mãi thế này, thiếu vốn, thiếu phương tiện, thiếu căn cứ pháp lý, rồi có lúc lại rắc rối?*

Ông Lữ: *Tôi cũng đã tính đến chuyện đó. Phải lập công ty chứ. Phải tuyển cả kỹ sư vi tính nữa. Anh thấy không, tất cả công trình đều nằm trong đầu tôi chứ có trong bản vẽ nào đâu. Hiện nay tôi mới chủ yếu dựa vào gia đình để điều hành công việc. Vợ tôi là một người nội trợ đảm đang, lo cả hậu cần lẫn tài chính cho các công trình. Sáu đứa con thì 4 trai, hai gái. Ba đứa con trai lớn đều là những công sự đặc lực của tôi. Một ngày nào đó tôi sẽ cho chúng ra riêng. Di dời nhà thì chẳng bao giờ hết việc, nhất là khi khắp nơi còn thường xuyên phải giải tỏa, giải phóng mặt bằng...*

Vừa mời ông ly bìa tôi vừa hơi nghi ngại nhìn ông... Thú thực, tôi vẫn có một chút lo lắng mơ hồ về những khả năng có thể nói là phi thường của ông. Làm sao chỉ học đến lớp 4 ở tận cái vùng sông nước chằng chịt ấy mà bây giờ lại dám bôn ba cả nước đi dời toàn những villa nhà lầu, công trình kiến trúc tầm này cỡ nọ? Ai sẽ là người giám định, kiểm chứng cho những công trình của ông? Và thế là tôi lục tìm những gì liên quan đến ông. May quá, có một tài liệu của cuộc Hội thảo chuyên đề di dời nhà tổ chức tại TT Thông tin khoa học và Công nghệ Thành phố. Trong đó, Giáo sư Nguyễn Văn Đạt, chuyên viên cao cấp ngành xây dựng nhận định: “Đây là một hiện tượng có tính chất đột phá thể hiện sự thông minh sáng tạo và dũng cảm của những người thợ miền Tây”.

Ông Lê Quang Trung, phó Giám đốc Sở Xây Dựng Thành phố: “Ông Lữ đã kết hợp kinh nghiệm cổ truyền của nông dân với công cụ của công nhân, tiến hành dời nhà theo phương pháp trọn gói (không tác động đến phần thân nhà), ông đã khôn khéo dùng con lăn thép, kích thủy lực và palan loại nhỏ nên rất khả thi. Bằng chứng là trên 100 căn

nhà và một số công trình các loại chưa có trường hợp nào thất bại”.

Tiến sĩ Nguyễn Trọng, giám đốc TT Thông Tin Khoa học và Công nghệ nhận xét “Ông Lữ có khả năng đơn giản hóa những phép tính hết sức phức tạp. Ông có cảm giác kỹ thuật, cảm giác công nghệ khá đặc biệt”...

Bây giờ tôi đã có thể yên tâm đến gần ngôi nhà ông đang “ấm” lên, và tôi cũng đã hiểu tại sao chủ nhà vẫn yên vị trong khi ông nhổ móng, đùn đẩy cái hộp bê tông còn phơi đầy quần áo nặng hàng trăm tấn đi. Không tìm ra một câu hỏi có tính triết lý sâu xa liên quan đến vấn đề kiến trúc vĩ mô và vi mô, tôi bèn hỏi một câu hỏi... thực dụng: Nghề của ông là một nghề đặc biệt, có tiếng vang trong xã hội và kiếm tiền cũng kha khá, vậy ông có định truyền nghề cho ai khác ngoài các con ông?

Ông Lữ: *Tôi hả? Tôi không những không giấu nghề mà còn mời ai quan tâm thì đến để cùng học hỏi, trao đổi, truyền kinh nghiệm cho nhau. Một căn nhà phải phá đi xây lại tốn hàng trăm triệu thì di dời nó chỉ tốn 30-40 triệu thôi. Căn nhà đối với người dân Việt-Nam là cả một tài sản mà. Anh thấy đấy, trong số những người đến xem có cả công nhân, kỹ sư, sinh viên... Nhưng xem thôi chưa đủ, vì đầu họ khác, đầu tôi khác, phải học hỏi, truyền nghề cho nhau chứ.*

PV: *Sắp tới ông định làm gì? Chẳng lẽ cứ đơn độc đi di dời nhà mãi thế sao?*

Ông Lữ: Hiện tại tôi đang thực hiện 4 công trình di dời và chống nhà nghiêng. 10 đơn đặt hàng nữa đang chờ tôi. Ở Campuchia cũng có người mời tôi sang làm, nhưng tôi chưa đi được. Điều tôi mong muốn là có được sự hợp tác với các cơ quan chức năng, vừa để có cơ sở pháp lý vừa để có thêm nguồn vốn, máy móc hiện đại. Nhưng mà phối hợp cũng nhiều thứ thủ tục lắm, đâu dễ ngay...

Tôi nghe nói ông Lữ còn mơ ước sang Ý chống cho thẳng lại cái tháp nghiêng Pisa nổi tiếng nữa. Liệu có quá tự tin không nhỉ? Nhưng bao nhiêu năm nay Tây Tầu đã tìm đủ mọi cách dựng thẳng nó lên mà vẫn thấy khó. Rồi quốc tế có Hiệp hội Các Cty di dời nhà với 250 thành viên. Ở Hoa-Kỳ mỗi tiểu bang có 1 đến 15 Cty, ở Trung Quốc có 7 Cty chuyên di dời nhà... Không lẽ họ lại mời mỗi mình ông "Thần đèn" chưa vào hợp tác xã ở Việt-Nam?

PV: Nếu họ hỏi đến bằng cấp thì ông lấy gì đưa họ?

Ông Lữ: Tôi lấy các kinh nghiệm, các công trình đã thành công ra chứng minh. Tôi nghĩ và tin sẽ thực hiện được. Tôi đã nhờ người dịch tài liệu về tháp Pisa ra tiếng Việt và nghiên cứu nó rất kỹ rồi anh ạ. Tôi không liều mạng đâu. Tôi rất muốn được làm công trình chống nghiêng tháp Pisa. Tôi chỉ sợ mấy ông muốn để tháp Pisa nghiêng thêm một thời gian nữa để thu hút khách du lịch thôi.

Nguyễn Tấn Thọ
sưu tầm

Thơ

HÀNH PHƯƠNG TÂY

Hồ Thành Đức

*Xuân năm trước về nghe bài hát cũ
Rừng cao nguyên đất đỏ dấu chân rêu
Tôi ngựa buồn rong chơi đời thất thế
Em xanh vườn cỏ mọc tuổi hoa môi*

*Rồi như không, thuyền trôi nơi bến lạ!
Ta giật mình, chim chóc vỗ trăm nơi
Anh ra đi, đốt lửa lấp mặt trời
Em ở lại, sông sò xuân thay lá*

*Lạc gương xưa tưởng chừng như hóa đá
Em ngọc ngà bỗng chốc: hóa sâu đông
Ta thanh niên tưởng một đời ngang dọc
Chưa lên đường, gầy gập dưới chân thang*

*Tổ Quốc ta trăm ngàn con mắt ngắm
Ngước nhìn theo trời đất đảo điên cuồng
Vân vũ ấy lẫn nguồn chớp biển
(Ta trăm năm thân thế bóng tà dương)*

*Câu thơ kỷ nở mầm hoa lý tưởng
Ta một đời choáng ngợp nắng tự do
Lòng hạo mang bỏ bến muốn sang đò
Non nước cũ bấy giờ sông hóa kiếp*

*Chân bước đi nỗi buồn xưa gõ nhịp
Như con thuyền kiệt sức vẫn lang thang
Để núi sông từng từng xếp hai hàng
Bao nỗi nhớ điều hành qua tim huyết*

*Làm bánh xe lăn theo con ngựa chiến
Bồng nửa đường sút vó rã yên cương
Làm đám mây bay về nơi cố quận
Nửa đời buồn đáy nước vẫn chưa yên
Làm cánh chim bay theo vòng ô thước
Núi mặt trời ở lại với đại dương*

Hồ Thành Đức
Tặng bạn ta H.O



Những Giấc Mơ

PHAN ĐÌNH TĂNG

Trong đời có khi ta nằm mộng thật (trong lúc ngủ), có khi ta mơ mộng giữa ban ngày. Cả hai mộng đều ít khi thành sự thật. Tuy nhiên trong đời tôi có một vài cái mộng nó thành sự thật như là ai chiếu lại cuốn băng ghi hình cho mình xem để so cái mộng và cái thật. Trước nay tôi ít tâm sự với các bạn sợ anh em cho là nói dốt. Nhưng nay đã “thất thập cổ lai hy” rồi nên nói ra cho anh em nghe cho vui có bị chê thì cũng già rồi chẳng còn sợ gì nữa!

Năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, tôi đang là học sinh nội trú ở Trung Học Khải Định. Sau đó tôi bị đau nặng phải vào bệnh viện Huế, hôn mê trong 3 ngày đêm, nhờ Bác sĩ chữa hay mới sống lại được. Khi tỉnh lại, tôi lấy làm lạ là tôi vẫn nhớ mồn một giấc mộng dài trong 3 ngày đêm đó! Trong giấc mộng tôi đã đi qua nhiều nơi rất xa lạ! Sau đó thì Cách Mạng tháng 8 (1945), rồi toàn quốc kháng chiến chống Pháp (1946), làng tôi bị Pháp chiếm, gia đình thoát qua Huế. Pháp mở khoa thi đầu tiên, tôi gặp may thi đậu Tú Tài I, được học bổng vào học Sài Gòn. Từ đó giấc mộng dài của tôi bắt đầu mở ra trước mắt. Đi đâu tôi cũng ngỡ ngỡ là có qua đây rồi. Khi được học bổng du học ở Pháp cũng vậy, đi đâu cũng hình như là có qua đây rồi, thậm chí khi đi với tổ chức sinh viên trượt tuyết ở Áo cũng như khi trường cho đi xem các công trình xây cất ở tận Thổ Nhĩ Kỳ! Cho đến năm 1955 sau khi tốt nghiệp ra làm việc thì hết! Có lẽ trong 3 ngày đêm hôn mê năm 1945 đã cho tôi thấy trước đại khái 10 năm sau của đời tôi.

Khi thi đỗ vào trường Kiều Lộ, nằm nghỉ trên bãi biển Le Harve tôi mơ sau này sẽ xây cất đường sá cho Việt Nam giống như Pháp, lái xe boong boong trên xa lộ ngắm cảnh sông núi.

Khi đi làm mới biết là mộng ấy khó thành... vì làm đường cầu rất tốn tiền mà nước ta lại... nghèo! Năm 1961 qua Mỹ quan sát Kiều Lộ tôi mới thấy là thiên đường của các công cuộc xây cất. Các xa lộ Liên-Tiểu-Bang (Interstate Highway), bắt đầu làm dưới thời TT Eisenhower (thập niên 1950) mà khi tôi đến (1961) gần như đã hoàn thành một phần lớn. Các vị kỹ sư hướng dẫn tôi đôi khi hỏi tôi: “Sao thấy gì anh cũng chê đắt. Đắt mà dân chịu trả thì là không đắt. Ví dụ: không có sẵn tiền thì anh đi vay rồi sau đó anh thu tiền xe đi qua để trả nợ”. Tôi nói: “Dân Mỹ có tiền trả còn dân tôi tiền đâu?”

Sau đó dịp may hiếm có: năm 1967 cơ quan quân sự MACV (Military Advisory Command in Vietnam) qua thay USAID (United States Agency for International Development) làm cố vấn cho Tổng Nha Kiều Lộ. Tiền bạc nhiều thì phương tiện nhiều. Lực lượng thi hành công tác gồm có tổ hợp hăng thầu quốc phòng RMK-BRJ (Raymond Morrison Knudsen Brown Roote and Jones), Công Binh Bộ Binh (US Army Engineers), Công Binh Hải Quân (US Navy Construction Battalion viết tắt là SEA BEE (CB)). Họ đã giúp VN làm biết bao công trình lại còn giúp cho Kiều Lộ có một căn bản tài chánh quản trị hữu hiệu. Tôi còn nhớ họ muốn câu cho chính phủ ta cho Kiều Lộ ra tự trị, thu thuế xăng để vào ngân sách, bằng cách đưa vào trong tờ trình lời cam kết “nếu Kiều Lộ Việt Nam thu được bao nhiêu thì chính phủ Mỹ sẽ viện trợ vào ngân sách Kiều Lộ 150% số tiền ấy”. Năm 1973, TT Thiệu đã ra Sắc Lệnh cho Kiều Lộ tự trị. Song khi đó thì MACV đã rút về rồi, chưa làm được gì bao nhiêu thì 1975 đã đến! Cờ đã qua tay người khác phất! Trong thời gian đi học tập cải tạo từ Nam ra Bắc cái mộng duy nhất của

tôi chỉ còn rất là đơn giản: “được thả về đoàn tụ với gia đình”. Ngày 24 tháng 3 năm 1978 cái mộng ấy đã thành sự thật! Được đi xe buýt từ Hà Nội về Sài Gòn, được ngắm cảnh suốt quốc lộ I từ Bắc chí Nam cũng là một cái may trong cái rủi.

Từ ngày ra khỏi VN định cư ở Mỹ Quốc và nhập quốc tịch Hiệp Chúng Quốc, tôi vẫn không quên được nơi chôn rau cắt rốn của tôi. Bây giờ cờ đã vào tay người khác phất, mình chẳng làm gì được chỉ mong sao cho họ làm cho VN tiến bộ thì đồng bào cũng đỡ khổ. Vấn đề then chốt là vấn đề kinh tế. Khi đi “học tập” tôi hay nghe câu: “Đánh cho Mỹ cút đánh cho Ngụy nhào” tôi đã thầm nghĩ: Mỹ cút cũng giống như đánh bài, nó thấy không thấy lợi thì nó tạm nghỉ, chờ một ngày kia mình bí đến xin xỏ nó thì nó sẽ trở lại trong tư thế mới. Cho nên mất gần 1/4 thế kỷ Mỹ mới thỏa hiệp với VN trao đổi mậu dịch. Đó cũng là một cái hay vì nói gì đi nữa tôi thấy vấn đề khuếch trương kinh tế thị trường hiện nay, nước nào cũng cần hòa hợp với Mỹ.

Vì xa quê hương tôi không theo dõi thời cuộc chính xác được. Đọc báo chí, truyền tin, thì không khỏi bị bóp méo vì vấn đề chính trị: người cực đoan “chống Cộng” kẻ thì bị chụp mũ là “thân Cộng” v.v... Muốn nhìn vấn đề khách quan hơn tôi hay giở mấy quyển Almanac ra để xem các dữ kiện thống kê xem VN ta so với các nước khác ra sao?

Một dữ kiện tôi hay xem là “Sản Lượng Quốc Gia Cho Mỗi Đầu Người (Gross Domestic Product per Capita) (GDP/Capita):

Quốc Gia	GDP/Capita		Tăng/
Năm	1994	1998	mỗi năm
Việt Nam	\$1,140	\$1,770	11.63%
Thái Lan	\$5,970	\$6,100	0.54%
Đài Loan	\$12,070	\$16,500	8.13%
Trung Quốc	\$2,500	\$3,600	9.54%
Nam Hàn	\$11,270	\$12,600	2.83%
Bắc Hàn	\$920	\$1,000	2.11%
Úc Đại Lợi	\$20,720	\$21,200	0.57%
Gia Nả Đại	\$22,760	\$22,400	-0.40%
Pháp	\$18,670	\$22,600	4.89%
Nhật Bản	\$20,200	\$23,100	3.41%
Hoa Kỳ	\$27,606	\$31,500	3.35%

Có cái lạ là trong 4 năm 1994-1998 Sản Lượng Quốc Gia chia đều cho mỗi người dân (GDP Per Capita) đều có gia tăng (trừ Gia Nả Đại?!) nhưng VN lại gia tăng nhiều hơn các nước khác!

Đến đây tôi phải nhắc lại câu châm ngôn của Pháp: “La meilleure facon de mentir, c'est mentir avec les statistiques” (dịch nôm là: “Cách nói láo hay nhất là nói láo dựa lên con số thống kê”) để các bạn đừng bị “lừa” vì cách tính chắt chẽ của tôi, một “tín đồ toán học” như các bạn. Nên nhớ là kinh tế tài chánh rất phức tạp chứ không phải 2 cộng 2 là 4 như chúng ta thường tin chắc nịch.

Các bạn theo tôi làm bài tính đơn giản như sau:

* Nếu sau 1998 các nước vẫn giữ mức tăng gia “sản lượng/đầu người” như bảng kê trên thì bao giờ VN mới đuổi kịp các nước khác?

Đến đây tôi lại phải nhắc các bạn một câu triết lý khác của Pháp: “Avec les Si... on peut mettre Paris en bouteille!” (Với những chữ Nếu... người ta có thể đựng Paris trong một cái chai!)

1A. So với Mỹ: Năm 1998 GDP/Capita của Mỹ là \$31,500 và hàng năm gia tăng 3.35%. Năm 1998 GDP/Capita của VN là \$1,770 và gia tăng hàng năm là 11.63%, 38 năm sau (khoảng năm 2306) GDP/Capita của Mỹ sẽ là:

$$\$31,500 \times (1.0335 \text{ lũy thừa } 38) = \$110,181$$

GDPC/Capita của VN sẽ là:

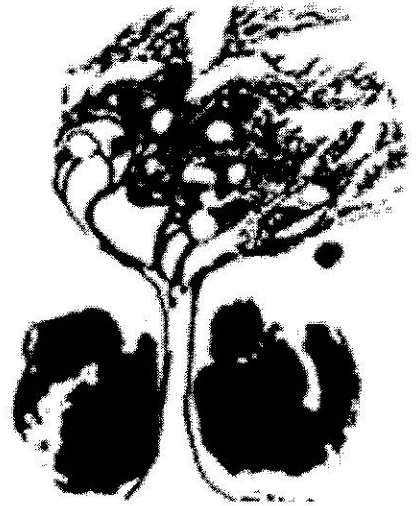
$$\$1,770 \times (1.1163 \text{ lũy thừa } 38) = \$115,784$$

Năm 2036 VN đã qua mặt Mỹ!!!

1B: Tính như vậy với Nhật ta sẽ đi đến con số 34 năm nữa vào 2032:

$$\text{Nhật: } \$32,100 \times (1.0341 \text{ lũy thừa } 34) = \$72,233$$

$$\text{VN: } \$1,770 \times (1.1163 \text{ lũy thừa } 34) = \$74,563$$



1C: Với Pháp thì ra con số là 41 năm, vào năm 2039:

Pháp: $\$22,600 \times (1.0489 \text{ lũy thừa } 41) = \$160,032$

VN: $\$1,770 \times (1.1163 \text{ lũy thừa } 41) = \$161,061$

Các bạn có thể không tin, nhưng các bạn có thể giải trí bằng các tính với các nước khác rồi tìm xem cách tính của tôi... “xạo” ở chỗ nào?

Tôi thì tôi xem đó là một giấc mơ ban ngày, nhưng đôi khi giấc mơ lạc quan có thể làm cho mình phấn khởi, hăng hái đạt mục tiêu sớm hơn, chưa biết chừng!

Phan Đình Tăng
Tiên Tri Toán Học

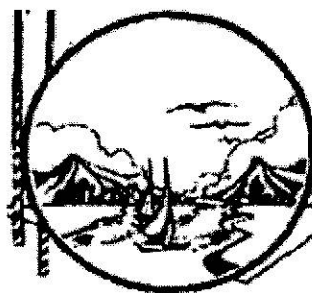
Thơ

TẾ CHIÊU QUÂN

(Nguyên tác chữ Hán của **Tản Đà**,
Nguyễn Thiện Kế dịch nôm)

Cô ơi cô đẹp nhất đời,
Mà cô mệnh bạc thì trời cũng thua,
Một khi từ biệt cung vua,
Cô về đâu nữa, Đất Hồ nghìn năm,
Mả xanh còn dấu còn căm,
Suối vàng lạnh lẽo cô nằm với ai?
Má hồng để tiếc cho ai,
Đời người như thế ai hoài mất không?
Khóc than nước mắt rờn rờn,
Xương không có vết, giận không có kỳ!
Mây mờ trắng bạc chi chi,
Hồi tanh thôi có mong gì khói nhang!
Ôi hồng nhan, hồi hồng nhan!
Khôn thiêng cũng chẳng ai van, ai mời,
Trời Nam thẳng kiết là tôi.
Chùa Tiên đất khách, khóc người bên Ngô.
Cô với tôi, tôi với cô.
Trước sân lễ bạc có mộ nào đây,
Hôn cô ví có ở đây,
Đem nhau đi với, lên mây cũng đành!

Nguyễn Thiện Kế



Thơ

NHƯ BIỂN CẢ

Thanh Trí Cao

Có lúc bổng thét gào
Thét gào để âm thâm
Có lúc sao bình lặng
Bình lặng hòa hợp âm

Hòa âm cùng vũ trụ
Hòa âm cùng cỏ hoa
Loài người và muôn vật
Cung thương đỉnh giao thoa

Mệnh mông không dừng lại
Đường đi không nơi về
Đường đi không hứa hẹn
Dù ngày dài lê thê

Mệnh mông như biển cả
Không hề biết giận hờn
Dung chứa từng sức sống
Không hề biết cô đơn

Mệnh mông như biển cả
Bốn mùa không tiếc thương
Không tạo nên thù hận
Không hề biết vẩn vương

Mệnh mông như biển rộng
Bao la một tấm lòng
Không hẹn ngày kết thúc
Hòa tan với chân không

Thanh Trí Cao

HÌNH ẢNH CỔ ĐÔ HUẾ CỬA QUẢNG ĐỨC

TRẦN SĨ HUÂN



*Cửa Quảng Đức mới tái thiết xong vào năm 1998,
ảnh nhìn từ cửa sông Hương vô*

Ngày 11/12/1993, ông Federico Mayor, Tổng Giám Đốc Tổ Chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục Liên Hiệp Quốc đã ký bản Tuyên Dương ghi nhận Cổ Đô Huế

vào danh mục Di Sản Thế Giới. Từ đó đến nay, nhiều cơ sở trong Đại nội như Cửa Ngọ Môn, Điện Thái Hòa đã được trùng tu dưới sự bảo trợ của UNESCO và do Trung tâm Bảo Tồn Di Tích Cổ Đô Huế thực hiện với sự hợp tác của Bộ Xây Dựng Việt Nam.

Cửa Thành Quảng Đức ở bên trái kỳ đài thuộc khu kiến trúc Phú Văn Lâu. Cửa này trước đây bị hư sập, nên được xếp vào hạng ưu tiên trong danh sách các di tích Huế cần tái thiết để giải tỏa lưu thông ra vào Đại nội và tăng vẻ uy nghi cho cố đô. Cửa này đã bị sập trong cơn bão lụt lớn năm 1953. Qua năm 1958, Ty Công Chánh đã bắn mìn, ủi dọn đá gạch bể, khai thông tạm thời cho xe cộ và bộ hành qua lại.

Hồi tưởng lại, vào năm đó, tôi đang làm Trưởng Ty Công Chánh Huế thì có lệnh của Tòa Thị Chính giải tỏa 4 cửa thành ngoại bị sập là cửa Quảng Đức, cửa Nhà Đồ, cửa Hữu và cửa Chánh Tây.

Khởi đầu, Tòa Thị Chính chỉ thị Ty Kiến Thiết lập bản chiết tính. Chi phí ước lượng 300.000 đồng. Các quận trưởng nghe vậy mới trình Tỉnh xin lãnh số tiền ấy, dân của quận đến làm thi công, đem vật liệu về trải trong quận. Tòa Thị Chính sau khi cứu xét đã không đồng ý vì sợ nguy hiểm đến tính mạng dân chúng và cũng không đồng ý cho Ty Kiến Thiết

đầu thầu vì không có đủ kinh phí. Tòa Thị Chính nghĩ ngay đến số lộ phu tu bổ thường xuyên trong thành nội và các cơ giới hạng nặng của công chánh nên

yêu cầu tôi làm giùm. Tôi không đồng ý lấy phu thường xuyên làm công tác này vì việc làm có thể kéo dài vài, ba tháng, không có phu tu bổ, đường sá trong thành nội đã hư hỏng lại sẽ hư hỏng thêm.

Ở trường Công Chánh, tôi đã từng học tính toán, xây cất nhưng chưa khi nào học phá dỡ, mà Công binh Việt Nam lúc ấy cũng chưa có để có thể nhờ cậy. Mỗi cổng Thành cao như một tòa nhà 2 tầng, xây bằng gạch nung cỡ lớn, rất chắc cứng, do đó tôi đề nghị với Tòa Thị Chính cho kêu một số phu chuyên môn đục đá độ 10 người làm công tác bắn mìn cho tạt cái đồng gạch của cửa Thành ra làm nhiều mảnh trước khi cho xe cơ giới đến ủi và xúc đi, vì các viên gạch này to lớn hơn gạch thường và gắn liền với nhau bằng một thứ hồ "mật trộn với đường" thành những tảng đá to lớn. Tôi cho phu dùng búa đập thử nhưng không xê xích tí nào. Chiết tính của tôi chỉ gồm nhân công, xăng nhớt, còn mìn và cơ giới thì xin và mượn của Khu Công Chánh. Tòa Thị Chính đồng ý giải pháp của tôi và duyệt y hồ sơ. Đến khi thực hiện, các phu đều tỏ ý lo sợ "Ngài" vật vì họ tin rằng mỗi cửa Thành đều có một vị Thần giữ cửa nên không dám mạnh tay. Lúc đó tôi chưa có kinh nghiệm mấy về các vật linh thiêng trên đầu, trên cổ, nhưng để công tác tiến hành tốt đẹp, tôi đành nghe theo

lời yêu cầu của họ là thiết lập bàn thờ cúng thần linh và xin gieo một quả, nếu “Ngài” cho phép thì họ mới dám làm.

Hôm hành lễ, tôi cũng mặc áo rộng xanh, bịt khăn đóng tiến đến trước bàn thờ đặt ở giữa trời, khấn to: “*Vì linh thượng cấp, chúng tôi phải giải tỏa cửa này cho sạch sẽ, mở rộng lưu thông, xin Ngài có linh thiêng thì phù hộ cho dân phu Ty Công Chánh được bình an khi thi hành phận sự*”. Khấn xong, tôi gieo quả trên cái khay bạc, rồi đưa cho các cai phu xem. Quả gồm 3 trụ tiền: 2 xấp, 1 ngửa, chứng tỏ quả tốt và họ đều hoan hỷ.

Cái khó khăn nhất trong công tác này là bắn mìn làm sao mà các mảnh vụn không bay qua đụng sập nhà người dân xây trên thành gần cửa. Vì lúc đó không có máy khoan cho nên việc đục lỗ bỏ mìn đều làm bằng tay rất nguy hiểm. Tôi lo lắng nhưng nhờ Trời công việc xong xuôi, không xảy ra tai nạn đáng tiếc nào. Các bộ lão ở gần đó như các cụ Nguyễn Văn Luận, Phan Xuân Hiền, thầy dạy cũ của tôi đều tỏ vẻ hài lòng có một người trò theo tân học mà vẫn giữ lệ làng, vừa làm được việc, vừa thuận với lòng dân.

Về phương diện lịch sử (1) thì Thành Lũy bao bọc cố đô Huế được xây cất đại khái theo hình vuông (kiểu Vauban) từ năm 1805 đến năm 1832 mới xong, mỗi bề dài độ 2 km với 2 cửa ra vào (4 bề có 8 cửa). Đó là các cửa:

Chánh Đông Môn (tức Cửa Đông Ba)

Chánh Tây Môn (Cửa Thượng Tứ)

Chánh Nam Môn (Cửa Hậu)

Đông Bắc Môn (Cửa Đông Bắc)

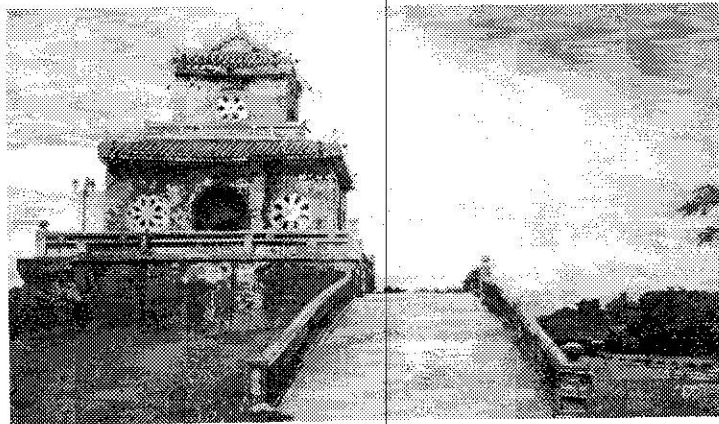
Đông Nam Môn (Cửa Nhà Đồ)

Tây Nam Môn (Cửa Hữu)

Tây Bắc Môn (Cửa An Hòa)

Riêng ở mặt trước Đại Nội, vua Gia Long cho xây thêm 2 cửa ở hai bên tả hữu

Kỳ đài để Hoàng Gia sử dụng: Vua đi cửa



Cửa Quảng Đức nhìn từ đường đi lên lầu phía trong, gần dãy súng thần công

Quảng Đức, các Bà Hoàng đi cửa Thế Nhơn.

Tổng cộng có 10 cửa Thành ngoại, còn Thành nội thì có 4 cửa, trong đó cửa Ngọ Môn là vĩ đại, uy nghi nhất. Lúc khởi đầu, mỗi cửa Thành chỉ là một lối đi trống trải, đến năm 1809 mới xây các vòm

cửa bằng gạch. Đến năm 1824 vua Minh Mạng mới cho xây thêm phần trên gọi là Vọng Lầu (mirador) cao 2 tầng để lính gác có thể nhìn ra xa.

Cửa Quảng Đức hoàn tất vào năm 1829. Đến năm 1953, một cơn bão lụt lớn đã xói lở nền móng làm sụp đổ nền cửa và Vọng Lầu, bít kín lối ra vào. Từ đó dân Huế mới đặt cho cái tên là “Cửa Sập”. Thời xưa cửa này còn có tên là “Cửa Ngăn Trên” vì mỗi khi Vua ra vào thì lính ngăn chặn dân đứng lại trên con đường trước sông Hương, không cho nhìn thấy Vua (Cửa Thế Nhơn cũng có tên là Cửa Ngăn Dưới).

Về kỹ thuật, các cửa Thành đều xây bằng gạch vồ cỡ 29x13x6cm với vôi mật, cao 8,15m, rộng 3,6m, sâu 21m,40. Đá chỉ dùng làm nền móng, sâu 1m,50 và làm các bậc cấp. Vọng lầu ở trên cửa Vòm gồm 2 tầng lầu: tầng dưới cao 5m, tầng trên cao 4m,50, tổng cộng chiều cao của Thành là 17,65m.

Muốn lên Vọng lầu, phải đi từ phía sau, nơi có 2 tầng cấp ở 2 bên cửa Thành, gần nhà súng Thần Công (xem hình đính kèm). Nền của 2 tầng Vọng lầu đều lát gạch Bát Tràng, mái lợp ngói ống tráng men theo kiểu âm dương, trên nóc chắp hình hoa sen, bốn góc uốn hình con phụng với những đường nét thanh tú càng làm tăng thêm giá trị thẩm mỹ của tổng thể kiến trúc Kinh Thành Huế.

Kinh phí tái thiết năm 1998 là 1,92 tỷ VNĐ tương đương với \$140.000US.

Trần Sĩ Huân

Chú thích: (1) Theo báo “Huế Xưa & Nay”, số Xuân Mậu Dân 1998

Hà Nội - Ngàn Năm Văn Vật**Chào Mừng Thiên Niên Kỷ Mới**

Đây là lần thứ hai tôi viếng Hà Nội, kinh đô của ngàn năm văn vật. Chỉ mới một năm thôi, mà dân cư Hà Nội đông đúc hơn và không khí thì đầy ô nhiễm với khói phun từ đủ thứ loại xe tự động mà đa số là xe motorcycles. Đứng trên cầu Thê Húc sơn đỏ cạnh Hồ Gươm, tôi có thể ngửi mùi khói xe nồng nặc trong không khí.

Những ngày thăm Hà Nội, mỗi sáng sớm khi trời vẫn còn sương mù, khí trời mát mẻ dễ chịu, tôi thích vừa thả bộ quanh hồ vừa nhai xôi gấc, mùi gấc thoảng hương thơm thật ngon miệng, vừa nhìn hoạt cảnh của kinh đô khi trời vừa sáng. Dân Hà Nội có thói quen sáng sớm thường ra tập thể dục quanh hồ Hoàn

Kiểm. Đó đây vài người chạy bộ, hoặc đi bộ. Xa xa, một nhóm khoảng 20 phụ nữ trên 50 tuổi đang múa nhịp nhàng theo sự hướng dẫn của người trưởng toán. Các thanh niên thiếu nữ thì chơi đánh vũ cầu, hoặc đá gà. Quang cảnh quanh Hồ Gươm trông rất nhộn nhịp vào buổi sáng tinh sương. Nhiều đèn đủ màu giăng trên các cành liễu dọc theo bờ. Khi đi đến chiếc cầu Thê Húc dẫn ra Đền Ngọc Sơn, tôi thường dừng lại trên cầu ngắm sương mù lãng đãng trên mặt hồ, thấp thoáng vài ngọn liễu rủ xuống gần sát mặt nước. Tháp Rùa ẩn hiện xa xa trông mờ ảo, đó đây vài cái bong bóng nổi lên trên mặt hồ.

Hôm nay là ngày cuối năm, ngày cuối cùng của một thế kỷ nhiều biến động. Nhà tôi mượn một chiếc motorcycles chở tôi đi lòng vòng đường phố Hà Nội, qua khu phố cổ, qua Chùa Một Cột, đi ngang Hồ Tây, rồi đến Chùa Trấn Quốc. Cảnh vật bên ngoài lẫn bên trong chùa này rất đẹp. Ban ngày tấp nập người đến viếng chùa. Tôi thích vào trong chùa ngắm cảnh vào buổi chiều để khỏi bị chen lấn. Ngôi chùa này là cổ nhất tại Hà Nội, được xây vào thế kỷ thứ 6. Chúng tôi cũng có đi ngang qua khách sạn Hilton nguy nga tráng lệ. Khi đi ngang qua Nhà Hát Lớn, chúng tôi thấy một khán đài đang được dàn dựng để chuẩn bị cho lễ đón chào thiên niên kỷ mới.

Không những chỉ trước Nhà Hát Lớn mà cả thành phố Hà Nội đang trang hoàng, chuẩn bị đón chào năm 2000. Ngay trong Văn Miếu, còn được gọi là Quốc Tử Giám, nhiều cái trống thật to đang được sắp đặt cùng những tấm thảm đỏ được trải ra để dàn dựng sân khấu

cho đêm giao thừa. Văn Miếu được lập năm 1070 dưới triều vua Lý Thái Tổ. Nơi đây có nhiều bia đá khắc tên các vị đã đỗ tiến sĩ dưới các triều đại thời phong kiến. Nhìn tên khắc bằng chữ Hán chỉ chít trên các bia đá tôi chẳng đọc được gì, nhưng một điều tôi chắc chắn là các vị có tên trên các bia đá này là những anh tài của đất nước. Trong số họ, hẳn có rất nhiều vị đã góp phần không nhỏ trong việc bảo tồn và phát huy nền văn học của nước Việt Nam. Tôi trân trọng sờ tay lên các bia đá có phần nào phôi pha theo thời gian, nhưng tên tuổi của họ và công lao của họ mãi mãi không bao giờ phai nhạt trong sử xanh dân tộc.

Nơi đây, cũng là chỗ dạy học cho các công chúa, hoàng tử của các vương triều xa xưa nên còn được gọi là Quốc Tử Giám. Tòa nhà Quốc Tử Giám được xây tương tự như những cái lăng ở Huế, hay có lẽ các lăng ở Huế đã mô phỏng kiểu kiến trúc của Quốc Tử Giám chăng? Cảnh vật trong Văn Miếu và Quốc Tử Giám rất hữu tình, chung quanh có nhiều cây cối rậm mát, có hai hồ lớn. Trên mặt hồ có nhiều bông súng hồng đỏ đang vươn cao trên những lá xanh non trông rất thơ mộng.

Tối lại, chúng tôi đi bộ để cùng đón mừng thiên niên kỷ mới với người Hà Nội. Nhưng mới đi được một đoạn ngắn thì thấy đông đúc người tấp nập trên đường phố, các lối đi đều kẹt cứng, nên chúng tôi đành về lại khách sạn. TV trực tiếp truyền hình các tỉnh trên toàn quốc đón chào thiên niên kỷ mới. Thành phố nào cũng tưng bừng đón chào tân niên 2000 với những mục ca vũ dân tộc, tây phương, trông rất nhộn nhịp như ngày Tết ta hoặc các ngày lễ hội lớn. Vài tỉnh miền Trung có tiết mục hò đối rất dí dỏm trên sông thuyền. Nổi bật nhất trên TV đêm đó là mục "Hội Trống Thăng Long" được diễn ra tại Văn Miếu. Các

thanh niên thanh nữ trong những y phục cổ truyền đủ màu, hai tay vừa múa vừa đánh thật điều luyện lên các mặt trống, nghe thật sôi nổi hào hùng. Lòng tôi rộn ràng như nghe được tiếng trống của Quang Trung Đại Đế mùa xuân năm nào thúc quân vào giải phóng Thăng Long, diệt tan quân xâm lăng phương Bắc. Bao giờ tiếng trống tự do dân chủ sẽ vang dội trên miền đất nước thân thương này cho Rồng lại bay cao và người dân Việt lại hân hoan đón mừng xuân mới trong ấm no?

Một Thoáng Hà Nội

Hà Nội là một thành phố cổ kính với nhiều thắng cảnh tuyệt vời cùng rất nhiều di tích lịch sử. Hà Nội tuy nhỏ hơn Saigon nhưng so

về mật độ dân cư cũng rất cao vì dân miền quê đã đổ xô về Hà Nội sinh sống. Đường phố lúc nào cũng inh ỏi với tiếng kèn xe, tiếng người. Kiến trúc của Hà Nội không đồ sộ nguy nga như Saigon, nhưng Hà Nội có vẻ đẹp cổ kính đặc biệt, nét đẹp của một thiếu phụ đài các, nhất là những khu phố Tây thời xưa. Hà Nội đã ghi lại trong tôi nhiều kỷ niệm dễ thương với



những bài thơ, nhạc, ca ngợi Hà Nội. Đồng thời Hà Nội cũng để lại cho tôi không ít những hình ảnh tương phản đau buồn.

Khi đi dạo trên phố Hàng Bông của Hà Nội 36 phố phường, tôi thấy có nhiều người đàn ông ngồi chồm hổm, tay cầm một cái cưa. Ngày này qua ngày nọ, họ ngồi như vậy, nét mặt buồn thiu. Một ngày tôi dừng lại hỏi các anh làm gì với cái cưa này. Họ nói là họ cưa bất cứ gì khách cần. Thì ra họ là những handymen đang ngồi chờ khách. Có anh kể khi anh làm thợ mộc, đóng bàn ghế khoảng 2, 3 tiếng thì được trả từ 20 ngàn đến 30 ngàn. Thường thì ế ẩm không có ai thuê. Vì cuộc sống ở nhà quê

và các thành phố nhỏ quá chật vật, các anh phải lên Hà Nội kiếm sống qua ngày. Đêm đến, các anh thuê chỗ trọ trả 2000 đồng một đêm. Cảm thương số phận cho đồng bào ruột thịt, tôi biếu mỗi anh một tờ ăn tết cho vui.

Một bữa khác khi lang thang ở khu vực hồ Thiên Quang, tôi thấy một cô bé đang ngồi ăn cà rem một cách hồn nhiên trên một cái ghế cạnh bờ hồ. Bé nhỏ như một đứa bé 7, 8 tuổi, mặt mày lem luốc. Con bé nhìn tôi cười và chìa tay xin tiền. Thấy bé dễ thương và quá tội, tôi cho bé một tờ. Thường thì tôi không thích cho ai xin tiền vì một, họ là “professional beggar”, hai là tôi không muốn bị bao vây. Nhưng nhìn quanh không có nhiều người nên tôi cho bé. Khi tôi cho bé, nó la lớn và nhảy cẫng lên. Bé đi khoe với vài người xung quanh. Lát sau bé trở lại hỏi tôi:

- Cô cho con, cô có tiếc không?

Tôi hơi ngẩn ngơ vì câu hỏi của bé.

- Cô không tiếc đâu con.

- Thế cô có phải là người Tây không?

- Cô là người Việt Nam mà!

- Không phải là người Tây, sao cô giàu thế?

Khi biết bé đã 13 tuổi, tôi ngẩn người. Đã 13 tuổi mà nhỏ con như đứa bé lên 7, 8 khiến tôi đã lầm. Bé cho biết má bé chết rồi và cha nó bị mù đang ở nhà quê. Bé tên là Thùy An. Bé kể thường thì người Tây cho bé một, hai ngàn. Thùy An nói là bé sẽ đi tàu hỏa đem tiền về quê cho cha bé ngày mai. Tiếng cười của bé Thùy An thật là hồn nhiên và tôi vui mừng được gặp bé tại bờ hồ này. Tôi chỉ tiếc, phải chi... phải chi tôi có thể nuôi hết những đứa trẻ bất hạnh đáng thương này.

Bên cạnh những người lam lũ cơ cực kiếm cơm mỗi ngày thì lại có một thành phần rất trẻ và rất “à la mode”. Những quán café trên phố Hàng Hành là nơi tụ họp của rất nhiều giới trẻ. Các cô cậu Hà Nội chung diện rất hợp thời trang. Nhất là các cô gái Hà Nội thật xinh xắn trong những bộ quần áo rất “chic” trẻ trung muôn màu, đủ

kiểu, từ chiếc quần jean xanh và áo thun bó sát thân hình, những chiếc váy ngắn cùn cùng đôi boots da cao trông giống như là các “models” đang “on the runway”. Trong ánh mắt tôi có lẽ các cô gái Hà Nội là đẹp nhất. Từ khuôn mặt kiểu diêm, makeup, cho đến cách ăn mặc, phong cách hoàn toàn rất duyên dáng. Âm giọng Hà Nội nghe rất êm tai và cách nói chuyện của các cô rất lịch sự. Đúng như câu khéo ăn khéo nói như dân Bắc kỳ. Tôi chỉ không hiểu là làm sao các cô các cậu còn quá nhỏ, chắc chắn là chưa có nghề nghiệp gì mà lại có điều kiện để ăn chơi và ăn diện như vậy. Tôi xem các cô cậu này còn nhỏ lắm, tuổi chừng trên dưới 20 thôi, rất nhiều hẳn còn ở lứa tuổi “teenagers”. Phải chăng họ là các cậu ấm cô chiêu của một giai cấp quý tộc mới?

Cũng tại Hà Nội trong đêm đón chào thiên niên kỷ mới, tôi đã ăn tại một nhà hàng mà giá cả tôi cho là “outrageous”. Tuy giá cả cắt cổ như vậy mà 3 tầng lầu của nhà hàng đều chật khách, đó là nhà hàng Viễn Đông. Tôi gọi bánh nậm, gỏi, tôm và mực nướng, mỗi thứ 2 phần. Họ đem ra 2 cái bánh nậm, 2 con tôm và 2 miếng mực nhỏ xam trong cây tằm. Mỗi thứ được dọn trong một cái đĩa. Mỗi món đó giá từ 25 ngàn cho đến 30 ngàn một phần. Tôi tưởng họ đem lộn nên hỏi lại thì được cô tiếp viên cho biết là chỉ như vậy thôi. Tôi không khỏi giật mình khi thấy bàn bên cạnh order 20 cái bánh nậm, 20 cái bánh bột lọc cùng những món ăn khác. Đây không phải là

lần đầu tôi vào ăn một tiệm sang tại Hà Nội, nhưng tôi không biết làm sao với giá cả như vậy mà người dân Hà Nội địa phương lại tấp nập ra vào quán ăn này. Thì ra có một số dân Hà Nội bây giờ giàu quá sức tưởng tượng của tôi, không thua gì những câu chuyện tôi nghe kể về

các công tử Bạc Liêu ngày xưa. Những quán ăn khác dành cho du khách tuy cũng giá như vậy, mà thức ăn đầy đĩa.

Một bữa khác, nghe danh chả cá Lã Vọng



(số 14 Phố Chả Cá) nổi tiếng lâu nay vì quán ăn này có trên cả trăm năm. Ghé Hà Nội mà không bước vào đây nếm mùi chả cá Lã Vọng là giống như mình chưa hề ghé Hà Nội. Tôi liền tìm đến và đã được xem một mặt khác của Hà Nội ngày nay. Quán thật là bình dân, nhỏ và cũ. Mỗi phần là 60 ngàn chưa kể nước uống. Món chả cá được truyền tụng kia thì lại có quá nhiều dầu, khi ăn vào thì cũng chẳng có gì gọi là xuất sắc. Vậy là tấp nập người ra vào và khi rời quán, tôi thấy nhiều người đang sắp hàng dài chờ bên ngoài.

Tôi có hỏi cô tiếp viên của khách sạn thì cô nói người Hà Nội chuộng những gì “đắt”. Quán càng mắc thì càng nhiều người muốn tìm đến. Cô nói Hà Nội bây giờ nhiều người giàu lắm chị ơi, những chuyện tiêu tiền như vậy có nhằm nhò gì đâu! Có lẽ Việt kiều như tôi đối với bé Thùy An thì “sao cô giàu thế”, còn đối với giai cấp mới này tôi thật là “nhà quê”, không biết thưởng thức vì không có đủ tiền để tiêu xài như họ!

Đi Thăm Chùa Hương

Chùa Hương là một thắng cảnh được nhiều người biết đến. Nhưng tôi biết đến Chùa Hương nhờ đã đọc qua bài thơ dễ thương “Chùa Hương” của Nguyễn Nhược Pháp ghi lại một chuyện tình của cô bé mười lăm. Cho nên nhân chuyến viếng thăm quê hương miền Bắc lần này tôi muốn đi tìm lại dấu chân của cô bé ngày xưa.

Muốn vào thăm chùa Hương, chúng tôi phải đi bus đến bến Yến rồi từ đó đi dò chèo tay vào thăm chùa. Vùng Hương Sơn nằm ở phía Nam Hà Nội.



Quang cảnh Hương Sơn không tuyệt vời, hùng vĩ, mệnh mông như vịnh Hạ Long, nhưng nó để lại trong tôi cái cảm giác êm đềm thơ thới như đang ở miền đồng quê hiền hòa. Hai bên suối Yến không có bờ, hình chỉ là ruộng ngập sâu nước. Xa xa đồi núi mờ mờ trong sương. Vì chưa đến mùa cấy mạ, gieo mạ, nên hai bên suối Yến thật là trống vắng. Sau khi ghé ngang đền Trình, dò lại tiếp tục đi. Nhìn thuyền nhẹ trôi trên nước tôi chợt nhớ đến cô bé của Nguyễn Nhược Pháp ngày nào cũng ngồi trên thuyền xuôi theo suối Yến này rồi do duyên cơ run rủi đã gặp được một văn nhân:

“Thuyền mấp mênh bên bờ

Em nhìn sông nước chảy

Đưa cánh bướm lơ nhơ...”

(thơ Nguyễn Nhược Pháp)

Ngày nay tôi cũng nhìn sông nước chảy, nhưng chẳng có cánh bướm nào lơ nhơ! Hai bên thuyền, lục bình nổi lênh bênh trên mặt nước trông rất dơ. Nhìn xuống đáy suối có nhiều loại rong như tóc tiên mọc chi chít.

“Mơ xa lại nghĩ gần

Đời mấy kẻ tri âm?...”

(thơ Nguyễn Nhược Pháp)

Thuyền nan đã đến bến Trờ sau khi ngồi thuyền nhỏ này khoảng 1 tiếng rưỡi đồng hồ. Rời thuyền, hướng dẫn viên đưa chúng tôi thẳng vào xem chùa Trong trước. Quảng đường đá này quanh co khúc khuỷu, gập ghềnh khó đi, lên dốc xuống dốc, và những bậc thêm lồi lõm hơi cao, đúng là “đường mây đá cheo veo”. Phong cảnh hai bên đường vào chùa Trong rất hữu tình, nhưng vì leo núi quá mệt nên tôi chẳng còn tâm trí đâu để thưởng ngoạn. Khác với cô bé của Nguyễn Nhược Pháp:

Tôi ư? Tôi chỉ cầu

Cho đường mau thu ngắn

Cho đôi chân bớt đau.

Còn chàng của tôi cũng không như chàng của cô bé “em đi, chàng theo sau” hoặc “săn sóc chàng đi theo”, trái lại chàng của tôi thì:

Chàng đi, tôi theo sau

Chàng lại đi quá mau

Tôi một mình trèo dốc

Mỏi như đôi chân đau

Vì chưa đến ngày lễ hội nên cảnh vật thật vắng vẻ, cũng chẳng thấy một “bông hoa đỏ,

tím, vàng leo” nào cả. Tôi thật là thất vọng vì đã từng xem qua video Chùa Hương với cảnh đẹp, người người đông đúc nhộn nhịp thật vui.

Cuối cùng rồi chúng tôi cũng đến chùa Trong, còn được gọi là động Hương Tích. Muốn vào động, du khách phải xuống một cái dốc đá lát thành những bậc thềm, tất cả là 120 bậc. Một màn hương khói tỏa ra, trông thật âm u cùng những ngọn nến lung linh, màu nhang đỏ cháy trên những bàn thờ đá tạo cho hang động thêm tĩnh mịch. Phía trên trần động, những mảng thạch nhũ long lanh đủ màu sắc, đúng là:

*“Động thăm bóng xanh ngời
Gấm thêu trần thạch nhũ
Ngọc nhuộm hương trầm rơi...”*

Có một hòn thạch nhũ to lớn ngay giữa động, gần lối ra vào, gọi là “Đụn Gạo”. Trong động còn có bia đá khắc bài thơ chữ Nho. Đi vòng thăm động một hồi, không khí thanh tịnh trong động cho tôi tìm lại được chút sinh lực vừa tiêu pha trên con đường leo dốc. Sau đó, hướng dẫn viên đưa cả đoàn đến các quán ăn gần chân núi để ăn trưa.

Trong quán, tôi thấy một đứa bé trai áo quần lam lũ mặt mày buồn thiu ra thu dọn chén đĩa sau khi khách ăn xong. Thấy bé tội quá, một lát sau, tôi tìm riêng bé cho bé một tờ. Bé nhìn tôi dăm dăm không nói gì. Người hướng dẫn viên cho biết những đứa bé này đáng thương lắm vì không được đi học mà phải lo tìm miếng cơm mỗi ngày bằng nghề dọn bàn. Bé “shock” không nói được vì có lẽ đây là lần đầu tiên bé được một thực khách cho “tip”. Thường thì không ai để ý đến nó. Nước mắt tôi chỉ muốn tuôn trào, nhưng tôi không muốn bé tủi thân nên tôi bỏ đi thật nhanh lên những bậc thềm dẫn lên một ngôi chùa gần đó.

Thì ra khu quán ăn sát cận chùa Ngoài mà chúng tôi không hề biết và tình cờ tôi đã tìm đến chùa Ngoài trước khi hướng dẫn viên hướng dẫn chúng tôi đi thăm chùa. Từ chùa Ngoài đến chùa Trong (động Hương Tích) chỉ cách nhau khoảng 1.5 miles, nhưng vì đường núi gập ghềnh khúc khuỷu khó đi nên thấy hơi xa. Chùa Ngoài còn có tên là chùa Thiên Trù (Bếp Trời) và tên Nôm là chùa Trò. Kiến

trúc của ngôi chùa thuần túy Á đông với ba tầng mái ngói cong chạm trổ tinh vi đã nói lên tài thủ công nghệ khéo léo của người xưa. Trong chùa, các hình tượng những con sư tử đá, những con thú, và cái lư đồng khổng lồ được chưng bày thật đẹp mắt. Nhiều loại cây lá xum xuê được trồng và cắt xén rất tỉ mỉ. Một vài khu vực đang được xây cất và tu bổ thêm. Nhìn các chị lao công phải gánh gạch thật vất vả lên những bậc thềm cao, lòng tôi thấy nao nao thương xót.



Vì không phải là ngày lễ hội nên trên điện thờ bên trong chùa không thấy “trầm hương khói tỏa mờ” và cũng chẳng có “lớp sóng người lơ lơ” như ngày nào mà chỉ có độ hai ba du khách đang đốt nhang khấn vái hoặc đứng chiêm ngưỡng vẻ u tịch của điện thờ.

Xế chiều, chúng tôi đi bộ một quãng rất gần là tới lại bến Trờ. Lần này, khi về chung đồ với chị bán nhang lễ, người mà bám riết tôi mời mua nhang từ bến Yến, khi leo dốc vào thăm chùa Trong và suốt cuộc hành trình này. Trước đó, vì quá mệt lại bị làm phiền tôi đã thắng thùng từ chối. Giờ nhìn nét mặt buồn thiu của chị vì ít du khách nên chắc hẳn bán được bao nhiêu, tôi bỗng thấy hối hận và thương cho cuộc sống vất vả của người thiếu phụ nên nhét vào tay chị 2 tờ làm mặt chị tươi vui hẳn lên.

Tối ấy trong khách sạn tình cờ xem TV thấy có đề cập đến vấn đề tư nhân tự bỏ tiền ra xây cất thêm chùa và các miếu thờ bất hợp pháp trong khu vực Chùa Hương để trục lợi du khách. Thì ra thần thánh và lòng tín ngưỡng cũng bị các tay con buôn lợi dụng và khai thác.

Viếng Thành Cổ Loa

Chúng tôi lái motorcycles đi thăm Cổ Loa, kinh đô đầu tiên của Việt Nam. Cổ Loa cách Hà Nội khoảng 18 cây số về phía Bắc và đi khoảng 35 phút là đến. Cổ Loa, một thắng tích, cũng là nơi chứng kiến thiên tình sử My Châu và Trọng Thủy mà tôi thuộc lòng khi còn nhỏ. Chuyện tình bi thương đưa đến cái chết của đôi tình nhân cho vẹn lời thề thủy chung và đền tội với non sông.

Tôi rất vui sướng được đặt chân đến Thành Cổ Loa. Khu vực tuy trông rất nghèo nàn nhưng một số di tích lịch sử quý giá của thời Việt Nam mới dựng nước hãy còn nguyên. Có tượng vua An Dương Vương cầm cái nỏ thần nhả bắn. Tôi thật thích thú khi tận mắt nhìn thấy nỏ thần Kim Quy được trưng trong đền thờ vua An Dương Vương. Không biết có phải là cái nỏ thần nguyên thủy ngày xưa chăng? Cái nỏ thần mà nhà thơ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã ghi là:

*"Lấy thân chàng đổi móng
Lông ngỗng thiếp đưa đường"*

Vì bị An Dương Vương đánh bại nhiều lần, Triệu Đà bèn sai con là Trọng Thủy giả vờ kết hôn với công chúa My Châu để đánh cắp nỏ thần của Vua An Dương Vương. Không ngờ chàng gián điệp đất Bắc đã bị vẻ yêu kiều của công chúa phương Nam chinh phục trọn vẹn nên giữa tình riêng và nợ nước, chàng không biết phải bỏ bên nào. Cuối cùng, chàng đành phải thi hành bốn phận đối với non sông, rồi trở lại tạ tội cùng nàng bằng cách quyên sinh theo nàng cho trọn tình. Ôi mối tình đẹp làm sao!

Đứng trước đền thờ công chúa My Châu, tôi nghe như hồn muôn năm cũ còn phảng phất đâu đây. Bên ngoài đền thờ, có một cái hồ to hình tròn thật đẹp mắt được gọi là Giếng Ngọc. Có phải chăng đền thờ là nơi nàng công chúa đáng thương kia đã bị vua cha chém chết vì vô tình mang tội phản quốc.

*"Chân nàng hoa lá nhuộm màu sương
Vùng trăng lạnh lẽo chim kêu buồn
Thân nàng tóc rũ vờn man mác
Thiêu thiếp em chờ ai bên đường"*
(thơ Nguyễn Nhược Pháp)

Và Giếng Ngọc kia có phải là nơi chàng gián điệp đa tình đã theo dấu lông ngỗng nàng rắc mà tìm được nàng rồi gieo mình xuống giếng để tìm gặp người tình yêu dấu bên kia thế giới?

*"Đêm khuya, gió lốc, mây đen vần
Cổ lướt gieo mình vực giếng thâm
Trọng Thủy nằm trên làn nước sủi
Tiếng mõ cầm canh xa âm thầm"*
(thơ Nguyễn Nhược Pháp)

Lòng tôi buồn vơi vợi trước di tích ngàn xưa và mối tình bi thiết, tôi lại càng buồn hơn khi biết được cây đa nghìn tuổi, tỏa lá trùm che ngôi đền My Châu đã chết cách đây vài tháng. Cây đa này được trồng từ đời Ngô Quyền, năm 938. Cây đa được trồng từ thời nước Nam được độc lập, nay buồn cho sự lầm than của đa số dân Việt mà chết đi chẳng?

NHỚ MẸ

Thơ

Lê Công Minh

*Con giờ tóc đã trắng phau
Còn mang nặng một nỗi đau trong đời
Hắn là mẹ đã về trời
Mà như bóng mẹ đứng ngồi đâu đây*

*Con từ biết chấp cánh bay
Thênh thang trời rộng, áng mây giang hồ
Mãi vui quên cả đường về
Mãi bon chen, mãi đam mê cuộc đời
Tháng năm mòn gót quê người
Quê nhà: Ga xếp ngừng rồi lại đi
Mẹ chịu con chẳng tỏ bày
Mà trong mắt mẹ đã đầy nhớ thương
Tuổi già như khói như sương
Con vô tâm đến đoạn trường mẹ ơi!*

*Ước gì còn mẹ trên đời
Để con chuộc lại một thời vô tâm
Không còn là nỗi ăn năn
Mà đau đến cả trăm năm làm người.*



Huế Sau cơn Hồng Thủy

Đây là lần thứ hai tôi về thăm nơi chôn nhau cắt rún. Trở lại Huế lần này, tôi thấy Huế vẫn vậy, vẫn đẹp và thơ với dòng Hương giang lặng lẽ trôi, vẫn chùa Thiên Mụ buồn



soi mình bên dòng nước. Chỉ mới 2 tháng trước, nước ngập cao đến một tầng lầu trên đường Hùng Vương và cơn hồng thủy đã cướp đi hơn cả trăm sinh mạng tại các làng quê. Nhưng trung tâm thành phố Huế không bị thiệt hại gì nặng vì chỉ nước mưa, không có sóng. Khi nước rút chỉ cần xịt nước rửa là nhà cửa phố xá lại sạch sẽ như trước.

Về chuyện cứu trợ, một em sinh viên kể là chính em đã đi theo phái đoàn cứu trợ trong nước và giao tận tay mỗi gia đình 160 ngàn đồng tiền mặt, 1 cái mũ, 1 cái mền, và vài miếng tôn lợp nhà. Em cũng cho biết là đã có dự án xây lại nhà cho các đồng bào bị thiên tai. Cũng có rất nhiều Việt kiều về giúp các đồng bào bão lụt. Tôi chỉ nghe kể lại chứ không nhìn thấy tận mắt.

Tuy Huế mới trải qua cơn lụt to chưa từng có, nhưng các lăng tẩm lại có phần sạch sẽ hơn năm ngoái. Thành nội và các lăng Minh Mạng, Tự Đức, Đồng Khánh, Khải Định cũng thấy đẹp hơn vì đang được tu bổ và xây cất thêm, nghe nói do tiền viện trợ của quỹ Liên

Hiệp Quốc UNESCO.

Những ngày tôi ở Huế là những ngày rất đẹp. Huế như vui mừng chào đón đứa con tha hương trở về thăm mình. Mây trắng bay lơ lửng trên nền trời xanh, nắng ấm áp, nắng reo

vui trên ngàn cây ngọn cỏ. Dòng Hương giang duyên dáng khoe mình dưới nắng ấm như mời mọc khách nhàn du hãy làm một chuyến du thuyền thăm làng nước thân thương. Nước sông xanh trong thật mát, thuyền nhẹ nhàng lướt sóng, lòng tôi thanh thản chơi vui trước cảnh núi sông hữu tình, tôi cứ mong thuyền dừng cập bến.

Càng xa thành phố mới thấy được nét tàn phá của cơn hồng thủy vừa rồi. Rất nhiều nơi dọc hai bên bờ sông đất bị lở vì nước lụt chảy mạnh cuốn trôi đi đất đá và cây cối hãy còn xác xơ chưa có đủ thời gian để phục hồi. Trên sông cũng không có nhiều thuyền rồng vì sau cơn hồng thủy, rất ít du khách viếng Huế.

Đèo Hải Vân bị hư hại rất nặng sau trận hồng thủy. Đường đi rất xấu, không như năm ngoái. Khi đi ngang qua chiếc cầu đang được bắc tạm thời, tôi cứ ngỡ nó sẽ sập. Đường đi bị kẹt xe và chậm, nhưng cảnh bên dưới đèo rất đẹp. Những eo biển Lăng Cô rất thơ mộng hữu tình.

Tôi cũng chứng kiến cảnh sống vất vả của

người dân trên sông. Nhiều người đàn ông và cả đàn bà lặn sâu xuống đáy sông để lấy những thùng cát và đá lên để bán. Những cát đá chất đầy ấp một thuyền có thể bán khoảng 300 ngàn đồng (khoảng 20 đô) và họ phải làm như vậy từ sáng đến chiều mới kiếm được số tiền này.

Tìm Đâu Cho Xa?

Có người bạn hỏi tôi có giúp gì cho đồng bào bão lụt? Tôi nói là tôi không gặp ai nên không giúp gì. Nhưng cần gì phải giúp nạn nhân bão lụt. Ở Việt Nam, đâu đâu cũng có những cảnh thương tâm đáng được sự giúp đỡ.

Thắng cảnh thì rất là hữu tình, nhưng bên cạnh đó là những người đàn bà áo rách sờn vai gánh củi, gánh gạch, những em nhỏ chập chững chưa đi vững, nhưng đã biết giơ tay xin “Madam”. Mầu da sạm nắng cháy trên những khuôn mặt khắc khổ đã nói lên đời sống cơ cực. Những đứa nhỏ đi đánh giầy, bán hàng rong, mặt vương nét thơ ngây, nhưng đầu óc đã biết tính toán, lừa lọc để kiếm tiền cho cuộc sống hằng ngày. Rất nhiều, rất nhiều những người đàn bà làm những công việc nặng nhọc, lam lũ mỗi ngày để nuôi đàn con. Tìm đâu? Tìm đâu cho xa, những người đáng giúp có ngay bên cạnh tôi!

Đến Thăm “Gia Đình Trẻ Em Đường Phố Huế”

Tôi đã có ý nghĩ đến thăm viện mồ côi. Tuy đã được chỉ dẫn trước, nhưng khi đến nơi chúng tôi chỉ thấy một tiệm bán bánh Tây. Hỏi ra mới biết các em ở phía sau tiệm bánh này. Đi ngang hông bên trái tiệm là lối dẫn vào bên trong. Khi bước vào, không có bóng một ai. Tôi lên tiếng thì có vài em nhỏ xuất hiện và sau đó thì có một chị khoảng 50 tuổi ra chào. Chị tự giới thiệu là quản đốc của trung tâm với hai cô phụ tá, tuổi khoảng 20-30. Các chị ở với các em 24/24 và hình như cuối tuần thì hai cô phụ tá về nhà nghỉ 1 ngày. Chỉ có chị quản đốc là ở luôn với các em. Các em được nuôi dưỡng ở đây rất lễ phép. Khi vào phòng tiếp khách thì các em vòng tay thưa “Me”, thưa Thầy và thưa Cô. Các em gọi chị quản đốc là Me và chúng tôi là Thầy và Cô. Đây là phòng tiếp khách mà cũng là phòng học, khi

có các anh chị sinh viên tình nguyện đến dạy thêm cho các em.

Hàn huyên với chị quản đốc chẳng bao lâu thì đến giờ ăn trưa của các em. Chúng tôi cùng bước sang phòng kế bên là phòng ăn. Trung tâm hiện nuôi khoảng 30 em tuổi từ 4 đến 17. Mỗi bàn có một đĩa cơm, 1 lát cá kho, một đĩa bắp cải luộc và một tô canh, chỉ là nước luộc bắp cải. Các em chờ cho bàn mình đủ người thì mới bắt đầu ăn. Các em rất ngoan, nhường nhau ăn. Đĩa cá kho được vét sạch trước, sau đó thì các em ăn hết bắp cải rồi chan canh vào bát húp ngon lành. Khi ăn xong các em tự dọn bàn và chồng cất tất cả bàn ghế nhựa vào một góc phòng gọn ghẽ. Sau đó, em đi học lớp chiều thì sửa soạn đi, những em gái rửa chén ngay khoảng sân rộng phía sau.



Phòng ngủ được chia làm hai dãy nhà, con trai ở một bên và con gái ở một bên. Phía trên phòng tiếp khách là chỗ ở của các em gái. Phía trên lầu phòng xem TV là chỗ ở của các em trai. Khi tôi leo lên gác của các em gái, tôi cứ nghĩ là các bậc thang gỗ mỏng manh này sẽ gãy dưới sức nặng của tôi. Cản gác của các cô gái thật là đơn sơ. Hai bên là hai dãy giường gỗ, trên có lót chiếc chiếu. Phía dưới giường, có cái hộc nhỏ. Có nhiều sách vở và chén bát chồng chất bên dưới một cái giường. Trong phòng có treo một tấm gương rất nhỏ, khoảng một gang tay.

Các trẻ em được nhận vào trung tâm không phải là mồ côi. Không phải trẻ em nào nghèo muốn vào đây cũng được, phải thuộc trường hợp đặc biệt như cha mẹ các em quá nghèo thì mới được gửi con vào đây nuôi. Thỉnh thoảng, các em về thăm cha mẹ, hoặc cha mẹ

đến đây thăm các em. Vì trung tâm không có đủ ngân phí nên gia đình nào mà cơ cực lắm thì con cái mới được nhận vào đây. Nhà nước đài thọ một phần chi phí cho chương trình trẻ em thành phố, phần khác nhờ vào các cơ quan từ thiện. Người dân Huế địa phương cho là các em ở trung tâm này thật là sung sướng vì có các “ông bà Tây” bảo trợ và các em được ăn bánh Tây thường xuyên! Có lẽ ngay chính người dân Huế cũng chưa từng bước chân vào đây để xem các em thật sự sống ra sao.

Ngoài chuyện được nuôi ăn học, các em còn được dạy nghề. Khi chúng tôi đến thăm thấy các ông Tây đang dạy nghề làm bánh cho các em. Tiệm bán bánh Tây phía trước trung tâm là do các ông Tây này quản lý. Nghe nói là các ông Tây sẽ giao lại cho các em cai quản trong tương lai. Mong sao các em sẽ học làm bánh cho thật khéo và các ông Tây sẽ giao tiệm bánh lại cho các em một ngày gần đây. Hình như tiệm bánh này mới bắt đầu hoạt động vào tháng mười vừa rồi thì đã gặp ngay trận lụt kinh hoàng này. Trung tâm đang có dự tính cho một em gái tiếp tục học đại học. Em nào không học chữ được thì được học nghề vì khi 17 tuổi, các em phải rời khỏi trung tâm.

Thật ra các em ở đây không hề đói. Các em chỉ ít được ăn thịt, tôm. Lâu lâu, các chị cũng ráng làm cho các em vài món “ngon” để cho các em được thưởng thức mùi vị. Tôi thật khâm phục các chị tính toán ngân quỹ vì mỗi ngày chỉ được tiêu 53 ngàn (khoảng \$3.80) tiền chợ để mua thức ăn cho 3 bữa cơm cho hơn 30 miệng ăn. Nhưng quan trọng nhất là các em được đi học, không phải đi lượm rác hoặc đi xin ăn trên các đường phố. Nhìn quanh thì TV, máy nghe nhạc, cái gì cũng có. Nhưng chẳng có cái nào dùng được. Trung Tâm được rất nhiều khách viếng và họ đã tặng hiện kim cùng những cái TV cũ và máy hát cũ này. Hiện kim thì được thành phố cất vào một quỹ và mỗi tháng phân phát lại cho trung tâm dùng để trang trải chi phí.

Các em không có nhiều quần áo mà trời xứ Huế ít khi nắng nên mỗi khi giặt, quần áo rất lâu khô. Do đó thường các em không có đủ quần áo khô để mặc, thật là tội nghiệp. Trước tình cảnh đáng thương này, chúng tôi tặng

các em một TV, một VCR, một máy sấy đồ, hai bàn ủi, một máy sấy tóc, một tấm gương dài soi toàn thân cho các em gái, một cây đàn guitar cho các em trai và vài vật dụng linh tinh khác. Ở đây TV đắt hơn bên Mỹ. Chỉ có một nơi bán máy sấy đồ và chỉ còn một cái máy sấy nên khi đem về cá chị quản lý thử 2 tiếng mà vẫn không sấy khô nổi một cái áo. Ngay hôm sau, đang thử máy sấy lại thì cháy cầu chì, vì điện yếu quá. Ông xã tôi đi mua dây điện, thay lại và bày cho các chị nên dùng máy khi không phải là giờ cao điểm thì điện mới đủ để sấy. Máy sấy đồ ở đây không nóng và mạnh như ở Mỹ. Chúng tôi cũng thuê thợ sửa lại cầu tiêu cho các em vì bị nghẹt do trận lụt vừa qua.

Trước khi rời Huế, chúng tôi tỏ ý muốn đãi các em ăn tết trước. Chị quản đốc không muốn vì các em phải trở lại những bữa cơm ảm đạm như xưa. Nhưng sau cùng chị cũng đồng ý và bữa cơm trưa hôm sau của các em có đủ thịt gà, thịt bò, xà lách, bánh phồng tôm, kẹo bánh, nước ngọt và đồ chơi. Những em trai lớn 15 tuổi vẫn vui mừng khi được xe hơi đưa cùng các em nhỏ. Những em gái 14 tuổi vẫn sung sướng khi nhận được những con búp bê như em bé 4 tuổi. Trong ánh mắt của các em hiện rõ niềm vui này. Nhìn các em vui, chúng tôi cũng cảm thấy vui lây.



Những ngày ở Huế thật vui và chúng tôi rất cảm phục những tấm lòng ngọc cao thương của các chị quản lý “Gia Đình Trẻ Em Đường Phố Huế”. Các chị đã hết lòng săn sóc và lo cho các em thật chu đáo bấy lâu nay, 6 năm rồi thì phải. Lúc đầu rất khổ cực vì có nhiều em khi vào chỉ biết chửi thề và các chị phải dạy dỗ lại. Cùng lúc, hình như hai cô trợ giúp chị mới 17 và 22 tuổi. Các em ở đây rất thương

yêu nhau và khuôn mặt không lộ vẻ sầu bi như các trẻ mồ côi khác. Thương và nhớ các em quá!

Tưởng Minh Là Vua



Ở Huế, tôi nghe ông chủ quán kể là có một bọn Tây vào trong quán ăn. Rồi một đứa bỏ ra trước, sau đó vài đứa bỏ ra theo. Ông chủ quán cứ nghĩ là bọn chúng là bạn đi chung nên khi tới hỏi thì mới vỡ lẽ là đây là bọn Tây ăn chay! Một lần khác, sau khi không chịu trả tiền thì ông chủ quán gọi công an đến xử. Anh Tây này nói là có giấy tờ chứng minh là anh bị móc túi và không có tiền để trả. Công an không dám dẫn hắn về bót vì sợ thưa kiện sau này. Anh Tây này không những không trả tiền khách sạn, tiền ăn, mà anh còn xin bà chủ khách sạn 200 ngàn (khoảng \$15) tiền đi đường ra Hà Nội để về nước. Ôi buồn thay!

Tại những nơi dành cho du khách cũng không thiếu những cảnh đời trái ngược khiến tôi phải đau lòng. Trong một quán ăn gần khách sạn khác, một người da trắng ngồi chễm chệ trên ghế, phía sau một người đàn ông đang đấm bóp lưng cho ông khách Tây này, và phía trước một cô gái đang xoa nắn bắp chân cho hắn. Tôi thật ghét những hình ảnh này mà tôi hằng gặp tại các quán ăn gần khách sạn. Đây là những du khách từ Úc Châu, Á Châu và Âu Châu! Những ông bà khách Tây ba lô này đâu có giàu hơn ai. Nhưng tội nghiệp thay... những quán ăn này, những người dân Việt phải sống bám vào họ và ngược lại. Có những người Tây không có bằng cấp, nhưng lại được trọng dụng tại các trường ngoại ngữ, chỉ vì họ nói được tiếng Anh, tiếng Pháp. Chắc gì những ông bà Tây này biết văn phạm.

Ngày rời xứ Huế thân thương, lòng tôi buồn

vời vợi. Trong tôi như văng vẳng lời ca buồn của một bài hát quen thuộc của nhạc sĩ Lê Tín Hương:

*"Con đường tôi về, còn lá me xanh
Còn dòng sông nhỏ êm đềm uốn quanh
Còn em thơ nhìn, ánh mắt lạc loài
Mảnh áo rách vai cột đũa với da
Sáng trong bầu trời, màu da sạm tối..."*

...
*Khi tôi về...
Nhìn tuổi thơ nghèo nàn
Nuôi đời trong đối gian...*

... *Mẹ quê nghèo nàn, mong manh áo vá
Vá được áo đời, hồn rách tả tơi..."*

Ôi Huế ơi! Quê mẹ nghèo nàn, bao giờ mới hết lầm than?

Hoài Ngọc

Ngày 10 tháng 2 năm 2000

Thơ

Nhớ Cố Hương

Huyền Không

*Mưa gió chiều nay thấy nhớ nhung
Trời ơi, sao lạnh thấm vô cùng
Chuông xưa ngân lại trong chùa mới
Người Việt muôn đời vẫn thủy chung*

*Thấm thoát bao ngày nhớ cố hương
Ruộng đồng sông núi nặng tơ vương
Thời gian đếm mãi từng giây phút
Đất nước vời xa mấy dặm trường*

*Xứ lạ quê người mây trắng bay
Cố hương nhớ mãi suốt đêm ngày
Tên đường phố cũ còn nguyên đó
Tình cảm muôn đời không đổi thay*

*Đất mới trắng rầm cũng sáng trong
Nhìn lên Bửu Điện gọi đau lòng
Quê nhà khuất bóng từ khi ấy
Chín tháng qua rồi có nhớ không?*

Nói Chuyện Về Hôn

NGUYỄN VĂN ƯU *chuyển dịch*



Một trong những hiện tượng loài người đã dễ dãi chấp nhận không một chút thắc mắc là sự lấn lướt và đồng hóa của văn minh Âu Mỹ trên tất cả các giống dân khác nhau trên địa cầu về cách thức Hôn nhau giữa hai người. Hôn nhau bằng đôi môi.

Cách đây chừng hai tháng tôi chợt nghĩ đến đề tài này khi xem xi nê trên Tivi ở đài sắc tộc Úc SBS, phim The Terra-cotta Warrior. Phim do nữ tài tử số 1 của Trung Quốc là Gong Li đóng vai chính. Truyện phim kể lại chuyện một trong những cung tần của Tần Thủy Hoàng đem lòng yêu một viên tướng của hoàng đế. Hai người yêu nhau trong lúc viên tướng có nhiệm vụ lo đốc thúc việc bào chế thuốc trường sinh cho Tần Thủy Hoàng. Thuốc vừa bào chế xong nhưng chưa được thử nghiệm thì lại lọt vào tay người đẹp, trong vai Gong Li đóng, Hoàng đế khám phá ra chuyện này và bắt người đẹp đó nhảy vào lửa chết còn viên tướng bị bức tử bằng cách trét đất sét vào khắp người để cho khô rồi biến thành một trong những tượng đất sét mà các nhà khảo cổ đã đào được ở Xian (Tây An) cách đây vài chục năm. Nhưng trước khi chết người đẹp đã nhét vào miệng viên tướng đó

viên thuốc trường sinh vừa mới được bào chế. Hai ngàn năm trôi qua, vào khoảng thời gian đầu thế chiến thứ hai, một nữ tài tử xinê đi đóng phim ở khu Xian. Nữ tài tử này có lẽ do người đẹp năm xưa đầu thai lên, có khuôn mặt và vóc dáng giống y như người cung tần của Tần Thủy Hoàng hồi ấy. Nữ tài tử có việc lộn xộn chi đó với đám êkíp quay phim nên chạy trốn và lạc vào hầm chôn những người chiến sĩ bằng đất sét của Tần Thủy Hoàng. Vô tình nữ tài tử dưng vào tượng đất sét bao bọc viên tướng bên trong. Đất sét bọc vỡ ra và người tướng năm xưa sống lại. Nhờ ở viên thuốc trường sinh năm xưa nên viên tướng đó giống như đã ngủ qua một giấc ngủ dài hơn 2000 năm. Tỉnh dậy ông tướng vẫn tưởng rằng đây là người yêu của mình năm xưa nên dùng hết võ nghệ siêu quần của chàng để bảo vệ người đẹp. Chuyện ngộ nghĩnh của phim là ở chỗ ông tướng trong bộ y phục của thời nhà Tần đi đâm đá với đám anh chị có súng sáu ở giữa thế kỷ 20. Xong rồi không may người đẹp trong mộng của viên tướng lại bị nạn chết một lần nữa để lại viên tướng sống mãi mãi trong cô độc. Rồi đến thời 1980 hay gì đó trong đoạn cuối của phim,

một đoàn du khách Nhật sang viếng trung tâm Terre Cotta ở Xian. Trong đoàn có một nữ du khách lại có khuôn mặt và thân hình y hệt như người cung tần năm xưa. Phim quay cảnh người đẹp du khách đi tham quan khu Terra Cotta ngang qua khu có toán thợ đang sơn sửa các tượng đá đó thì có một anh thợ sơn quay mặt lại nhìn người đẹp để thử nhận diện có phải người đẹp năm xưa đã đầu thai trở lại tìm mình như đã thệ ước hay chẳng. Bởi anh thợ sơn đó chính là viên tướng phản loạn với Tần Thủy Hoàng năm xưa.

Điểm không thật của phim là ở đoạn đầu khi viên tướng và người cung tần yêu nhau. Họ làm tình (hùng hục) và ôm nhau, hôn nhau... bằng môi như các tài tử ở Hollywood!

Chuyện đó chắc chắn không bao giờ có trong thời đại Trung Quốc cổ! Một thí dụ khác: Trong phim "Anna and the King" phim mới quay lại gần đây do Châu Nhuận Phát và

Jodie Foster đóng- có cảnh giữa buổi tiệc tiếp đãi ngoại giao đoàn, vua Xiêm tự nhiên đứng lên xin lỗi quan khách vài phút để bông bế đứa con gái cỡ chín mười tuổi gì đó và Kiss Goodnight với con gái... cũng hôn bằng môi!!! Thật là lùng! Á Châu ngày xưa hay ngay cả ngày nay làm gì có chúc ngủ ngon trước khi đi ngủ, và lại còn hôn nhau bằng môi để chúc ngủ ngon nữa! Hèn gì phim này bị cấm trình chiếu ở Thái Lan. Khi cần phải quay đến Hôn người ta để ý Hollywood có vẻ rất ngang ngược, rất arrogant, trịch thượng và láo khoét, không cần điều nghiên gì hết về cách hôn của người Thái, người Tàu khi xưa ra sao mà cứ bắt người ta phải ôm nhau hôn bằng... môi. Điểm lạ lùng nữa là đối với người xem, như người Việt, người Tàu, người Nhật, v.v... đa số họ cũng đứng đưng hình như không để ý đến điểm thiếu chính xác nếu không nói hoàn toàn sai trật- về cái hôn trong cội nguồn lịch sử dân tộc của họ. Không phải chỉ riêng Hollywood, tất cả các phim ảnh của mọi sắc tộc trên thế giới, ngay cả Trung Quốc (như phim Terra Cotta Warrior ở trên), Nhật Bản, Ấn Độ và Vietnam (như phim The Long Tan Festival có cảnh chúa Trịnh ôm hôn môi nàng Đặng Thị Huệ!!) cũng đều tự động bóp méo chi tiết cổ truyền của họ trong các phim lịch sử bằng cách a-lê-hấp cho các tài tử ôm nhau hôn môi ra rít cho nó mùi và lạ, khỏi mất công điều nghiên lâu lắc. Thật sự, người Á Châu và rất nhiều

giống người khác trên thế giới trong suốt mấy ngàn năm sinh tồn và mãi cho đến khoảng giữa thế kỷ 20 vừa qua không hề có cái vụ hôn nhau bằng môi như người Âu Mỹ! Tức là trước khi đầu óc con người bị tiêm nhiễm bởi xinê, bởi phim ảnh của Hollywood, hình như mỗi chủng tộc có một lối hôn nhau, một cách thức hôn riêng biệt. Lối hôn nhau bằng môi có lẽ là thành công vĩ đại nhất của sự lấn lướt và đồng hóa về văn minh, văn hóa, diễn đạt, cảm thông, luyện ái, sex, thương yêu, vân vân và vân vân của Tây Phương đối với mọi sắc tộc khác trên thế giới. Phương tiện chuyên chở và phát huy điểm sáng đó của Tây Phương chính là phim ảnh và Tivi. Thật ra nếu lối sống tự do dân chủ của Tây Phương được truyền bá, tiếp thu nhanh chóng (chỉ trong vòng chừng 20 năm: từ cỡ 1945 đến 1965) và thành công 100% như cái hôn thì chắc thế giới cũng bớt đi chiến tranh, nhất là nội chiến, xuống đường, tranh đấu, điều tra tham nhũng, điều tra về vi phạm quyền con người, rất nhiều.



Tôi nhớ những năm mới tới định cư ở Úc. Thời đó tôi thường ở nhà trọ lớn có nhà bếp và phòng khách chung nhưng phòng ngủ riêng. Trong nhà có anh bạn người gốc Phi Châu sang đây du học. Tên anh bạn đó tôi còn nhớ hình như là Ohomne. Có một buổi tối thứ Bảy trong phòng khách xem Tivi đen trắng (cho mãi đến 1974 Tân Tây Lan mới có Tivi màu, và Úc thì đến cuối năm 1976 mới có) tình cờ chỉ có anh ấy và tôi. Hai đứa đang ngồi xem một phim nào đó có hai tài tử da đen đang âu yếm ôm nhau hôn... bằng môi. Anh bạn Phi Châu xem đến xen du dương đó chợt la to lên "Bull Shit" tôi ngạc nhiên quá hỏi anh ấy tại sao vậy mới nghe anh ấy nói ở Phi Châu người ta không có hôn nhau kiểu đó. Tôi tiếc hôm đó tôi không hỏi luôn anh ấy xem người Phi Châu họ thường hôn nhau ra sao. Cũng thời đó mỗi năm vào đêm giao thừa New Year's Eve tôi nhớ nhiều người bạn ưa đi xuống khu King Cross để được hôn free, hôn tự do thả cửa. Chỉ việc thấy một cô đầm trẻ nào đó, nhào tới nói Happy New Year xong rồi cứ nhón chân lên hôn cô ấy một cái. Hôn môi. Ôi cuộc đời.

Trở lại chuyện hôn môi, xin đặt một vài câu hỏi sau đây và thử đưa ra một số câu trả lời để tạm giải đáp vấn đề.

1. Hôn môi bắt đầu được "truyền nhiễm" từ hồi nào?

Có lẽ vào khoảng đầu thế kỷ 20 nhưng mạnh mẽ nhất là khoảng thế chiến thứ hai khi phim ảnh xinê trở thành

phương tiện giải trí phổ thông nhất toàn cầu- song song với thế hệ sinh sung tức babyboom (thế hệ sinh ra đời trong khoảng từ 1945-1960). Thế hệ sinh sung có lẽ là thế hệ đầu tiên tiên nhiệm lối hôn môi, trước hết được “nhập khẩu” bằng lối trình diễn hôn nhau công khai giữa đám đông của những ông tây bà đầm “thực dân” ở bên Tàu cũng như ở Vietnam, ở Nhật, ở In-Đô, ở Miến Điện, ở Phi Luật Tân, v.v... Ở Vietnam trong thập kỷ 50 người ta còn dè dặt lối hôn môi của người Pháp là hôn kiểu “nút lưỡi” và thường được xem như thiếu... vệ sinh.

2. Trước khi hôn môi được tiếp nhận gần như toàn cầu các dân tộc trên thế giới hôn nhau ra sao?

Nhắc lại trong phim “Mutiny on the Bounty” do Marlon Brando đóng vai thuyền phó Christian Feltcher sau khi nổi loạn lật đổ thuyền trưởng Bligh (do Trevor Howard đóng) có lạc lên một hòn đảo. Ở đó Fletcher tán tỉnh được một người đẹp. Lúc Fletcher định đè người đẹp xuống bụi để hôn... môi, bị người đẹp chống cự kịch liệt bảo rằng hôn môi không... đúng và bày cho Fletcher lối hôn của người hải đảo bằng cách cọ mũi với nhau. (Sau khi đóng phim này Brando có lấy người đẹp Hạ Uy Di này tên Tarita một thời gian). Có lẽ phim “Mutiny on the Bounty” là phim duy nhất của Hollywood đã trình bày

lối hôn chính xác của người hải đảo trước khi hôn môi được tràn ngập toàn cầu, ít ra cũng trong phim ảnh.

Ở Nhật ngày xưa hôn nhau là một việc kín đáo giữa hai người với nhau nên ít người ngoại quốc biết họ hôn nhau ra làm sao. Có người viết rằng người Nhật hôn theo kiểu người hôn dùng hai môi hôn vào môi dưới của người được hôn đang chum lại bất động, và người



được hôn không có hôn lại người kia. Người Eskimo, hôn nhau bằng cách trước cọ mũi, sau chà mũi qua bên má và hít như kiểu Vietnam xưa. Người In-Đô (Nam Dương) cũng giống người Việt khi xưa chỉ hôn trên má thôi. Người Mã Lai, Pôlinêsiên, người Bali hôn bằng cách cọ mũi với nhau. Người Áo nổi tiếng về việc hôn tay nhau. Người Phần Lan ở Bắc Âu ngày trước xem chuyện hôn môi như chuyện cấm kỵ. Người Á Rập và Ấn Độ Giáo xem chuyện hôn môi là chuyện dâm dục xúc phạm thuần phong mỹ tục.

Quyển cấm nang về sex của Ấn “Kama Sutra” hình như (người viết chưa được xem kỹ lần nào hết) không có tư thế nào ghi lại hôn nhau bằng môi. Chính phủ Ấn đã cấm phim Ấn Độ quay cảnh hôn nhau bằng môi từ năm 1929 và mãi cho đến năm 1983 cảnh hôn nhau bằng môi mới được phép cho quay phim trở lại trong nền điện ảnh Ấn.

Hôn nhau tại Vietnam nhất là ở thôn quê ngày xưa chắc chắn chỉ hôn qua má, hoặc cổ, hoặc trên khuôn mặt nói chung, là cùng. Khôn hề có kiểu “nút lưỡi” (kiểu của Pháp), hôn môi với nhau. Hôn ở má khác với hôn môi ở chỗ động tác má thường bao gồm động tác hít bằng mũi. Bởi vậy ngôn ngữ Việt thường gọi chung là “hôn hít”. Nếu muốn

dịch từ “kiss” của Anh ngữ sang tiếng Việt người ta có thể dịch ra là “hôn”. Nhưng ngược lại muốn dịch và diễn đạt lối hôn của người Việt các thế hệ trước cho chính xác chắc có lẽ ta phải dịch là “kiss & sniff”, tức là hôn và hít, hôn hít. Ngoài ra trong ngôn ngữ Vietnam, phó từ thông thường (bây giờ theo mốt tiếng Quan Thoại người ta không gọi “trạng từ” nữa và thay thế bằng “phó từ”) của động từ “hôn” là “chùn chụt”. Chỉ có hôn trên má hay chỗ nào khác với môi mới

hôn chùn chụt được. Hôn môi với nhau không thể nào hôn chùn chụt được! Sách vở trong văn học sử Vietnam cũng xác định điều này. Người ta có thể kiểm chứng bằng cách đọc qua tất cả các tiểu thuyết thời tiền chiến cho đến khoảng 1954 tại Vietnam. Từ quyển truyện viết bằng chữ quốc ngữ đầu tiên (Thầy Lazaro Phiên?) sang qua mấy quyển tiểu thuyết đầu mùa như “Tổ Tâm” (Hoàng Ngọc Phách), “Châu Về Hiệp Phố” (Phú Đức), những tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, cho đến thời Tự Lực Văn Đoàn tuyệt nhiên không có tới một hàng chữ mô tả hai người yêu nhau ôm nhau bên bờ hồ hay trong bụi chuối và hôn nhau đắm đuối bằng môi (!!).

Trong quyển “Đôi Bạn” của Nhất Linh có đoạn tả cảnh Dũng trong lần hội ngộ với Loan ở nhà một người bạn tại miền quê. Loan đang ngồi sau nhà lo việc thổi cơm. Dũng đứng đầu đó gần đấy chợt nhìn thấy Loan vén tóc lên để lộ cổ trắng nõn nà - Dũng nhìn thấy thềm hôn vào gáy cổ của Loan và bản khoăn không biết có nên tiếp tục đi làm cách mạng hay là lo “settle down” an phận thủ thừa lấy Loan làm vợ. Tuyệt nhiên, ta để ý, Nhất Linh không có đá động gì đến cái cảm xúc của cuối thế kỷ 20 sang thế kỷ 21- là Dũng nhìn thấy đôi môi mọng của Loan và muốn ôm Loan và hôn vào môi của Loan, hay tặng

cho Loan một “nụ hôn” đắm đuối.

Hôn môi có lẽ chỉ bắt đầu được phổ biến ở miền Nam vào khoảng năm 1963 trở đi. Lúc đó tôi nhớ có đoạn phim nào đó có quay cảnh lần đầu tài tử La Thoại Tân ôm Kim Cương



hay Thẩm Thúy Hằng hôn môi với nhau. Dư luận quần chúng có vẻ khá chấn động về chiếc hôn cải cách này trên phim ảnh. Song song với thời đó các loại tiểu thuyết trữ tình kiểu đợt sóng mới thi đua nhau tràn ngập thị trường sách báo, mô tả và “đề cao” sự tuyệt vời của hôn môi. Những nhà văn thuộc loại đợt sóng mới này phải kể đến: Nguyễn Thị Hoàng, Lê Hằng, Túy Hồng, Văn Quang, Tuấn Huy v.v... Và cũng từ đạo đó hôn môi nhanh chóng đi sâu vào “nhân dân” và đồng hóa một cuộc đồng hóa không mấy ai để ý với sự “nhập khẩu” thành công của ảnh hưởng Tây Phương.

3. Vấn tất tại sao qua một thời gian tương đối ngắn, hôn môi đã thành công 100% trong

sự truyền nhiễm của nó trên toàn cầu?

Hỏi tức là trả lời, và ai cũng trả lời được. Câu trả lời nào chắc cũng có lý cả.

4. Có nên nghiên cứu chi tiết về việc hôn môi không?

Ai cũng biết chương trình

Tivi của mọi nơi trên thế giới thường có những loại phim tài liệu documentary hay khám phá discovery. Họ quay những cảnh trâu bò sống làm sao ở Phi Châu, ngựa Mông Cổ chạy nhanh thế nào, người hải đảo cưỡi hổ ra sao, người Eskimo để dành thức ăn như thế nào. Nhưng tuyệt nhiên chưa hề có, hay nếu có cũng

rất hiếm, những phim discovery về cách thức hôn nhau của các dân tộc khác nhau trên thế giới. Luận án Cao Học hay Tiến Sĩ hình như cũng chưa có cái nào chuyên khoa về hành vi thiết yếu này của loài người. Ngành học liên hệ nhiều nhất đến “cái hôn” có lẽ là ngành social anthropology (nhân chủng xã hội học) cho đến nay hình như hầy chưa có một cuộc nghiên cứu sâu sắc nào về “hôn nhau” cả.

Nghiên cứu về hôn, về việc tràn ngập, lấn lướt và đồng hóa của việc hôn môi trên toàn cầu là một việc cần phải được điều nghiên sâu xa. Trong công cuộc nghiên cứu đó hy vọng người ta sẽ tìm ra những yếu tố căn bản đã giúp cho việc “truyền nhiễm hôn” này đạt

được thành công 100%. Từ đó hy vọng người ta có thể rút tĩa ra một số kinh nghiệm thực tiễn và cách áp dụng những yếu tố truyền nhiễm đó trong các thứ truyền nhiễm và đồng hóa khác rất cần thiết trong lối cư xử, lối sống của con người. Đó là những truyền nhiễm về đời sống dân chủ, quyền tự do con người, cơm no áo ấm và phồn thịnh về kinh tế v.v...

5. Chuyện vụn vặt về hôn ra sao?

Vô số kể. Kiss lâu nhất trong lịch sử kéo dài đến 17 ngày 10 giờ rưỡi tại Chicago vào năm 1984. Ngược lại quyển Guinness Book of Records ấn bản năm 2000 lại ghi cái hôn đoạt giải lâu nhất chỉ có 29 giờ trong thế đứng diễn ra tại Michigan vào năm 1998. Hôn nhiều "cứ" nhất là 11030 cái trong vòng 8 giờ đồng hồ do một anh chàng nọ biểu diễn tại Minnesota vào năm 1990.

Một cuộc nghiên cứu tại Baltimore City College cho biết trong một cái hôn có đến 278 các loại tổ hợp vi trùng được truyền qua hai đôi môi. Rất may là 95% của các tổ hợp vi trùng này mang tính chất hoàn toàn vô hại. Ngoài ra mặc dù vi khuẩn bệnh SIDA (Aids) có thể được tìm thấy trong nước miếng (nước bọt) nhưng chưa hề có "ca" nào được ghi nhận rằng bệnh Sida có thể bị truyền lây qua cái hôn cả.

Một vài thành ngữ quen thuộc:

KISS: Được hiểu rằng viết tắt từ Keep It Simple, Stupid.

KISS AND TELL: Ưa thọc mạch về chuyện "riêng tư" của mình với người yêu. Thí dụ như ông đại úy nọ đã tiết lộ chuyện tình với công nương Diana hồi bà ấy còn sống.

KISS MY ASS: Chỉ đáng hun đít bà (!!!)

KISSING DISEAS: Một chứng bệnh đặc biệt truyền nhiễm qua nước miếng và chiếc hôn.



Thay Lời Kết: Viết đến đây thấy tạm đủ nên người viết tắt máy computer và ngồi xem Tivi truyền hình Olympics Thế Vận Hội Sydney 2000. Lạ quá khi xem mấy giải có người Trung Quốc tham dự như gymnastic, vũ cầu badminton, hay bóng bàn ping pong, người ta thấy các nhà lực sĩ Trung Quốc sau khi thắng đối phương, rồi sân đấu đều làm những cái high fives với các bạn đồng đội hay với ông bầu diu dất. Nhắc lại high five xuất xứ từ những người Mỹ đen và bao gồm việc xòe bàn tay năm ngón đập vào bàn tay của người bạn đồng đội sau khi làm bàn một điểm trong một trận đấu thể thao. Để tự tán thưởng với nhau. Ngày nay bất kỳ người ta đối đáp được

một câu nào có lý và hay ho, hay làm bàn được một cái gì đó người ta thường high five với bạn cùng phe với nhau. High-five chỉ được Hollywood cho lăng xê vào phim ảnh cổ từ năm 1980 trở lại đây. Và ngày nay hầu hết các phim nhất là phim truyền hình về bóng rổ basketball thường có high-fives.

Thế có nghĩa ngoài chiếc hôn môi, văn minh của Mỹ còn tràn ngập toàn cầu qua cái high-five trong vòng trên dưới 20 năm. Ngay cả các anh chị Trung Quốc, nước có hơn 2000 năm văn hiến ngày trước thường chấp tay xá xá hay bái tổ trước và sau khi lên võ đài mà hôm nay cũng đành bắt chước làm cái high-five cho nó giống Mỹ, cho được về văn minh tiến bộ. Và có lẽ chủ tịch Giang Tử Dân của Trung Quốc chắc cũng đã từng nghĩ đến sự tiềm năng của hôn môi và high five khi ông tuyên bố gần đây rằng Trung Quốc chỉ có thể đạt được thể thức dân chủ Tây Phương vào năm 2020 trở đi. Tức là ít nhất cũng chừng hai mươi năm nữa.

Clara Maersk
Nguyễn Văn Ư
chuyển dịch



Cây Cầu

Trong Điệu Hồ Nam Bộ

THANH TOÀN *sưu tầm*

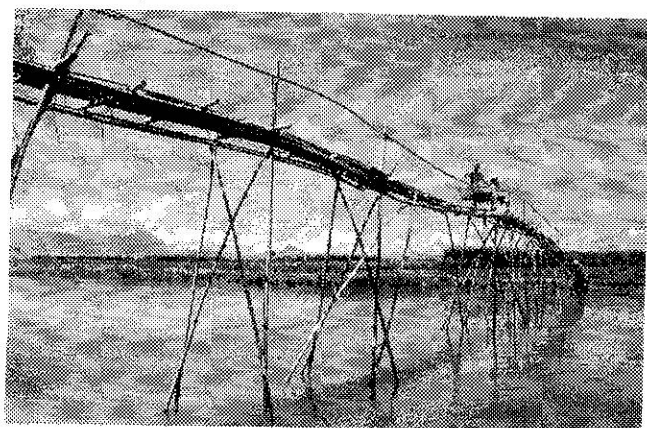
Ca dao, dân ca là giai điệu đời sống tình cảm của người Việt Nam. Lấy cảnh ngụ tình là phương thức phổ biến nhiều nhất của ca dao dân ta. Ở Nam Bộ, tới đâu ta cũng gặp cảnh dòng nước menh mang, sông rạch chằng chịt chia xẻ các miệt vườn, đem phù sa tắm mát cho cây trái. Ở mảnh đất giàu hoa quả và trí dũng này, tới đâu ta vũng gặp những điệu hò, điệu lý, tới đâu ta cũng gặp những cây cầu, từ “cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi” tới “cầu ván đóng đinh”, rồi cầu xi măng, cầu sắt... Đã từ lâu, cây cầu là sợi dây tình cảm xóa đi sự xa cách giữa nhà “bậu” nhà “qua”, giữa “mình” và “ta”. Và nơi đây đã sản sinh biết bao câu ca dao, dân ca mang hình bóng cây cầu theo các điệu hò Cần Thơ, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Kiên Giang, Cà Mau. Hãy nghe lời một người mẹ ru con:

*Ví dâu cầu ván đóng đinh
Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi
Nhưng người mẹ dặn con:
Khó đi mẹ dắt con đi,
Con đi trường học, mẹ đi trường đời*

Hoặc: Mượn ly uống rượu,/ mượn đèn đánh chơi, thì ta chẳng còn thấy cái khó, cái khổ đâu nữa mà chỉ thấy cái chí, cái tình, cái vui. Đó chỉ là “ví dâu” thôi, chứ thực ra chả có cầu nào ngăn được lòng người. Cũng vì chiếc cầu tre “lắt lẻo”, mà chàng trai bộc lộ một nỗi lo:

*Cầu tre lắt lẻo, anh thất thểu ruột gan
Sợ em đi chữa quen đàng
Rủ em có mệnh hệ, lỡ làng duyên anh*
(hò Cần Thơ)

Cầu tre đã yếu, đã khó đi, còn những cầu ván mỏng, ván yếu, ván oằn thì sao? Ta hãy lắng nghe ước mơ của một cô gái:



Anh về xẻ ván cho dầy

Bắc cầu sông cái cho thầy mẹ sang

Các cô gái đôi khi mượn cố cầu chênh vênh để được gọi người yêu dắt qua:

Cầu cao, ván yếu, gió rung

Em không đi được, cậy cùng có anh

(hò Trà Vinh)

Một chàng trai bộc lộ nỗi nghi ngờ đối với bạn tình:

Cầu cao, ván yếu, con ngựa nhỏ xíu, nó chạy tứ linh

Em đi đâu tâm tới một mình,

Hay là em có tư tình với ai?

(hò Kiên Giang)



Cây Cầu



Và đây là lời một cô gái chủ động bắc một cây cầu có mười hai tấm ván thật chắc để đợi người yêu. Con số 12 cũng là biểu trưng mười hai bến nước, cuộc đời mà cô gái sẽ chọn một bến nước trong, bến có anh:

*Bên này sông em bắc cầu mười hai tấm ván
Bên kia sông, em lập cái quán hai tầng
Ba nơi đi nói không ưng
Bán buôn nuôi mẹ, cầm chừng đợi anh*
(hò Sóc Trăng)

Chàng trai trong điệu hò Cần Thơ lại liên tưởng giữa “miếng ván con vồng” và tính “ham mê cờ bạc” của em để có một lời khuyên:

*Bước lên cầu ván mỏng, miếng ván cong vòng
Thấy em mê cờ bạc, trong lòng hết thương
Nhưng nếu em là nhười anh ưng, anh cất công tìm kiếm, thì cầu gì anh cũng chẳng ngại:
Xa nhau anh muốn lại gần
Cầu không tay vịn, anh lân anh qua*
(hò Bạc Liêu)

Cho dù “cầu ván đóng đinh” thật vững, nhưng nỗi đau, nỗi bức dọc của chàng trai nghèo xa xứ không tiền cưới vợ cứ ám ảnh:

*Bước xuống cầu, cầu oằn, cầu oại
Bước xuống tàu, tàu chạy, tàu nghiêng
Em thương anh bóp bụng đừng phiền
Đợi anh về xứ kiếm tiền cưới em*
(hò Long An)

Hai câu đầu của giọng hò đối nhau chan chát với cách ngắt nhịp ngắn 3/2/2 diễn tả một tâm trạng, một chí hướng của chàng trai. Thế mới biết sức mạnh của tình yêu!

Có khi lời nói của chàng mộc mạc thẳng thắn, tuy có pha chút hài hước:

*Cầu cao, ván yếu, gió rung
Em thương anh thì thương đại, ngại ngần
thì đừng thương*

(hò Cà Mau)

Điệu “Lý qua cầu” cứ vang vọng khắp miền sông nước, trên ghe, trên xuồng. Các chàng trai, cô gái tỏ tình, giận hờn, nguyện ước, chia tay nhau bên những cây cầu. Con người Nam Bộ luôn mang trong mình chất “dông dã”, “trọng nghĩa khinh tài”, vì thế trong điệu hò, họ khuyên nhau đừng vì “câu danh vọng” mà “tham đó bỏ đây”

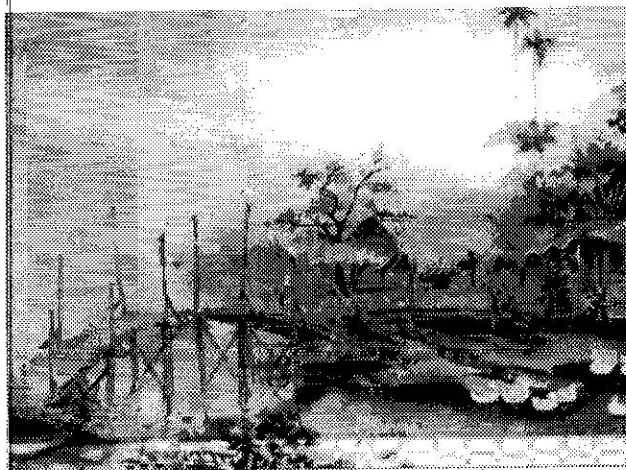
*Cầu nào cao bằng cầu danh vọng
Nghĩa nào trọng bằng nghĩa tào khang*
(hò Đồng Tháp)

Nếu tình duyên trục trặc thì dù có đi qua cầu sắt vững chắc đến đâu, họ vẫn thấy không vững:

*Anh đi qua cầu sắt
Anh nắm tay em thật chắc, miệng hỏi gặt
chung tình
Bước xa bông tại nhụy, anh xa mình tại
ai?*

Những cây cầu gắn bó thân thương với đời sống lam lũ của người dân lao động. Nó ẩn hiện lung linh trong tâm hồn của họ qua mỗi điệu hò, điệu lý, nó vang ngân mãi với sóng nước mênh mang và với muôn vạn nỗi lòng.

Thanh Toàn sưu tầm



CHẾT CÓ SỐNG KHÔNG ?



Trong bản tin AHCC số tháng 1/1995, AH Thi Nguyễn đặt câu hỏi : **“CHẾT CÓ SỐNG KHÔNG?”** và kể ra một số kinh nghiệm chết đi rồi sống lại, ghi trong bản thảo cuốn “Dòng đời vô tận” của giáo sư Võ Văn Dật như sau :

* Một người ốm nặng, chết đi rồi từ từ sống lại.

* Một người đàn ông trung niên bị tai nạn xe hơi trầm trọng.

* Một cựu chiến binh Mỹ tại VN bị thương nặng

* Một phụ nữ 60 tuổi bị bệnh tim

* Một người đàn ông 52 tuổi bị bệnh tim

* Một cựu chiến binh Mỹ tại Củ Chi

* Một kinh nghiệm của một người đàn bà Pháp

Dưới đây là kinh nghiệm của bác sĩ X. cùng làm việc với tôi ở Bộ Y Tế Việt Nam Cộng Hòa. Bác sĩ X. đã hơn 80 tuổi và đang ở Paris .Tự nhiên ngã ra bất tỉnh và được chở đi bệnh viện cấp cứu và điều trị. Bác sĩ X. ghi lại cảm tưởng sau khi tỉnh dậy như sau : Tôi vào bệnh viện A được 5 hôm. Bị té bất tỉnh ở nhà vào sáng ngày 4 tháng 1 - 1996, lúc ấy trong nhà không có ai. Mãi đến 11 giờ đêm, hai con gái tôi đến chơi, thấy tôi mê man liền chở vào bệnh viện A.

Sáng ngày 5 tháng 1, tôi được giải phẫu. Máu đọng ở dưới màng óc, bên đầu phía phải. Bác sĩ đục xương đầu, hút máu đọng. Vài giờ sau, tôi phục hồi lại nhưng cử động bên dưới mình bị tê bại.

Thật là may mắn ! Có thể nói cuộc giải phẫu có kết quả tốt.

Tôi hiện tỉnh dưỡng, nay mai chiếu điện scanner lại, nếu không có biến chứng thì có

thể rời bệnh viện.

Nhân dịp này, tôi có viết một bài “ *Giấc hôn mê* ” với một kinh nghiệm hy hữu đóng vai trò đối tượng bệnh nhân. Tôi đã nghĩ đến chứng bệnh tai biến mạch máu não, nó đến như tiếng sét gấm trời xanh khiến những nạn nhân đã sống những giây phút thập tử nhất sinh , mạng sống còn kể hàng giờ , hàng phút. Thảm thiết là sau cơn mê, dù vô tri, vô giác , cũng thường có những ý nghĩ rùng rợn. Có thể là mộng kê vàng, có thể là giấc điệp mơ màng, nhưng cũng có thể là màu tang tóc, cảnh âm dương một dòng , cảnh gió thoảng lạnh lùng , cảnh đồng hoang cô liêu...

Đời như đứt đoạn, đã thay đổi bề dẫu . Tình cảm cũng như nhịp sống tâm lý không còn như trước nữa. Với cá nhân cũng như với gia đình , xã hội. Ai là ân nhân ? Ai thủy chung ? Ai nghiệp dĩ ? Tai nạn sống chết đã dành cho mỗi tâm sự, mỗi tâm trạng riêng như qua một bóng công minh , một màu xám hối.

Đó là một vài cảm tưởng đã đến với tôi trong những ngày ở bệnh viện A.

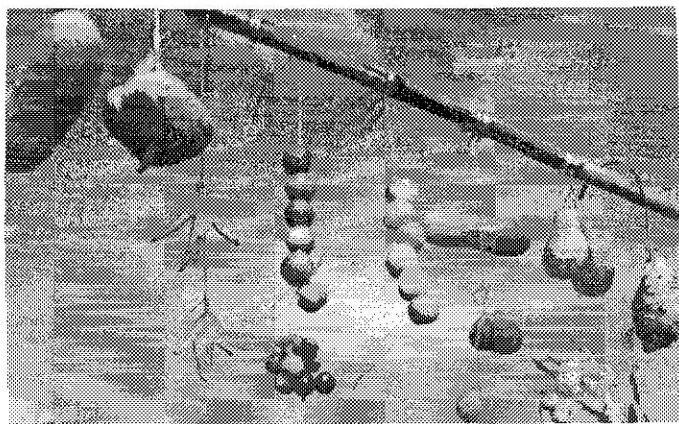
Tâm trạng thăm đăm như trời Đông ngoài cửa sổ, mộng hồn tối đen vô tận, nhưng có một nguồn sáng từ bóng tối mà ra.

Đoạn trường ai có qua cầu mới hay...

Mong các bạn đọc thông cảm.

BS.X

Nguyễn Sỹ Tín *sưu tầm*



HẸN XUÂN

Thy Lan Thảo

Một lá thư em đọc mấy lần
Quê mình gió chướng báo tin xuân
Giòng thư chị viết thương ngàn ý
Gửi đến cho em cả tấm lòng

Chị viết năm năm dài cách biệt
Một lần chiều xuống nắng chiều vương
Mẹ buồn không nói nhìn ra cửa
Dù mắt mờ mây chẳng thấy đường

Mẹ hỏi thăm so dưa trước nhà
Nay mùa gió chướng đã ra hoa?
Mẹ xưa vẫn thích hoa so dưa
Luộc chín ăn com với mắm cà

Mẹ nhắc mấy lần mai tứ quý
Mai vàng nhớ nhất lá đúng ngày
Xưa em về phép thương hay tuổi
Mong đến xuân về đẹp nét hoa

Mẹ bảo chị làm mắm tôm chua
Lựa tôm đầy đặn nếm nêm vừa
Mấy ngày giáp Tết dăm thằng bạn
Em vẫn thường hay nhậu suốt trưa

Chị ơi đừng nhắc mà em xót
Tuổi quá năm mươi vẫn đại khờ
Mẹ vẫn xem em thằng bé nhỏ
Vẫn mê bè bạn vẫn mê thơ!

Đông lạnh chờ Xuân mới sẽ về
Lòng em chị biết rất nhiều khê
Nuôi con nhỏ đại nơi quê lạ
Nuôi mẹ già nua bóng xế tà!

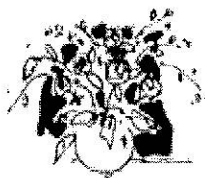
Thương em chị nhớ thu đều đặn
Kể chuyện tin nhà, chuyện mẹ yêu
Nhớ gởi cho em lời của mẹ
Nhắc con nhắc cháu mỗi khi chiều

Chị gửi cho em vài sợi tóc
Trắng màu thương nhớ của mẹ hiền
Để em áp ủ vào bên gối
Mơ giấc đêm về bên giáng tiên!

Chị ơi! em đọc thư của chị
Từng ý từng lời như mũi dao
Rạch nát lòng em thương nhớ quá
Tìm đâu thấy mẹ của nương chiều!

Xuân này em không về được
Tủi phận xa quê xót ý nhà
Chị chăm sóc mẹ dùm em nhé
Đốt nén hương buồn bên cạnh cha

Thy Lan Thảo



Một Chút Tình Cho Cha

NGUYỄN VĂN TỊNH

Trên đường đời:

- Chiếc áo này ta mặc đã rách, ta có thể thay chiếc áo khác.
- Người bạn đường, nếu không vừa ý, ta có thể thay người khác.
- Nhưng làm sao ta tìm kiếm được ông cha, bà mẹ thứ hai?
- Không ai có thể thay thế cha mẹ đã sinh thành ra mình.
- Cũng không ai hy sinh tất cả cuộc đời cho mình bằng cha mẹ mình.
- Những gì ta đang nắm trong tay, ta không coi nó là quý, nhưng một khi đã bị đánh mất rồi, dù có luyến tiếc thì cũng đã rồi. Vậy ai đó đừng để rồi hối hận.

Thiền sư Nhất Hạnh có bài thơ:

Ngày xưa tôi còn nhỏ,
Mẹ tôi đã qua đời.
Lần đầu tôi hiểu,
Thân phận kẻ mồ côi

Chung quanh mọi người khóc ,
Tôi im lặng sâu thẳm.
Dòng nước mắt cuộn chảy,
Làm bớt khổ đi rồi

Hoàng hôn phủ lên mộ,
Chuông chùa nhẹ nhàng rơi.
Tôi cảm thấy mất mẹ,
Hết cả một bầu trời.

Cha cũng như mẹ, rồi sẽ một ngày “*Dinh hoa hiêu từ khơi bình hạc*” Cha mẹ mãi phần - Trích trong Nhị Thập Tứ Hiếu. Nên mỗi người con đều phải vội vàng, hiếu thảo không biết bao nhiêu mà đủ, không được coi là dư bởi tình cha thương con là cho chứ không thể cho vay để có thể gọi là trả đủ.

Qua những điều nêu trên, có người cha bất hạnh đã hiến cho bài thơ sau đây:

*Bố thương con nói sao cho xuể,
Con thương bố con để ở đâu?
Con cần nhớ cái câu:
Rằng con “để bố trên đầu của con”*

*Cha yêu con bằng hòn núi Thái
Con yêu cha bằng cái gì đây?
Con dang thật rộng hai tay
Rằng con yêu bố bằng ngai ông trời*

*Ôi kỷ niệm xưa thời thơ ấu,
Vẫn còn đây nung nấu trong tim.
Qua bao năm tháng nổi chìm,
Chỉ riêng bóng hạc biết tìm nơi đâu?*

*Có những buổi chiều tà bóng xế,
Nhớ lại câu “để bố trên đầu”.
Ngày nay tóc đã bạc phau,
Không nơi diễm tựa ,giọt sầu lệ rơi!*

*Con đừng quên những hồi khổ đối,
Miếng khi nghèo bằng gói khi sang.
Trời cao có mắt ràng ràng
Bát cơm phiếu mẫu ngàn vàng chưa cân!*

*Tết này con đã lạc loài,
Mẹ già tuổi hạc đã ngoài bảy mươi.
Từ khi con sống chân trời
Mái đầu mẹ bạc trên mười mấy năm*

*Một mai con trở về thăm
Đêm là dưới mộ, mẹ nằm từ lâu,
Hôm nay đất khách dâng sầu,
Con xin dâng mẹ niềm đau chân thành.*

Nguyễn Văn Tịnh

QUẢ BÁO HAY NGẪU NHIÊN?

CHUYỆN CÓ THẬT XẢY RA Ở MONTREAL

Lục lộ TRẦN ĐÌNH THĂNG

Vào đầu thập niên 90, liên tiếp trong 2 năm, hội Phụ Nữ Việt Nam tại Montréal đã tổ chức tuyển lựa hoa hậu thiếu nữ Việt nam. Trong lần tuyển lựa HHTNVN thứ 2, ban giám khảo gồm 10 vị, trong số này có một vị không phải là người Việt Nam. Đó là một bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ, chúng ta tạm gọi là bác sĩ X.

Chuyện chỉ có thể thôi thì không có gì lạ cả.

Ít tháng sau đó, trên báo chí cũng như trên TV, tôi được biết bác sĩ X. bị cảnh sát bắt vì tội hiếp dâm khách hàng. Khách hàng là một cô đầm Y. Chi tiết tội trạng như sau:

Vào một buổi chiều, cô đầm Y. tới viện thẩm mỹ của bác sĩ X. để giải phẫu lần thứ hai cho ngực đẹp hơn. Cô dặn mẹ và dì tới đón cô sau khi cô được giải phẫu.

Sau khi đậu xe phía sau viện thẩm mỹ, hai bà đầm già đi vòng ra phía trước Tình cờ, bà dì thấy ánh sáng phát ra từ một cửa sổ mà màn không được đóng kín, bà dì tò mò nhìn vô và hốt hoảng la lên: "Nó đang hiếp dâm con Y. kia". Bà mẹ ào tới cửa sổ xem, rồi hai bà hối hả chạy tới phía trước đồi nhào vô phòng mổ, nhưng bị y tá chặn lại. Một lát sau, cô Y.

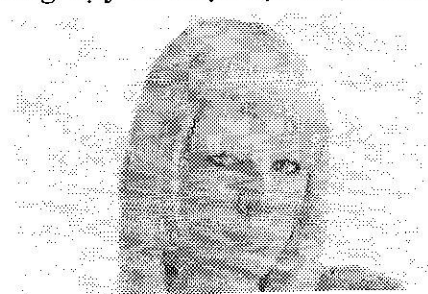
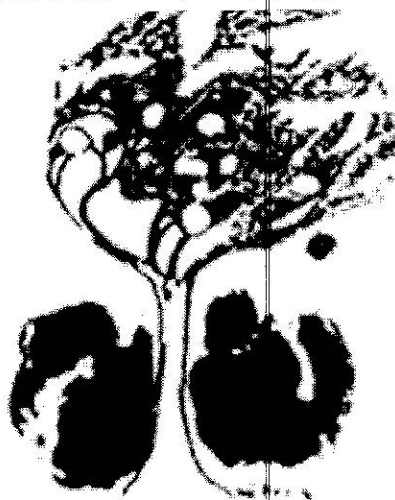
được đẩy trên một giường lưu động ra ngoài phòng giải phẫu nhưng vẫn còn mê man. Hai bà già gọi tắc xi chở ngay cô Y. tới một bệnh viện gần đó để được khám nghiệm. Kết quả có thấy tinh trùng của bác sĩ X. trong bộ phận sinh dục của cô Y.

Sau khi đóng thế chân, bác sĩ X. được tại ngoại. Một luật sư danh tiếng tại Montréal lo việc bênh vực bác sĩ X. ..Khi ra tòa, hai bà đầm già, cư ngụ vùng ngoại ô bị luật sư chất vấn rất gắt gao về các màu sắc quần áo, đồ đạc trong phòng mổ, chiều cao bàn giải phẫu v...v.. Sau các câu trả lời không được rõ ràng, luật sư chứng minh với tòa rằng hai bà già này trông gà hóa cuốc, nghĩa là không có việc hiếp dâm trên bàn mổ. Ngoài ra, luật sư còn mời được một tình nhân của cô Y. ra tòa. Anh ta khai rằng cô ta làm tình với anh mà không bắt anh phải mang áo mưa.

Luật sư kết luận cô Y tính tình không đàng hoàng, đã nhiều lần dụ dỗ bác sĩ X và đã thuận tình ngủ với bác sĩ X trước khi giải phẫu. Kết cuộc, ông tòa sau khi xử và cô Y hạnh kiểm xấu đã tuyên bố tha bổng bác sĩ X.

Chờ tòa tuyên án xong, hội đồng y sĩ đem bác sĩ X ra xử. Trái với tòa án hội đồng y sĩ xác nhận bác sĩ X can tội hiếp dâm và treo bằng hành nghề trong 2 năm.

Ít lâu sau, báo chí và TV lại cho biết bác sĩ X bị tê liệt tứ chi vì bị ngã trong khi sửa chữa mái nhà. Sự việc xảy ra như trên là tình cờ hay quả báo? Ai mà biết được!



Lục lộ Trần Đình Thăng

Ghi Lại Những Chuyến Đi

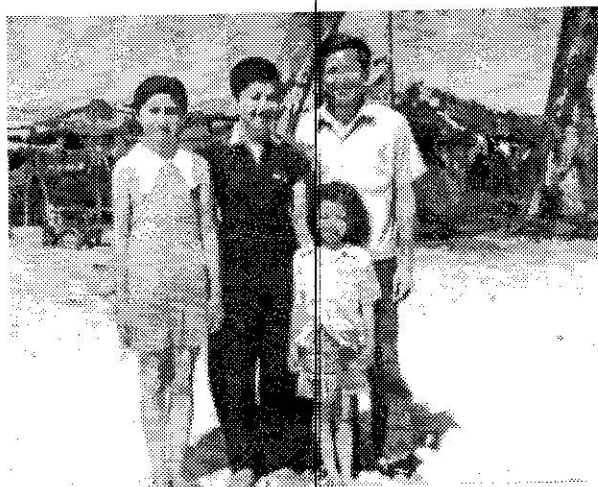
Phổ & Kiều-Hoa-Nguyễn

Thời điểm này mà nói về những câu chuyện vượt biên thì quá xưa. Tuy nhiên để kỷ niệm 25 năm, một biến cố đổi đời hầu hết chúng ta và cũng để đáp ứng lời kêu gọi của quý vị vác ngà voi, sau đây xin ghi lại những chuyến đi của gia đình chúng tôi.

Tôi cũng muốn nhân dịp này, hồi tưởng lại những gian khổ, hiểm nguy mà gia đình đã trải qua, từ đó thấy được sự lớn lao cuộc sống của mình hôm nay và thành tâm tạ ơn Trời Phật.

Khả năng tài chánh của gia đình tôi rất giới hạn, gồm hết của nôi, của chìm chỉ có khoảng 10 cây. Chỗ thân tình lắm, hai vợ chồng tôi và hai con nhỏ, chỉ có thể tham gia một lần thôi, nên phải hết sức cẩn thận.

Thế nhưng dù rất cẩn thận, tuy chưa đi đến đâu cũng đã bị mất hết phân nửa! Vì tham dự vào những người tổ chức không thật tình. Tình trạng giờ đây không còn khả năng để tính tới nữa, nhưng may giờ chót nhờ thân nhân và bạn bè ở Mỹ cho mượn 5000 đô la,



Những ngày tháng tại trại Songkha - Thailand (Tháng 11-1981)

bằng cách đưa tiền cho người ở Mỹ và nhận vàng từ thân nhân của họ ở Việt Nam. Số vàng nhận được 11 cây, tổng cộng được 16 cây thì cũng chỉ đủ một lần tham gia. Thế mà gia đình tôi đã đi được tất cả là 6 chuyến.

Sau đây xin kể lại với anh chị về sáu chuyến đi của gia đình tôi.

1. Chuyến Đi Thứ Nhất.

Thông thường những cuộc vượt biên của người dân Sài Gòn phải trải qua 3 khâu. Mỗi khâu do một nhóm tổ chức.

Khâu thứ nhất là di chuyển từ Sài Gòn đến địa điểm tạm trú ở một nhà nào đó dưới tỉnh.

Chỗ này danh từ vượt biên gọi là chỗ “ém” được nghiên cứu để từ đó qua khâu thứ hai là dùng ghe nhỏ đưa ra biển tránh được các trạm kiểm soát và cuối cùng đến khâu thứ ba là lên ghe đánh cá ngoài biển.

Vào khoảng đầu tháng 12/79, một anh bạn làm việc ở Rạch Giá lâu năm giới thiệu một chỗ đang tổ chức đi và cho biết là họ vừa

mới đưa đi một chuyến rất tốt, đã đến nơi an toàn.

Ông tổ chức là Hai Tân, mỗi người đóng 4 cây vàng, đưa trước một cây, 3 cây còn lại khi nào đi sẽ đóng, gia đình tôi phải đóng 12 cây. Tôi có hai con, cháu lớn là Trang 10 tuổi, cháu kế là Thúy 5 tuổi.

Chuyến đang chuẩn bị dự trù sẽ đi vào đầu tháng 2/80, thời tiết rất tốt và điều rất mừng là gia đình của ông tổ chức cùng đi. Tham gia với tôi có gia đình anh Luân, bạn thân gồm có vợ và ba đứa con lớn cùng hai em họ gái. Thế mà lần lựa mãi đến tháng tư, thời tiết bắt đầu mưa mà chưa thấy gì. Tôi lo sợ nếu trễ nữa là không dám đi, phải chờ mùa

sau. Khi đưa tiền. Ông Hai Tân hứa trong 15 ngày nếu không đi sẽ hoàn tiền lại. Tôi thất vọng, không muốn chờ nữa.

Vào khoảng đầu tháng 6/80, cô Ba của Anh Luân, tức má của hai cô cùng đi cho biết có một chỗ rất tốt, do cán bộ tổ chức. Tổ chức này không lấy vàng trước, chỉ cần trình vàng cho người tổ chức xem và giao lại cho cô Ba giữ, sau khi lên ghe đánh cá viết mật mã trao cho người tổ chức đem về trình cho cô Ba rồi sẽ nhận vàng. Cách tổ chức này lúc bấy giờ khá phổ biến vì việc lường gạt quá nhiều. Thế nhưng cách này vẫn bị gạt như thường.

Kế hoạch đi là ngày 8/6/80, gia đình tôi cũng đóng 12 cây. Ngày 7/6 là phải trình vàng gom lại tất cả nhóm là 40 cây, giao cho cô Ba giữ. Ông tổ chức cho biết là có thể đi vào sáng hôm sau và nếu có đi ông sẽ cho hay trước 12 giờ đêm, vì phải chờ tin dưới tỉnh lên. Ông cũng cho biết là có thể phải ở lại Bạc Liêu một hoặc hai ngày và bảo đảm không sợ bị bắt vì là đường dây của công an địa phương, nếu có bị bắt sẽ được lãnh ra ngay.

Khoảng 12 giờ đêm hôm đó, anh Luân dẫn anh tổ chức đến nhà kêu cho hay là chuẩn bị để 4 giờ khuya lên đường! Gia đình tôi ở căn phố đường Duy Tân, sau khi bị lấy nhà từ phi trường Tân Sơn Nhất, kế bên và đối diện là nhà cán bộ. Thật là chơi với, nửa đêm im lặng, kêu cửa cả xóm đều nghe, tìm muốn lọt ra ngoài. Kế hoạch là gia đình tôi sẽ ra bến Bạch Đằng, chỗ tượng hai bà Trưng

lúc 4 giờ sáng, để lấy xe bus ra đến ngã ba xa lộ Đại Hàn khoảng 6 giờ sáng. Tại đây có người đón và sẽ được hướng dẫn đi xe dò xuống Bạc Liêu.

Thế là không tài nào ngủ được, ở nhà có má vợ ở chung, không dám cho bà già hay, sợ bà già lo không ngủ được. Dù đã quyết tâm ra đi, nhưng trước tình thế này là nát lòng, tấn thối lưỡng nan. Ra đi coi như là vĩnh biệt, nhất là bà già ở lại nhà có một mình.

Ba giờ sáng bắt đầu chuẩn bị đánh thức bà già. Đâu đó xong xuôi, đánh thức hai đứa nhỏ, rời khỏi nhà lúc 4 giờ sáng đến bến Bạch Đằng, chờ mãi đến hơn 5 giờ xe bus mới bắt đầu chạy, rất lo bị trễ. Khoảng hơn 6 giờ đến ngã ba xa lộ Đại Hàn, anh tổ chức đứng đợi sẵn và dẫn qua khỏi trạm kiểm soát. Kiểm điểm đầy đủ, chia làm hai toán, mỗi toán đi theo một người và lên hai chiếc xe khác nhau. Đón xe đi được như thế là phải có ăn chịu với tài xế rồi.

Đến Bạc Liêu khoảng 4 giờ chiều, phân tán rải rác chờ người hướng dẫn liên lạc với tổ chức. Khoảng 7 giờ tối anh hướng dẫn trở lại đi cùng với anh cầm đầu tổ chức tên là Nhựt. Anh này bảo gia đình anh Luân đi theo người hướng dẫn thứ nhất tên là Phước. Khoảng nửa giờ sau anh Nhựt trở lại bảo gia đình tôi theo người hướng dẫn thứ hai. Chúng tôi lên xe lôi đi một khoảng thì gặp anh đã hướng dẫn tôi từ Sài Gòn xuống hồi sáng. Anh này tên là Xía đưa gia đình tôi vào một ngõ hẻm hẹp ngoằn ngoèo tối tăm. Anh

cho biết sẽ đến nhà má vợ anh, người tàu, và bảo khi đến cứ đi thẳng vào trong, và gọi má anh là “úm”.

Gia đình tôi đi thẳng vào trong, vừa khỏi phòng khách thì bảo rẽ qua phải vào một cái phòng có giường đã giăng sẵn cái mùng. Anh dặn đừng ra ngoài, cơm nước sẽ được đưa vào trong ăn. Chờ hết ngày thứ hai, khá sốt ruột. Xế chiều ngày thứ ba, anh Xía trở lại lấy đồ đạc quần áo đem đi trước. Sau đó khoảng 4 giờ anh trở lại, bảo tôi đi theo để ảnh chỉ đường đến bến bãi và tối tôi tự đưa gia đình đi. Tôi đi theo băng qua các cánh đồng ruộng khá xa, khoảng 2 cây số. Cuối cùng đi vào ngõ sau cái nhà bên trong có hai bộ văng và hai cái mùng rủ xuống. Người nhà chỉ tôi cái mùng bên phải, tôi đỡ mùng lên thì thấy cả gia đình anh Luận đã ở trong. Hỏi thăm vài câu tôi gấp rút trở lại để đưa gia đình đến. Về đến nhà, trời còn hơn sớm, chưa dám đi ngay. Thế nhưng khi vừa ra khỏi thị xã thì trời tối rất mau. Bờ đất rang ruộng bẽ ngang rộng khoảng nửa thước lại trơn trượt, tôi phải cố gắng bé Thúy trên vai, còn vợ tôi thì dắt cháu Trang. Đi bờ đất không quen té lên té xuống không biết bao nhiêu lần, nhiều chỗ bờ bị lở phải lội qua xình bùn tới quá đầu gối. Trời đã tối, gặp người địa phương hỏi chuyện không dám nói gì hết, cứ lầm lũi đi. Gần đến chỗ hồi chiều, lúc trời còn sáng thì còn nhận được, bây giờ tối đen, thật bối rối vô cùng. Cuối cùng, rất may cũng vào đúng

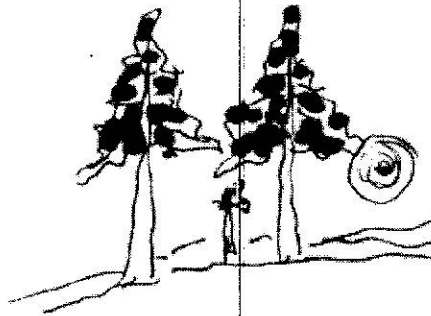
nhà, mọi người mệt lả, mồ hôi ướt đầm. Anh Luân lấy sâm đưa bảo ngậm và nói ảnh lo sợ gia đình tôi trẻ vì đã chia tổ và chuẩn bị cả rồi. Tất cả có 5 tổ, mỗi tổ 6, 7 người, tôi thuộc tổ 5.

Kế hoạch là 11 giờ đêm khởi hành, 10 giờ bắt đầu chuẩn bị tập trung từng tổ ở phía nhà sau để nghe anh Nhựt phổ biến chi tiết kế hoạch đi và dặn dò túi sách làm dây mang vào mình.

Đúng 11 giờ đêm, toán 1 khởi hành. Mỗi toán cách nhau khoảng 10 phút. Toán tôi khởi hành khoảng 12 giờ đêm. Hôm ấy nhằm đêm 30, trời tối như mực, cây cối um tùm, cách một thước là không thấy nhau, người trong toán phải nắm tay mà đi, nếu không thì lạc ngay, tuyệt đối giữ không cho có tiếng động, các em nhỏ là phải cố. Đi khoảng 10 phút thì đến mé một con rạch, rộng khoảng hơn 10 thước, giờ này là nước ròng, nên chiếc xuồng ba lá phải đậu cách mé rạch khoảng 3, 4 thước. Tôi vội vàng cồng cháu Thúy lên vai, lội ngay xuống, vừa bước một chân xuống nghe tiếng một cái “ùn” xình lên gần tới bụng, bước chân thứ hai xuống cũng thế, rất khó khăn mới rút được chân kia để bước tới, trên vai là cháu Thúy, bên hông còn đeo mấy cái túi nên hết sức khó khăn mới đến được ghe. Đặt cháu Thúy xuống, gấp rút quay trở lên vì vợ tôi và Trang, ai cũng xình lên đến bụng không di chuyển được. Cuối cùng tôi cũng lôi được hai má con xuống.

Mọi người trong tổ xuống xong, ghe từ từ di chuyển rất chậm vì sợ có tiếng động. Hai bên mé rạch là nhà dân, nhiều nhà lại có đặt lưới vó trên rạch để bắt tôm cá, không khéo bị vướng là nguy, thỉnh thoảng có người trong nhà sách đèn ra kéo vó để bắt cá, tất cả phải nằm sát xuống, thật hồi hộp vô cùng. Dân ở đây không có đèn bấm, mà loại đèn dầu chế đặc biệt rọi để bắt cá sáng cũng khá xa.

Ghe đi khoảng 3 giờ thì đến khu đất trống không có nhà dân hai bên toàn là dừa nước, khá an toàn. Tại đây gặp các ghe đi trước đậu chờ. Nhập vào đoàn, tất cả tiếp tục đi khoảng 1 giờ thì đến mé rừng, được biết đây là rừng nhân và từ đây ra mé biển khoảng 2 cây số và tàu đánh cá đậu ở đó.



Vừa đến mé rừng nhân thì ghe mất thăng bằng bị lật chìm xuống, hú hồn, nhưng nước chỉ tới bụng. Khi tất cả lên mé bờ rừng nhân thì nghe một tin chơi vơi là ghe lớn bị bể bánh lái vì tàu quốc doanh bắt kéo gổ.

Trời gần sáng, mấy anh tổ chức lo tính chuyện phải ém lại. Sau khi họ đi khoảng nửa giờ thì trở lại dẫn toán người đến cái nhà ngói tương đối khá lớn, nhưng dân co sào đó chủ nhà không cho vào, phải tiếp tục đi. Tất cả khoảng 30 người được

đưa vào một cái chòi mỗi bề 4 thước. Khi vào rồi, chỉ có đứng không thể ngồi. Nghĩ không đi được hôm nay, nhưng không biết ở đây bao lâu, thật nản vô cùng. Nhà này hình như ở giữa rừng nhân, có con đường mòn cách nhà khoảng 50 thước.

Tôi ngạc nhiên không thấy gia đình anh Luân, dò hỏi thì được biết là ở gần đó. Sau này tôi được anh Luân kể lại thì số ảnh thật lộn độn. Ảnh nói rằng khi chia tay từ bến xe Bạc Liêu, người hướng dẫn anh là thằng sì ke. Nó dấu gia đình ảnh, không cho tổ chức biết và đòi tiền chuộc, ảnh đòi gặp người tổ chức nó nhất định không cho, cuối cùng ảnh phải cho tiền. Thế rồi tưởng yên, vào tới rừng nhân, khi đưa đi ém, gia đình lại đưa đi riêng, vào đến nhà ém, tụi nó chỉ ảnh vào cái phòng trong đó có cái mùng khi dỡ mùng lên thì thằng sì ke ở trong đó. Anh sợ quá không biết thế nào, đòi gặp anh Nhựt, tức anh tổ chức, nó nói đã về Bạc Liêu rồi, đòi gặp tôi nó cũng không cho.

Thời gian dài đằng đẳng, đếm từng giờ, đợi xem tổ chức tính thế nào. Khoảng xế chiều thì được biết là tàu không thể nào đi được, phải sửa chữa vài ba ngày, nhưng cũng không được biết là nó giải quyết số người ém như thế nào. Nghĩ con đường trở lui thấy ớn làm sao!

Khoảng 5 giờ chiều thì anh chủ nhà nói là công an xã đã biết và phải di tản ngay. Anh bảo chuẩn bị chờ

trời tối rồi đi. Tôi nghĩ chắc nó không muốn cho ở nhà đó nữa.

Trời bắt đầu tối, lần lượt từ người một theo anh chủ nhà đi vào chỗ cây rậm rạp gần mé rạch, phân tán ra các bụi rậm, ngồi đây chờ tin từ chợ Bạc Liêu. Anh hướng dẫn này sau đó biến mất, ai cũng rất lo sợ. Thỉnh thoảng có những toán dân đi bắt cá rất gần thật muốn đứng tim.

Rừng nhẵn Bạc Liêu, muối đất kinh khủng đã bắt đầu hoành hành. Khoảng hơn 9 giờ đêm, anh chủ nhà trở lại cho biết là chưa có tin tức gì rồi bỏ đi. Tất cả nằm la liệt chờ đợi, muối và bù mắc cấn, không dám đập sợ có tiếng động thật là căng thẳng. Các trẻ con ngủ phải đuổi muỗi liên tục không dám nghỉ tay. Sương xuống nhiều bắt đầu thấm lạnh. Đến khoảng 12 giờ khuya, có hai ba người đến báo đưa tiền tui nó sẽ đưa về. Tất cả không chịu và đòi gấp tổ chức. Thất khó ăn, chúng bỏ đi. Sau đó anh chủ nhà đến và cho biết là sẽ kiếm ghe đưa về. Nghe nói về ai cũng náo nức nhưng không cách nào khác và chỉ mong thế. Khoảng 4 giờ sáng có một chiếc ghe máy tương đối lớn đến. Tất cả hồi hả xuống ghe, nhà dân hai bên sông đã thức dậy. Ghe chạy khoảng 1 giờ thì gần đến chỗ nhà tập trung hồi tối. Vì trời đã sáng anh lái ghe không dám chạy tới nữa, anh ghé đại vào chỗ trống và hồi mọi người lên. Tất cả tủa lên, mình mẩy ai nấy xình bần lên đến tận đầu, giày dép đều quăng hết, dân các nhà lân cận ra xem

khá đông. Lần lượt nối đuôi nhau đi thành một hàng dài theo bờ ranh ruộng mình mẩy lem luốc bị bắt như chơi. Anh lái ghe chỉ hướng rồi bảo đi, không còn ai hướng dẫn nữa. Đi một lúc thì đến nhà hồi đêm hôm xuất phát. Đoàn người lần lượt vào nhà, tôi không dám vào vì thấy đông quá, gia đình tôi xuống mé ruộng rửa sơ chân cho bớt xình bần rồi tiếp tục đi, dự định đi thẳng về nhà anh Xía mà mình đã ở mấy hôm trước. Dọc đường thấy cháu Trang, xình bần nhiều quá, nên lộn áo bẻ trong ra nghĩ chắc đỡ hơn, nhưng cũng không khác gì. Chúng tôi đều đi chân không tiến lần lên lộ đá và hướng về chợ, biết mọi người hai bên phố đều nhìn mình nên không dám nhìn lên và còn nghe họ nói “Ở dưới biển lên đó”.

Hồi hả đi thật lẹ đến nhà anh Xín, khi đến nơi thì thấy nhà khóa cổng ngoài, kêu hoài không ai ra mở cửa có lẽ họ đã biết bể nên sợ mình trở lại. Cuối cùng họ sợ lối xóm để ý nên cho đứa con nhỏ ra mở cửa. Vào nhà thấy rõ chủ nhà lạnh lùng, nhưng đành phải lý vậy và xin đi giặt sơ quần áo, chờ khô mặc lại.

Sáng hôm sau mua vé xe đò về đến Sài Gòn khoảng xế chiều, không dám về thẳng nhà vì quá te tua sợ hai bên phố biết, nên ghé lại nhà người em ở Phú Lâm, tắm gội mượn quần áo và đợi đến tối mới lần mò về nhà ở Duy Tân.

Về đến nhà, qua ngày hôm sau nhận thấy là cả xóm đều biết. Lý do là bà già ở nhà vốn tánh thật tình, thấy ba

bốn ngày rồi tưởng đã đi được, lại đi tâm tình với một bà hàng xóm thuộc loại lập công, bà nầy đi báo cáo với bà tổ trưởng, một cán bộ về hưu ngoài Bắc vào.

Rồi cũng ngày ấy, an ninh phường làm phân sự ghé nhà giả vờ hỏi vợ tôi. “Hôm rày chị đi đâu sao trông ốm vậy?”. Vợ tôi lúng túng trả lời: “Về thăm ngoại ở Cần Thơ”.

II. Chuyến Thứ Hai.

Thế rồi chưa hoàn hồn, đúng một tuần lễ sau, ngày 20 tháng 6, tổ chức này đến cho hay là sẽ tổ chức lại và nói là lần này ít người hơn, chu đáo hơn và đi ở Hộ Phòng, cách Bạc Liêu khoảng 40 cây số về hướng Nam. Tôi và Luân kiểm điểm lại, nghĩ đây là tổ chức thật, nhưng còn sợ quá, chưa lấy lại bình tĩnh mà nay cháu Trang lại bị sốt, gia đình tôi phân vân không muốn đi. Thế nhưng anh Luân lại đi. Cuối cùng tôi cũng quyết định đi.

Vì cháu Trang đau nên tôi cố xoay mượn được chiếc xe du lịch của một người Tàu chạy cho xí nghiệp ở miền Tây.

Ngày đi, hẹn xe đến bến Bạch Đằng 9 giờ sáng. Tổ chức cho biết là sẽ gặp tại bến xe Bạc Liêu khoảng 5 giờ chiều, nhưng xe bị bể lốp không biết mấy lần nên 6 giờ chiều mới đến Bạc Liêu. Chiều hôm ấy đến bến xe gặp mưa tầm tã, gió thổi mạnh, nhà cửa dọc bên xe bị tóc mái rất nhiều. Ngồi chờ trong xe khá lâu, nghĩ đến kế hoạch đi đêm nay mà trời giông bão thế này thật là liều mạng.

Đợi hơn một giờ trời tối dần mà mưa không dứt, nhìn chung quanh chỉ thấy một màn mưa trắng xóa, lòng thật náo nức. Nghĩ không nên chờ lâu nữa, mặc áo mưa vào lần lượt xuống xe để vào quán tránh mưa và hy vọng các anh tổ chức dễ thấy mình hơn. Đa số các quán đều tróc mái, chỉ có một vài quán còn tương đối có thể tránh mưa, gia đình tôi vào quán dùng cơm để tránh bị ế ý trong lúc chờ. Đợi một lúc khá lâu thì thấy anh tổ chức đến cho biết là tiếp tục đợi. Đến khoảng 8 giờ tối, anh trở lại, trời vẫn còn mưa, anh bảo lần lượt đi vào nhà tạm trú ở bến xe và chờ ở đó.

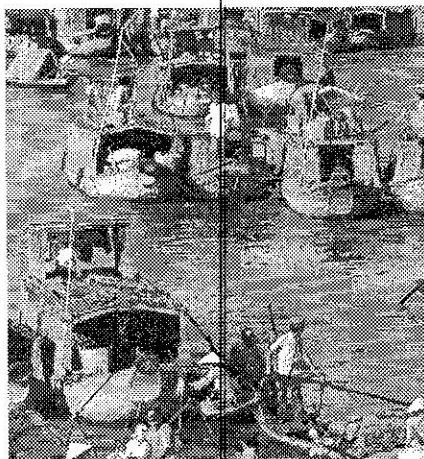
Theo kế hoạch là xuống đến đây có người đón và đưa ngay xuống Hộ Phòng, đêm nay ra luôn ghe lớn và khởi hành. Nhưng tình hình này là vô phương đi đêm nay.

Vào nhà chờ đợi, mái nhà bay đi gần hết, chỉ còn hai gian là tương đối, hành khách chờ mua vé xe nằm la liệt, khó tìm một chỗ ngồi. Một lúc sau anh tổ chức đến cho biết là hôm nay là 14 ta nên không đi, đợi ngày mai! Tại sao đến giờ này mới biết ngày nay là 14?!. Nghĩ đến phải ở đây đêm nay thật là khủng khiếp, làm sao ngủ được như thế này. Trang lại đang sốt. Mưa tuy bớt nhưng vẫn suốt đêm, tìm một chỗ tương đối cho hai đứa nhỏ ngủ đỡ, còn vợ chồng tôi thì lo quá, không làm sao chợp mắt được.

Sáng hôm sau khoảng 9 giờ tổ chức cho người đến bảo tự túc đi xuống Hộ Phòng sẽ có người đón và có ghe sẵn sàng

đưa đi. Gia đình tôi và Luân chia làm ba toán nhỏ, lần lượt đi.

Đến Hộ Phòng khoảng 11 giờ trưa, xuống xe đi lần ra chợ thì thấy anh tổ chức ngồi ở quán ăn gần đó, gia đình tôi giả vờ vào quán ăn, ngồi cạnh anh để biết kế hoạch sắp tới. Anh ra dấu cho biết là sẽ đi theo người ngồi đối diện anh ta.



Hộ Phòng là quận lỵ của Cà Mau, nổi tiếng vượt biên và cũng bị bắt nhiều, nên rất lo. Ăn xong anh ngồi đối diện ra đi, gia đình tôi vội vàng đi theo. Đi dọc theo nhà lồng chợ đến cuối đường, quẹo qua một ngõ hẻm dẫn xuống bến đò và anh này lại bảo mình đi theo một anh khác. Nhiều người quá, làm tôi lúng túng, chỉ cố để ý quần áo, nhưng cũng may là anh sau chót này chỉ có một mắt. Tôi chỉ biết đi theo thôi chứ không dám nói chuyện gì hết. Anh một mắt này sau tôi được biết là thiếu úy thương phế binh Việt Cộng tên là Thắng, bảo đi lẹ xuống đò, mà lúc đầu nó nói là ghe nhà. Đò này đưa rước khách dọc theo sông Gành Hào ra gần biển.

Xuống đò rất bờ ngỡ, hành

khách cũng khá đông, họ nhìn có vẻ ế ý vì thấy mình không giống ai, mặc dầu đã cẩn thận ngụy trang, đội nón dẹt lụp sụp. Thỉnh thoảng liếc lên thấy ai cũng nhìn mình, rất lo nhưng đành phó cho trời đất thôi. Nhìn qua liếc lại không thấy anh một mắt đâu, hết hồn vì không biết mình sẽ đi đâu để có ai hỏi mà biết trả lời. Nhìn lên bến thấy anh, tôi vội nhảy lên hỏi là nếu có ai hỏi thì nói đi đâu và trả tiền đò thế nào, anh cho biết là đi Đáy 6. Trở xuống đò tôi bảo vợ tôi là đi “Đáy 6”, thế rồi có bà ngồi gần hỏi vợ tôi đi về đâu vợ tôi trả lời mau mắn “Dạ, Đáy 6”. Bà cười, không nói gì.

Ngồi ở khoan giữa, sông này là sông Gành Hào. Đò chạy khoảng 3 giờ đồng hồ, thời gian thật căng thẳng. Thấy anh Thắng chuẩn bị lên, gia đình cũng chuẩn bị, đò từ từ cập bến, anh Thắng nhảy lên, gia đình cùng nhảy theo. Chỗ này nghe nói còn khoảng 20 cây số là đến biển.

Anh Thắng dẫn gia đình tôi đi quanh quẹo qua một xóm nhỏ nhà thưa thớt, sau cùng dẫn vào một nhà lá nhỏ được biết là nhà bố vợ anh. Chủ nhà chỉ gia đình tôi vào cái buồng phía trong, có cái mùng giăng sẵn, cũng cùng một sách vở. Gia đình tôi vào trong mùng nằm chờ. Giờ mới suy nghĩ về số còn lại, không biết gia đình anh Luân thế nào, vì nghe nói chuyến đò này là chuyến chót. Tìm cách hỏi anh Thắng thì anh cho biết là ghe

sẽ đưa vào, có lẽ khoảng 5 giờ sẽ vào tối.

Nằm trong buồng nghe gió bên ngoài thổi rất mạnh, nghe radio thông báo cấp 5 cấp 6, rất lo về chuyến đi, thời tiết nầy mà đi thì liều quá. Đợi mãi đến 6 giờ chưa thấy gia đình anh Luân, hỏi thăm thì nó cũng không biết tại sao và nói nó cũng đang chờ ở ngoài sông. Cơm nước đều ở trong buồng! Thành linh có một người đàn bà cán bộ bà con với chủ nhà, đi chà gạo vì trẻ nước không về được nên sẽ ngủ lại. Chủ nhà sợ bão chuẩn bị di tản gấp. Gia đình tôi vội vàng ra ngã sau, đi theo anh Thắng về nhà anh, cách nhà nầy khoảng 200 thước, nằm sát mé rừng, kính đáo hơn.

Trong nhà đã có hai người lớn và một em bé cũng thuộc toán vượt biên. Trong gốc nhà có bộ ván và cái mùng giăng sẵn, anh Thắng bảo gia đình tôi vào trong và chờ tin tức. Theo kế hoạch là chờ toán từ Hộ Phòng vào đây đủ khoảng 11, 12 giờ sẽ cùng đi ra ghe lớn đậu ở Gành Hào và từ đó sẽ viết mật mã cho tổ chức đem về lấy vàng.

Khoảng 12 giờ đêm anh Thắng từ bờ sông vào nói là toán còn lại đã vào hết và đã đưa thắng ra ngoài Gành Hào rồi và lại cho biết là đêm nay trẻ quá không lên ghe lớn được, có lẽ là phải đợi đêm mai vì ban ngày không đi được.

Thế là phải ở tại nhà nầy một ngày nữa. Hỏi thăm gia đình anh Luân, nó cho biết là anh giáo sư mất kiếng đã được ém luôn dưới ghe và có hai ghe đi thẳng luôn ra vàm gần biển

nó nói hai bên là rừng khá an toàn.

Sáng hôm sau, Thắng lo cơm nước đem lên cho toán nầy ăn. Khi trở về, nó lại nói là toán trên đó bị bể, vì dân Miên địa phương báo cho công an và hiện hai ghe đang di chuyển, phân tán ra nên không gặp được để trao cơm. Thấy tình hình chuyển đi không ổn, công đã trảng, tên Thắng áp lực không cho em trong nhà nữa, nên nói là an ninh xã đã biết.

Đến xế chiều vẫn chưa biết tổ chức giải quyết ra sao! Mặt trời đã bắt đầu lặn, sau đó tổ chức cho biết là không thể đi được, phải tính kế hoạch rút lui. Tên Thắng áp lực làm tiên, nói là bên trong đã bể, bên ngoài chắc chắn các trạm an ninh đã chặn hết không thể nào đi qua được. Nó gạ là để nó đi thăm dò. Khi trở lại nó khẳng định là đúng thế, chỉ còn có cách là cho tiền tui nó để đi qua. Hai người khách cùng đi và tôi không đồng ý muốn đợi xem tổ chức tính thế nào vì nghĩ tổ chức sẽ có kế hoạch đưa mình về. Thế nhưng đợi hoài không thấy gì, trong lúc đó chủ nhà áp lực làm tiên.

Thành linh khoảng 12 giờ đêm có một người đến, nghĩ là trong nhóm tổ chức. Nằm trong mùng nghe tên nầy và tay chủ nhà rù rì ở ngoài hè nhà một lúc lâu. Sau đó thì hai tên cùng vào nhà, tên mới đến nói là ghe lớn đã đến địa điểm cách đây khoảng 1 cây số, kêu chuẩn bị gấp để đi. Hai người khách là người địa phương, nghe cách nó nói có vẻ khả nghi. Đồng thời nó lại

hỏi tôi ai là người đại diện viết mật mã. Tôi nói là anh giáo sư, khi lên ghe lớn rồi anh ấy sẽ viết, chỉ mình anh ấy có thể viết thôi. Nó làm áp lực tôi viết nhưng tôi nhất định không viết. Cuối cùng tính không ăn được nên tay nầy chuồn mất. Sau đó tên chủ nhà muốn lập công nói lại là tui nó tính chuyện lưu manh, anh ta cản và bảo là không còn cách nào, giờ đây mình phải tự lo vậy. Hai người lạ là người địa phương đưa ý kiến đi đường bộ, tôi thấy khó khăn, vì có con nhỏ. Tay chủ nhà sợ mất miếng ăn nên cũng phụ họa là đi bộ không thể nào qua các trạm được. Anh gạ là tui trạm trên sông gần đó cũng là bạn bè thân thích, chúng tôi đồng ý để nó đi thăm dò. Trong đám khách ở đây có một cặp vợ chồng nữa có đứa con nhỏ khoảng 1 tuổi, nghe nói là đi cùng đoàn ghe với anh Luân, vì đứa con nhỏ khóc quá nên phải đưa lên đây. Tất cả chúng tôi bàn và quyết định phải về bằng ghe, nó đòi 2000 đồng, nhưng không ai còn tiền hết, hứa với nó là về Bạc Liêu sẽ trả. Thế là vào khoảng 2 giờ khuya nó lấy ghe máy đưa toán nầy về. Đến Hộ Phòng, đồng bào vẫn còn đang yên giấc, thở phào nhẹ nhõm. Đợi hơn một giờ sau, xe ở bến mới bắt đầu chuẩn bị rước hành khách.

Khi về đến Bạc Liêu, cũng may là anh khách đi chung mời về nhà nghỉ để chờ liên lạc với tổ chức xem sao. Trong thời gian nầy thì gặp lại gia đình anh Luân. Anh cho biết là ghe anh ra đến Gành Hào

bị dân Miên địa phương thấy và an ninh biết được, cuối cùng phải phân tán vào rừng, đợi êm mới trở lại ghe.

Sau đó trở về Sài Gòn, mình mấy te tua, tinh thần náo nề lại một lần nữa đối với lối xóm và an ninh, không biết phải đối phó như thế nào? Thật không biết bao giờ mới đi thoát được!!

III. Chuyến Ba.

Sau hai chuyến đi thất bại, vợ chồng tôi xuống tinh thần và chán nản vô cùng, tấn thối lương nan. Nếu không đi thì làm sao trả lại tiền mượn ở bên Mỹ, nên đành phải tiến tới vậy.

Thời gian này, phong trào đi bán chánh thức rất hấp dẫn, nhưng thú thật tôi không đủ khả năng, giá trung bình là 10 cây một người lớn, trẻ em cũng phải 5 cây.

Tôi bàn với Luân dọn lại tổ chức cũ của ông Hai Tân, vì thời gian vừa qua ông Tân có đem trả lại cọc, nên tin tưởng ông và lại là trong khả năng mình. Rất mừng vì được biết ông Tân chưa đi, chúng tôi tham gia lại và đóng cọc 2 cây.

Khoảng đầu tháng 9, tổ chức đến lấy số vàng còn lại là 8 cây. Ông cho biết là hai ngày nữa sẽ đi và kế hoạch là đi bằng hai xe hàng, một chiếc từ Sài Gòn xuống, chiếc thứ hai đi từ Cần Thơ qua cùng gập chiếc ghe ngụy trang chở gạch, đậu giữa Sa-Đéc và Vàm Cống.

Khởi hành ngày 20/9/80.

Để an toàn hơn, gia đình tôi và Luân mượn riêng một chiếc xe du lịch, khởi hành tại

cầu Bình Điền, đến Vĩnh Long khoảng 5 giờ chiều để đón chiếc xe hàng từ Cần Thơ qua. Khoảng 8 giờ tối thì xe hàng đến, tất cả hối hả leo lên. Vào trong xe tôi giựt mình vì thấy quá đông người.



Xe chạy về hướng Long Xuyên, qua các trạm kiểm soát phải dừng lại, mỗi lần dừng lại rất hồi hộp, bên trong yên lặng để lắng nghe bên ngoài. Có trạm, nhân viên kiểm soát nhảy lên rọi đèn, mọi người đều gục đầu xuống, nín thở, nhưng không sao vì có ăn chịu với nhau.

Đúng như đã định, khoảng 11 giờ đêm, hai chiếc đến chỗ hẹn, đậu gần nhau, kế bên ghe gạch. Lần lượt mọi người gập rút chung vào hầm ghe gạch, vì chỉ có một cửa nhỏ nên thời gian xuống khá lâu, thật là hồi hộp, phía bên kia sông là xóm nhà, chó sủa vang, làm tim muốn lộn ra ngoài. Tổ chức nói là không có trẻ quá nhỏ nhưng giờ này lại nghe tiếng trẻ khóc ầm lên. Thành lính có tiếng ghe máy chạy tới, mọi người bảo nhau nằm xuống sau khi khi ghe máy đi qua, tiếp tục di chuyển. Xuống mới một xe mà đã đầy hầm bên trong, nên phải

ngồi đầy phía trên. Tổng cộng có thể gần trăm người, nghỉ lại mà rừng mình, vì nếu chìm là chết hết số người bên trong.

Trong hầm ngồi phải bó gối lại, đầu không ngừng lên được, một số khách đã bắt đầu tỏ thái độ, chửi người tổ chức quá tham lam.

Khoảng 12 giờ đêm, ghe bắt đầu di chuyển dọc theo kinh ra sông lớn ở Long Xuyên, khi ra giữa sông thì cặp vào một ghe gạch khác đậu sẵn, số người ngồi trên mui chuyển bớt qua ghe kia.

Hai ghe được neo giữa sông, đúng 7 giờ sáng hôm sau thì ghe bắt đầu di chuyển về hướng Rạch Giá theo kinh Ba Thê. Sau một lúc thì nhiều người trong hầm đã bắt đầu chịu không nổi sự nóng bức và ngộp thở. Thời gian qua thật chậm chạp và không khí vô cùng căng thẳng, nhất là trong hầm không biết gì bên ngoài. Trên mui họ có để cái radio mở to để át tiếng bên trong khi qua các trạm kiểm soát. Nhiều người có con nhỏ đòi lên trên mui, họ nói thà bị bắt còn hơn để con họ chết ngộp. Ai nấy mồ hôi ướt đẫm, vợ tôi nằm bên trong hầm tay phải quạt cho Trang và Thúy liên tục. Vào khoảng 2, 3 giờ chiều ghe di chuyển trên kinh Đồn Dong, đến vùng Rạch Giá, một số người có con nhỏ đề nghị đến chỗ đồng trống đậu lại cho lên trên thớt nhưng không có chỗ nào an toàn.

Một lúc sau thì ghe đi chậm và đậu lại. Bên trong

được thông báo là đến chỗ hẹn để chờ tin từ trong Rạch Giá, cách đây khoảng 4 cây số.

Theo kế hoạch, chiều này ghe đánh cá sẽ vào Rạch Giá lấy nước đá, tối trở ra biển, đồng thời hai ghe gạch cũng ra và gặp nhau tại vàm sông Cái Lớn.

Khi ghe đậu lại, tình trạng nóng bức và ngột thở lại tăng thêm, nhiều người đòi đánh anh tổ chức, nhưng nó có ở đây đâu mà đánh, chỉ có mấy đàn em nó phụ trách di chuyển ghe thôi.

Đến khoảng 5 giờ chiều có tin xầm xì là ghe đánh cá bị hư, nên đêm nay không ra được. Trong hầm bắt đầu mất trật tự. Như nước vỡ bờ, những người ngồi gần cửa hầm chen nhau lên, thỉnh thoảng tôi nghe tiếng súng nổ và tiếng bên trên bảo chặt dây chống ghe ra, bể rồi. Tôi không còn chần chờ, cố chen lên, ghe lúc ấy đã ra khỏi bờ khoảng 6, 7 thước, tất cả đều nhảy phóng xuống sông, tôi cũng nhảy theo và lội vô bờ. Khi gần đến một đám ô rô, tôi nhìn lên bờ thì thấy một đám đông đang chạy, tôi nghĩ nếu chạy chung sẽ bị bắt, nên rẽ vào đám ô rô, trầm mình xuống nước, chờ xem tình hình.

Ở nhà trước khi đi, tôi có dặn vợ con nếu có bể thì tôi sẽ chạy còn vợ tôi và hai con ở lại ghe vì nếu có bị bắt hy vọng sẽ dễ thả, chạy rất nguy hiểm. Tôi nằm dưới nước khá lâu, cảm thấy lạnh và trời đã bắt đầu tối, tôi nhô đầu lên nhìn quanh, xem thấy khá yên tĩnh, lội lần vào và bò lên bờ, cây cối um tùm, đúng như là

một đám rừng, đi loanh quanh tìm, không thấy lối nào ra. Bên kia sông có xóm nhà thưa thớt, nghĩ rằng từ đó chắc có lối ra, nhưng làm thế nào để qua sông.

Trời đã tối hẳn, đang lưỡng lự thì thấy bóng dáng một chiếc xuồng lủi vào một con lạch nhỏ cách tôi khoảng 20 thước, trên xuồng có ba bốn người, tôi nghĩ có lẽ đồng bào đi chợ về. Đang còn phân vân chưa biết phải làm gì, thì có tiếng la lên “Ai đó đứng lại”. Tôi phóng vào cái mương gần đó, ngay tức thì một loạt súng nổ vang lên làm xé tan cái tĩnh mịch ở đây. Đồng thời có tiếng la lên “Tụi nó còn đây, đám vượt biên còn đây”.

Tôi vội vàng bò dọc theo mương một khoảng hơi xa chỗ tôi phóng xuống, rồi leo lên bờ vào trong, nằm phía sau gốc cây cách bờ mương khoảng hai ba thước. Hôm ấy nhằm mùng 10 âm lịch, trăng khá sáng, nhưng cũng nhờ cây lá um tùm. Tụi nó đã nhảy lên bờ và ủa đi kiếm tôi. Chúng nó đi qua đi lại theo bờ mương hai ba lần ngang gốc cây tôi nằm mà không thấy tôi. Chúng vừa đi vừa kêu tôi ra để được khoan hồng, nếu để chúng tìm gặp tôi sẽ nặng. Một lúc sau nghe chúng bàn kêu thêm khóm đội ở bên sông qua, nhứt định phải bắt được tôi. Tôi lo, nghĩ rằng khó thoát, không biết có nên ra không, cuối cùng đành liều cứ nằm yên.

Chúng bắn một loạt súng vang rền để kêu khóm đội qua, bên kia một loạt súng vang lên đáp lễ. Một lúc sau thì

nghe tiếng ghe cặp bến và tiếng người ồn ào. Chúng tua ra đi tìm tôi, đồng thời cũng không quên lớn tiếng chiêu hồi. Tôi nghe có hai ba tên nói chuyện rù rì gần tôi.

Một lúc sau tôi nghe nó bắt được một người cách tôi khá xa và nghe chúng nói với nhau là người đó không phải là tôi. Chúng tra hỏi biết được anh ấy đi có gia đình. Chúng bắt anh kêu gia đình ra, để được khoan hồng, trốn ở đây muỗi rần cắn cũng chết. Khi anh nẩy đến gần kêu lên thì tôi nhận ra là tiếng anh Luân!

Chúng vẫn lùng kiếm tôi ở phía đằng xa. Thỉnh thoảng tôi nghe tiếng đi trên lá cây sột soạt, tôi liếc nhìn lên thì thấy một tên đang tiến sát về phía tôi nằm. Tôi hồi hộp quá, muốn đứng tim, thôi rồi, nó đã thấy tôi. Nó bước chậm chạp đến ngay phía trước đầu tôi. Tôi đang chờ nó chia súng là la lên. Thế nhưng không. Nó khẽ nói: “Đồng chí nằm đó, một lát lợi qua sông về”.

Nói xong nó lặng lẽ bước đi. Tôi hoang mang không hiểu thế nào, sao mình may mắn gặp người tốt thế. Lặng tai theo dõi xem anh ra ngoài có nói gì không, nhưng không nghe được gì hết.

Tiếp theo tôi nghe chúng đưa anh Luân xuống xuống về trước. Một số ở lại tiếp tục kiếm tôi. Khoảng một lúc sau tôi nghe có một số nữa xuống xuống đi, rồi im lặng, tôi nghĩ chắc chúng đã đi hết. Thế nhưng lại nghe tiếng chân bước đến gần. Liếc nhìn thì thấy một tên đã đến sát chia súng ngay tôi và quát: “Đứng

dậy, dơ tay lên, chạy tao bắn”. Chúng có hai tên. Tôi vừa đứng dậy, nó chộp áo và lôi ra ngoài bảo cởi quần áo, vì nó kinh nghiệm, vượt biên hay dấu vàng trong quần áo. Tôi cởi hết trao nó chỉ giữ lại đồ lót, Nó nắm lấy trao lại cho tên kia đứng gần đó, và không ngại ngần kê sát tai tôi, nói vừa đủ nghe: “Mầy có đủ 3 lượng vàng tao cho mầy về”. Miệng hôi mùi rượu nặc nồng, tôi sợ nó bắn ầu.

Tôi trả lời không có 3 lượng mà chỉ có hai chỉ và cái đồng hồ Omega của vợ tôi. Nó bảo đưa nó xem, tôi nói trong túi áo nó đang cầm. Nó lục trong áo lấy ra một gói nhỏ, hai tên dành nhau xem, rồi nói: “Còn gì nữa không bao nhiêu đây ít quá, không được”. Tôi nói không còn gì hết. Suy nghĩ một chút, nó bảo tôi đứng đó, hai tên đi ra xa một chút, rù rì với nhau rồi trở lại và nói: “Thôi được tao cho mầy về, mà ra ngoài có bị bắt đừng nói gì hết”. Tôi mừng quá, nhưng giờ đây lại không biết hướng nào về, nó bảo lội qua sông đi theo hướng trăng mọc và đi khoảng 7, 8 cây số thì gặp lộ Cái Sắn.

Kinh Đồn Dong rộng độ 40, 50 thước, không biết làm thế nào để đi qua, cuối cùng tìm được thân chuối và lội được qua đến mé bên kia. Giờ này tất cả xóm nhà đều yên giấc, cố gắng không cho tiếng động, len qua xóm nhà, rồi đi theo hướng nó chỉ, không thể đi theo các đường đất mà phải băng ruộng nước mênh mông, nhiều chỗ nước lên ngang bụng và ngực.

Lội một khoảng khá xa tôi

cảm thấy mệt dữ vì đã không ăn uống không ngủ từ chiều ngày trước. Định tìm một chỗ đất cao để nghỉ, nhưng chung quanh toàn là nước, chợt thấy phía trước có một gò đất, cố lội tới, bò lên nhìn kỹ thì là những gò mả, nhưng vẫn phải ngồi nghỉ và rồi vì muối tấn công quá mạnh nên lại phải tiếp tục đi nữa. Bây giờ lại mất hướng vì trăng đã lặn và nghĩ nếu đi như thế này, không biết sẽ về đâu lại quá mệt, định tìm nhà dân vào thú thiết, may nhờ rủi chịu. Nhìn quanh thấy đằng xa có một ánh đèn. Tôi quyết định nhắm hướng đèn tiếp tục đi, sau một lúc, đến gần thì đó là một cái chòi ở giữa ruộng. Thành linh tôi nghe tiếng la từ trong nhà.

- Ai đó?

- Tôi

Tôi vừa nói vừa tới gần.

- Tôi là ai, kẻ gian sao đi giờ này?

- Không phải, tôi vượt biên bị bể, chạy từ chiều giờ tới đây.

- Phải vượt biên không nếu kẻ gian là tôi giết.

Tôi nghe giọng nói của người gốc Miền.

- Tôi vượt biên thật.

Vừa nói vừa tiến lại gần.

- Nếu vượt biên vào đây tôi giúp đỡ, lội như thế ra đến kia du kích nó bắn chết. Mà vượt biên làm chi tại nó sắp chết tới nơi rồi, đừng đi nguy hiểm lắm. Nghe nói trong người thấy nhẹ nhõm. Vào trong nhà người chủ là người gốc Miền tuổi khoảng trên 50 dựng chòi để giữ lúa. Thấy tôi lạnh run, ông trao cho tôi một bộ đồ nhà binh cũ rách, bảo mặc vào kéo cảm và nói chú mày chắc đói lắm để tao làm

cơm. Ăn cơm với khô sặc và ông không quên đem rượu đế ra bảo uống cho ấm. Vừa ăn tôi vừa kể ông nghe chuyện xảy ra. Nghe xong ông nói, mầy ở đây, sáng mai tao chỉ đường về và tao dặn hờ nếu có ai hỏi thì nói mầy là cháu vợ tao, gọi tao bằng Dượng Hai, và tao kêu mầy bằng thằng Năm. Ăn xong ông giăng mùng dưới đất và bảo tôi đi ngủ đừng sáng mai có sức đi.

Giờ đây mới có thì giờ nghĩ không biết vợ tôi và hai đứa con ra sao. Sau khi tôi nhảy xuống sông ghe trôi đi, không biết có người điều khiển không? Sau một lúc thiếp đi, thức dậy là trời đã sáng. Không để mất thì giờ, định hỏi thăm đường từ giả ông chủ nhà, nhưng ông bảo tôi ở lại chờ con ông đi gỡ cá về nấu cơm ăn rồi ông chỉ đường về. Trong lúc con ông đi gỡ cá thì ông bắc nồi cơm lên. Thành linh từ đầu bờ có một người đàn ông đi vào. Tôi hơi lo, ông chủ nhà cũng lo vì không biết tên này, Ông bảo tôi cứ bình tĩnh nếu nó có hỏi thì nói là vợ tao bảo mầy vào thăm tao.

Tên lạ mặt vào đến nhà, qua vài câu nói qua lại, hỏi thăm mùa màng, nó nói là hôm qua có hai ghe vượt biên nguy trang bằng ghe chở gạch đến vùng này bị bể, đàn ông nhảy xuống sông một số chạy khỏi, một số bị bắt. Đàn bà và trẻ con còn lại trên ghe đều bị bắt hết.

Tôi yên tâm hơn vì biết được là không có gì nguy hiểm xảy ra, sau đó nó ra đi.

Ông chủ nhà nói không biết thằng này có ý gì tao chưa bao giờ biết nó, thôi ăn cơm đặng đi. Ăn cơm xong khoảng 8 giờ sáng, ông chỉ chiếc ghe nằm trên sân trước nhà và nói, để tao đẩy ghe này xuống đưa mày về chắc ăn hơn. Ghe này ông đem lên mấy ngày trước để trét lại.

Tôi vô cùng cảm động sao gặp người quá tốt vậy, rất ái ngại, không biết bao giờ mới trả được ơn này. Ông chủ nhà cảm biết, ông nói đừng nghĩ gì hết, tao giúp mày sau này có người khác giúp tao. Tôi định trả lại ông bộ đồ nhà binh, ông bảo tôi giữ lấy và nói rất tiếc tao không có bộ nào tốt hơn.

Tất cả chuẩn bị xong xuôi, ông trao tôi một cái dầm, bảo bơi phía trước, con tao bơi phía sau, tao ngồi giữa, có ai hỏi gì để tao nói.

Xuống đi theo con rạch ngoằn ngoèo, xuyên qua các đám ruộng, nhiều chỗ rất cạn và hẹp, phải leo xuống đẩy mới qua được. Dọc đường người ta làm lúa rất đông, đi xuyên qua đám người này, đề tài bán tán của họ là vụ vượt biên chiều qua.

Khoảng 12 giờ xuống ra đến kinh Đồn Dong, kinh mà ghe gạch đã đi hôm qua, một lúc sau thì tới chợ An Hòa (Rạch Giá).

Lên chợ An Hòa, ông Miên bảo tôi theo ông về nhà, vợ ông rất tử tế cố giữ tôi lại ăn cơm rồi về, nhưng tôi nôn nóng về ngay. Cũng may là trên tay tôi còn chiếc nhẫn cưới. Tôi nhờ ông Miên chỉ tiệm thợ bạc, tôi bán được 55

đồng, có thể tạm đủ tiền xe về Sài Gòn với giá chợ đen. Thế nhưng không thể về ngay Sài Gòn với bộ đồ nhà binh rách nát, chân không dép, lại không có giấy tờ gì trong mình hết. Tôi đi bộ vào chợ Rạch Giá tìm người quen, xin được bộ đồ và đôi dép. Sau đó trở ra bến xe để về Sài Gòn. Khi đến Bình Điền thì đã 11 giờ đêm, xe không được vào thành phố, phải đậu chờ đến 4 giờ sáng và tôi về đến nhà là 5 giờ.



Trong ngày đó má vợ tôi lo đi ngay xuống Rạch Giá để tìm vợ con tôi. Hai ngày sau là vợ con tôi về đến nhà.

Theo vợ tôi kể lại, sau khi mọi người chen nhau nhảy ra khỏi ghe bắt đầu trôi. Trong ghe chỉ còn vợ con tôi, gia đình chị Luân và vài ba người lạ. Ghe không còn ai lái, trôi lều bều, người lớn bỏ chạy hết, chỉ còn lại vài đứa nhỏ trên mũi. Ghe trôi qua các xóm nhà ven sông, trong nhà mọi người túa ra xem, mấy người trên ghe nhảy xuống sông và lội lên bờ. Thấy cũng cạn khoảng tới ngang bụng, sau khi chần chờ một lúc, vợ tôi phải cống Thúy trên vai, tay kia dẫn Trang

lội vào bờ. Khi tới mé bờ, dân làng có y bao vây không cho đi trốn. Các người độc thân lần trốn được hết, còn lại chỉ còn vợ con tôi, và gia đình chị Luân. Cuối cùng đám dân làng lừa vào một cái nhà gần đó. Khoảng 9, 10 giờ đêm có tên công an đến cho biết chờ nó sẽ chuyển đi. Vào nửa đêm thì tụi nó đến lấy lời khai và đưa đi, dọc đường chúng nó bảo là có tiền bạc gì cho nó nếu về trạm cũng bị lấy hết. Chúng đưa về một trạm gát, ở đây lập hồ sơ đưa về trạm chính giam người vượt biên tại Rạch Giá. Bị giam ở đây hai đêm thì nghe là tổ chức có lo nên vào trưa ngày thứ ba thì vợ con tôi, và gia đình chị Luân được thả. Giờ này không còn xe về Sài Gòn nên phải ngủ lại bến xe và sáng hôm sau thì về Sài Gòn.

IV. Chuyến Thứ Tư.

Sau lần thất bại này, quá mất tinh thần, lại cũng không còn khả năng để đi nữa, nhưng vẫn rất khổ tâm vì số tiền mượn người thân ở Mỹ. Thế nhưng còn một chút hy vọng là trước khi đi, ông Hai Tân có hứa nếu bế đi không được, ông sẽ hoàn trả phần vàng đưa sau cùng. Hy vọng để hy vọng, chờ việc lấy vàng lại là chuyện khó có. Đã hơn hai tháng rồi không được tin tức gì của ông hết. Sau cùng rất mừng được người quen cho biết ông còn ở lại. Tôi và Luân bằng mọi cách đi tìm và đã gặp lại ông. Ông cho biết là sẽ tổ chức đi lại trong 4, 5 ngày nữa, chỉ giữ một số người cũ, trong đó có

gia đình tôi và Luân và kêu thêm một số mới để có trả chi phí.

Sáng hôm sau, tôi đi dạo đường với ông Hai Tân, đi bằng ghe nhỏ từ Cần Thơ vào Chương Thiện ra sông Cái Lớn và 8 giờ tối thì đến Tắc Cậu, Ngủ đêm tại đây để xem tình hình. Sáng hôm sau đi dò qua đất liền Rạch Giá, rồi đi xe qua ngã Minh Lương về Rạch Sỏi.

Kế hoạch là ngày hôm sau ghe đánh cá sẽ từ Hòn Tre vào Rạch Giá, vài ngày sau sẽ đi. Ông bảo về Sài Gòn chờ, đừng cho bất cứ người nào trong nhóm cũ biết, trước khi đi ông sẽ lên cho hay.

Ngày 23/12/80, ông lên cho hay là ngày 24 xuống Cần Thơ, đến tối sẽ xuống ghe nhỏ và ra luôn. Tôi và Luân đi ngay xuống Cần Thơ ngày 23 để nắm chắc tình hình, gia đình sẽ xuống ngày 24, chúng tôi sẽ đón tại bến xe.

Chúng tôi ngủ đêm tại nhà người thân ông Hai Tân, ngày hôm sau chuẩn bị đón gia đình từ Sài Gòn, dự định khoảng chiều xuống tới. Thế nhưng khoảng một giờ trưa thì một anh trong tổ chức từ Rạch Sỏi qua, trông vẻ mặt là tôi đoán không ổn rồi. Anh nói ghe bị hư bánh lái không đi được tới nay. Tụi nầy rất hoang mang không biết thực hư thế nào. Anh Luân về Sài Gòn, tôi phải ở lại để đón gia đình xuống và phải ngủ lại ở Cần Thơ. Sáng hôm sau vợ con tôi trở về Sài Gòn còn tôi ở lại, tình hình không thể rồi ông Hai Tân được, vì ông hứa chiều sẽ gặp lại. Thế nhưng đợi mãi

đến 5 giờ không thấy ông nên tôi về Sài Gòn, một lần nữa phải lại ở Bình Điền, sáng hôm sau mới về nhà.

V. Chuyến Thứ Năm.

Hai ngày sau, ông Hai Tân gọi cho hay là sẽ đi ngày 31/12/80.

Sáng sớm ngày 31/12/80 tôi đi trước còn gia đình sẽ đi vào lúc 11 giờ trưa và hẹn tôi sẽ đón tại bến xe Cần Thơ. Đến Cần Thơ, sau khi gặp tổ chức để biết chắc kế hoạch, tôi trở ra bến xe để đón gia đình. Kế hoạch chia làm ba nhóm. Nhóm một là nhóm của gia đình tổ chức đi ngã Rạch Giá, nhóm thứ hai là nhóm Cần Thơ, nhóm nầy chỉ tiền trong chuyến đi nầy và sẽ đi ra ngã Cà Mau. Gia đình tôi đi ra ngã Chương Thiện. Năm giờ sáng hôm sau, gia đình tôi đi tuyến dò Vĩnh Thuận vào Chương Thiện, xuống tại bến Ninh Kiều Cần Thơ, Bảy giờ đồ bắt đầu chạy, theo kế hoạch, khoảng một giờ trưa gia đình tôi sẽ lên bến dò ở đầu lộ Vĩnh Tuy cách Chương Thiện khoảng 25 cây số về phía sông Cái Lớn và sẽ có ghe đậu sẵn chờ để đưa đi ngay. Nhưng khi đến nhìn quang không thấy ghe nào tới đón, nên phải lên bến để chờ.

Tại bến dò nầy có hai cái nhà nối liền với xóm nhà biệt mù bên trong bằng con lộ đất tên là lộ Vĩnh Tuy. Khi dò mới ghé, khách lên khá đông, nên ngồi chờ không ngại lắm, nhưng chỉ 10 phút sau, một số người chuyển ghe khác đi, một số đi bộ theo bờ đất, lần lượt đi hết chỉ còn lại gia đình chúng tôi.

Người dân ở hai nhà để ý hỏi, tôi nói là chờ người nhà ra rước, sao chưa thấy. Thời gian trôi rất nặng nề, không thấy ghe tới rước, nghi là chắc có chuyện gì rồi, rất là lo. Mặt trời đã bắt đầu xế bóng, đồng hồ đã gần bốn giờ, nguy quá rồi, ở đây chắc là phải bị bắt, vì làm sao mà về, và phải ngủ ở đâu? Cố tìm trên sông những ghe đi hướng trở ra Chương Thiện, để xin quá giang nhưng không có ghe nào thỉnh thoảng chỉ có vài chiếc vỏ vọt chạy sát mé sông bên kia, vậy kêu không ai để ý, mặt trời xuống dần, thật là cuống quỳnh lên, không biết phải làm thế nào!

Thình lình phía đằng xa trên bờ đất có một ông già đi lại, khi đến gần thấy trên vai ông có mang mấy cái cửa và rồi ông ngồi bên bờ kinh gần chỗ tụi nầy, có vẻ đang chờ ai. Tôi mạnh dạn đến hỏi thăm thì ông cho biết là ông đi bán cửa trong xóm, đến đây chờ ghe ông chủ ra để đi về Chương Thiện. Nghe thế tôi rất mừng nên nói với ông là gia đình tôi chờ người nhà ra rước mà sao không thấy nên phải kiếm ghe quá giang trở về Chương Thiện, ông nói chút nữa hỏi ông chủ ghe.

Khoảng nửa giờ sau, từ đằng xa dọc theo con kinh thấy một chiếc ghe nhỏ có gắn máy từ trong Vĩnh Tuy chạy ra và ghé lại ngay chỗ ông gia đang đợi. Tôi kêu gia đình đến, vừa hỏi ông chưa kịp trả lời thì vợ con tôi đã nhảy xuống ghe để ông

không nở từ chối.

Mặt trời đã bắt đầu khuất dần sau những rặng cây phía bên kia sông, ghe ngược dòng về Chương Thiện, thật là hú hồn vậy! Dọc đường qua câu chuyện trao đổi, tôi biết là ông chủ ghe đoán được sự thật nhưng ông rất tốt, ông cho biết ông sẽ về đến Cần Thơ, nếu đến Chương Thiện mà không có xe thì ông sẽ cho có giang đi đến Cần Thơ luôn.

Về đến Chương Thiện, khoảng 11 giờ đêm, ông cho ông già vác chài đi dạo dẫn tôi lên bến xe xem tình hình có đi được không, tôi gởi tiền nhưng ông không nhận. Từ già ông chủ ghe, gia đình tôi theo ông già đến bến xe, rất may có một chiếc xe đồng ý đi bao về đến Cần Thơ là 500 đồng. Về đến Cần Thơ quá nửa đêm, đến nhà người quen cho gia đình ngủ qua đêm, tôi gấp rút đến nhà ông bố vợ ông Hai Tân xem chuyện gì đã xảy ra thì được người nhà cho biết là ghe lớn không ra được, nhưng sau đó thì vợ ông Hai Tân nói là cánh đi ra ngã Rạch Giá đã bị bắt nên phải đình lại, nhưng rồi lại nói là chiếc ghe thuộc tổ chức B2, tức tổ chức vượt biên dõm của VC để lấy vàng. Sự thật thế nào thì không thể biết được!?

VI. Chuyến Thứ Sáu.

Sáng hôm sau, nhằm ngày 2/1/81, tôi đi theo vợ ông Hai Tân qua Rạch Sỏi, chỗ xuất phát còn gia đình trở về Sài Gòn. Đến Rạch Sỏi thì được biết có một chuyến ghe đưa ra bị bắt đang lo tiền, và cố gắng tổ chức đi lại ngay. Tối

hôm đó tôi không dám ngủ tại Rạch Sỏi phải trở lại Cần Thơ điện thoại về Sài Gòn cho biết tình hình. Sáng hôm sau, tức ngày 3/1/81 tôi trở lại Rạch Sỏi. Tổ chức cho biết chờ ông chủ ghe mới quyết định dứt khoát và ông chủ ghe có yêu cầu là đi ngày 6/1/81, nếu không thì phải đợi hơi lâu. Cuối cùng tổ chức quyết định đi ngày 6/1/81, chỉ có hai ngày để chuẩn bị. Một vấn đề lớn là kế hoạch cũ không còn dùng được, tiền bạc chi ra đã mất hết, phải bắt đầu lại. Tôi nhận thấy tổ chức không còn muốn trách nhiệm lo cho nhóm mình nữa, thật là bối rối vô cùng. Lần này mỗi nhóm tự lo di chuyển ra ghe lớn, mà chỉ còn hai ngày, tôi lại còn phải lo đưa gia đình từ Sài Gòn xuống.



Đang bối rối thì khoảng 3 giờ chiều tổ chức có bắt được một đường "Taxi" đưa ra từ Rạch Sỏi, giá mỗi người là nửa cây. Tôi đến nhà anh taxi để biết, sau đó mượn xe Honda của ông Hai Tân để trở lại Cần Thơ, lúc ấy khoảng 5 giờ chiều, định đi xe đêm về Sài Gòn đem gia đình xuống Cần Thơ ngày hôm sau. Nhưng rất may về đến Cần Thơ khoảng 9 giờ

đêm thì gặp anh Luân, anh Luân sau đó phải trở về Sài Gòn khuya hôm ấy để đem hai gia đình xuống sáng hôm sau, còn tôi trở lại Rạch Sỏi để theo dõi tình hình giờ chót và sẽ trở lại Cần Thơ cùng ngày để đón gia đình. Gia đình tôi và gia đình Luân đến Cần Thơ khoảng 6 giờ chiều, ngủ đêm tại Cần Thơ, qua sáng ngày 5/1/81 khởi hành đi Rạch Sỏi. Theo kế hoạch anh taxi đón gia đình tôi khoảng 10 giờ tại bến xe Rạch Sỏi, đưa vào chỗ ém, và tiếp theo sau 12 giờ và 4 giờ là hai toán gia đình anh Luân. 10 giờ gia đình tôi đã đến chỗ hẹn, đợi đến 12 giờ, quá sốt ruột, tôi đi đến nhà anh taxi thì anh có vẻ tỉnh bơ, thật là tức vô cùng. Anh dẫn đi một vòng ra chợ để mua cái nom đựng cá và một quày chuối để ngụ trang như người đi làm lúa xa, sau đó trở lại gặp gia đình. Anh này giới thiệu một người khác và bảo gia đình tôi đi theo. Anh này dẫn đến bến đò Vĩnh Thuận đi qua đò vào khu cù lao vườn Ổi.

Sau đó tôi gấp rút trở lại gặp toán chị Luân, nhưng vì lý do nào đó, anh hướng dẫn này không chịu đi ngay mà dẫn dè mãi đến hơn 3 giờ chiều mới đưa toán này đi.

Đến khoảng 5 giờ thì toán anh Luân đến tôi đưa tới bến đò Vĩnh Thuận, chờ anh hướng dẫn. Giờ này bến đò đã vắng khách, đò đi Vĩnh Thuận không còn chạy nữa, chỉ còn một số nhỏ hành khách trễ đò, những người này mượn chiếu ông chủ đò trải ngủ qua đêm rải rác chung quanh, tôi

và Luân cũng vả vờ mượn chiếu như hành khách trẻ đồ, nhưng không qua được mắt ông chủ đồ, sau khi trao chiếu nhận tiền rồi một lúc ông lại nói lớn có tính cách chung nhưng cố ý cho tụi này nghe là: “Ai ngủ qua đêm cần có giấy tờ vì công an sẽ hỏi”. Thấy không ổn, tôi nhớ trước đó ông Hai Tân có lưu ý là nơi đây rất nguy hiểm. Tôi bàn với Luân ra khu phía ngoài, kiếm quán nào ngồi chờ, nhìn chung quanh, hình như mọi người để ý, rất lo sợ, rồi anh taxi đến nhưng đặt lại vấn đề tiền bạc. Lúc đầu điều kiện là sau khi đưa xong sẽ trả, tiền giao cho cô Ba của anh Luân giữ, chờ tại Rạch Sỏi, khi có kết quả mới giao, bây giờ lại đòi trả trước phân nửa mới chịu tiếp tục, đành phải chịu vậy.

Thế rồi, anh cho người dẫn xuống bến đò và chờ đò đưa qua vườn Ổi. Sau khi qua đò, trời đã bắt đầu tối, anh hướng dẫn đưa vào nhà một người Tàu, đi thẳng vào trong buồng phía sau. Cũng cùng một sách, giở mừng lên thì thấy vợ con tôi và gia đình chị Luận ở trong đó thở phào nhẹ nhõm, thật là một giai đoạn vô cùng hồi hộp. Thế nhưng vẫn còn lo, không biết có yên chưa vì từ chiều đến giờ nhiều người để ý.

Giờ này là khoảng 8 giờ tối. Theo kế hoạch là 12 giờ khuya sẽ rời nhà đi ra mé biển đúng 1 giờ, có ghe vỏ giọt đưa xuống Xẻo Bần để gặp ghe lớn cách đó khoảng 40 cây số.

Đúng 11 giờ đêm, mọi người thức dậy chuẩn bị, chia ra mỗi toán 6 người đi theo 2 người

hướng dẫn. Một người đi trước hơi xa độ đường rồi tới người thứ hai dẫn đầu toán, mỗi người nắm tay nhau đi. Lợi băng đường ruộng cỏ lên đến bưng, khá xa thì đến một vườn ổi lớn nằm sát mé biển. Các toán phân tán ra nằm rải rác ở các gốc ổi chờ ghe đến.

Đợi mãi đến 3 giờ sáng vẫn không thấy ghe đến, bắt đầu lo vì đã bị nhiều lần rồi. Trời sắp rạng đông vẫn chưa có ghe. Cận mé biển, có con đường mòn, dân địa phương đã bắt đầu gánh hành ra chợ. Mấy anh tổ chức lo sợ, cuối cùng cho đi chuyển vào cái nhà gần đó để ém lại tạm rồi sẽ tính sau. Trời đã sáng rồi, thật là chán nản vô cùng, chắc là sẽ bị bắt nữa thôi, vì ở đây là cù lao, mệt mỏi quá tôi đang mơ màng, bất thình lình nghe người đánh thức và nói lên đi có ghe đến rồi. Mừng quá kéo vợ con trở ra mé biển. Đến nơi lại chưa thấy ghe nên phải phân tán ra tìm chỗ ẩn. Vừa chui vào các bụi ổi, thì ghe tới, tất cả chạy ào ra lẹ làng nhẩy xuống hai ghe vỏ giọt đậu sát bờ, rồi đẩy ghe lui ra và giựt máy, ghe kia giựt vài cái thì chạy còn ghe tụi này giựt hoài mà không chạy, mọi người cố mọp người sát xuống đồng thời dùng tay bơi đẩy ghe ra xa bờ, trong lúc vẫn cố giựt máy, anh lái ghe vừa giựt máy vừa chửi thề: “Đ.m, bộ trời hại rồi sao!”. Mọi người đều lên ruột. Chiếc kia quay trở lại để phụ kéo ra ra. May thay khi ghe kia vừa tới thì máy chạy được, mọi người thở phào. Hai ghe xả hết tốc lực trực chỉ hướng Xẻo Bần. Tất cả nằm rạp xuống, tôi liếc mắt

nhìn những hàng cây trên mé xa dần.

Hai chiếc chạy về hướng Cà Mau khoảng 1 tiếng đồng hồ thì thấy đằng xa có một chiếc ghe lớn từ biển chạy vào. Anh lái nói có lẽ tàu đánh cá quốc doanh, mình phải tìm cách tránh, tuy nhiên để ý thấy có hai cái thùng xăng lớn sơn màu vàng trên mũi, dấu hiệu của ghe mình. Tôi quả quyết với anh lái đúng là ghe mình rồi vì tôi có dịp đã thấy ghe hôm trước. Trong lúc ấy thì thấy chiếc vỏ giọt kia vọt tới chiếc ghe lớn. Lập tức chiếc này cũng lao theo. Lăn lượt hai chiếc cặp vào ghe lớn, mọi người hồi hã nhẩy lên, chủ ghe bảo xuống hầm ngay, sau đó ông chủ ghe lại cho biết là chưa đi ngay được, vì còn phải rước ba ghe nữa của gia đình ông tổ chức tại Xẻo Bần cách đó khoảng 30 cây số lúc 11 giờ trưa. Thế là ghe trực chỉ Xẻo Bần, trên đường đi Cà Mau. Đến chỗ hẹn, ghe chạy thật chậm để chờ, mãi đến 12 giờ, không thấy ghe nào hết. Ông chủ ghe sốt ruột quá, sợ chạy tới chạy lui một chỗ bị lộ, nên cho chạy lần trở về Rạch Giá, nếu không gặp thì không thể đi được và chấp nhận hậu quả, vì không có người lái và không đủ xăng dầu. Chạy khoảng 1 tiếng đồng hồ thì thấy đằng xa có một chiếc vỏ giọt chạy phóng tới, rồi tiếp theo chiếc thứ hai, rồi chiếc thứ ba trông rất đẹp... Mừng rỡ vô cùng không kềm được reo vang lên, mặc dầu có các ghe câu rải rác gần đó. Các chiếc vỏ

giọt cặp vào, người và tiếp liệu gấp rút chuyển qua nhanh gồm có máy phụ và 200 lít dầu. Tưởng đã xong, nhưng rồi ông tổ chức lại còn cho biết đến cửa sông Ông Đốc phải lấy thêm 200 lít dầu và mấy khẩu súng AK để hộ thân, vì hiện chỉ có 400 lít, chạy rất nguy hiểm. Khoảng 4 giờ thì ghe đến chỗ hẹn, chờ mãi đến hơn 5 giờ, không thấy ghe chở dầu đến. Không thể chờ nữa, cuối cùng quyết định đi, nếu may chạy không lạc và không phải né tránh cướp thì may ra đủ, thật là phiêu lưu.

Như vậy khởi hành từ Đá Bạc, Cà Mau khoảng hơn 5 giờ chiều ngày 6 tháng 1 năm 1981. Theo tài công thì từ Hòn Chuối lấy hải bàn 220, 230 độ, chạy với tốc độ 11 cây số / giờ và chạy 13, 14 giờ thì lấy lại 240, 250 độ.

Hừng sáng hôm sau đến hải phận, mọi người thở phào nhẹ nhõm vì đã thoát được Việt Cộng, giờ chỉ còn lo hải tặc thôi.

Gia đình tôi và gia đình Luân đã chuẩn bị sẵn khi đến hải phận, vợ và con gái sẽ cạo đầu và mặc áo cà sa, thoa nghệ lên mình để cho da dẻ vàng vọt xanh xao, vì hy vọng rằng bọn cướp người Thái Lan, sùng đạo Phật gặp ni cô chúng sẽ tha, Trước khi cạo đầu, tôi có xin phép ông Hai Tân, ông cầm động và nói: “Chú làm sao miễn bảo vệ được thiêm và cháu, vì tôi cũng không có cách nào”. Rồi ông cũng cho ba đứa con gái của ông cạo luôn. Tôi và Luân dùng lưới lam cạo râu để cạo, và đã mất rất nhiều thời gian mới xong tổng cộng

là 9 ni cô. Cháu Trang, lúc ấy 11 tuổi cũng cạo nhưng chưa cái chóp như chú tiểu.



Trời hôm nay trong xanh thật đẹp, biển phẳng lặng, đàn bà, trẻ con được lên boong tàu, nhìn xem những đoàn cá nước đua lượng rất đẹp mắt. Tàu trực chỉ lướt sóng theo hướng đã định, nhưng giờ đây lại lo sợ gặp hải tặc nên dăng mắt nhìn tứ phía và rất mong gặp tàu ngoại quốc.

Đến xế trưa thì máy phụ bị hư, ghe chạy hơi chậm lại, bắt đầu lo. Trời tối dần, về đêm có gió nhẹ, bầu trời nhiều sao, ghe vẫn từ từ lướt sóng. Rồi khoảng hơn 8 giờ đêm thì thấy đằng xa một vùng ánh sáng không biết là gì, có thể là ghe đánh cá Thái Lan hoặc tàu ngoại quốc, mọi người hồi hộp.

Sau một lúc thì thấy rõ vùng ánh sáng thật lớn, đoán là tàu lớn, ghe trực chỉ theo hướng ánh sáng một lúc khá lâu, qua ống dòm thì nhận ra lá cờ Mỹ bay phất phới trên cột cao. Mọi người vô cùng mừng rỡ reo âm lên. Khi đến gần thì đó là giàn khoan dầu của Mỹ, lúc đó vào khoảng 10 giờ đêm.

Ghe muốn cặp vào giàn khoan, nhưng người Mỹ to lớn trong bộ jumpsuit xanh khoát tay không cho cặp vào và bảo

đến một chiếc tàu đậu cách đó khoảng 1 cây số, đang lúc lưỡng lự chưa muốn đi, người Mỹ hiểu ý nên xác nhận là tàu kia là tàu dầu của họ. Ghe rời giàn khoan và chạy tới chiếc kia, khi đến gần đứng là tàu dầu. Trên tàu đã có khá đông người vượt biên được vớt trước. Tàu nầy đồng ý cho lên nhưng phải chờ lệnh từ Thái Lan, trông lúc chờ đợi, họ yêu cầu lập danh sách, đồng thời họ có chuyển cháo và cá khô cho ăn.

Rạng sáng sớm hôm sau, ngày 8/181, được lệnh chuyển qua tàu lớn. Sau khi tất cả được lên tàu, chiếc ghe được lệnh phá hủy, ông chủ ghe nhìn theo chiếc ghe từ từ chìm xuống lòng đại dương mà hai hàng nước mắt chảy dài xuống má, mọi người cũng rất cảm động.

Suốt ngày hôm ấy ở trên tàu dầu, được tắm giặt ăn uống đầy đủ. Đến khoảng 5 giờ chiều tàu nhổ neo trực chỉ Songkla. Trên đường đi nầy nơi thấy thật là phúc đức vô cùng, vì tàu đánh cá Thái Lan dày dặt hai bên, người trên tàu trông có vẻ rất khả ố, những tàn nầy trở thành hải tặc ngay khi gặp ghe vượt biên.

Sáng hôm sau là tàu đến cảng Songkla, lần lượt lên bến và sắp hàng làm thủ tục giấy tờ và được xe đưa đến trại Songkla, làm thủ tục nhập trại ghe mang danh số KG0042, nhập trại ngày 9/1/81, tổng cộng 81 người. Trong lúc chờ làm thủ tục nhập trại, đồng bào trong trại chạy ra xem và nói với nhau: “Chùa nào vượt

biên, chắc hết cả chùa mà toàn là ni cô”.

Thời gian sống tại trại Songkla mới thấy chuyển đi của mình vô cùng may mắn, mỗi khi có nhóm người vượt biên mới đến thì đều được ban thông tin loan báo xuất xứ, số người và cuộc hành trình, hầu như 90% ghe đều bị cướp, hãm hiếp và bị giết. Có một gia đình nằm giường bên cạnh, hằng đêm nghe khóc, được biết là người vợ bị hiếp trước mặt chồng! Nhiều người đến nơi sau khi đã tấp vào đảo Kora cả tháng trời, đói khát gần chết họ trông người tới dù là bọn cướp để có thể có gì ăn. Có một số ghe đến chỉ còn vài người. Chuyện hải hùng trên biển cả và sự dã man của bọn cướp Thái Lan không sao kể xiết.

Trại Songkla nghe nói là trại kiểu mẫu gồm 40 dãy xây dọc theo bờ biển thuộc vịnh Thái Lan, biển cát thật đẹp, những ngày sống ở đây mặc dầu thiên thốn tiện nghi nhưng rất vui vì thấy đã thoát được CS. Chúng tôi ăn Tết ở đây, khoảng 20 ngày sau được gọi phỏng vấn và approved. Ngày 25/2/81 rời Songkla đi Panat Nikhom.

Trại Panat Nikhom thuộc tỉnh Chonburi cách trại Songkla khoảng 20 giờ xe bus, xe chạy xuyên qua các làng mạc Thái Lan, trông thật đẹp mắt, thỉnh thoảng len vào những ý nghĩ về tương lai rất là phấn khởi. Trại Panat Nikhom là trại chuyển tiếp. Chúng tôi ở đây khoảng 2 tuần lễ, được khám sức khỏe và ngày 14/3/81, rời Panat

Nikhom đi Bangkok, tạm trú tại trại Lumpmini. Trại này không như Songkla hay Panat Nikhom, mà rất dơ, dơ kinh khủng, mùi cống rãnh xông lên nặc nồng, ruồi nhặng muỗi bay đầy, côn trùng bỏ lúc nhúc dưới lưng không tài nào ngủ được. Nghĩ nếu phải chờ đợi đây lâu mà lạnh mình, nhưng cũng may, thỉnh thoảng vào chàng dạng tối hôm sau gia đình tôi có danh sách đi Galang và được biết phải thu xếp đi ngay. Khi ra đến cửa cổng thì thấy xe bus đã đậu sẵn và bắt đầu gọi tên. Khoảng 9 giờ đêm, xe rời trại và trực chỉ phi trường Bangkok. Xe chạy khoảng 1 tiếng là tới phi trường. Sau đó chúng tôi được đưa bằng máy bay đến Singapore và được đưa bằng tàu đến Indonesia.



Khoảng 8 giờ sáng thì tàu rời bến cảng Singapore, chạy ra biển khơi độ 1 tiếng thì đi vào một vùng quần đảo trùng trùng điệp điệp trông rất đẹp. Đây là quần đảo Indonesia. Đến 12 giờ trưa, tàu cập bến đảo Galang, làm thủ tục và được đưa vào trại Galang II cách đó khoảng 10 cây số. Galang II vừa mới xây cất xong nên rất sạch sẽ. Gia đình tôi được cấp một barrack hai tầng, tầng trên để

ngủ, tầng dưới là bếp và nhà ăn.

Chúng tôi ở đây khoảng 20 ngày thì được phái đoàn Indonesia làm hồ sơ và sau đó khoảng 10 ngày thì được phái đoàn Mỹ phỏng vấn lần chót. Thời gian ở đây tôi có tham gia tổ chức các lớp Anh văn do giáo viên người Indonesia giảng dạy, còn gia đình thì tham gia các lớp học. Nhờ vậy mà thời gian qua khá mau.

Ngày 29/6/81 được loa phóng thanh đọc danh sách có tên đi Mỹ, thật hết sức vui mừng, sau đó được ký giấy nợ và vào khoảng 2 giờ chiều ngày 30 tháng 6 năm 1981, gia đình chúng tôi rời Galang trở lại cảng Singapore vào lúc 6 giờ chiều, lên xe bus chạy khoảng hơn một giờ thì đến chỗ tạm trú. Khi vừa đến nơi thì được biết gia đình chúng tôi có danh sách đi Mỹ chuyển 4 giờ khuya ngày 2 tháng 7 năm 1981. Chúng tôi đến Mỹ bằng chuyến bay 747 có ghé qua Hongkong, Tokyo và đến phi trường Lax vào trưa ngày 2 tháng 7 năm 1981.

Thời gian thẩm thoát mà đã 19 năm rồi, thật là bóng câu qua cửa. Nhìn lại con đường dài đầy hiểm nguy và may rủi mà gia đình tôi đã trải qua, chúng tôi thấy rất nhiều ân nhân mà không biết bao giờ đền đáp được. Chúng tôi kính xin tạ ơn Trời Phật đã có được cuộc sống hôm nay.

RSM, năm 2000
Phổ & Kiều Hoa Nguyễn

THƯ NGỎ

Kính thưa quý độc giả,

Gần đây có độc giả gửi thư và điện tử thư cho Phật học, khen ngợi và hỏi về tác giả Hồng Dương, người đã viết những bài về Trung Quán Luận, chúng tôi xin phép được giới thiệu:

Đạo hữu Hồng Dương là giáo sư Nguyễn Văn Hai, tốt nghiệp Tiến Sĩ Quốc Gia về Toán học tại Sorbonne, Paris, từng giữ chức Hiệu trưởng trường Quốc Học Huế, Giám đốc Nha Học chánh Trung và Cao nguyên Trung phần Việt Nam, Phó Viện trưởng kiêm Khoa trưởng Đại học Khoa học Viện Đại học Huế, Phó Giám đốc Trung Tâm Liễu Quán của Phật giáo Huế, nguyên Dân biểu Quốc Hội thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Từ năm 1975, Đạo hữu định cư tại Hoa kỳ và là Giáo sư tại Đại học Kentucky, hiện đã nghỉ hưu, đang dành hết thời giờ để nghiên cứu viết về Trung Quán Luận.

Về dự định, Giáo sư sẽ viết về gồm 3 phần :

- Nhận Thức và Không Tánh.
- Luận giải 27 Phẩm của Trung Quán Luận.
- Các tông phái Phật giáo Trung quán.

Phần Nhận Thức và Không Tánh, Giáo sư ưu ái viết riêng cho độc giả Phật học, được khởi đăng từ số 60, phát hành tháng 7/1999, tiếp tục thêm số này và số sau là hết. Toàn bộ những bài viết ấy, Phật Học gom góp lại để in thành sách, tựa là “Tìm hiểu Trung Luận : Nhận thức và Không tánh”. Sách dày trên 500 trang.

Viết về Trung Quán Luận ở trong nước cũng như ở hải ngoại đều có, nhưng hiếm hoi, đếm trên đầu ngón tay, trong đó có Thượng tọa Tuệ Sĩ là người thâm hiểu Trung Quán, Thượng tọa đã viết quyển Triết Học Quán Không do nhà An Tiêm ở Sài Gòn phát hành năm 1970, ngày nay vẫn là quyển sách sáng giá nhất về Không Tánh. Thượng tọa Tuệ Sĩ viết trên cương vị tu sĩ, thâm cứu và chứng nghiệm, còn Giáo sư Nguyễn Văn Hai viết ở cương vị nhà khoa học, ông trình bày những học thuyết tân thời đang đi tới và đụng phải Tánh Không, cho nên sách rất có giá trị.

Vì Nguyệt San Phật Học không đủ tài chánh để in, chúng tôi những người chủ trương, một lần nữa kêu gọi quý độc giả đóng góp tịnh tài để ấn tống sách này, một là để hoằng dương Phật pháp, hai là như lời Phật dạy bố thí pháp công đức vô lượng.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát!

BBT/NS/Phật Học

Louisville, ngày 6 tháng 4 năm 2001

Thân gửi Anh Chị.....

Sau đây tôi xin trình bày một số vấn đề để xin giúp đỡ.

Nguyên là bấy lâu tôi có viết một số bài học Phật đăng trong tờ báo biếu Phật học, xuất bản hàng tháng ở Louisville, và trong tập Văn, ở Sài Gòn mỗi năm ra ba số nhằm dịp lễ Phật thành đạo, Vu Lan và Phật Đản Sanh, nay bên nhà và ở đây đang sắp xếp, thu góp tất cả bài tôi viết thành một tập sách lấy nhan đề là :Tìm hiểu Trung luận: NHẬN THỨC VÀ KHÔNG TÁNH. Sách dày gần 500 trang, khổ 5.5 x 8.5 in. Tác giả là Hồng Dương Nguyễn Văn Hai.

Về sách in bên nhà do Viện Phật Giáo Việt Nam ở Huế đảm nhận, tôi tình nguyện gánh vác mọi phí tổn ấn loát. Sau này tiền sách bán được xin cúng dường Viện PGVN tại Huế.

Vấn đề là nhờ anh chị giúp quảng cáo việc ấn tống sách tôi ở bên này. Hiện nay nguyệt san Phật Học không đủ tiền phí tổn ấn loát nên kêu gọi đóng góp thêm tiền để sau này có thể gửi sách đến tất cả độc giả của Phật học và khắp tu viện ở mọi nơi trên thế giới. Tôi xin gửi theo đây một số báo PH để anh chị có đôi chút ý niệm về tờ báo. Trong số này có kêu gọi đóng góp tịnh tài để thực hiện việc ấn tống.

Địa chỉ gửi tiền ủng hộ, xin ghi trên chi phiếu: Ấn tống sách TÌM HIỂU TRUNG LUẬN và gửi về địa chỉ:

Phật Học
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252-

Tôi xin trích ra đây hai đoạn văn nhận định về tác phẩm đầu tay của tôi viết về Phật giáo. Một là trích đoạn cuối lời giới thiệu (dài 2 trang) do HT Thích Thiện Siêu, Viện trưởng Học Viện PGVN tại Huế viết.

1.- *"Đạo hữu Hồng Dương Nguyễn Văn Hai nhờ tôi có vài lời nhận định về tác phẩm này. Tôi nhận thấy đây là một tài liệu nghiên cứu phong phú về nội dung và khúc chiết, sáng sủa về hình thức, cần thiết cho giới nghiên cứu Phật học và nhất là cho các tăng ni sinh của các học viện Phật giáo tại Việt nam. Xin trân trọng giới thiệu cùng chư vị thức giả".*

Huế, Trọng Xuân - Tân Tỵ 2001

Hòa Thượng Thích Thiện Siêu
Viện trưởng Học Viện PGVN tại Huế

2.- Và một email của thầy Tuệ Sĩ, hiện nay bị giam lỏng ở chùa Già Lam, Gia Định, trong đó thầy nêu ra một số nhận định về sách của tôi.

Date: Wed, 14 Mar 2001 05 : 10 : 53 + 0700

Kính gửi thầy Hồng Dương,

Thưa Thầy,

Cám ơn Thầy gửi cho hai quyển sách do chị Nga mang về. Tôi rất thích quyển sách của Thầy: Nhận Thức và Tánh Không. Các bài Thầy gửi tôi từ trước, tôi có in ra để đọc tập hợp được hơn 88 trang. Tôi có ý định chờ khoảng 200 trang thì in ra chừng vài trăm quyển phổ biến làm tài liệu cho các tăng ni học. Nay thấy sách Thầy đang chuẩn bị ấn tống tôi rất mừng. Nhưng chắc là không thể gửi về Việt Nam được nhiều. Khi nào có sách, nếu được Thầy đồng ý, tôi sẽ tìm phương tiện in hay photocopy một số. Môn Luận lý học trong Phật Giáo ít được nghiên cứu. Việt Nam rất thiếu tài liệu, vì vậy sách của Thầy rất cần. Tôi cũng muốn các tăng ni sinh có kiến thức cơ bản về những liên hệ giữa Phật pháp và khoa học để có thể hiểu sâu hơn Phật pháp.

Tôi định post bài Apoha của Thầy lên mạng, nhưng mấy hôm nay bận mấy công việc lật vật, đọc chưa xong nên chưa gửi đi được. Nay được thầy đã đồng ý, tôi sẽ đưa dần một số bài trong sách của Thầy lên mạng.

Kính chúc Thầy thân tâm an lạc.

Tuệ Sĩ
Saigon, 14/3/01

Tôi rất biết ơn anh chị,
Thân chúc anh chị thân tâm an lạc.

Thân,
Nguyễn Văn Hai



CHUNG VUI



*Trong thời gian qua, Ban Phụ Trách LTAHCC
nhận được các tin vui sau đây:*

* Thứ nam AH Dương Thanh Đàm là cậu Dương Thanh Nhã thành hôn cùng cô Quách Thị Mỹ, thứ nữ của Ông Bà Quách Minh Chiêu vào ngày 25/8/2001 tại Brossard, Canada.

* Trưởng nam AH Nguyễn Thạc Việt Toàn là cậu Nguyễn Thạc Việt Thắng (David) thành hôn cùng cô Yum Yu Cheng, thứ nữ của Ông Bà Kwo Kam Cheng vào ngày 25/11/2000 tại Maryland, USA.

* Trưởng nam AH Bà Bùi Hữu Thái là Bùi Hữu Thông thành hôn cùng cô Phạm Ngọc Trang, trưởng nữ của Ông bà Đặng Quốc Trinh vào ngày 28/4/2001 tại Maryland, USA.

* Thứ nữ AH Quách Huệ Lai là cô Quách Thủy Tiên (Jennifer) kết duyên cùng cậu

Lê Văn Luân, thứ nam của Ông Bà Lê văn Lợi vào ngày 14/7/2001 tại Orlando, Florida, USA.

* Thứ nữ AH Nguyễn Văn Mơ, cô Nguyễn Thị Tuyết Nhung kết duyên cùng cậu Golasky K. Richard, trưởng nam của Ông Bà Golasky Richard S. vào ngày 7/7/2001 tại Round Rock, Texas.

* AH Tôn Thất Phát đẹp duyên với cô Trương Thị Phương Thảo, thứ nữ của Ông Bà Trương Thị Kính vào ngày 30/6/2001 tại Sydney, Úc châu.

* Trưởng nam AH Tôn Thất Thiệu, cậu Tôn Thất Hóa Khoa thành hôn cùng cô Nguyễn Thị Kiều Liên, trưởng nữ của ông bà Nguyễn Văn Ba ngày 31 - 3 - 2001 tại Fremont, California

*Lá Thư Ái Hữu Công Chánh xin chúc mừng đến các Ái Hữu
có dâu hiền, rể thảo, trăm năm hạnh phúc.*

CHÚC MỪNG - CHÚC MỪNG



CHIA BUỒN

*Trong thời gian qua, Ban Phụ Trách LTAHCC
nhận được các tin buồn sau đây:*

* Bà quả phụ Thế Xuân Phạm Gia Thụy
nhũ danh Vũ Thị Thuận là thân mẫu AH
Phạm Ngọc Xuyên từ trần ngày 5/4/2001
hưởng thọ 96 tuổi.

* AH lão thành Thái Như (Khu Công
Chánh Nha Trang) đã từ trần ngày 7/1/
2001 tại Nam California hưởng thọ 83 tuổi

* Bà quả phụ Vũ Huy Nghiêm, nhũ danh
Đinh Thị Lan, là thân mẫu của AH Vũ Gia
An, nhạc mẫu AH Lê Mậu Đáo, Lê Tiến
Đạt từ trần ngày 1/3/2001 tại San Jose,
hưởng thọ 89 tuổi.

* Tỳ kheo ni Thanh Hòa, thế danh
Nguyễn Điền Lam là thân mẫu AH Bùi
Trong Cường từ trần tại Brisbane, Úc, ngày
30/5/2001, hưởng thọ 78 tuổi.

* Bà Nguyễn Thành Lễ, nhũ danh Hồ
Thị Ba là nhạc mẫu của AH Hoàng Đình
Tuyên từ trần ngày 1/5/2001 tại Pháp.

* Bà quả phụ Đỗ Kiến Nâu, nhũ danh
Nguyễn Thanh Lan là nhạc mẫu AH Phạm
Ngọc Lâm, từ trần ngày 21/6/2001 tại Or-
ange County, California, hưởng thọ 79 tuổi.

* Ái hữu lão thành Nguyễn Ngọc Tiếp từ
trần ngày 5/7/2001 tại Paris, Pháp hưởng
thọ 80 tuổi.

* Bà Phạm Thị Uyển là thân mẫu của
AH Đào Hữu Dinh, từ trần ngày 29/3/2001
tại SaiGon, hưởng thọ 67 tuổi.

* Cụ ông Phan Quang Đại là thân phụ
AH Phan Quang Nam, từ trần ngày 5/2/
2001 tại SaiGon, hưởng thọ 101 tuổi.

* Bà quả phụ Tôn Thất Cẩm, nhũ danh
Trần Thị Tiểu là nhạc mẫu AH Nguyễn
Khắc Cần từ trần ngày 27/12/2000 tại
SaiGon, hưởng thọ 91 tuổi.

* Bà Nguyễn Thị Hạnh là hiền thê của
AH Đỗ Hữu Hứa từ trần ngày 14/10/2000
tại Pháp, hưởng dương 57 tuổi.

* Cụ ông Mai văn Tư là nhạc phụ AH
Đào Hữu Dinh, từ trần ngày 30/6/2001 tại
Ventura California, hưởng thọ 91 tuổi.

* AH Phạm Kim Tiên, Kỹ sư khóa 1957,
cũng là phu quân AH Nguyễn Thị Hồng,
từ trần ngày 20/4/2001 hưởng thọ 95 tuổi.

* AH lão thành Đinh Gia Bái là nhạc
phụ AH Ái Vân, từ trần ngày 11/7/2001
tại Orange County, California, hưởng thọ
95 tuổi.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

*Lá thư AHCC cùng toàn thể AHCC xin chia buồn
cùng quý tang quyến có người thân qua đời.
Kính nguyện cầu hương hồn các vị quá cố sớm về nơi Vĩnh Cửu.*

CẢM TẠ

Vô cùng xúc động trước việc quý AHCC năm châu đã thăm hỏi, chia buồn, phúng điếu, tiễn đưa, cầu nguyện hoặc tụng niệm cho hiền nội của tôi

Bà Nguyễn Thị Hạnh 58 tuổi

Từ trần ngày 14 tháng 10 năm 2000

(ngày 17 tháng 9 năm canh thìn)

An táng ngày 19 tháng 10 năm 2000

tại nghĩa trang Cimetière Communal de Thiais.

Xin quý AH nhận nơi đây lòng biết ơn chân thành của chúng tôi và gia đình.

Tang gia đồng bái tạ
AH Đỗ Hữu Hứa và gia đình

CÁCH TÍNH TUỔI ÂM LỊCH

TRẦN ĐÌNH THĂNG *sưu tầm*

Thí dụ: Năm nay Tân Ty (2001) bạn được 58 tuổi. Cách tính như sau:

1.- Bắt đầu từ điểm Ty, đếm 1, 11, 21, 31, 41, 51 theo chiều kim đồng hồ (theo hình vẽ) năm sẽ ở điểm Mão.

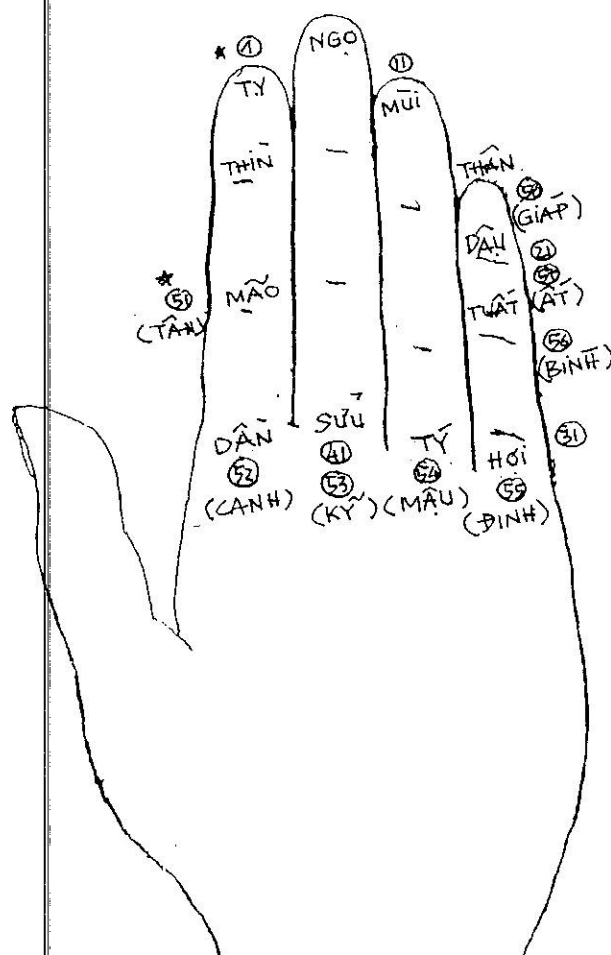
2.- Từ điểm Mão, đếm ngược chiều kim đồng hồ: 51, 52, 53... tới 58, tại điểm Thân.

3.- Từ điểm Mão, đếm ngược chiều kim đồng hồ, bắt đầu bằng Tân (tại vì năm nay là năm Tân Ty): Tân, Canh, Kỷ, Mậu, Đinh, Bính, Ất, Giáp, Quý, Nhâm. Khi đếm tới Giáp thì bạn tới điểm Thân (58 tuổi) mà hỏi này bạn đã kiểm ra.

4.- Kết Kuận Bạn tuổi Giáp Thân

Ghi chú: Cách tính tuổi Âm Lịch này áp dụng cho bất cứ số tuổi nào, dù trên trăm tuổi cũng vẫn đúng.

Trần Đình Thăng *sưu tầm*



AHCC MIỀN NAM CALIFORNIA

Miền Nam California là nơi tập trung đông đảo các AHCC, cũng là nơi các AH khác thường có dịp ghé thăm thân nhân, bạn bè, cho nên sinh hoạt ở đây rất là nhộn nhịp. Sau đây là vài sinh hoạt tại địa phương.

* AHCC MIỀN NAM CALI ĐÓN TẾT

Bài viết của nhà báo Linh Chi Trần Đức Hải

Trong không khí dịu mát của những ngày đầu Xuân, nhà hàng Seafood World trên đường Brookhurst thuộc thành phố Westminster vốn đã đông khách trong những ngày cuối tuần thì hôm nay, trưa chủ nhật ngày 4/2/2001 lại nhộn nhịp, tươi tắn hẳn lên bởi tám biểu ngữ đỏ chói mang hàng chữ “ĐÓN CHÀO ÁI HỮU CÔNG CHÁNH” treo ngay trước cửa với nhiều quan khách phục sức chỉnh tề, nét mặt hân hoan tiến vào nhà hàng, tay bắt mặt mừng.

Là một thân hữu của Hội Ái Hữu Công Chánh, tôi đến dự với tư cách một người khách. Theo như trong giấy mời đã ghi thì buổi tiệc sẽ bắt đầu vào lúc 12 giờ nhưng tôi đã có mặt tại địa điểm từ lúc 11 giờ. Hóa ra không phải tôi là người đến sớm nhất vì có rất nhiều người đã đến trước tôi. Hình như ai cũng nôn nóng sớm gặp lại nhau để hàn



Tại buổi tiệc Tân xuân 2001



huyền, tâm sự, hâm nóng tình ái hữu nơi đất khách quê người.

Sau khi người khách sau cùng đã yên vị, nữ ca sĩ Phượng Khanh với nét mặt xinh tươi, duyên dáng trong

chiếc áo dài cổ truyền thêu hoa đã lên trước máy vi âm giới thiệu chương trình đón Xuân của gia đình Công Chánh Việt nam. Tiếp theo, ông Nguyễn Quang Chuyên đại diện Ban Tổ Chức lên chào mừng tất cả

Sinh Hoạt AHCC Nam Cali

các AHCC và quan khách hiện diện nhất là các AH lão thành đã không quản ngại xa xôi đến chung vui đón Xuân Trong khi tất cả mọi người nâng ly rượu Xuân thì phần văn nghệ được mở đầu với bản Ly rượu mừng của nhạc sĩ Phạm Đình Chương do các ca sĩ Phương Khanh, Mỹ Thúy và Trương Minh Hoàng trình diễn đã gây một không khí sống động như tiếng pháo đón Xuân.

Tiếp theo, hai AHCC Lý Đãi và Nguyễn Quang Cách lên tường trình hoạt động của Hội trong năm 2000 cũng như tình hình tài chánh của Hội. Được biết Hội Ái Hữu Công Chánh Việt Nam tại hải ngoại được thành lập từ năm 1976 đến nay đã quy tụ gần 700 người gồm nhiều chuyên viên ngành Công Chánh thuộc 3 thế hệ. Kể từ thế hệ thứ nhất là các lão trượng trong ngành tốt nghiệp trường Cao đẳng Công Chánh Hà Nội cho đến



Các AHCH trong buổi tiệc Tân Xuân 2001

trường Kỹ Thuật Phú Thọ Sài Gòn từ khóa đầu tiên ra trường năm 1950 cho đến khóa cuối cùng năm 1975 cùng với một số người trẻ thuộc thế hệ thứ ba tốt nghiệp tại Hoa Kỳ mà một số của hai thế hệ sau hiện đang phục vụ ngành Công Chánh ở Mỹ, mà nhiều hơn cả là hiện đang làm việc tại CALTRANS tức cơ quan Kiều Lộ tiểu bang California.

Điểm đặc biệt của Hội AHCC Việt nam là trong hơn 20 năm qua kể từ ngày thành lập, Hội đã xuất bản tờ báo định kỳ bốn tháng một số dưới hình thức một đặc san nhưng lại mang cái tên khiêm

nhường “LÁ THƯ ÁI HỮU CÔNG CHÁNH”. Tờ báo Công chánh là tờ báo duy nhất trên thế giới không có chủ nhiệm, không có chủ bút và cũng không có cả tổng thư ký mà chỉ luân phiên cho các AH ở các tiểu bang phụ trách một, hai năm.

Nội dung của báo cũng có đầy đủ các mục thơ văn, biên khảo về lịch sử, về kỹ thuật và tin tức của các AH khắp năm châu, nhằm mục đích liên lạc và hướng dẫn những người trong gia đình Công Chánh từ Việt Nam vừa chân ướt chân ráo đến Mỹ, để giúp cho những người này tìm hiểu đời sống mới trên đất tạm dung.

Tưởng cũng nên nói rõ là là tờ báo Công Chánh chỉ lưu hành trong nội bộ Ái Hữu Công Chánh, do đó tờ báo không sống bằng tiền quảng cáo mà do sự đóng góp của ái hữu nuôi dưỡng. Tính đến nay, tờ báo đã ra được 76 số và đều đặn đến tay các AH sống rải rác khắp năm châu theo như tôn chỉ đã ghi rõ trên trang bìa: “Lá thư Công Chánh chỉ là một mớ tình cảm bằng hữu nhưng tình thân còn lại giữa những



Quý nương chung vui trong tiệc Tân Xuân

đồng nghiệp tha hương là một sợi dây liên lạc GIỮ CHO CÒN CÓ NHAU chứ không mong làm nên chuyện lớn.

Chỉ vốn vụn có vậy, nhưng suốt 24 năm qua, gia đình Công Chánh Việt Nam tại hải ngoại ở từng tiểu bang cũng như tại các nước khác hàng năm đều có những cuộc họp mặt để vui chơi mùa hè và đón mừng năm mới.

Lần này là lần thứ hai tôi tham dự sinh hoạt với Hội AHCC. Lần thứ nhất cách đây gần 3 năm vào khoảng tháng 7/1998, tôi được tham dự Đại Hội Công Chánh Việt Nam hải ngoại tại Marriott Hotel Anaheim gồm tất cả chuyên viên ngành Công Chánh Việt Nam từ Canada, Úc, Pháp cùng với sự góp mặt của phi hành gia Eugene Trinh, người Việt Nam đầu tiên tham gia chuyến bay thám hiểm không gian trên phi thuyền Columbia vào năm 1992. Phi hành gia Eugene Trinh đã thuyết trình đề tài CURRENT AND CHALLENGE IN SPACE EXPLORATION như nhật báo Viễn Đông số ra ngày 11/7/1998 đã tường thuật.

Trong khi buổi tiệc đón Xuân tiếp diễn thì phần văn nghệ cũng vẫn tiếp tục với các giọng ca điều luyện của các ca sĩ Phương Khanh, Mỹ Thúy, Trương Minh Hoàng cùng với sự tiếp tay của cây nhà lá vườn.

Buổi họp mặt đón Xuân Tân Tỵ của gia Đình Công Chánh chỉ diễn ra 3 tiếng đồng hồ ngắn ngủi, quý tụ khá nhiều những khuôn mặt lão trượng trong ngành Kiều Lộ của miền Nam Việt nam ngày trước đã

chất chứa đầy đủ tình bạn chân thành theo đúng câu châm ngôn “Sống có họ hàng, chết có làng nước” đủ làm gương cho thế hệ đàn em và cả thế hệ con cháu sau này. AHCC trong dịp Tân Xuân đã tìm đến với nhau trong niềm tin yêu và hy vọng và cũng để chúc lành cho nhau sớm có một mùa xuân trên quê hương tự do.

Là một người khách của gia đình Công Chánh, tôi là người rời nhà hàng sau cùng. Bên ngoài, trời trong sáng, nắng ấm mùa xuân trải dài khắp nơi. Chiếc xe nổ máy rời từ từ lăn bánh, tôi cảm thấy trong lòng lâng lâng vì tìm thấy nơi đây một tình cảm gắn bó của quý vị trong gia đình Công Chánh Việt Nam hải ngoại. Nhân dịp này, tôi xin cầu chúc quý vị cao niên và quý anh chị em trong Ái Hữu Công Chánh được dồi dào sức khỏe và sớm được toại nguyện là sẽ cùng đón Xuân trên quê mẹ Việt Nam tự do.

California, Xuân Tân Tỵ 2001

Linh Chi Trần Đức Hải



Từ trái sang phải: AH Phương, Dục, chị Dục, Quang, Hà Xuân, Khiêm, chị Hoàn, Hoàn, chị Cách, Cách, Khánh, Hân và một số bạn hữu Kỹ Sư Công Nghệ

* ĐÓN KHÁCH TỪ XA

Nhiều AHCC cùng lớp hay có làm việc chung với AH Bùi Đức Hợp đã đến nhà hàng Đường Sơn để gặp mặt, thăm hỏi và cùng dự một bữa ăn tối với AH Hợp.

AH Hợp làm việc tại Louisiana, nay đã về hưu sau nhiều năm cống hiến cho ngành Công Chánh và Công tác xã hội (xem bài vinh danh anh Hợp), nay dự định về hưu tại vùng California.

- Đáp ứng thư mời của gia đình AH Nguyễn Thành Thiết, ngày 3 tháng 6 vừa qua, một số AH và gia đình (AH Lê Khắc Thí, Lưu Văn Quế, Lý Đãi, Hoàng Đình Khôi, Lê Mậu Đáo, Nguyễn Minh Trì, Hà Công Hòa...) đã đến dự lễ “xuống tóc” của AH Nguyễn Thành Thiết tại chùa Việt Nam ở Los Angeles. Buổi lễ được tổ chức trong thể sau phần lễ Phật Đản,

Sinh Hoạt AHCC Nam Cali

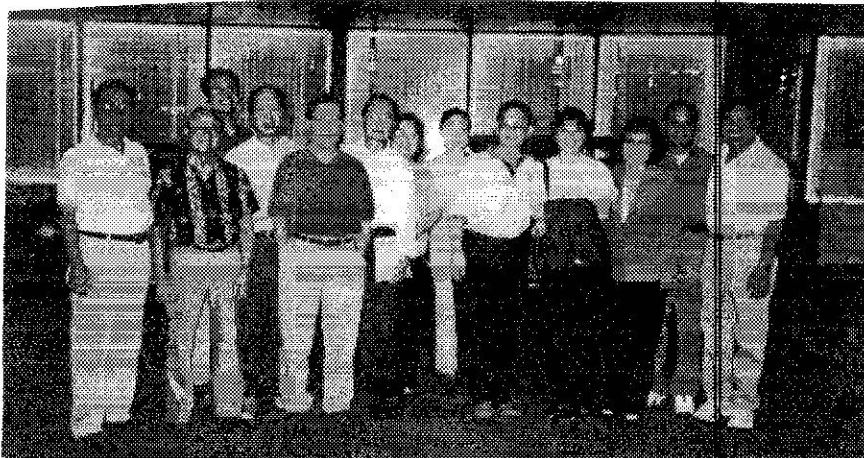
có rất đông Phật tử tham dự. Theo Hòa thượng Thích Mãn Giác, chủ trì buổi lễ thì hai năm sau AH Nguyễn Thành Thiết sẽ xuất gia vào chùa tu học. Anh chị Thiết cho biết là vừa đi hành hương ở Ấn Độ về và sẽ ở lại chùa Việt Nam một tháng trước khi trở về Missouri.



Từ trái sang phải: AH Hoàn, bạn Công Nghệ, Khánh, Xuân, Quang, Dục, Khiêm, Hân, Cách...



Từ trái sang phải: AH Xuân, Khiêm, Dục, chị Dục, chị Cách, chị Cầu, chị Nhỏ, Hân, Cách, Cầu, Khánh, Hân



Từ trái sang phải: AH Xuân, Khánh, Khiêm, Hân, Cách, Cầu, chị Cầu, chị Nhỏ, Dục, chị Cách, Hân, Quang

- AH Chu Thái Hoàn, chuyên viên của Liên Hiệp Quốc về nguồn nước tại Viện Lúa Gạo Phi Luật Tân cùng gia đình có dịp đi công tác tại Hoa Kỳ ghé lại Orange County thăm viếng thân nhân và bạn bè. Các AH cùng khóa và cùng sở (UBQGTL) đã đến nhà hàng Fujiwa dự bữa cơm tối với AH Chu Thái Hoàn.

Trước đây AH Hoàn phục vụ tại Ủy Ban Quốc Gia Thủy Lợi - Bộ Công Chánh mà giám đốc là AH Nguyễn Văn Thông, sau được đi du học Hòa Lan và đỗ tiến sĩ ngành Water Resource, hiện nay là chuyên viên của Liên Hiệp Quốc tại Phi Luật Tân.

- AH Phạm Phú Cầu, kỹ sư khóa 68-72, trước đây làm việc tại Tổng Cục Gia Cư từ Montréal Canada ghé thăm Orange County, California. Các AH cùng khóa đã có một bữa cơm tối thân mật tại nhà hàng Thiên Ân rất vui vẻ, sau gần 30 năm mới gặp lại nhau.

NQC ghi

AHCC MIỀN BẮC CALIFORNIA

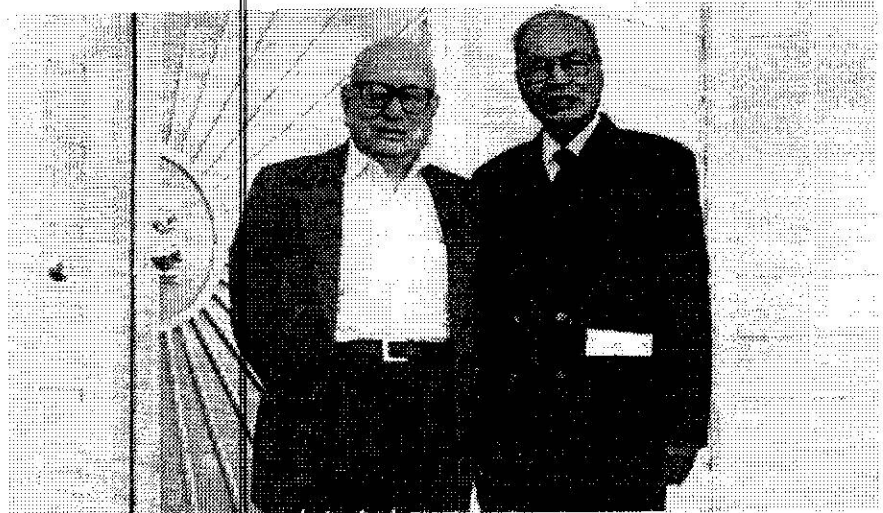
Người ghi: Lê Sáu

CUỘC VIẾNG DU BẮC CALI

Mục đích thư này để báo cáo với quý vị trên thế giới cuộc viếng du của chúng tôi qua miền *thung lũng hoa vàng* San José, nơi mà con và cháu chúng tôi định cư tại đó. Hy vọng cuộc viếng du trong mùa Noel 2000 không phải là lần cuối cùng.

Lời nói đầu tiên là chúng tôi thành thật cảm ơn quý ái hữu H. Đ. Lễ, và T.S. Huân có nhã ý muốn tổ chức một buổi gặp mặt các anh em cũ ở Bắc Cali. Chúng tôi rất cảm ơn và thành thật từ chối vì cảm thấy phiền phức cho các Ái hữu lái xe cả 100 cây số nghìn để gặp nhau nhậu nhẹt, hơn nữa, bao tử chúng tôi già yếu không dung nạp được cao lương mỹ vị, vì quá trình trung niên đã nhai quá nhiều sạn đá, rồi đến bằng lái xe, thẻ đăng bộ, thẻ lưu thông v...v... làm cho đường ruột yếu dần và xử dụng khó khăn.

Giải pháp đầu tiên của chúng tôi là xử dụng điện đàm viễn liên để nghe lại giọng nói xưa của các ái hữu vừa là đồng hương, vừa là đồng đạo, thủ trưởng và đại thủ trưởng. Qua điện đàm các giọng nói đều ít thay đổi, không già theo tuổi tác, vẫn hùng hồn và tếu như



Ái Hữu Bửu Hiệp & Lê Sáu



Ái Hữu Lê Sáu & Nguyễn Xuân Mộng

giọng ái hữu N.T.A, giọng réo rất đặc sệt Huế như ái hữu T.T.N + T.T.C, chân tình và thân thương như ái hữu N.X.H và T.S.H., êm dịu và hiền hậu như ái hữu N.H.T và H.D.L., giọng Huế 100% như ái hữu L.K.T., vẫn giữ giọng Hà Nội như ái hữu N.Đ.T... Điện đàm thăm ái hữu lão thành Đình Gia Bái qua ái hữu A.V. là con

ruột cố ái hữu bạn thân của tôi lúc còn ở trung học Huế. Khó khăn lắm mới liên lạc bằng điện đàm với AH Hoàng Thao ở Nam Cali với giọng nói bộc trực như xưa, hồi còn ở Ban Mê Thuột.

Điểm thứ hai là chúng tôi theo thuyết ăn theo con cháu, thuận đường đi đến nơi nào thì ghé thăm các AH gần đó

Sinh Hoạt AHCC Bắc Cali

như trên đường đi hành hương tu viện Kim Sơn thì ghé thăm AH lão thành Nguyễn Mạnh Hoàn ở Mipiltas. Gặp nhau sau gần 50 năm xa cách, kể trên cửu tuần, kể bát tuần ôm nhau thăm thiết để hồi tưởng lại lúc làm việc dưới trướng cụ cố Trần Văn Nam (Nam Kỳ Quốc). Hai cụ AH Nguyễn Mạnh Hoàn đẹp lão hơn hồi trung niên, có phúc duyên ở chung với con cái trong tuổi già, rất hiếm có đối với xã hội Bắc Mỹ. Đây là thiên đàng ở hạ giới, không còn đau xa nữa.

Hôm sau theo chân các con, rẽ đi du ngoạn hướng San Francisco, chúng tôi dành nguyên một ngày thăm AH Ngô Trọng Anh ở trên một sườn đồi thông như trên đường Duy Tân Đà Lạt. Anh chị Anh sau 10 năm xa cách nhưng không thấy già, vẫn tươi trẻ như thời trung niên. Đây là vị ân nhân của chúng tôi trên đường đời và đạo, đặc biệt là giúp cho tôi khỏi đi học cái tạo vì được rút lui về Sài Gòn sớm trước 5 tháng của tháng 4 đen (1975).

Cuối tuần thứ ba, theo cháu rể đi thăm bà con ở Sacramento, chúng tôi ghé thăm gia đình mẹ B. Hiệp, trông người như Phật Di Lạc, đã thất thập cổ lai hy nhưng vẫn còn lái xe vù vù đi làm Tòa Đô Chánh như hồi còn ở Sài Gòn, cấp sổ lưu thông, mẹ Hiệp thì ở đầu Sài Gòn, còn tôi thì ở Nha Trang, tha hồ du hí. Nhắc lại



Ái Hữu Nguyễn Mạnh Hoàng & Lê Sáu

hồi còn đang đi học Công Chánh, cùng chung ở trọ tại đường nhà thờ Huyện Sĩ (đường Guillaumet) với các ái hữu H.N.Thân, T.H. Nguyên, ché thấy Sáu đã tập Gymnastique mỗi buổi sáng, chọc quê thiên hạ Sài Gòn mà lại tốt cho sức khỏe. Cùng chiều hôm ấy ghé thăm nhà AH Nguyễn X. Mộng, vẫn vợ chồng son, nhà cao, cửa rộng như thời làm Ty Pleiku và khu Ban Mê Thuột. Anh chỉ khác là tóc đã báo hiệu hoa râm và chị Mộng thì tu tại gia theo gương chị N.T.A... Góc Huế hay dãi chè sen Tĩnh Tâm và táo tàu, ăn vài lát dạ trước khi ra về.

Cuối cùng, chúng tôi không

quên cảm ơn AH Nguyễn Đăng Thịnh đến thăm tôi tại Santa Clara vào một buổi trưa giờ lunch với giọng nói Hà Nam Ninh thân thương và trẻ trung như hồi 1960 cùng phục vụ tại Kontum Ban Mê Thuột. Người khách cuối cùng mà tôi nói cảm ơn là AH Hồ Đăng Lễ đã thăm viếng và cho tôi báo giai phẩm của học sinh Quốc Học/ Đồng Khánh và Tiếng Sông Hương mà chúng tôi đọc đến ngày hôm nay vẫn chưa hết.

Để kết luận thư này, các AH có duyên lành định cư ở Bắc Mỹ này như là ở Thiên đàng ở Địa giới chỉ cần giữ cho Tâm luôn luôn bình thản là Niết bàn là đây.

Lê Sáu

AHCC XỨ CAO BỒI HỌP TẤT NIÊN NĂM 2000

Vũ Quý Hảo ghi

Mỗi năm “Năm hết Noel đến” là mỗi lần anh em AHCC ở Houston, Texas lại tung bừng, nhộn nhịp chuẩn bị cho ngày hội lớn, ngày tay bắt mặt mừng vừa để hàn huyên, vừa để tạ ơn Trời đã cho các AH một năm “tai qua nạn khỏi”.

Năm nay, năm 2000, dịp vui ấy đã rơi vào lúc 7:00 PM Thứ Bảy 16/12/2000 tại tân gia to đẹp bên bờ hồ thơ mộng của AH đại diện Phí Ngọc Huyền.

Hiện diện trong bữa dạ tiệc Tất niên có quý ái hữu, phu nhân và thân hữu sau đây:

Huyền, Tường, Quý, Độ, Thư, Quốc Đống (đến từ Wasgington DC & Austin TX), **Chu, Khoát, Văn Đáng, Khải, Hoàn, Chấn, Lộc, Quang, Vũ, Phan Quang Nam, Đôn Xuân, Xá, Hội, Hảo làm MC**

Mở đầu chương trình, theo thông lệ vẫn là mục 1, mục hấp dẫn nhất: thưởng thức tài nữ công gia chánh của quý ái nữ và dâu hiền Công chánh (xin khoe với quý AHCC năm châu: xứ cao bồi chúng tôi không phải chỉ có “các dâu hiền” mà còn có cả ái nữ của gia đình Công Chánh).

Đây là dịp “cả năm một thuở” để quý giai nhân trở tài, nên món nào cũng rất độc đáo,



* Hàng đầu (Từ T sang P): AH Tường, Quý Huyền, Độ
* Hàng sau (thứ hai): AH Đảng, chị Chấn, AH Chấn & Lộc
* Hàng sau (thứ ba): AH Xá, chị Tường, chị Xá, chị Xuân, chị Chu, chị Hội, AH Xuân, Nam, chị Đáng

chẳng nhà hàng nào có thể sánh tày. Thêm vào đó:

*Món ngon lại lắm bạn hiền
Ăn ngon đâu phải tốn tiền
ăn ngon.*

Mặc dù AH đại diện đã cố tình “bảo mật” ngày sinh nhật của phu nhân, nhưng các AH vẫn biết. Do đó buổi họp mặt năm nay lại kiêm luôn “TÂN GIA VÀ SINH NHẬT”. Do đó chiếc bánh Noel đã biến thành bánh sinh nhật và tân gia với hai vế câu đối trên chiếc bánh:

Sinh nhật vui.

Tân gia đẹp.

Lợi dụng cơ hội Tân gia và Sinh nhật, AH Hà Văn Đáng đã “phá lệ” bằng cách bí mật mang theo rượu chất và champagne.

Thôi thì rừng thu bao nhiêu

lá đỏ thối các AH cũng bấy nhiêu lời vui nhộn.

Mở đầu mục 2 là một tràng pháo tay liên tu bất tận của mọi thực khách hoan hô quý giai nhân đã rất tài khéo, rất chu đáo và rất vất vả chuẩn bị cho bữa tiệc.

AH đại diện và cũng là gia chủ vừa dứt lời chào mừng và giới thiệu thì ban nhạc Khải Hoàn đã làm rung rinh tòa nhà mới bằng cách hướng dẫn cử tọa cùng cho nổ lớn bài hùng ca “Cờ bay trên Cổ Thành Quảng Trị”.

Sĩ khí đang lên, AH Khương Hùng Chấn bèn nhảy lên máy vi âm với chiếc vĩ cầm để dẫn quý vị khán giả trở về với một vùng trời hoa bướm ngày xưa qua nhạc phẩm La

Sinh Hoạt AHCC Texas

Tristesse của Chopin.

Nói cho đúng ra thì đây là một “Đêm Văn Hóa” chứ không phải chỉ là “Đêm Văn Nghệ” vì xen vào giữa những tiết mục hòa tấu, ca hát là những bài thuyết trình nghiêm túc có chuẩn bị công phu. Sau khi nghe AH Nguyễn Văn Độ nói về bệnh singles và cách đối phó, khán thính giả được thư giãn với bài “*Hoa Soan Bên Thềm Cũ*” do Lê Thanh trình bày và sự phụ soạn hòa âm của ban nhạc Khải Hoàn.

Thân hữu Đỗ Thư đã làm cho cử tọa bùi ngùi với Hoàng Thi Thơ khi nhạc sĩ trở lại làng Bích Khê, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị chỉ để nhìn thấy “*Đường xưa còn đó, nắng vẫn lên, vẫn trắng soi bên dòng...*”.

Sau phần tặng quà ban nhạc, AH Nguyễn Kim Khoát với giọng ngân trầm ấm đã dẫn cử tọa trở lại thập niên 1960 với Tao Đàn, “*tiếng nói của thơ văn miền tự do*” qua bản Đường Thi “*Tạ Ôn Trời*” và phần thi nhạc giao duyên: Thùy Dương (tức chị Nguyễn Kim Khoát) đã hát bài “*Hướng Về Hà Nội*” của Hoàng Dương để giao duyên với bài thơ “*Những con đường Hà Nội*” của Tạ Tỵ.

Phần thuyết trình tiếp theo do AH Đoàn Kỳ Tường đã trưng bày “*Hình ảnh Á Châu ngày nay*” do chính AH đã thu hình trong chuyến du lịch Á



(Từ T sang P): các chị Hội, Đông, Xá, Tường & Huyền

Châu đầu năm 2000.

Để chuẩn bị cho phần giải lao và cắt bánh, bài Happy Birth Day đã được hát bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Ngoài ra còn một số bài hát khác đã được soạn riêng để hát mừng tân gia và sinh nhật trong đó có lòng tên của hai anh chị gia chủ.

Nhiều hình ảnh đẹp của Á Châu ngày nay đã được các AH trầm trồ trong mục nghỉ giải lao và cắt bánh Tân Gia & Sinh Nhật. Tuy nhiên chẳng có hình ảnh nào có thể sánh tày một lâu đài kết bằng mây trời do AH Vũ Kim Chu trình bày bài “*Lâu Đài Tình Ai*”. Phải lắng nghe thật kỹ người ta mới cảm được tất cả tâm hồn mà AH Vũ Kim Chu đã gửi vào lời ca, tuy không điêu luyện bằng “*Em Còn Nhớ Mùa Xuân*” do AH Trương Ngọc Quý trình bày; tuy không ngọt ngào bằng nai vàng, không sặc sào bằng tiếng lá của “*Mùa Thu Cho Em*” do anh chị Nguyễn Văn Xá song ca, nhưng ai cũng phải công nhận là hôm nay chúng tôi đã được nghe tiếng

lòng đầy vẻ lãng mạn tuyệt vời của một người mà xưa nay cứ tưởng chỉ suốt ngày lo tính bê tông và cốt sắt.

Để đóng góp vào mục thuyết trình, AH Vũ Quý Hảo đã kể lại giai thoại “*Đề Tích Sở Kiến Sư*” trong đó Thôi Hộ đã vô tình dùng bốn câu thơ tứ tuyệt giết chết một giai nhân, rồi nhờ lời khẩn bái trước linh cữu, mà giai nhân sống lại để cùng chàng nên duyên Tần Tấn...

Đang ngồi trong căn phòng ấm cúng rộng rãi và sang trọng, chúng tôi bỗng được đưa trở về quê hương ruộng nghèo để thương cảm cho ngôi trường làng sơ sác vì chiến chinh. Không ai bảo ai mà hình như bài hợp ca “*Trường Làng Tôi*” đã làm cho mọi người hoàn toàn đồng ý với Phạm Trọng để cùng ước mơ; “*Mơ đến ngày nước nhà yên bình trong xóm thôn, ấm ngôi trường xưa*”.

Bài hợp ca “*Trường Làng Tôi*” vừa dứt, các AH còn đang băng khuâng tiếc nhớ ngôi trường rợp bóng lá xanh thì vừa đúng lúc cho tiết mục “*Vui buồn trong cảnh diên viên*” do AH Nguyễn Đôn Xuân thuyết

trình. AH Xuân đã chỉ cho chúng tôi làm thế nào để giữ cho mảnh vườn được xanh tươi như căn trường làng thuở trước...Tràng pháo tay đang vang lên hoan hô ái hữu thì đồng hồ điểm 12 tiếng báo hiệu rằng chúng tôi đã bước qua ngày 17/12/2000. Chúng tôi dành tiệc rỏ xin lỗi những AH đã ghi danh để cất bỏ những tiết mục còn lại.

AH đại diện đã ngỏ lời chúc Noel & Năm Mới và phác họa cho kỳ họp AHCC năm 2001 du thuyền trên Vịnh Mễ Tây

Cơ với những chi tiết ghi danh giữ chỗ trước.

AH đại diện vừa dứt lời thì AH Hà Văn Đáng đã đứng ra điều khiển một tiết mục bất ngờ "Số số lấy hên" mà quà tặng là do chính AH Đáng và một vài AH khác mang đến. Số số rất hồi hộp và hấp dẫn, nhưng chỉ một ít số AH được may mắn. Tiếc quá! Giá như thư mời họp mà có nhắc nhở mang quà để rút thăm thì có lẽ tất cả các AH đều đã được "hên".

Bài ca "Tạm Biệt" đã vang lên lúc 0 giờ 45 phút ngày 17/

12/2000.

Đêm đã khuya, sương càng lạnh mà sao các AH vẫn còn bịn rịn lúc chia tay...

Xe đang chạy trên xa lộ rồi mà hình như còn nghe văng vẳng đâu đây lời ca của bài Tạm biệt: "Ngày nay anh em chúng ta nổi trôi xứ người mà lòng vẫn nhớ.

Nhớ quê hương ta đẹp tươi, ngàn năm kết thành một trời mộng mơ..."

Vũ Quý Hảo ghi

Hình Ảnh Sinh Hoạt

AHCC MIỀN TÂY BẮC HOA KỲ (Tiểu Bang WASHINGTON)



Hình chụp AH Tôn Thất Ngọ đến từ San Francisco
AH Phan Bội Hoàn, Tôn Thất Ngọ, Hà Quốc Bảo

Sinh Hoạt

AHCC VÙNG HOA THỊNH ĐỒN

BÙI THÀNH DƯƠNG

HỌP MẶT MÙA THU 2000

Buổi họp mặt thường niên mùa thu 2000 của AHCC vùng Hoa Thịnh Đốn đã được tổ chức thật vui vẻ và thân mật vào lúc 1 giờ chiều chủ nhật 1 tháng 10 năm 2000 tại tư thất AH Dư Thích ở North Potomac, Maryland.

Hiện diện vào khoảng 60 người tham dự, đặc biệt là cụ ông và bà Lê Sĩ Ngạc, tuy đã cửu tuần nhưng vẫn khỏe mạnh, vui vẻ.

Đề tài chủ yếu của buổi họp là thuyết trình về vấn đề du lịch ở Mỹ châu, Âu châu và Á châu...v...kể cả Việt Nam để mọi gia đình hiểu rõ và nhất là những AH đã và sắp về hưu.

Báo cáo anh chị Hoàng Ngọc Ẩn ở New Orleans Louisiana có đến thăm vùng Hoa thịnh Đốn vào tháng 3 vừa qua và có gặp mặt một số đồng anh chị em Công Chánh trong một buổi tiệc thân mật tại nhà hàng Trung Hoa ở Virginia. Anh chị Ẩn dự định sẽ về hưu vào khoảng tháng 8 / 2000 này và sẽ định cư tại Maryland.

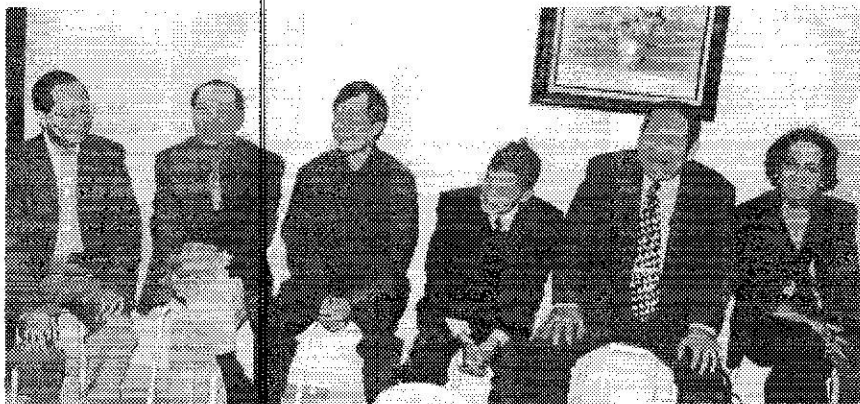
AH Nguyễn Đức Chí có giới thiệu và trình bày phương pháp "Suối nguồn tuổi trẻ", có chiếu video và theo ý anh đã có nhiều người luyện tập theo phương pháp này. Kết quả mỹ



(Từ T sang P): AH Ngô Năm, Nguyễn Thạc Việt Toàn, Nguyễn Văn Bảnh, Nguyễn Hữu Thâu



(Từ T sang P) - Quý chị: Nguyễn Kim Chi, Nguyễn Văn Bảnh, Nguyễn Ngọc Tào, Ngô Năm, Bùi Hữu Thái, Dư Thích



(Từ T sang P): AH Đôn, Chi, Thâu, Mẹo, Thạc & chị Thạc

Sinh Hoạt AHCC Hoa Thịnh Đốn

mãn: mạnh khỏe, trẻ trung hơn.

Sau bữa tiệc do quý phu nhân phụ trách, có phần văn nghệ giúp vui và dạ vũ nhẹ nhàng với sự góp mặt của các ca sĩ nhà của vùng Hoa Thịnh Đốn.

Ban Đại diện đã nhận được số tiền đóng góp quỹ yểm trợ Lá Thư AHCC năm 2000 là \$ 610. (xin chuyển hết số tiền này theo danh sách đính kèm để xin đăng vào LTCC sắp đến). Ngoài ra cũng thu tiền niên liễm điều hành được \$ 390 (trừ nợ cũ trước đây là \$ 173, còn lại \$ 217), do đó không thu niên liễm năm 2001 nữa.

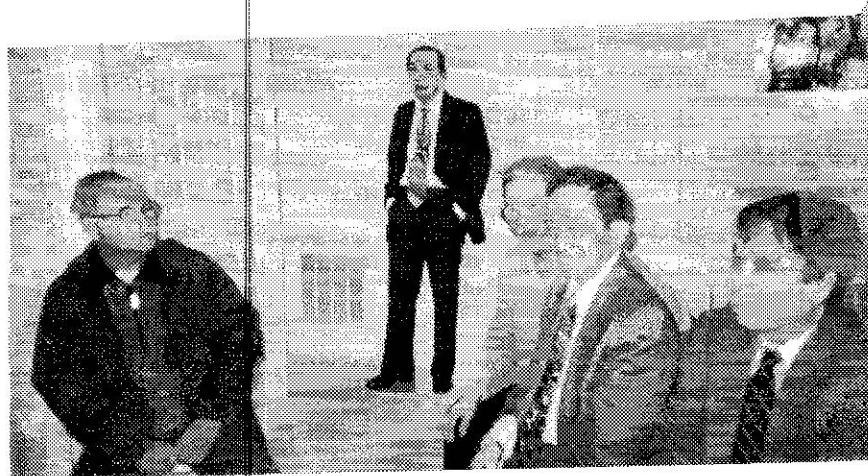
Xin gửi đính kèm vài tấm hình chụp trong buổi họp mặt này.

HỌP MẶT MÙA HOA ANH ĐÀO (1/ 4/ 2001)

Buổi họp mặt AHCC vùng Hoa Thịnh Đốn mừng Xuân Tân Tỵ (2001) đã được tổ chức vào ngày 1 tháng 4 năm 2001, lúc 12 giờ trưa tại tư thất AH Ngô Đức Nguyên, ở Herdow, Virginia.

Hầu hết các AHCC và phu nhân đã đến tham dự đông đủ, tổng số vào khoảng 60 người.

Đề tài chính của buổi họp mặt này là nói chuyện về vấn đề du lịch Âu Châu, Á Châu (Việt nam, Trung Quốc) và đi



(Từ T sang P): AH Nguyễn Ngọc Tào, Nguyễn Kim Chi, Trần Đình Trúc, Dư thích, Hoàng Mạnh Tường



(Từ T sang P) - Quý chị: Bùi Hữu Thái, Trần Đình Trúc, Bùi Văn Ân, Bùi Thanh Dương, Hà Ngọc Thạch, Lê Sĩ Ngọc

Cruises ở Mỹ Châu...v... do các AH Nguyễn Văn Bảnh, Bùi Thanh Dương, Ngô Nấm, Lâm Nhật An, Bùi Văn Ân, Dư Thích trình bày. Ngoài ra còn có những câu đố vui, kể chuyện vui làm cho buổi họp thêm phần hào hứng và thích thú.

Sau hết là phần văn nghệ giúp vui do ca sĩ Như Hương vùng Hoa Thịnh Đốn, phu nhân của AH Ngô Đức Nguyên phụ trách với sự cộng tác của một số AH và phu nhân tài tử, thật là đặc sắc và hấp dẫn.

Đặc biệt kỳ họp này có sự hiện diện của anh chị AHCC Ngô Hoàng Các từ Camphill,

Pennsylvania đến tham dự lần đầu tiên qua sự giới thiệu của AH Bảnh .

Hiện nay AHCC vùng Hoa Thịnh Đốn mở rộng bao gồm Washington DC, Maryland, Virginia và các tiểu bang phụ cận như Pennsylvania, New Jersey, New York... thuộc vùng Đông Bắc Hoa Kỳ.

Tất cả mọi người đều được thưởng thức một bữa ăn ngon lành do chính bàn tay khéo léo của các chị nấu nướng.

Buổi họp diễn ra trong bầu không khí ấm cúng, thân mật, vui vẻ, thoải mái và chấm dứt vào lúc 5 giờ chiều.

Bùi Thành Dương

AHCC MIỀN ĐÔNG BẮC HOA KỲ MASSACHUSETTS

**AHCC miền Đông Bắc
Hoa Kỳ tiễn anh chị Nguyễn
Sĩ Tuất di cư sang Cali.**

Trưa thứ bảy mùng 10 tháng 2 năm 2001, AHCC miền Đông Bắc Hoa Kỳ đã họp nhau tại Bắc Kinh tũu lâu ở Lexington, MA để tiễn anh chị Nguyễn Sĩ Tuất rời về tổ ấm mới tại Bắc Cali nắng ấm.

Mùa đông tại miền Đông Bắc kéo dài gần 5 tháng với luôn luôn gió buốt, tuyết dày, đá trơn đã làm số AHCC định cư tại đây chỉ lơ thơ có mấy gia đình, mà năm ngoái anh chị Nguyễn Văn Sên đã rời đi, nay lại đến lượt anh chị Nguyễn Sĩ Tuất nói gót.

Tuy chỉ còn lại có mấy gia đình xong mỗi khi gặp nhau là anh em lại có dịp hàn huyên rất vui vẻ, bởi chuyện cũ, nói chuyện mới và không quên đóng góp yểm trợ Lá Thư. anh chị Tuất hứa là khi có dịp thì không quên về thăm quê cũ. Theo tin mới nhất thì anh chị Tuất đã sắm gậy và ngày ngày ra đánh bóng ở sân cù sắt nhà, một thú điền viên thật lý tưởng



(Từ trái sang phải): AH Trần Khương, Nguyễn Hữu Tuân, chị Lý, chị Tuất, chị Tuân, AH Đỗ Văn Sên, AH Trần Ngọc Thạch, AH Nguyễn Sĩ Tuất



(Từ T sang P): AH Trần Khương, Cao Minh Lý, chị Lý, chị Tuất, chị Tuân, AH Đỗ Văn Sên, AH Trần Ngọc Thạch, AH Nguyễn Sĩ Tuất

HỌP MẶT AHCC TẠI PHÁP XUÂN 2001

Tường thật: Trương Như Bích

Ngày họp:

Chủ nhật 25 tháng 2 năm
2001

Nơi họp:

Nhà hàng Phụng Hoàng
tại Quận 13 Paris.

Số người tham dự:

18 chị và ái hữu.

Buổi họp lần này chỉ chủ yếu tái ngộ và mừng Xuân, mọi người hàn huyên vui vẻ, náo nhiệt, còn chương trình nghị sự chính thức không có vấn đề gì đặc biệt. Chỉ tiếc là buổi họp đã xa Tết Tân Ty (vào ngày 3 tháng 2 âm lịch), một số ái hữu cũng không đến tham dự được vì có hẹn nơi khác.

Theo thường lệ, các chị và ái hữu đã góp tiền yểm trợ Lá Thư Ái Hữu Công Chánh (sẽ có báo cáo riêng của AH Hoa Trường Xuân)

Trương Như Bích
(25/2/2001)



(Từ T sang P): AH Trần Văn Thu, Phan Kiều Dương, Nguyễn Văn Chiêu, Trần Minh, Lê Ngọc Thạch

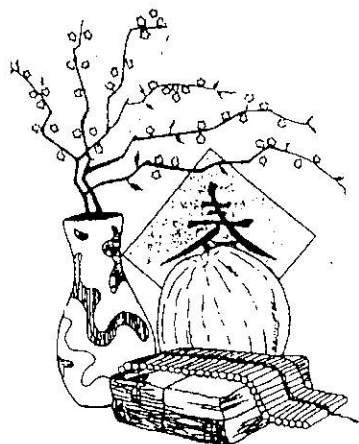


(Từ T sang P): Trương Như Bích, Nguyễn Hữu Công, Trần Văn Thu, Hoa Trường Xuân, Trần Cao Sơn, Phan Kiều Dương, Nguyễn Văn Chiêu

Sinh Hoạt
AHCC Pháp



(Từ trái sang phải) - Quý chị: Nguyễn Hữu Công, Phan Văn Lâm, Trương Như Bích, Lê Ngọc Thạch



(Từ T sang P) - Quý chị: Nguyễn Hữu Công, Phan Văn Lâm, Trương Như Bích Lê Ngọc Thạch, Dương Đen, Trần Cao Sơn, Hoa Trường Xuân



AHCC MONTREAL, CANADA

Ghi chép: TRẦN ĐÌNH THẮNG

Để mừng Xuân 2001 và đón tiếp AH Cao Minh Châu từ Mỹ tới, hơn 40 AHCC (đủ mọi ngành) cùng gia đình đã họp mặt tại nhà hàng Kirin ở thành phố Brossard vào trưa chủ nhật 25/3/2001. Hơn hai ngày trước đó, một trận bão tuyết dày 47 cm (vùng Montréal) nhắc mọi người mùa đông thực sự chưa hết dù mùa xuân đã chính thức trở về từ ngày 21 tháng 3.

May thay, suốt ngày chủ nhật, trời nắng ấm rất đẹp.

Để mở đầu buổi tiệc, AH lão thành Phạm Hữu Vĩnh giới thiệu AH Châu và chào mừng toàn thể gia đình AHCC hiện diện. Riêng gia đình AH Trần Đình Thắng có cả trưởng nữ với chồng và 3 con cùng tham dự.

Các AH chuyện trò thân mật tới 2 giờ chiều. Sau đó AH Thắng mời tất cả các AH tới tư gia để tiếp tục buổi họp mặt. Một số đông AH và phu nhân đã nhận lời mời để nói cho hết chuyện còn dở và nhân dịp thưởng thức nhiều món tráng miệng rất ngon do chính tay các AH phu nhân làm.

Trong buổi họp mặt, các AH đã ủng hộ 580 \$ gia kim và nhờ AH Phạm Hữu Vĩnh chuyển số tiền trên tới LTAHCC.

AH Trần Đình Thắng



(Từ T sang P): chị Tâm, chị Thắng với hai cháu ngoại, chị Xuyên, chị Thích, chị Di, chị Đàm, chị Quang, chị Lương, chị Long, chị Nhứt



(Từ T sang P): Nguyễn Văn Thích, Phạm Văn Quang, Võ Ngọc Diệp, Phan Duy Trung (thấy 1/2 đầu), Cao Minh Châu, Phạm Hữu Vĩnh, Nguyễn Quang Di (bị che hết), Tăng Bửu Long, Phạm Ngọc Xuyên, Nguyễn Phước Tâm, Nguyễn Minh Nhứt, Tôn Thất Đồng, Trần Đình Thắng, Trương Hữu Lương & Hoàng Mạnh Cần

AHCC SYDNEY

Người ghi: LÊ CẢNH TÚC - N.D.TỪ - TÔN THẮT PHÁT - N.H. BÌNH

HỌP MẶT

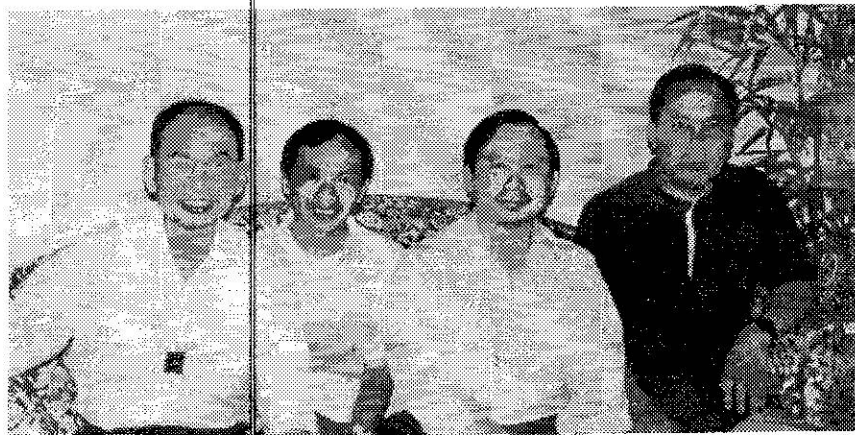
4 giờ chiều ngày chủ nhật 12/11/2000. Nhờ ý kiến của các anh chị Đào Kim Quan & Khiêm chọn lựa chiều chủ nhật gặp nhau tiện lợi hơn trưa thứ bảy nên mặc dầu tháng 11 năm 2000 là sinh hoạt kỷ niệm 25 năm (1975 - 2000) Cộng Đồng Người Việt Tự Do tại Úc, cũng có 30 AHCC đến tham dự buổi họp mặt thân mật vui vẻ.

Nhờ tài nấu nướng của quý chị mà các AH chúng tôi được thưởng thức các món ẩm thực Âu Châu, Trung Quốc và Việt Nam đủ ba miền Nam, Trung, Bắc. Các AHCC đã hàn huyên, trao đổi nhiều tin tức về bạn bè, việc làm, cộng đồng và thời sự..

ĐÓNG GÓP YẾM TRỢ LTAHCC: Rất nhiều AH yếm trợ hậu hĩ, có AH đóng góp 2 lần, có AH dù vắng mặt cũng gửi tiền đóng góp.

CẬP NHẬT ĐỊA CHỈ MỚI của anh chị AHCC Đoàn Tấn Lâm.

ĐÓN TIẾP AHCC TỪ HOUSTON, HOAKY: Anh chị Vũ Kim Chu đi du lịch theo đoàn Hành Hương Phật Giáo nhân dịp Hòa Thượng Tâm Châu khánh thành chùa Việt



(Từ T sang P): AH Túc, Linh (em AH Bình), Châu & Bình

Nam ở Victoria. Anh chị Chu định lần sau mới gặp AHCC Úc Châu, còn lần này chỉ gặp gỡ thân nhân, họ hàng thôi nhưng vì phi cơ thay đổi đến Sydney sớm hơn nên ngoài anh Nguyễn Bát Tuân (là cậu ruột chị Chu) thì anh Lê Cảnh Túc cũng góp phần đón anh chị Chu ở phi trường Sydney cùng anh Tuân. Tuy thời gian bận rộn nhưng hai anh Chu và Tuân đã gặp gỡ hàn huyên sau 30 năm dài xa cách.

PHÂN PHỐI LTAHCC (SỐ 76 THÁNG 11 /2000) Nhận được 46 LTAHCC từ Mỹ, anh Tôn Thất Phát đã liên hệ với bưu điện Úc để gửi Lá Thư đến các AH thì được biết chi phí gửi 1 LT/AHCC tốn 2.5 Úc kim tiền tem, do đó AH Phát đã tự tay phân phối đến các AHCC trên đường anh đi làm. AH Nguyễn Sơn Hiền, Tôn

Thất Tú, Lê Cảnh Túc đưa tay đến vài AH khác, thay vì tốn 46 lần tiền tem, nay chỉ cần 19 lần, tiết kiệm được hơn 50% tiền cước phí. Xin hoan nghênh và cảm ơn các ái hữu.

CHI PHÍ GỬI LTAHCC: Tiền cước phí gửi 46 LTAHCC từ Mỹ trong 1 thùng nặng 15.4 kg tốn 157.60 USD (tương đương với 300 Úc kim). Thêm vào đó, từ Úc gửi đến 46 AHCC, tốn khoảng gần 130 Úc kim. (Trên nguyên tắc) Chúng ta cần tìm cách gửi nào khác tiết kiệm hơn chăng?

Thân chúc Ban Phụ Trách LTAHCC (quý AH Nguyễn Q Cách, Lý Đãi, Nguyễn Q Chuyên, Nguyễn M Quang) cùng quý AH khác và gia đình Xuân Tân Ty vạn phúc.

Thân ái
Lê Túc - N.D.Từ

TÀI BÚT

a- Họa mặt nhỏ giữa các AH thì rất nhiều như trong các dịp lễ lạc, ở các buổi hội cộng đồng, các dịp sinh hoạt văn hóa, giáo dục, chuyên môn v.v...

b- Trong lĩnh vực giáo dục, AHCC có nhiều đóng góp tích cực:

AH Nguyễn Văn Bon đang hoàn thành Luận án Tiến sĩ về Giáo Dục.

AH Nguyễn Thành Dỡm vẫn thường xuyên đóng góp vào trường Đạo Đức cùng Đặc san Tây Ninh Đồng Hương Hội với quý AH Nguyễn An Đồng, Nguyễn V Khây cùng thân hữu Lê Tấn Tài.

AH Nguyễn Ánh Hoa góp công lớn trong Hội Văn Nghệ Sĩ Trẻ lập Hội Liên Trường quy tụ mấy chục trường Việt Ngữ - Sydney với sự trợ lực của anh chị Phan Từ Chính.

c- Năm 2000 ở Sydney, ngoài Olympic & Paralympic, còn có 25 năm kỷ niệm Người Việt ở Úc và 25 năm SBS (Special Broadcasting Service) được Chính phủ Liên Bang Úc tài trợ. SBS có 2 ngành là Radio và TV. Ngành radio phát thanh 68 ngôn ngữ kể cả Việt ngữ, mỗi ngày 2 tiếng do luật sư Lưu Tường Quang làm trưởng nhiệm. Luật sư Quang là cựu viên chức ngoại



(Từ trái sang phải): Cjì Lê cảnh Túc, chị Vũ Kim Chu, AH Vũ Kim Chu, AH Nguyễn Bát Tuân

giao VNCH và là Tổng Giám Đốc Di Trú Liên Bang Úc Châu.

Trước khi kết thúc các điểm ghi trên, xin vinh danh và đa tạ tất cả quý AH & Gia Đình

đã đóng góp công, của vào Lá Thư, Kỷ Yếu, Đại Hội một cách nhiệt tình và thiện nguyện.

Thân ái,

Tôn Thất Phát - Lê C. Túc

GHI THÊM VÀI TIN SINH HOẠT AHCC- SYDNEY

* Quý AH Nguyễn Sơn Hiền, Ngô v Bình, Tôn Thất Tú, Đỗ X Quang, Trần V Tuấn, Lê Cảnh Túc đón tiếp AH Nguyễn Danh Châu từ Hoa Kỳ.

* AH Nguyễn Văn Khây được bầu làm Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Quốc Tổ Hùng Vương của Cộng Đồng Người Việt Tự Do ở Sydney được tổ chức ngày 15/4/2001. Buổi lễ thành công tốt đẹp.

* Chị Trang, vợ AH Nguyễn Sơn Hiền, đi bộ bị xe hơi đụng phải vào bệnh viện điều trị, nay đã tương đối bình phục.

* Chia buồn cùng AH Lê Cảnh Túc: Thân mẫu là cụ bà Lê Tỳ, nữ danh Nguyễn Thị Sửu đã mất ngày 10/2/2001 ở Sài Gòn, hưởng thọ 88 tuổi.

* Ngày 3 tháng 6 năm 2001, các AHCC ở Sydney họp mặt tại nhà AH Huỳnh Thanh Quân gồm 21 AH đóng góp yểm trợ LTAHCC số tiền 825 Úc kim.

* Danh sách 21 AH đóng góp ủng hộ LAAHCC & Quỹ Tương Trợ AHCC (695 + 130) = 835 Úc kim để gửi AH Nguyễn Quang Cách - Đính kèm danh sách.

* Chung vu với anh Thư Ký/Thủ quỹ Tôn Thất Phát

* Chia buồn thân mẫu anh Bác sĩ Bùi Trọng Cường mất ngày 30/5/1001.

Người ghi: N. H. Bình, T. T. Phát, L. T. Túc.

(Có gì thiếu sót, xin quý AH thông cảm. Đa tạ)

Hình Ảnh Sinh Hoạt

AHCC MELBOURNE, AUSTRALIA

Họp mặt hàng năm của Nhóm: Cuộc họp mặt mùa hè của Nhóm được tổ chức BBQ tại Công viên STUDLEY PARK, Melbourne ngày 18/3/2001. Các AH, TH & gia đình tham dự khá đông đủ nên các phu nhân ẩm thực rất phấn khởi, mọi người tâm sự thật là vui vẻ với những câu chuyện không đề tài

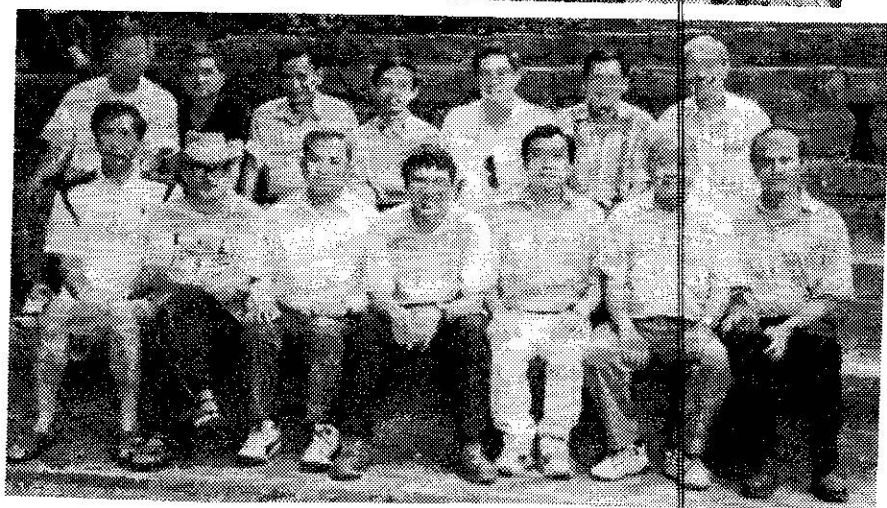
Nhóm AHCC Melbourne



Hàng trước (Từ T sang P) -
Các chị: Thành, Khoa, Bàng,
Thiện, Ứng Sơ, Anh & phu
nhân cựu Tổng trưởng GTCC
Trần Ngọc Oành

Hàng sau - Các chị: Hiệp,
Cư, Úc, Nguyễn, Thông, Vy

(Barbecue ngày 18/3/2001
tại STUDLEY PARK)



Hàng đầu (Từ T sang P):
AH Thành, Bàng, Khoa,
Cư, Mạnh, Anh, Hiệp
Hàng sau: AH Úc, Nguyễn,
Thành, Thủy, thông, Vy,
Ứng Sơ

(Barbecue ngày 18/3/2001
tại STUDLEY PARK)

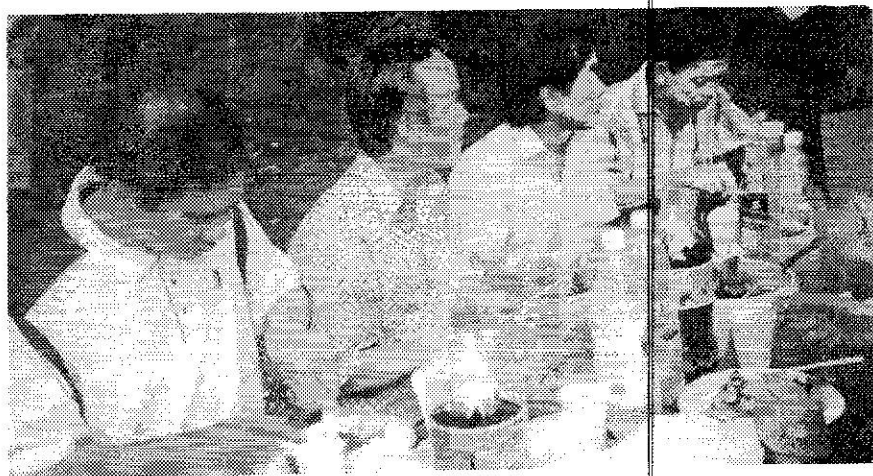
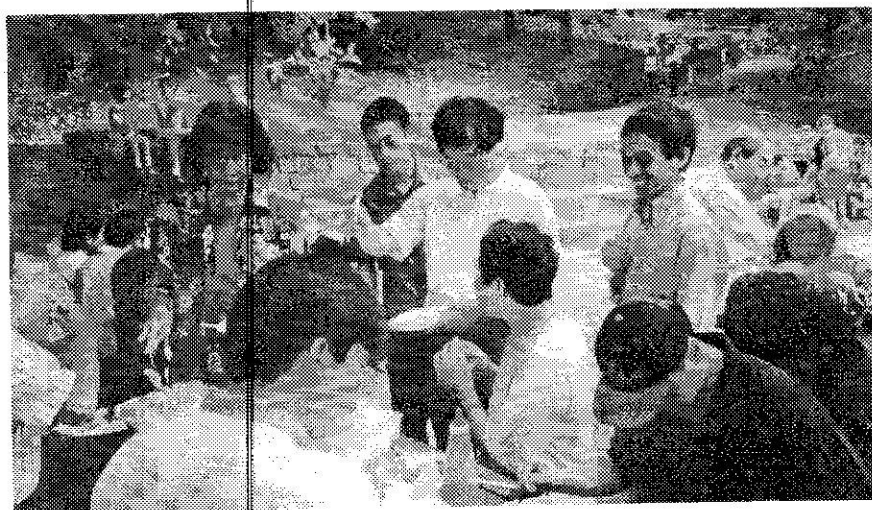
Các AH, TH & Gia Đình
đang enjoy Barbecue
Ngày 18/3/2001
tại STUDLEY PARK



Sinh Hoạt
AHCC Australia



*Các AH, TH & Gia Đình đang enjoy Barbecue
ngày 18/3/2001 tại STUDLEY PARK*



TIN TỪ QUÊ NHÀ

NGUYỄN QUANG CÁCH *ghi*

Tháng 5 vừa qua, hai ái hữu Nguyễn Quang Cách và Lê Khắc Xích thuộc Tổng Nha Thủy Nông, có việc về thăm quê nhà, mang theo một ít đóng góp nhỏ của các AH trước đây làm việc tại Tổng Nha Thủy Nông (AH Can, Chuyên, Thiều, Đãi, Hiệp, Lộc, Tâm, Diệu, Hải) đã gặp gỡ được khoảng 30 AH còn ở lại quê nhà, trước đây cùng làm việc tại Tổng Nha Thủy Nông. Một bữa cơm thân mật tại Nhà hàng Victoria do AH Đinh Hữu Chí đứng ra liên lạc, điện thoại mời.

Đặc biệt theo truyền thống tôn trọng các vị cao niên, có hai phần quà đã được mang đến để chúc thọ hai AH cao tuổi nhất trong ngành, đó là AH Đỗ Văn Chư, trước đây là Trưởng khu Thủy Nông Nha Trang nay đã 85 tuổi cùng thời với các AH Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Xuân Hiếu. Và AH Vũ Xuân Thái, Chánh Sở Kỹ Thuật Tổng Nha, năm nay 79 tuổi, cùng thời với các AH Lê Khắc Thái, Hoàng Đình Khôi. Hai AH cao niên rất lấy làm cảm kích, nhấn lời cảm ơn và thăm hỏi đến các ái hữu tại hải ngoại.



*(Từ trái sang phải): AH Cách, Xích, Tú, Chí (đứng)
Chư, Thái, Học (ngồi)*



*Lê Khắc Xích tặng quà chúc thọ AH Đỗ Văn Chư,
đứng kế là AH Vũ Xuân Thái & Ngô Tự Học*

Sinh Hoạt Tín Từ Quê Nhà

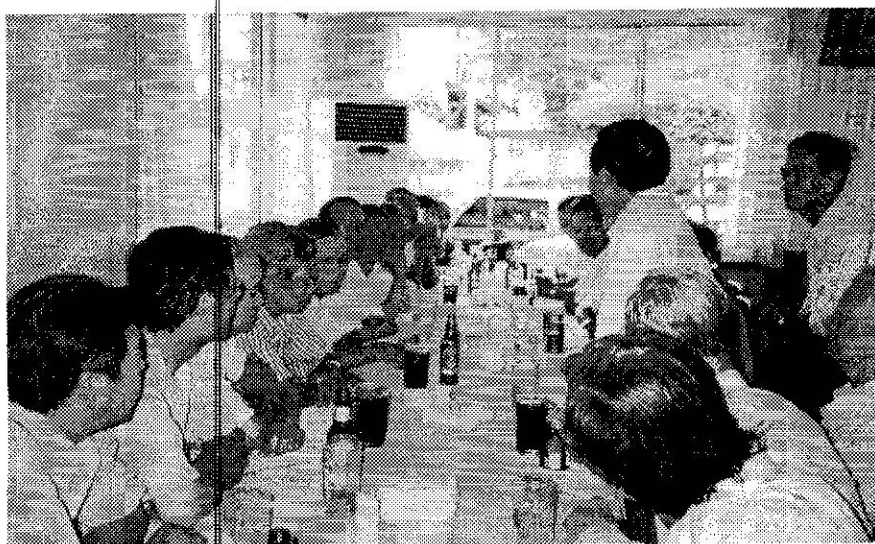
Chúng tôi có chụp lại hình lưu niệm, chắc quý AH có thể nhận ra được các đồng nghiệp hoặc nhân viên của mình sau gần 30 năm.

Ngoài ra, chúng tôi cũng có đem được một số Lá Thư AHCC số 76 và Kỷ Yếu trao tặng cho các ái hữu bên quê nhà. Các anh em thích lắm, nhưng không có đủ để tặng vì số đem có hạn, sợ khó khăn lúc vào phi trường Tân Sơn Nhất.

Nguyễn Quang Cách ghi



*Toàn thể AH Thủy Nông sau bữa tiệc thân mật,
hai AH cao niên Đỗ Văn Chư & Vũ Xuân Thái ngồi trước*



*Đang chúc mừng nhau trong bữa tiệc
sau nhiều năm không gặp*

VÀI HÌNH ẢNH CŨ

Nguyễn Trọng Kha



Kính tặng niên trưởng Nguyễn Tư Tùng

Tám ảnh trọng nhiệm Trưởng Ty Công chánh Phủ Lý năm 1950 (Nguyễn Trọng Kha)

Thưa quý Ái Hữu Công Chánh,

Trước đây, tôi ghé thăm Canada. Đến thăm một đồng nghiệp cũ, anh Nguyễn Hữu Thoại. Trước ngày mất nước, anh phụ trách Trưởng Khu Thủy Nông Định Tường. Hơn 20 năm mới gặp lại anh, anh em rất cảm động, xiết tay nhau mà lòng dạ bùi ngùi, nhìn nhau với đầu bạc phơ, với đôi mắt kính lão. Biết bao vui buồn, tủi hận. Chúng tôi ngủ chung với nhau 1 đêm, tâm sự vụn vặt.

Hôm sau, ra về anh tặng tôi tập AHCC số 67, tháng 5/1996. Tôi đọc thấy bài rất có giá trị, hữu ích cho lớp tuổi cao niên như chúng tôi. Nhất là một cơ duyên đặc biệt, trong

mục thư tín trang 22, tôi đọc lá thư của AH Nguyễn Tư Tùng. Năm 1950, khi quân đội Quốc Gia tái chiếm tỉnh Hà Nam (Phủ Lý), vị niên trưởng Nguyễn Tư Tùng, từ Hà Nội về nhận chức Trưởng ty Công Chánh Hà Nam thay thế niên trưởng Bùi Đình Dương nghỉ hưu. Tôi còn lưu niệm tấm hình chụp chung ngày bàn giao giữa hai vị tân và cựu, cùng số nhân viên hiện hữu, xin gửi LTAHCC, để nếu có thể được xin cho đăng tấm hình này. Hy vọng sẽ còn một số ái hữu trong và ngoài nước nhận diện được nhau.

Và xin quý AH chuyển đạt tám hình này đến vị niên trưởng khả kính của chúng tôi là cụ Nguyễn Tư Tùng. Tôi kính tặng niên trưởng để lưu

niệm. Ước mong nhờ LTAHCC... mà anh chị em trong ngành công chánh và thân hữu các ngành hành chánh khác... là một nhịp cầu bắc từ hải ngoại đến quê hương Việt Nam. Nhân đây xin quý AH gửi cho tôi LTAHCC trong năm 2000 - 2001 (kèm check ấn phí). Cũng xin kể thêm, tôi thuộc về hành chánh, cho tôi đọc ké LTAHCC nhá!

TB: Năm 1950, tỉnh Hà Nam bị Việt Cộng phá hủy "tiêu thổ kháng chiến". Khi tái chiếm, trụ sở của Ty Công Chánh phải mượn của một nhà thầu khoán, ông Phạm Văn Vinh. Đây là một khoảng đất trống, ty Công Chánh mới dựng lên, vách tranh, mái lá. sau mấy tháng được tu bổ mái tôn.

TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ÁI HỮU CÔNG CHÁNH NĂM 2002

Kính thưa quý ái hữu và thân hữu,

Đại hội Ái Hữu Công Chánh 1998 đến nay đã gần 3 năm và nhiều AH đã ngỏ ý muốn thấy một đại hội khác được tổ chức càng sớm càng tốt. Do đó, một số AHCC Bắc California dự tính sẽ tổ chức một ĐH vào năm 2002 cũng là năm kỷ niệm 100 năm thành lập Trường Cao Đẳng Công Chánh.

Mục đích của ĐH là tạo một cơ hội để các AHCC và thân hữu năm châu có thể quy tụ về một nơi để:

- *Thầy trò, bạn hữu, đồng môn, đồng khóa gặp gỡ lại nhau.*

- *Chung dự với nhau một vài bữa cơm thân mật.*

- *Hàn huyên, văn nghệ, trao đổi kinh nghiệm*

- *Phát triển tình AHCC đến các thế hệ trẻ đang hành nghề Công Chánh tại hải ngoại.*

- *Du ngoạn.*

Ban Chuẩn Bị Tổ Chức ĐH.AHCC (BCBTCDH.AHCC) xin đưa ra sau đây một chương trình sơ bộ để làm căn bản cho sự thăm dò ý kiến:

- ĐH sẽ dự định được tổ chức ở thành phố San Jose, Bắc California.

- ĐH sẽ dự định tổ chức vào dịp lễ Memorial Day 2002 (cuối tháng 5)

- Thời gian ĐH là 3 ngày.

- * **Ngày 1 :** Ghi danh, chào hỏi bạn bè, khai mạc ĐH, giới thiệu AH tham dự và các khóa, ăn trưa chung, báo cáo sinh hoạt địa phương. Buổi tối dành cho các bạn đồng khóa đi ăn tối với nhau.

- * **Ngày 2 :** Hàn huyên và trao đổi ý kiến về các vấn đề liên quan đến AHCC, ăn trưa chung, tiếp tục phát biểu ý kiến nếu cần. Buổi tối là

đêm HỘI NGỘ với văn nghệ giúp vui.

- * **Ngày 3 :** Đi thăm các thắng cảnh vùng Vịnh San Francisco, Reno, Lake Tahoe và nếm rượu Napa Valley.

Để BCBTCDH có thể soạn thảo một chương trình chung kết cho ĐH, xin quý AHCC điền Phiếu Thăm Dò Ý Kiến sau đây và gửi về địa chỉ sau trước ngày 31/10/2001

BCBTCDH
3125 LEDOUX CT
SAN JOSE, CA .95135
USA

Thay mặt Ban Chuẩn Bị Tổ Chức

Lê Mộng Hùng
3125 Ledoux Ct.
San Jose, Ca. 95135
Tel : (408) 531- 9692



TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ÁI HỮU CÔNG CHÍNH NĂM 2002

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

CÂU HỎI - TRẢ LỜI

- 1- AH có ý định tham dự ?
.....
- 2- Thân nhân của AH có ý định tham dự ?
.....
- 3- Nếu có, bao nhiêu người ?
.....
- 4- Nếu ngày Memorial Day 2002 không thuận tiện cho AH, AH có muốn chọn một ngày khác như Independence Day (đầu tháng 7) hay Labor Day (đầu tháng 9) . Nếu có, ngày nào ?
.....
- 5- AH có muốn rút ngắn hay tăng thêm thời gian của ĐH?
.....
- 6- Nếu có, mấy ngày?
.....
- 7- AH có muốn ĐH được tổ chức ở một thành phố nào khác ở vùng Vịnh San Francisco ?
.....
- 8- AH có cần giữ phòng khách sạn hay không?
.....
Nếu có, mấy phòng?
.....
- 9- AH có ý định du ngoạn hay không?
.....
Nếu có, nơi nào trong 4 nơi sau đây :
San Francisco , Reno , Lake Tahoe và
Napa Valley?
.....
Nếu có, bao nhiêu người?
.....

Ý KIẾN ĐÓNG GÓP THÊM VÀO VIỆC TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

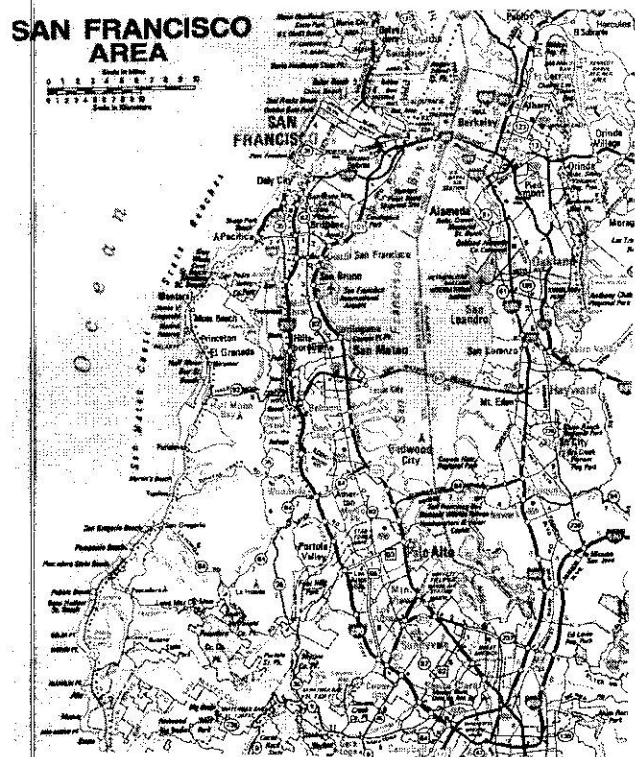
Ban Phụ Trách LTAHCC
Niên khóa 2001- 2002
Do nhóm AHCC vùng Vịnh
San Francisco phụ trách.

Chi phiếu, bài vở xin gửi về:

BPT/LTAHCC
3125 Ledoux Ct.
San Jose , Ca 95135
USA

Chi phiếu xin đề tên : Lê Mộng Hùng

Thung Lũng Hoa Vàng ĐẠI HỘI AHCC NĂM 2002



Bảng Mừng Đại Thượng Thọ,

Một truyền thống cao quý của Ái Hữu Công Chánh.

Truuyền thống tặng bảng Mừng Đại Thượng Thọ trong đại gia đình Ái Hữu Công Chánh khởi đầu vào năm 1994 với Bảng tặng cụ AH Hoàng Đại Lượng ở California. Lúc bấy giờ cụ đã 95 tuổi, sức khỏe được an khang, tinh thần rất minh mẫn. Vốn ham mê thơ văn, lấy đó làm thú tiêu khiển lúc tuổi già, nên cụ đã sưu tầm và ghi chép trên 150 bài thơ văn cổ và tặng Ái hữu Công Chánh in thành tập sách với tựa đề *"Ít bài thơ cổ, vài chuyện cũ"* dày 250 trang, đặc biệt do cụ sắp xếp và thủ bút của cụ (không đánh máy).

Trong bài đề tựa tập sách này, AH Phạm Hữu Vĩnh viết: *"...Tôi rất thần phục và hoan nghênh công việc sưu tầm, ghi chép của đàn anh Hoàng Đại Lượng, thiết tưởng ít ai có, khi tuổi đã gần tròn 100 mà có thể làm được một công việc như vậy, kể cả lớp trung niên trong chúng ta, có lẽ không ai làm được."*

Từ đó (1994), việc lập Bảng Đại Thượng Thọ để mừng tuổi quý AH đạt cửu tuần được phổ biến trên lá thư AHCC và được AH khắp nơi hoan nghênh, ủng hộ.

Cho đến nay đã có một số Bảng Đại Thượng Thọ được lập và trao tặng các vị AH cao niên sau đây gồm các AH đã quá cố:

- Cố AH Hoàng Đại Lượng
- Cố AH Dương Minh
- Cố AH Phạm Huy Giang
- Cố AH Khúc Đản



- Cố AH Nguyễn Lương Ngôn
- Cố AH Trương Thành Khán
- Các AH đang hưởng tuổi thọ (từ 90 đến 95 tuổi)
- AH Đinh Gia Bái
- AH Bùi Xuân Thông
- AH Nguyễn Mạnh Hoàn
- AH Nguyễn Văn Minh
- AH Trần Công Thiện
- AH Trần Đắc Cáo
- AH Lê Trọng Minh
- AH Lê Sĩ Ngạc
- AH Đào Trọng Cương
- AH Nguyễn Ngọc Lâm

Ngoài ra có 2 vị AH đàn anh đạt cửu tuần (đã quá cố) mà AHCC không có dịp trao tặng Bảng Đại Thượng Thọ là Cụ Chu Văn Mậu và cụ Nguyễn Xuân Hồng (nhạc phụ cố AH Đoàn Văn Kiệu).

Sức khỏe của các vị AH trên đây rất khả quan, đều đang có cuộc sống thoải mái, đặc biệt cụ Lê Sĩ Ngạc còn lái xe vững vàng để cùng cụ bà đi đây đi đó, thật là hạnh phúc, thật là hiếm quý!

Bí quyết giữ gìn sức khỏe để hưởng được tuổi thọ cao, theo cụ Hoàng Đại Lượng cho biết *"Quan trọng nhất là phải điều độ trong việc ăn uống cũng như giấc ngủ, thực phẩm có tiêu hóa tốt mới nuôi dưỡng được cơ thể khỏe mạnh, tinh thần thoải mái giúp trí nhớ minh mẫn..."*

Nhưng rồi cụ nói tiếp *"Tôi không nghĩ là tôi sống được đến tuổi ngoài 90, nếu không phải là do trời cho sống..."*

Đầu Xuân năm nay, Năm 2000, AHCC có dịp trao tặng Bảng Đại Thượng Thọ đến 4 vị:

- AH Lê Sĩ Ngạc ở VA,
USA ngày 9/4/2000
- AH Đào Trọng Cường ở Ottawa,
Canada ngày 23/4/2000
- AH Nguyễn Ngọc Lâm ở Montreal,
Canada ngày 16/4/2000
- AH Trương Thành Khán ở Paris,

Pháp tháng 1/2000 (quá cố tháng 3/2000)

Xin nhắc lại trong kỳ đại hội AHCC ở Nam Cali (tháng 7/1998) , lễ trao tặng Bảng Mừng Đại Thượng Thọ cho 4 vị AH Nguyễn Mạnh Hoàn, AH Nguyễn Văn Minh, AH Trần Công Thiện, AH Hồ Đắc Cáo được tổ chức trọng thể với sự tham dự của gần 300 AH và gia đình tại Hyatt Hotel (Anaheim)

Vừa qua một AH ở Bắc Cali đề nghị nên nói rộng (hay rút bớt tuổi thọ) để được tặng Bảng đến bậc bát tuần, thất tuần, lý do từ tuổi AH về hưu (65 tuổi) , phải đợi đến 25 năm mới được tặng Bảng Đại Thượng Thọ , lúc đó mười phần đi bấy còn ba, đi hai còn một mới lãnh được Bảng thì khó quá! AH Ái

Vấn (rễ thảo của Cụ AH Đình Gia Bái) tán thành và đề nghị tặng Bảng với tính cách hồi tố cho những AH đã quá 70 và 80 tuổi.

Lại có ý kiến trung dung là chỉ nên tặng Bảng bậc tuổi bát tuần và cửu tuần, thất tuần còn ...trẻ quá!

Chúng tôi xin nêu đề nghị trên để AH góp ý kiến, nếu được chấp thuận sẽ được thực hiện vào những năm tới.

Việc trao tặng Bảng Mừng Đại Thượng Thọ đã trở thành một truyền thống cao quý của AHCC, ít có hay chưa có hội đoàn nào tổ chức được như vậy. Đây là một cơ hội để AH tỏ lòng quý mến các đàn anh và cũng là niềm vui “thi đua” đạt tuổi thọ cao để được trao tặng Bảng Vàng Chúc Thọ. Mong quý AH tiếp tay yểm trợ cho truyền thống tốt đẹp này được tiếp tục lâu dài trong tương lai, trong tinh thần đồng nghiệp và kính lão đắc thọ.

Lê Khắc Thí

Nam Cali, 20/3/2000

QUỸ MỪNG ĐẠI THƯỢNG THỌ CỦA ÁI HỮU CÔNG CHÁNH

Lá thư 76 bỏ sót bài “**Quỹ Mừng Đại Thượng Thọ**” và danh sách AHCC yểm trợ Bảng Đại Thượng Thọ do AH Lê Khắc Thí gửi tặng.

B.P.T xin đăng vào lá thư này để phổ biến tài liệu trên đến quý AH.

Tiếp theo thư kêu gọi gửi đến một số AH ngày 1/1/1999, chúng tôi được sự hưởng ứng sốt sắng của gần 70 AH ở khắp nơi. Tổng số tiền yểm trợ việc lập và tặng Bảng Mừng Đại Thượng Thọ cho đến ngày 5/5/2000, chúng tôi đã nhận được \$1,663.50.

Chúng tôi xin đăng danh sách quý AH đã ủng hộ “**Quỹ Đại Thượng Thọ**”, đồng thời xin cảm ơn quý AH đã đáp ứng lời kêu gọi của chúng tôi, tán thành truyền thống cao đẹp của gia đình Công Chánh, tôn kính các bậc đàn anh.

Sau chi phí lập 4 bảng Mừng Thọ 4 vị AH, quỹ còn lại \$897.50 (xin xem bảng chi phí). Với số tiền tồn quỹ này, việc tặng Bảng Đại Thượng Thọ trong ba năm tới không có gì trở

ngại về phương diện tài chánh.

Số tiền này được gửi cho ban phụ trách LT giữ riêng (bên cạnh quỹ LT) để chi tiêu cho việc tặng bảng Đại Thượng Thọ khi có nhu cầu . Chúng tôi cũng xin nêu lại vấn đề có nên nói rộng việc tặng bảng xuống lớp tuổi 70, 80 không?

Qua sự thăm dò một số AH cao niên trong hai lớp tuổi trên thì đa số cho rằng sự cao quý được AHCC tặng bảng là đạt được cửu tuần, nên giữ mức tuổi tặng bảng như đã làm 10 năm qua. Hơn nữa nếu tặng bảng đến quý AH đạt thất tuần, bát tuần, thì số lượng quá đông, không đủ khả năng tài chánh và không tránh khỏi sơ sót. Việc mừng thọ quý AH thất tuần, bát tuần để các địa phương lo liệu thì chu đáo hơn.

Trên đây là ý kiến chúng tôi nhận được, xin phổ biến đến quý AH.

Xin cảm ơn quý AH.

Lê Khắc Thí

8/8/2000

PHẦN THU

166

PHẦN CHI

Đặt 4 bảng Ái Hữu: (Lê Sĩ Ngạc, Đào Trọng Cường, Nguyễn Ngọc Lâm, Trương Thành Khán)	\$425.00
Bưu phí gửi bảng qua Pháp , Canada , Washington DC	\$65.00
Thuê đánh máy thư, tài liệu ,in và bưu phí	\$107.40
Đăng báo Người Việt mừng Đại Thương Thọ	\$63.00
Phân ưu (dăng báo) 5 AH quá cố (không có quỹ phân ưu)	\$175.00
Cộng:	\$ 836.00

Quỹ Đại Thương Thọ còn lại: \$ 1663.50 - \$ 836.00 = \$ 827.50

PHỤ LỤC CỦA LÁ THƯ ÁI HỮU CÔNG CHÁNH

Do theo lời yêu cầu của Ban Phụ Trách LTAHCC nhiệm kỳ năm 2001, qua AH Lý Đãi, trang lưới này được dành riêng cho LTAHCC để đăng các tin tức cần thông báo kịp thời cho các ái hữu và gia đình như hiếu hỷ, triệu tập họp, thay đổi chương trình đại hội, v...v...mà nếu chờ in trong LTAHCC thường kỳ sẽ mất thời gian tính.

Những tin tức được đăng sẽ do Ban phụ trách đương nhiệm của LTAHCC

(gọi tắt là BPTLT), yêu cầu người giữ trang lưới (WM) đưa lên Internet theo địa chỉ sau:

<http://users.rcn.com/buikhnst/LTCCtt/trang1.htm>

Cách thức mở trang sẽ do LTAHCC thông báo cho quý vị nào muốn theo dõi mục này.

BPTLT sẽ kiểm soát tính đích thực của bản tin, sự thích hợp của việc đưa lên Internet, và sự đồng ý của những người được nêu danh tính, hoặc có hình ảnh được phổ biến trên trang lưới. Người WM giữ trang chỉ tình nguyện phụ giúp BPTLT trong việc đưa tin

tức lên Internet, nên không có thẩm quyền và trách nhiệm của BPTLT.

Mọi liên lạc xin quý AH vui lòng tiếp xúc với BPTLT

Trang lưới mới được xây dựng nên sẽ còn nhiều thiếu sót, nhưng mong rằng việc thí nghiệm, nếu kết quả tốt đẹp, sẽ là khởi đầu cho một website riêng của AHCC trong tương lai.

Xin cảm ơn quý AH đã dành thì giờ viếng thăm trang lưới.

Đa tạ

Góp ý thêm của Ban Phụ Trách Lá Thư:

Các AH hoặc đại diện địa phương khi gửi bản tin hoặc hình ảnh đến Ban phụ Trách Lá thư để phổ biến, xin ghi rõ cá nhân hay đại diện địa phương có đồng ý đăng trên trang lưới hay chỉ đăng trên lá thư thôi. Ban Phụ trách chưa sẵn sàng để đăng các bài viết trên trang lưới.

DANH SÁCH YẾM TRỢ LÁ THƯ AHCC

TÍNH ĐẾN NGÀY 17/7/2001

CHI TIẾT BÁO CÁO CHI THU SẼ ĐĂNG TRONG SỐ BÁO SAU

* Đoàn Trinh Giác	30
* Lê Khắc Thi	20
* Nguyễn tấn Thọ	20
* Hoàng Đình Khang	30
* Đồng Sĩ Khiêm	100
* Lưu T Nghĩa	30
* Phạm Cung	50
* Nguyễn Văn Quý	20
* Phan Văn Phong	20
* Nguyễn văn Thái	20
* Lê Văn Chơn	20

AH VÙNG HOA THỊNH ĐÓN

TỔNG THU \$610US
(DANH SÁCH ĐÍNH KÈM)

* Bửu Đôn	20
* Bà Bùi H Thái	20
* Bùi Thanh Dương	20
* Bùi Văn Ân	20
* Chế Quang Ái	
* Chu Bá Tường	30
* Dương Thiệu Dụng	
* Du Thích	20
* Hà Thomas	20
* Hoàng Mạnh Tường	20
* Huỳnh Minh Nguyễn	20
* Lâm Nhật An	20
* Lê Sĩ Ngạc	20
* Mai Văn Mẹo	20
* Ngô Đức Nguyên	20
* Ngô Năm	30
* Nguyễn Bá Bang	
* Nguyễn Đức Chí	20
* Nguyễn Hà Đoàn	
* Nguyễn Hữu Thâu	20
* Nguyễn Kim Chi	20
* Nguyễn Long Tiết	
* Nguyễn Ngọc Tào	20

* Nguyễn Sĩ Tín	20
* Nguyễn Thành Công	20
* Nguyễn Thạc Việt Toàn	20
* Nguyễn Văn Bảnh	20
* Tôn Thất Tụng	
* Trương Minh Viễn	20
* Trương Văn Hùng	
* Trần Đình Trúc	20
* Trần Huỳnh Đình Phương	20
* Trần Ngọc Tuấn	50
* Trần Quang Nghiệp	20
* Trần Văn Phúc	20
* Nguyễn Trọng Kha	30
* Bà Trần Nhị Khánh	20
* Lê Văn Thiện	20
* Hoàng Thao	20
* Nguyễn Khoa Hân	20
* Tôn Thất Toại	20
* Ngô Anh Tú	20
* Nguyễn Xuân Mộng	20
* Đồng Sĩ Tụng	40
* Lê Mộng Hùng	20
* Nguyễn Tranh Điệp	20
* Lê Văn Trương	20
* Bà Vĩnh Đào	30
* Ngô Nguyên Phúc	20
* Ngô Anh Tề	20
* Dương Mỹ	20
* Lê Phát Tân	20
* Trát Quang Tiên	20
* Trần Sĩ Huân	20
* Trần Thúc Minh	20
* Trần Lê Cường	20
* Nguyễn Văn Thái	20
* Trần Đức Hợp	20
* Trần Quý Minh	40
* Lê Thị Thanh	20
* Nguyễn Đắc Khoa	40